

GIĂNG

Warren W. Wiersbe

1. ĐỨC CHÚA TRỜI ĐANG Ở ĐÂY (Gi 1:1-51)

“Nhưng quả thật rằng Đức Chúa Trời ngự trên đất này chăng?” Đó là câu hỏi vua Sa-lô-môn thốt lên khi dâng đền thờ cho Đức Chúa Trời (IVua 8:27). Thật là câu hỏi chính đáng! Vinh hiển của Đức Chúa Trời đã từng đầy dẫy nơi Đền Tạm (Xu 40:34) và đền thờ (IVua 8:10-11). Tuy nhiên, vinh hiển ấy đã lìa khỏi dân Y-sơ-ra-ên bội nghịch (Exe 9:3 10:4,18 11:22-23).

Sau đó, điều kỳ diệu đã xảy ra khi vinh hiển của Đức Chúa Trời đến với dân sự một lần nữa qua thân vị của Con Ngài - Chúa Giê-xu. Các tác giả Phúc Âm cho chúng ta những hình ảnh chung về cuộc đời Chúa Giê-xu trên đất, và chưa có ai viết lại cuộc đời Ngài một cách đầy đủ (Gi 21:25). Ma-thi-ơ viết sách Phúc Âm cho người Do Thái và tập trung vào lẽ thật về việc Chúa Giê-xu Na-xa-rét đã làm trọn những lời tiên tri trong Cựu Ước. Mác lại viết cho người La Mã bận rộn. Ma-thi-ơ nói đến một vị Vua, Mác giới thiệu một Thầy tể hầu việc kẻ khốn khó. Lu-ca viết Phúc Âm cho người Hy Lạp (Gờ-réc) để giới thiệu với họ Con Người đầy lòng thương xót.

Xét đến Giăng, môn đệ được Chúa yêu, ông đã viết Phúc Âm cho cả người Do Thái lẫn người ngoại, giới thiệu Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời. Chúng ta biết rằng ông nhớ đến người Do Thái và cả người ngoại, vì ông thường giải nghĩa những từ ngữ hoặc phong tục Do Thái cho các độc giả của mình (1:38,41-42 9:7 19:13,17 20:16). Ông nhắc người Do Thái nhớ rằng Chúa Giê-xu không chỉ làm ứng nghiệm những lời tiên tri trong Cựu Ước, Ngài còn bày tỏ trọn vẹn những phẩm cách của chính mình. Chúa Giê-xu là Chiên Con Đức Chúa Trời (1:29) và là chiếc thang từ trời xuống đất (11:51 Sa 28:1-22). Ngài là Đền thờ mới (Gi 2:19-21) và Ngài có thể ban cho con người sự tái sinh (3:4). Ngài là con rắn bị treo lên (3:14) cũng là “Bánh sự sống” của Đức Chúa Trời ban xuống (6:35).

Trong khi ba sách Phúc Âm đầu chủ yếu mô tả những sự kiện xảy ra trong cuộc đời Chúa Giê-xu, Giăng đặc biệt nêu bật ý nghĩa của những sự kiện ấy. Ví dụ như, bốn sách Phúc Âm đều chép lại việc Chúa nuôi 5.000 người, nhưng chỉ có Giăng ghi lại bài giảng của Chúa về “Bánh Sự Sống” Ngài cất nghĩa cho dân sự sau khi thực hiện phép lạ.

Một chủ đề xuyên suốt trong Phúc Âm Giăng, đó là Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời, nếu bạn dâng đời sống cho Ngài, bạn sẽ được Ngài ban cho sự sống đời đời (20:31). Ở đoạn 1, Giăng kể ra 7 danh hiệu của Chúa Giê-xu cho thấy Ngài chính là Đức Chúa Trời Hằng Hữu.

1. Ngôi Lời (Gi 1:1-3,14)

Để bày tỏ lòng và trí mình với người khác, chúng ta sử dụng lời lẽ. Cũng vậy, Chúa Giê-xu là Lời Đức Chúa Trời sử dụng để bày tỏ với chúng ta ý muốn Ngài. “Ai đã thấy ta, tức là đã thấy Cha!” (Gi 14:9). Một từ gồm có những chữ cái ghép lại, vì vậy Chúa Giê-xu là “Alpha và Omega” (Kh 1:8), chữ cái đầu tiên và cuối cùng trong mẫu tự Hy Lạp. Theo He 1:1-3, Chúa Giê-xu là Lời của Đức Chúa Trời dành cho con người trong ngày sau rốt, bởi Ngài là tuyệt đỉnh của sự mạc khải thiên thượng.

Chúa Giê-xu là Lời Vĩnh Hằng (Gi 1:1-2). Ngài hiện diện từ buổi sáng thế, không phải như vật thọ tạo, vì Ngài là vĩnh hằng. Ngài là Đức Chúa Trời và Ngài ở cùng Đức Chúa Trời. “Trước khi chưa có Áp-ra-ham, đã có Ta” (Gi 8:58).

Ngài cũng là Lời của sự tạo dựng (1:3). Hẳn có điểm tương đồng giữa 1:1 với Sa 1:1, sự tạo dựng mới với sự tạo dựng cũ, Đức Chúa Trời dựng nên muôn vật bởi lời phán của Ngài: “Đức Chúa Trời phán: phải có...” “Vì Ngài phán, thì việc liền có, Ngài biểu, thì vật bèn đứng vững bền” (Thi 33:9). Muôn vật được dựng nên trong Chúa Giê-xu (Co 1:16), có nghĩa là Chúa Giê-xu không phải như một tạo vật. Ngài chính là Đức Chúa Trời vĩnh hằng.

Động từ “được dựng nên” ở thì quá khứ hoàn thành trong tiếng Hy Lạp, có nghĩa như một “hành động đã hoàn tất”. Sự tạo dựng đã hoàn tất. Đây không phải là một tiến trình còn đang tiếp diễn, dù Đức Chúa Trời vẫn đang hành động trong sự sáng tạo của Ngài (Gi 5:17). Việc sáng tạo không phải là một tiến trình, đó là một sản phẩm đã hoàn tất.

Chúa Giê-xu còn là Lời “trở nên xác thịt” (1:14). Ngài không phải là một bóng ma hay thần linh khi thi hành chức vụ trên đất, thân thể Ngài cũng không phải là ảo ảnh. Giảng và các môn đệ khác đều kinh nghiệm về sự thực hữu của thân thể Chúa trên đất (IGi 1:1-2). Dù Giảng xác nhận thần tính Chúa Giê-xu, nhưng ông cũng cho thấy rõ Con Đức Chúa Trời, đã hiện diện bằng xác thịt, dễ bị ảnh hưởng bởi sự yếu đuối của bản chất con người.

Qua Phúc Âm, Giảng chứng minh Chúa Giê-xu cũng từng trải sự mỏi mệt (Gi 4:6), đói khát (4:7), đau lòng (11:33) và khóc (11:35). Trên thập tự, Ngài phải chịu khát (19:30) và đổ máu ra (19:34). Sau khi phục sinh, Ngài cho Tô-ma cùng các môn đệ khác xem thân thể thực hữu của Ngài (20:24-29), một thân thể vinh hiển.

“Ngôi Lời đã trở nên xác thịt” như thế nào? Chính bởi phép lạ về sự giáng sinh từ nữ đồng trinh (Es 7:14 Mat 1:18-25 Lu 1:26-38). Ngài mang bản chất của con người thánh khiết, đồng cảnh với chúng ta trong mọi lãnh vực của cuộc sống từ khi giáng sinh đến lúc tắt hơi “Ngôi Lời” không còn là một khái niệm triết học trừu tượng nhưng là một Con người thật có thể thấy, sờ và nghe được. Cơ Đốc giáo là Đấng Christ và Đấng Christ là Đức Chúa Trời.

Sự mạc khải của vinh hiển Đức Chúa Trời là một chủ đề quan trọng trong Phúc Âm Giảng. Chúa Giê-xu bày tỏ vinh hiển Đức Chúa Trời qua thân vị Ngài, công việc Ngài và lời Ngài. Giảng đã ghi lại 7 dấu lạ bày tỏ vinh hiển Đức Chúa Trời (Gi 2:11). Vinh hiển của giao ước cũ của luật pháp là vinh hiển dễ qua đi, nhưng vinh hiển của giao ước mới trong Đấng Christ là “vinh hiển bội phần” (II Co 3:1-18). Luật pháp có thể phơi bày tội lỗi nhưng không thể xóa bỏ được tội lỗi. Chúa Giê-xu đã đến với “sự đầy trọn của ân điển và chân lý”, sự đầy đầy của Ngài dành sẵn cho tất cả những ai tin cậy Ngài (1:16).

2. Sự Sáng (Gi 1:4-13)

Sự sống là một chủ đề chính trong Phúc Âm, được nhắc đến 36 lần. Vậy những yếu tố cần thiết cho sự sống con người là gì? Có ít nhất 4 yếu tố: ánh sáng (nếu không có mặt trời, chúng ta sẽ chết), không khí, nước và thực phẩm. Chúa Giê-xu là tất cả! Ngài là ánh sáng của sự sống, và ánh sáng của thế gian (Gi 8:12). Ngài còn là “mặt trời công bình” (Ma 4:2). Ngài ban cho chúng ta “Bánh của sự sống” (Gi 3:8 20:22), cũng như Nước sự sống (4:10,13-14 7:37-39) qua Thánh Linh. Sau cùng, Ngài là Bánh Sự Sống từ trời (6:35). Ngài không chỉ có sự sống và có thể ban sự sống, mà Ngài chính là Sự sống (14:6).

Sự sáng và sự tối tăm là những chủ đề tái hiện trong Phúc Âm Giảng. Đức Chúa Trời là sự sáng (IGi 1:5), còn Sa-tan là “quyền của sự tối tăm” (Lu 22:53). Con người hoặc ưa ánh sáng, hoặc mê sự tối tăm. Việc chọn lựa này sẽ điều khiển hành động của họ (Gi 3:16-19). Những ai

tin nơi Chúa Giê-xu đều là “con cái của sự sáng” (12:35-36). Sự tạo dựng đầu tiên khởi đầu từ lời phán: “Phải có sự sáng!”, vậy “sự tạo dựng mới” này cũng bắt đầu từ ánh sáng soi vào tấm lòng người tin nhận (II Co 4:3-6). Chúa Giê-xu đến thế gian, báo hiệu buổi bình minh của một ngày mới dành cho tội nhân (Lu 1:78-79).

Có lẽ bạn nghĩ rằng tội nhân mù loà sẽ hân hoan đón nhận sự sáng này. Không phải hoàn toàn như thế. Sự hiện diện của ánh sáng thật sẽ đem đến xung đột khi đối diện với sự chống nghịch từ phía quyền lực tối tăm. Nghĩa đen của Gi 1:5 có thể đọc như sau: “Sự sáng tiếp tục chiếu sáng trong tối tăm. Nhưng tối tăm không thể chế ngự sự sáng hay hiểu nó.” Động từ Hy Lạp có thể có nghĩa là “chế ngự” hay “nắm lấy, hiểu”. Qua Phúc Âm Giăng, bạn sẽ thấy có hai thái độ: con người không nhận lấy những điều Chúa phán và việc Ngài làm, vì vậy họ sẽ chống nghịch Ngài. Từ đoạn 7-12 ghi lại mức độ chống nghịch của họ, cuối cùng dẫn đến việc Đấng Christ bị đóng đinh trên thập tự giá.

Mỗi khi Chúa Giê-xu dạy dỗ về một lẽ thật thuộc linh, những kẻ nghe Ngài đều giải nghĩa theo đường lối vật chất thể tục. Sự sáng không thể soi vào tâm trí tối tăm của họ. Đây là sự thật khi Chúa nói về đền thờ của thân thể Ngài (Gi 2:19-21), sự tái sinh (3:4), Nước hằng sống (4:11), ăn thịt Ngài (6:51) sự tự do thuộc linh (8:30-36), chết tựa như giấc ngủ (11:11-13) và nhiều lẽ thật khác. Sa-tan ra sức giữ con người trong sự tối tăm vì sự tối tăm đồng nghĩa với sự chết và âm phủ, còn sự sáng là sự sống và thiên đàng. Sự kiện này giúp giải thích chức vụ của Giăng Báp-tít (1:6-8). Ông được sai đi như một chứng nhân của Chúa Giê-xu, cho dân sự biết rằng sự sáng đã đến thế gian. Có nhiều cơ hội thuộc linh, nhưng dân Y-sơ-ra-ên vẫn mù loà về Đấng Mê-si-a của họ! “Làm chứng” là chữ chìa khoá trong sách này. Giăng dùng từ này trong dạng danh từ mười bốn lần và trong dạng động từ ba mươi ba lần. Giăng Báp-tít là một trong số nhiều người đã làm chứng rằng: “Đây là Con Đức Chúa Trời”. Giăng đã tử đạo, còn những nhà lãnh đạo Do Thái chẳng làm gì để can ngăn việc ấy.

Vì sao dân này khước từ Đấng Christ? Bởi họ “chẳng từng nhìn biết Ngài”, họ ở trong tình trạng ngu dốt thuộc linh. Chúa Giê-xu là ánh sáng thật, trong lúc các ánh sáng khác chỉ là bản sao của ánh sáng Ngài, nhưng người Do Thái lại hài lòng với các bản sao. Họ có Môi-se và luật pháp, đền thờ và của lễ, nhưng chẳng hề hiểu rằng những “ánh sáng” đó hướng về Sự Sáng thật Đấng được xem là sự ứng nghiệm và thành toàn của tôn giáo Cựu Ước.

Khi suy ngẫm Phúc Âm Giăng, bạn sẽ thấy Chúa dạy dân sự rằng chính Ngài là sự ứng nghiệm của mọi điều ghi trong luật pháp. Sinh ra là người Do Thái không chưa đủ họ phải được tái sinh, sinh ra từ Thiên thượng (3:1-36). Ngài thực hiện 2 phép lạ trong ngày Sa-bát để dạy họ rằng Ngài có một sự yên nghỉ mới để ban cho họ (5:9) Ngài là ma-na làm cho thỏa mãn (6:1-71) và là nước ban sự sống (7:37-39). Ngài là Người chăn của bầy chiên mới (10:16), cũng là “Gốc nho” mới (15:1-11). Nhưng dân sự quá bị lệ thuộc vào truyền thống tôn giáo, đến nỗi không hiểu được lẽ thật thuộc linh. Chúa Giê-xu đã đến với thế giới Ngài dựng nên, nhưng Y-sơ-ra-ên dân Ngài không hiểu Ngài, không muốn tiếp nhận Ngài.

Dân này từng chứng kiến việc Ngài làm, nghe lời Ngài phán cũng như mục kích đời sống trọn vẹn của Ngài. Ngài cho họ cơ hội đến với lẽ thật, tin nhận để được cứu rỗi. Chúa Giê-xu là đường đi, nhưng họ không đồng hành với Ngài (6:66-71). Ngài là lẽ thật, nhưng họ không tin nhận Ngài (12:37) Ngài là sự sống nhưng họ đóng đinh Ngài!

Ngày nay, tội nhân không nên phạm những sai lầm này. Gi 1:12 cho chúng ta biết lời hứa kỳ diệu của Đức Chúa Trời: những ai tin nhận Chúa Giê-xu sẽ được tái sinh để bước vào gia đình của Đức Chúa Trời! Giảng nói thêm về sự tái sinh ở đoạn 3:1-36, nhưng ở đây ông muốn nói về sự tái sinh từ Đức Chúa Trời, chứ không phải sự sinh sản về phương diện thể xác bởi khí huyết con người.

Sự sáng vẫn đang chiếu soi! Còn bạn đã nhận sự sáng để trở nên con cái Đức Chúa Trời hay chưa?

3. Con Đức Chúa Trời (Gi 1:15-28,49)

Giăng Báp-tít là một trong những nhân vật rất quan trọng trong Tân Ước. Ông được nhắc đến ít nhất 89 lần. Giăng được ban cho đặc ân giới thiệu về Chúa Giê-xu cho dân Y-sơ-ra-ên. Ông cũng mang trọng trách lớn, chuẩn bị dân tộc tiếp Đấng Mê-si-a. Ông kêu gọi mọi người ăn năn tội và bày tỏ sự ăn năn qua phép báp-têm và rồi sống đời sống được thay đổi.

Giăng tóm tắt những điều Giăng Báp-tít phải rao truyền về Chúa Giê-xu (1:15-18). Trước hết, Ngài là Đấng Vĩnh Cửu (Gi 1:15). Giăng Báp-tít ra đời trước Chúa Giê-xu sáu tháng (Lu 1:36), vì vậy, câu nói này đề cập đến sự tồn tại từ trước của Chúa, không phải nói về thời điểm Ngài giáng sinh trên đất Chúa Giê-xu thật đã hiện hữu từ trước khi Giăng Báp-tít được hoài thai trong bụng mẹ!

Chúa Giê-xu là Đấng đầy đầy “ân điển và chân lý” (1:16-17). “Ân điển” là ân huệ và lòng nhân từ của Đức Chúa Trời ban tặng cho những người không xứng đáng nhận và cũng không thể tìm được. Nếu Đức Chúa Trời đối đãi với chúng ta chỉ theo chân lý thì không ai trong chúng ta sống sót nổi! Nhưng Ngài đã đối đãi chúng ta bằng “ân điển và chân lý”. Qua đời sống, sự chết và sự phục sinh, Chúa Giê-xu đã đáp ứng mọi yêu cầu của luật pháp. Giờ đây, Đức Chúa Trời có thể ban ơn dư dật cho người tin nhận Chúa Giê-xu. Ân điển không có chân lý, đó là sự lừa dối. Chân lý không có ân điển là sự kết án!

Qua 1:17 Giăng không có ý cho rằng không hề có ân điển dưới luật pháp Môi-se, bởi vì ân điển thật đã có. Mỗi của lễ là sự bày tỏ ân điển của Đức Chúa Trời. Luật pháp cũng bày tỏ chân lý của Đức Chúa Trời. Nhưng trong Chúa Giê-xu, “ân điển và chân lý” đạt đến sự trọn vẹn. Và sự trọn vẹn này được dành sẵn cho chúng ta. Chúng ta được cứu rỗi bởi “ân điển” (Eph 2:8,9), cũng sống bởi ân điển (1Co 15:10) và lệ thuộc vào ân điển Đức Chúa Trời trong mọi việc mình làm. Chúng ta có thể nhận biết ơn này đến ơn khác, vì “Ngài ban cho ta ơn lớn hơn nữa” (Gia 5:6). Qua Gi 1:7 Giăng muốn nói rằng một trật tự mới đã xuất hiện, thay thế hệ thống luật pháp Môi-se.

Sau hết, Chúa Giê-xu là Đấng bày tỏ Đức Chúa Trời cho chúng ta (1:18). Đức Chúa Trời vốn vô hình (1Ti 1:17 He 11:27), con người có thể thấy sự bày tỏ của Ngài qua thiên nhiên (Ro 1:20 Thi 19:1-6) và qua công việc kỳ diệu của Ngài trong lịch sử, nhưng không thể nhìn thấy chính Ngài. Chúa Giê-xu đã cho chúng ta biết về Đức Chúa Trời, vì Ngài là “hình ảnh của Đức Chúa Trời không thấy được” (Co 1:15) và là “hình bóng của bản thể Ngài” (He 1:3). Chúa Giê-xu đã bày tỏ cho chúng ta về Đức Chúa Trời và về chính Ngài. Chúng ta đương nhiên không thể hiểu Đức Chúa Trời trừ khi biết về Con Ngài, là Chúa Giê-xu.

Từ “Con” được dùng lần đầu trong Phúc Âm Giăng như một danh hiệu dành cho Chúa Giê-xu (Gi 1:18). “Con độc sanh” có nghĩa là “độc nhất, chỉ có một”. Điều này không có nghĩa là

trước đó không có sự hiện hữu của Con, rồi Cha sinh Con ra trên đời! Chúa Giê-xu vốn chính là Đức Chúa Trời hằng hữu, Ngài đã có từ trước vô cùng.

Có ít nhất chín lần trong Phúc Âm Giăng, Chúa Giê-xu được gọi là “Con Đức Chúa Trời” (1:34,49 3:18 5:25 10:36 11:4,27 19:7 20:31). Bạn sẽ thấy Giăng hẳn có mục đích rõ ràng khi thuyết phục chúng ta tin Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời (20:31). Chúa Giê-xu được gọi với tư cách là “Con” ít nhất mười chín lần. Ngài không chỉ là Con Đức Chúa Trời, Ngài còn là Đức Chúa Trời trong thân vị của “Con”. Ngay cả tà ma cũng thừa nhận điều này (Mac 3:11 Lu 4:41).

Giăng Báp-tít là một trong sáu nhân vật được nhắc đến trong Phúc Âm Giăng, đã làm chứng rằng Chúa Giê-xu là Đức Chúa Trời. Ngoài Giăng Báp-tít ra, còn có Na-tha-na-ên (Gi 1:49) Phi-e-rơ (6:69), người mù được chữa lành (9:35-38), Ma-thê (11:27) và Thô-ma (20:28). Nếu thêm lời chứng của chính Chúa Giê-xu (5:25 10:36), bạn sẽ có 7 nhân chứng trong Phúc Âm này.

Giăng ghi lại bốn ngày trong đời của Giăng Báp-tít, Chúa Giê-xu và các môn đệ đầu tiên. Ở đoạn 2, ông tiếp tục câu chuyện khi nói đến một tuần lễ của “sự tạo dựng mới” giống như “tuần lễ tạo dựng” ở Sa 1:1-31.

Vào ngày đầu tiên (Gi 1:19-24), các quan trưởng Giu-đa chất vấn Giăng Báp-tít. Đây là những người có quyền tìm hiểu về Giăng và chức vụ của ông, bởi họ là người canh giữ và bảo vệ niềm tin. Họ đặt ra nhiều câu hỏi, nhưng Giăng Báp-tít đều trả lời rành mạch, “Ông là ai?” hẳn là câu hỏi hợp lý. Phải chăng Giăng Báp-tít là Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời? Hay ông là tiên tri Ê-li được sai đến trước Đấng Mê-si-a (Ma 4:5), đoàn dân tụ tập lại nghe lời Giăng và nhiều người đã được làm phép báp-tem. Dù Giăng không thực hiện phép lạ nào (Gi 10:41), nhưng có thể dân chúng cho rằng ông là Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời.

Giăng phủ nhận rằng ông không phải là Ê-li, cũng không phải là Đấng Mê-si-a. Trên một phương diện, ông là tiên tri Ê-li của lời hứa (Mat 17:10-13). Giăng Báp-tít không nói gì về bản thân mình vì ông được sai đến để nói về Chúa Giê-xu. Chúa Giê-xu là Ngôi Lời, còn Giăng chỉ là “tiếng kêu”. Vì vậy bạn không thể nhìn thấy tiếng kêu! Giăng trích dẫn lời tiên tri Ê-sai (Es 40:1-3) và khẳng định chính ông đã làm ứng nghiệm lời ấy.

Biết chắc Giăng là ai, những kẻ chất vấn lại hỏi tiếp về chức vụ Giăng: “Cớ sao ông làm phép báp-tem?” Giăng được đặc quyền làm báp-tem không phải từ con người nhưng từ trên trời, và chính Đức Chúa Trời đã giao phó cho ông chức vụ này (Mat 21:23-32). Thời bấy giờ, các thầy tế lễ trong dân sự thường làm phép báp-tem cho người ngoại muốn theo đạo của Do Thái. Vậy mà, Giăng Báp-tít lại báp-tem cho chính người Do Thái!

Giăng giải thích rằng ông làm báp-tem bằng nước, nhưng Đấng Mê-si-a đến sau sẽ làm báp-tem bằng Đức Thánh Linh. Một lần nữa, Giăng chứng minh ông không lập ra một tôn giáo mới hay đề cao bản thân. Ông chỉ muốn cho dân sự biết một Đấng Christ, Ngài là Con Đức Chúa Trời (Gi 1:34). Chúng ta sẽ biết rằng Chúa Giê-xu được dân Y-sơ-ra-ên biết đến bởi phép báp-tem.

4. Chiều Con của Đức Chúa Trời (Gi 1:29-34)

Đây là ngày thứ hai trong tuần lễ được Giăng ghi nhận, và dĩ nhiên có một số thành của cùng một nhóm người đến nghe Giăng Báp-tít giảng đạo. Lần này, ông gọi Chúa Giê-xu là

“Chiên Con của Đức Chúa Trời”, một danh hiệu được ông nhắc lại vào ngày kế tiếp (Gi 1:35-36). Trong một phương diện sứ điệp Kinh Thánh có thể được tóm tắt trong danh hiệu này. Trong Cựu Ước, câu hỏi đặt ra là: “Chiên Con ở đâu?” (Sa 22:7). Trong bốn sách Phúc Âm, trọng tâm lại là “Hãy ngắm xem Chiên Con của Đức Chúa Trời!” Ngài đang ở đây! Nếu tin nhận Ngài, bạn hẳn có thể đồng thanh với đoàn thiên sứ rằng “Chiên Con đã chịu giết đáng được quyền phép, giàu có, khôn ngoan, năng lực, tôn quý, vinh hiển và ngợi khen! (Kh 5:12) Dân Y-sơ-ra-ên vốn đã quen thuộc với những chiên con được dâng làm của lễ. Với kỳ lễ Vượt Qua, mỗi gia đình phải ăn một chiên con và trong suốt năm mỗi ngày phải giết hai chiên con để dâng tại đền thánh cùng những chiên con khác dùng cho của lễ cá nhân. Những chiên con này được con người đem đến cho con người, nhưng đây là Chiên Con của Đức Chúa Trời, được chính Đức Chúa Trời ban cho con người! Những chiên con kia không thể xóa tội con người, nhưng Chiên Con Đức Chúa Trời thật có thể tẩy sạch tội lỗi. Những chiên con kia chỉ được dành cho dân Y-sơ-ra-ên, nhưng Chiên Con Đức Chúa Trời đổ huyết ra cho cả thế giới!

Nếu Chúa Giê-xu là Chiên Con Đức Chúa Trời, vậy phép báp-tem của Giăng có liên hệ gì đến Ngài? Các học giả của mọi giáo phái đều thừa nhận rằng phép báp-tem trong Tân Ước được thực hiện bằng cách chìm mình dưới nước. Đó là hình ảnh của sự chết, chôn và sự sống lại. Khi Giăng làm báp-tem cho Chúa Giê-xu, Chúa và ông đã phác họa hình ảnh của “phép báp-tem” mà Chúa sẽ chịu trên thập tự giá. Đó là lúc Chiên Con Đức Chúa Trời chịu chết làm của lễ chuộc tội (Lu 12:50 Es 53:7). Bởi sự chết, chôn và sống lại, Chiên Con Đức Chúa Trời sẽ “làm trọn mọi việc công bình” (Mat 3:15).

Có lẽ Giăng Báp-tít lầm lẫn. Có lẽ Giăng không biết chắc Giê-xu Na-xa-rét có phải là Chiên Con Đức Chúa Trời và Con Đức Chúa Trời hay không. Tuy vậy, Đức Chúa Trời đã bày tỏ rõ cho Giăng biết về Chúa Giê-xu khi khiến Đức Thánh Linh giáng xuống như chim bồ câu, đậu trên Ngài. Đẹp thay hình ảnh Ba Ngôi Đức Chúa Trời!

5. Đấng Mê-si-a (Gi 1:35-42)

Đây là diễn tiến của ngày thứ ba. Ngày thứ bảy bao gồm đám cưới ở thành Ca-na (Gi 2:1). Vì đám cưới của dân Do Thái thường tổ chức vào thứ tư, nên ngày thứ ba này giống như “ngày Sa-bát”. Nhưng đây không phải là ngày nghỉ của Chúa Giê-xu và Giăng Báp-tít, bởi Giăng đang giảng đạo và Chúa Giê-xu đang thu nhận các môn đệ.

Hai môn đệ Giăng Báp-tít đi theo Chúa Giê-xu, đó là Giăng, người viết Phúc Âm này và bạn ông. Anh-rê, Giăng Báp-tít vui mừng khi đoàn dân lìa ông để theo Chúa Giê-xu, vì chức vụ của ông nhằm cho người khác biết Chúa Giê-xu “Ngài phải dấy lên, ta phải hạ xuống (3:30).

Khi Chúa hỏi họ “Các ngươi tìm chi?” Ngài muốn họ xác nhận mục tiêu của mình. Phải chăng họ đang tìm một lãnh tụ cách mạng lật đổ La Mã? Nếu vậy, chắc họ nên đi theo những người phái cực đoan! Hôm ấy, Anh-rê và Giăng nhận biết cách mờ mờ về cuộc đời họ sẽ thay đổi ra sao bởi Con Đức Chúa Trời.

Câu hỏi “Thầy ở đâu?” có thể hiểu “Nếu bây giờ Thầy quá bận việc, chúng tôi sẽ đến với thầy sau”. Nhưng Chúa đã mời họ đến với Ngài trong ngày hôm ấy. Hẳn Ngài cũng cho họ biết điều gì đó trong chức vụ Ngài, phơi bày tấm lòng họ và giải đáp thắc mắc của họ. Họ xúc

động đến nỗi dẫn anh em mình đến với Ngài. Anh-rê dẫn Si-môn, Giăng dẫn Gia-cơ. Họ thật là những người chặn giữ anh em mình! (Sa 4:9). Mỗi khi bạn gặp Anh-rê trong Phúc Âm Giăng, ông đều đưa một ai đó đến với Chúa Giê-xu, người anh, cậu bé với năm cái bánh và hai con cá (Gi 6:8), những người Gờ-réc muốn gặp Chúa Giê-xu (19:20-21). Bài giảng của Anh-rê không được ghi chép lại, nhưng chắc hẳn ông đã giảng những bài học kỳ diệu bằng hành động của người thu phục linh hồn tội nhân!

Anh-rê làm chứng với Si-môn rằng: “Chúng ta đã gặp Đấng Mê-si-a”. “Mê-si-a” là từ Hê-bơ-rơ có nghĩa là “được xức dầu”, tiếng Hy Lạp có nghĩa “Đấng Christ”. Đối với dân Do Thái, danh ấy được xem như “Con của Đức Chúa Trời” (Mat 26:63-64 Mac 14:61-62 Lu 22:67-70). Trong Cựu Ước, các tiên tri, thầy tế lễ và các vua được xức dầu để biệt riêng ra cho công tác đặc biệt của Đức Chúa Trời. Các vua được người ta gọi là “kẻ chịu xức dầu của Đức Chúa Trời” (ISa 26:11 Thi 89:20). Vì vậy, khi người Do Thái nói đến Đấng Mê-si-a, họ nghĩ về một vị vua sẽ đến giải phóng họ và lập vương quốc mới.

Các giáo sư Do Thái bối rối, chẳng biết Đấng Mê-si-a sẽ làm gì. Một số người xem Ngài là “cửa lễ chuộc tội” (như trong Es 53:1-12), những người khác xem Ngài như vị vua vinh hiển (Es 9:1-20 11:1-16). Chúa Giê-xu phải giải thích cho cả những môn đệ Ngài rằng thập tự giá phải đến trước mào triều vinh hiển, Ngài phải chịu thương khó trước khi bước vào sự vinh hiển (Lu 24:13-35). Chúa Giê-xu có thật là Đấng Mê-si-a hay không? Đây quả là một thách đố gay gắt đối với dân Do Thái thời bấy giờ (Gi 7:26,40-44 9:22 10:24).

Việc gặp Chúa Giê-xu đã thay đổi đời sống Si-môn (Phi-e-rơ) ông được gọi bằng một tên mới, tiếng Gờ-réc là “Phi-e-rơ”, tiếng Aramaic là Sê-pha. Cả hai tên đều có nghĩa là “đá”. Không dễ gì thay đổi được một Si-môn yếu đuối thành “đá”, nhưng Chúa Giê-xu đã làm điều kỳ diệu kỳ ấy! “Ngươi là... Ngươi sẽ được gọi là...”, đó là lời khích lệ lớn cho những ai tin nơi Chúa Giê-xu. Thật vậy, Ngài là Đấng ban cho chúng ta “quyền phép trở nên con cái Đức Chúa Trời” (1:12).

Đáng chú ý là Anh-rê và Giăng tin nhận Chúa Giê-xu qua bài giảng mạnh mẽ của Giăng Báp-tít. Phi-e-rơ và Gia-cơ đến với Chúa nhờ sự quan tâm chăm sóc của anh em mình. Sau đó, Chúa Giê-xu cũng bắt phục được Phi-líp. Phi-líp lại làm chứng và dẫn Na-tha-na-ên đến với Chúa Giê-xu. Kinh nghiệm của mỗi người khác nhau, bởi Đức Chúa Trời sử dụng những phương tiện khác nhau để đem tội nhân đến với Đấng Christ. Điều quan trọng là chúng ta phải tin nhận Chúa Giê-xu và dẫn dắt người khác đến với Ngài.

6. Vua dân Y-sơ-ra-ên (Gi 1:43-49)

Chúa Giê-xu kêu gọi Phi-líp cách đặc biệt. Phi-líp tin nhận Chúa và đi theo Ngài. Chúng ta không biết Phi-líp đã dọn lòng mình ra sao, vì Đức Chúa Trời luôn chuẩn bị cho một người trước khi Ngài kêu gọi người ấy. Chúng ta biết chắc Phi-líp bày tỏ niềm tin khi ông chia sẻ với người bạn Na-tha-na-ên.

Gi 21:2 cho biết có ít nhất bảy môn đệ của Chúa làm nghề chài lưới, gồm cả Na-tha-na-ên. Ngư phủ là những người rất dạn dĩ và kiên trì với công việc, dù việc ấy khó khăn đến đâu. Vậy mà Na-tha-na-ên lại bắt đầu bằng sự nghi ngờ: ông cho rằng không có điều gì đáng giá đến từ Na-xa-rét. Chúa Giê-xu được sinh ra ở thành Bết-lê-hem, nhưng Ngài lớn lên ở Na-

xa-rét và chịu sự ô nhục ấy (Mat 2:19-23). Để người ta gọi là “người Na-xa-rét” (Cong 24:5) đồng nghĩa với việc bị khinh ghét và chối bỏ.

Khi Na-tha-na-ên nghi ngờ và biện luận, Phi-líp lặp lại lời của Chúa Giê-xu: “Hãy đến xem” (Gi 1:39). Sau đó, Chúa cũng mời gọi: “*Hãy đến cùng ta mà uống*” (7:37) và “Hãy lại mà ăn” (21:12). “Hãy đến” là lời mời quan trọng của ân điển của Đức Chúa Trời.

Khi đến với Chúa Giê-xu, Na-tha-na-ên khám phá rằng Chúa Giê-xu đã biết rõ về ông từ trước. Thật đáng xúc động! Khi gọi Na-tha-na-ên là “người Y-sơ-ra-ên thật... không có điều dối trá”, Chúa Giê-xu muốn nói đến Gia-cốp tổ phụ dân Do Thái, là người đã dùng sự dối trá để lừa anh, lừa cha và lừa ông gia của mình. Tên Gia-cốp được đổi thành “Y-sơ-ra-ên”, nghĩa là “vật lộn cùng Đức Chúa Trời”. Chi tiết về “cái thang của Gia-cốp” ở Gi 1:51 xác nhận về điều này.

Khi Chúa Giê-xu bày tỏ những điều Ngài biết về Na-tha-na-ên, nơi ông ở, việc ông làm, những điều này đủ để khiến ông tin Chúa Giê-xu thật sự là “Con Đức Chúa Trời, Vua Y-sơ-ra-ên”. Ông có một kinh nghiệm giống với người đàn bà Sa-ma-ri bên giếng nước. Khi Ngài (Đấng Mê-si-a) đã đến, sẽ rao truyền mọi việc cho chúng ta... hãy đến xem một người đã bảo tôi mọi điều tôi đã làm” (4:25,29). Việc bày tỏ tấm lòng mình cũng là việc nên phải làm trong Hội Thánh (ICo 14:23-35).

Khi Phi-líp làm chứng cho Na-tha-na-ên, ông đưa ra chứng cớ về Môi-se và các tiên tri (Gi 1:45). Có lẽ Chúa Giê-xu đã trưng dẫn nhanh chóng cho Phi-líp biết về những lời tiên tri Cựu Ước có liên quan đến Đấng Mê-si-a, như Ngài đã trưng dẫn cho hai môn đệ ở làng Emma-út (Lu 24:13). Kết hợp lời chứng của cá nhân với Lời Đức Chúa Trời, đó luôn là cách làm chứng tốt chúng ta nên làm.

“Vua Y-sơ-ra-ên” là danh hiệu quen thuộc chỉ về Đấng Mê-si-a, Đấng được xức dầu, vì các vua luôn là những người được Đức Chúa Trời xức dầu (Thi 2:6,7). Khi Chúa thi hành chức vụ trên đất, có một thời điểm dân chúng muốn tôn Ngài làm Vua, nhưng Ngài từ chối (Gi 6:15) Ngài tỏ mình là Vua và Ngài xác nhận điều này với Phi-lát (18:33-37).

Một số người cho rằng Na-tha-na-ên và Ba-thê-lê-my là một. Giảng chưa hề nhắc đến Ba-thê-lê-my trong Phúc Âm, nhưng ba tác giả Phúc Âm còn lại kể tên Ba-thê-lê-my nhưng không nhắc đến Na-tha-na-ên (Mat 10:3 Mac 3:18 Lu 6:14). Vì vậy, có thể hai người này đi đôi với nhau cùng đồng công với nhau. Thời bấy giờ, nếu một người có hai tên cũng là việc bình thường.

7. Con Người (Gi 1:50-51)

“Con người” là một trong những danh Chúa thích dùng để chỉ về Ngài. Danh này được nhắc đến 83 lần trong các sách Phúc Âm và ít nhất 13 lần trong Phúc Âm Giảng. Danh này chỉ về cả thần tính và nhân tính của Chúa Giê-xu. Sự hiện thấy trong Đa 7:13 bày tỏ về “Con Người” trong bối cảnh là Đấng Mê-si-a quyền phép, và Chúa Giê-xu cũng sử dụng danh hiệu này theo cách ấy (Mat 26:61).

Là Con Người, Chúa Giê-xu như nhíp cầu nối hằng sống giữa trời và đất. Đây là điều giải thích về việc Chúa nói về “cái thang của Gia-cốp” trong Sa 28:10-22. Gia-cốp một người tha phương ngỡ mình là kẻ cô độc, nhưng Đức Chúa Trời đã sai thiên sứ đến giúp đỡ ông. Đấng

Christ là “cái thang” của Đức Chúa Trời bắc từ trời xuống đất. “Chẳng bởi ta thì không ai được đến cùng Cha” (Gi 14:6). Trong Phúc Âm Giăng, bạn sẽ thấy Chúa Giê-xu luôn nhắc dân sự Ngài biết rằng Ngài là Đấng từ trời đến. Dân Do Thái cũng biết rằng “Con Người” là danh hiệu dành cho Đấng Mê-si-a của họ (12:34).

Vào cuối ngày thứ tư, Chúa Giê-xu có sáu người tin theo Ngài. Họ chính là những môn đệ Ngài. Lúc đó, họ chưa dứt khoát “bỏ mọi sự mà theo Ngài”. Nhưng họ tin Ngài và kinh nghiệm quyền năng Ngài. Trong suốt ba năm, họ đã trưởng thành trong đức tin, biết nhiều hơn về Chúa Giê-xu, và thay thế chức vụ Ngài trên đất hầu cho Đạo Ngài được rao ra cho toàn nhân loại.

Chúa Giê-xu Na-xa-rét là Đức Chúa Trời đến trong xác thịt. Khi Phi-líp gọi Ngài “Con của Giô-sép” ông không có ý chối bỏ sự giáng sinh của Ngài qua trinh nữ Ma-ri hay thần tính của Ngài. Đó chỉ là sự xác nhận về mặt luật pháp, vì một người Do Thái được người ta biết qua tên người cha (6:42). Cả đoạn này nói lên chứng cứ rằng: Chúa Giê-xu Na-xa-rét là Đức Chúa Trời đến trong xác thịt!

Đức Chúa Trời Ở Đây!

2. BÀI HỌC VỀ CHÚA GIÊ-XU (Gi 2:1-25)

Sáu môn đệ tin nhận Chúa bắt đầu giai đoạn đồng hành với Ngài suốt đời và trước hết họ phải học về Chúa Giê-xu nhiều hơn. Khi đọc Phúc Âm, chúng ta thường cho rằng những sự kiện ấy là việc đương nhiên. Nhưng đối với các môn đệ thời bấy giờ, mỗi sự kiện mỗi biến cố mới xảy ra từng ngày từng giờ thật kỳ diệu khiến họ không thể hiểu nổi. Trong đoạn 1, Giăng ghi lại ba sự mạc khải kỳ diệu về Chúa Giê-xu.

1. Sự vinh hiển của Ngài (Gi 2:1-12)

“Ngày thứ ba” nghĩa là ba ngày sau khi Na-tha-na-ên được Chúa gọi (1:45-51). Ngày thứ tư được Giăng ghi lại (1:19,29,35,43), có một đám cưới được tổ chức vào ngày thứ bảy của tuần “lễ tạo dựng mới”. Qua Phúc Âm, Giăng chứng minh rằng Chúa sống theo một giờ giấc thiêng liêng trong ý muốn Cha trên trời.

Theo phong tục Do Thái các trinh nữ lấy chồng vào thứ tư, còn các goá phụ lấy chồng vào thứ năm. Trong “ngày thứ bảy” thuộc tuần lễ đặc biệt này của Giăng, Chúa muốn được nghỉ ngơi giống như Đức Chúa Trời nghỉ công việc Ngài vào thứ bảy (Sa 2:1-3). Nhưng tội lỗi đã làm gián đoạn sự yên nghỉ Sa-bát của Đức Chúa Trời, vì vậy thật cần thiết cho cả Cha và Con làm việc. Thật ra Giăng đã tường thuật lại hai phép lạ cụ thể Chúa Giê-xu quyết định thực hiện vào ngày Sa-bát (Gi 5:1-47 9:1-41).

Ở tiệc cưới này, chúng ta sẽ thấy Chúa Giê-xu trong ba vai trò: vị khách, người con và Vị chủ tiệc.

Chúa Giê-xu trong vai trò: Vị khách mời (Gi 2:1-2)

Chúa chúng ta không phải là ẩn sĩ như Giăng Báp-tít (Mat 11:16-19). Ngài nhận lời mời đến dự những buổi tiệc xã giao, dù kẻ thù Ngài từng lợi dụng cơ hội này để tố cáo Ngài (Lu 15:1-2). Chúa tiếp cận những tầng trải của cuộc sống và thánh hoá chúng bởi sự hiện diện của Ngài. Cặp vợ chồng mới này thật khôn ngoan khi mời Chúa Giê-xu dự tiệc cưới của họ!

Đi cùng Chúa có mẹ Ngài và sáu môn đệ. Có lẽ sự hiện diện của bảy người này đã tạo ra tình trạng khó xử? Nếu vậy, đây quả là một tiệc cưới “khiêm nhường”. Chúng ta có cố tin rằng gia đình trên đất của Chúa Giê-xu không giàu có cho lắm, và dường như bạn bè họ cũng không khá giả. Việc thiếu rượu có lẽ do chi phí của buổi tiệc rất thấp.

Chúa Giê-xu và các môn đệ được mời dự tiệc vì bà Ma-ri hay vì Na-tha-na-ên? (Gi 21:2). Lúc ấy, Chúa Giê-xu chưa được nhiều người biết đến, Ngài cũng chưa thực hiện phép lạ nào, không phải Ngài được mời vì người ta biết đến danh Ngài, có lẽ vì Ngài có mối liên hệ với bà Ma-ri.

Chúa Giê-xu trong vai trò là: Con (Gi 2:3-5) Tiệc cưới của người Do Thái thường kéo dài một tuần lễ, nên chú rể phải chuẩn bị mọi thứ đầy đủ, Vì nếu đột nhiên thức ăn hoặc rượu hết, sẽ gây sự lúng túng khó xử. Gia đình nào phạm vào cách tiếp khách vụng về như vậy, có thể bị phạt tiền! Vì vậy, việc hết rượu hẳn là một tổn thất đắt giá về mặt tài chính cũng như giao tế.

Vì sao bà Ma-ri nói với Chúa Giê-xu về vấn đề hết rượu? Phải chăng bà muốn Ngài làm điều gì đó cách đặc biệt để đáp ứng nhu cầu về rượu? Hẳn bà đã biết Ngài là ai, dù chưa nói ra lẽ thật kỳ diệu ấy cho người khác biết. Có lẽ bà rất thân với cô dâu hoặc chú rể nên mới có sự quan tâm này. Bà mong bữa tiệc được tổ chức chu đáo, nên biết rõ rượu đã cạn. Cũng có thể bà là người lo việc coi sóc và phục vụ cho bữa tiệc.

Bà Ma-ri không bảo Chúa Giê-xu phải làm gì. Bà chỉ cho Ngài biết nan đề. (Hãy đối chiếu với cách Ma-ri và Ma-thê cho Chúa Giê-xu biết tin La-xa-rơ bị bệnh 11:3). Câu trả lời của Chúa hơi bất ngờ, thậm chí có vẻ gay gắt, nhưng không phải sử dụng cho hoàn cảnh này. “Hỡi đàn bà kia”, đó là cách gọi lịch sự dành cho bà Ma-ri (19:26 20:13) và câu nói Ngài chỉ hàm ý: “Sao mẹ kéo con vào vấn đề này? Ngài muốn cho mẹ Ngài hiểu rằng Ngài không còn dưới quyền giám sát của bà nữa (có lẽ Giô-sép đã qua đời), nhưng Ngài sẽ làm mọi điều theo ý Cha trên trời. Điều này đã được bày tỏ trong những năm trước đó (Lu 2:40-52).

Vào lúc này, Giảng giới thiệu một chi tiết quan trọng trong cuộc đời Chúa Giê-xu, đó là ý niệm về “giờ” Ngài sống theo giờ giấc ở trên trời” được chính Đức Chúa Trời lập ra cho Ngài (Gi 7:30 8:20 12:23 13:1 17:1 cũng hãy xem lời Chúa Giê-xu phán trong 11:9-10). Khi nghiên cứu Phúc Âm Giảng, bạn hãy chú ý xem khái niệm về “giờ” diễn biến ra sao.

Lời bà Ma-ri nói với các kẻ hầu bàn cho thấy bà muốn Chúa Giê-xu làm điều gì đẹp ý Ngài, và tin rằng Ngài sẽ làm điều chính đáng. Vâng theo những lời bà Ma-ri nói, chúng ta sẽ là những người khôn ngoan. Đáng chú ý chính là Chúa Giê-xu, chứ không phải bà Ma-ri. Ngài đã ra lệnh cho các hầu bàn và giải quyết nan đề. Điều bà Ma-ri nói, không phải về chính bà, nhưng về Chúa Giê-xu.

Chúa Giê-xu trong vai trò: Vị chủ tiệc (Gi 2:6-12) Phép lạ đầu tiên của Chúa Giê-xu không phải là sự kiện gây chú ý cho mọi người. Bà Ma-ri, các môn đệ và những kẻ hầu bàn biết sự kiện kỳ diệu này, nhưng không ai trong bàn tiệc biết rằng phép lạ đã xảy ra. Phép lạ đầu tiên của Chúa xảy ra thầm lặng tại một bữa tiệc cưới, khác hẳn với phép lạ cuối cùng của Ngài (11:1-46) xảy ra sau một đám tang trước mặt công chúng.

Mỗi ché đá có thể chứa được 90 lít nước. Tuy nhiên, chúng ta không rõ rất cả 6 ché nước có biến thành rượu hay không, chỉ biết rằng: khi những kẻ hầu bàn rót nước ra để

phục vụ khách, nước ấy đều biến thành rượu. Chất lượng rượu mới này tuyệt vời đến nỗi kẻ coi tiệt ngợi khen và dĩ nhiên gia đình chú rể rất hãnh diện về điều đó.

Đây là “phép lạ thứ nhất” của Chúa Giê-xu, bác bỏ lời đồn đại cho rằng Ngài làm phép lạ từ khi còn là một “hài nhi”! Đó là chỉ là những chuyện hoang đường mà người hiểu biết Kinh Thánh không thể chấp nhận.

Phép lạ cũng tác động đến các môn đệ. Nó bày tỏ vinh hiển của Chúa (1:14) và khiến nền tảng đức tin họ vững vàng hơn. Tuy phép lạ chưa hẳn chứng minh Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời (IITe 2:9-10), nhưng ảnh hưởng của nhiều phép lạ chắc hẳn khiến họ tin nơi thần tính Ngài. Các môn đệ phải trải qua những tháng ngày theo Chúa mới biết nhiều hơn về Ngài.

Ngài còn thực hiện nhiều phép lạ kỳ diệu hơn, chứ không chỉ là phép lạ đáp ứng nhu cầu của một gia đình đang tiếp đãi khách khác với ba sách Phúc Âm còn lại, Phúc Âm Giăng muốn chia sẻ ý nghĩa thuộc linh sâu xa của những việc Chúa làm. Vì vậy, mỗi phép lạ tựa như một “bài giảng sống động”. Bạn hãy cẩn thận, đừng “thuộc linh hoá” những sự kiện này, kéo chúng mất đi ý nghĩa về lịch sử, nhưng chúng ta cũng không nên để lịch sử ràng buộc mình đến nỗi không nhìn thấy câu chuyện nói về “chính Ngài” (theo như A. T. Dierson thường nói).

Để bắt đầu, chúng ta thấy từ Giăng dùng trong sách không phải là *dunamis*, nhấn mạnh về quyền năng, nhưng *Semeion* có nghĩa là dấu hiệu (hoặc dấu lạ). Vậy dấu lạ là gì? Dấu lạ là một điều gì đó hướng chúng ta vượt khỏi chính nó đến một điều gì đó vĩ đại hơn. Tin nơi việc làm của Chúa Giê-xu vẫn chưa đủ, con người phải tin Ngài và tin Đức Chúa Trời là Đấng đã sai Ngài đến (Gi 5:14-24). Đây là lý do Chúa Giê-xu thường giảng dạy sau khi làm phép lạ để giải thích phép lạ đó. Trong đoạn 5:1-47, việc chữa lành người đau bại vào ngày Sa-bát đã công bố cho mọi người biết về thần tính Ngài: “Chúa của ngày Sa-bát”. Tiếp theo phép lạ nuôi 5.000 người là bài giảng về “Bánh của sự sống” (6:1-71). Nếu Chúa giảng dạy sau khi hoá nước thành rượu, bạn nghĩ xem Ngài sẽ nói gì? Trước tiên, có lẽ Ngài sẽ nói với mọi người rằng niềm vui của thế gian tạm thời và chóng qua, nhưng niềm vui Ngài ban cho sẽ luôn tươi mới và luôn khiến con người thoải lòng. (Trong kinh Thánh, rượu là dấu hiệu của sự vui mừng. Cac 9:13 Thi 104:15). Trước tiên thế gian thường cống hiến những gì tốt nhất, nhưng một khi bạn đã mắc câu rồi, mọi sự bắt đầu trở nên tồi tệ. Nhưng Chúa Giê-xu vẫn tiếp tục ban cho chúng ta điều tốt nhất cho đến kỳ chúng ta hưởng phước hạnh kỳ diệu nhất trong Vương quốc vĩnh hằng của Ngài (Lu 22:18). Chúa muốn cho dân Y-sơ-ra-ên của Ngài biết một thông điệp đặc biệt ở đây. Trong Cựu Ước, dân này được xem như “được gả” cho Đức Chúa Trời nhưng đã bất trung trong giao ước hôn nhân (Es 54:5,6 Gie 31:32 Os 2:2). Rượu đã hết, nên dân Y-sơ-ra-ên giống như sáu chén đá rỗng! Họ để dành nước tẩy sạch bên ngoài, nhưng không có gì để tẩy sạch bề trong và cũng không có sự vui mừng. Qua phép lạ này, Chúa chúng ta đã khiến những thứ cạn kiệt trở nên tràn trề, thất vọng nên vui mừng và khiến những gì chỉ có bề ngoài trở nên sâu sắc.

Khi Giăng đề cập đến ngày thứ ba (Gi 2:1), có lẽ ông muốn cho chúng ta một gợi ý về sự sống lại của Chúa. Ngài có thể ban cho chúng ta mọi phước hạnh ấy, bởi sự hy sinh của Ngài trên thập tự giá và sự sống lại từ cõi chết (2:19).

Thật thú vị khi phép lạ đầu tiên của Môi-se là một tai vạ: “biến nước thành huyết” (Xu 7:19), nói về sự đoán phạt. Nhưng phép lạ đầu tiên của Chúa chúng ta bày tỏ ân điển. Phép lạ này nói lên một bài học thực tiễn về sự hầu việc Đức Chúa Trời. Nước đã biến thành rượu, vì các đầy tớ đồng công với Chúa Giê-xu và vâng theo lời dạy của Ngài. Trong Phúc Âm Giảng có nhiều phép lạ được thực hiện với sự đồng công của con người và Đức Chúa Trời: nuôi 5.000 người (Gi 6:1-15), chữa lành người mù từ lúc mới sinh (9:1-41), khiến La-xa-rơ sống lại (11:1-46). Dù chúng ta phân phát bánh, rửa sạch bùn đất hay lăn hòn đá khỏi cửa mộ, chúng ta cũng là những người hỗ trợ cho Chúa thực hiện phép lạ.

Thật ý nghĩa khi những kẻ hầu bàn biết rõ nguồn gốc của loại rượu “đặc biệt” này (2:9). Lúc Chúa Giê-xu chữa lành con trai quan thị vệ (4:46-54), chính những đầy tớ chứng kiến sự màu nhiệm ấy. Chúng ta không chỉ là tôi tớ Ngài, mà còn là bạn hữu Ngài nên chúng ta biết việc Ngài làm (15:15).

Rượu là thức uống thông thường của dân thời đó. Vì vậy, chúng ta đừng lấy phép lạ này ra tranh cãi về việc uống rượu hôm nay. Một người kia có thói quen uống rượu đã nói với tôi rằng “Cuối cùng, Chúa Giê-xu đã biến nước thành rượu!” Tôi đáp: “Nếu anh xem Chúa là gương để anh uống rượu, sao anh không học theo gương Ngài ở mọi lãnh vực?” Rồi tôi đọc cho anh ta nghe Lu 22:18. Câu này xác định rõ: giờ đây trên thiên đàng, Chúa Giê-xu là Đấng “không uống rượu”!

Những tín hữu tin kính hôm nay nên suy ngẫm những câu Kinh Thánh như 1Co 8:9 10:23 và 10:31 trước khi kết luận rằng việc dùng thức uống có chất rượu có phải là điều khôn ngoan hay không. Tôi nhớ đến người thợ mỏ kia trước đây say sưa nhưng nay đã thay đổi và trở thành một chứng nhân mạnh mẽ cho Chúa. Một người bạn hỏi đồ ông rằng: “Anh có tin rằng Chúa Giê-xu đã biến nước thành rượu không?” Người thợ mỏ đáp: “Dĩ nhiên là tôi tin. Ở nhà tôi, Ngài đã biến rượu thành những tiện nghi, quần áo đẹp và thực phẩm cho con cái tôi”.

Cũng nên biết rằng dân Do Thái luôn pha loãng rượu với nước, thường là ba phần nước với một phần rượu. Kinh Thánh không bảo chúng ta kiêng ăn uống hoàn toàn, nhưng đặc biệt khuyên chúng ta đừng say sưa.

2. Sự sốt sắng của Ngài (Gi 2:13-22)

Chúa Giê-xu, người nhà Ngài cùng các môn đệ ở tại thành Ca-bê-na-um vài ngày. Sau đó Ngài lên thành Giê-ru-sa-lem dự lễ Vượt Qua. Mỗi người nam Do Thái buộc phải dự ba kỳ lễ hàng năm tại Thành Thánh: lễ Bánh Không Men, lễ Bảy Tuần và lễ Lều Tạm (Phu 16:16). Những lễ này được nhắc đến trong Phúc Âm Giảng với tên gọi: lễ Vượt Qua (Gi 2:13 6:4 12:1), lễ Lều Tạm (7:2) và lễ Khánh Thành Đền Thờ (10:22). Một lễ không có tên gọi ở 5:1 có thể là lễ Phu-rim (Exo 9:26,31).

Dù Chúa không đồng tình với những hình thức lễ nghi tự tạo của người Pha-ri-si, Ngài vẫn vâng theo mọi điều của luật pháp và trung tín giữ trọn luật pháp. Qua sự sống và sự chết của Ngài Ngài đã làm trọn luật pháp hầu cho những kẻ tin Ngài hôm nay chẳng bị một mối bởi “cái ách” nặng nề đó (Cong 15:10).

Chúa Giê-xu bày tỏ sự sốt sắng của Ngài đối với Đức Chúa Trời trước tiên qua hành động dọn dẹp đền thờ (Gi 2:13-17). Các thầy tế lễ lập mua bán đổi bạc này để sinh lợi, cũng

như bán súc vật làm của lễ. Dĩ nhiên “phiên chợ tôn giáo” này khởi đầu từ mục đích phục vụ người Do Thái từ xa đến thờ phượng nơi đền thờ, nhưng dần dần sự tiện lợi biến thành việc mua bán, chớ không phải là sự phục vụ. Thật là một bi kịch khi việc mua bán này được thực hiện ngay trong khu vực dành cho người ngoại trong đền thờ, là nơi dân Do Thái đáng phải gặp gỡ người ngoại và cho họ biết về một Đức Chúa Trời chân thật. Người ngoại nào muốn tìm kiếm lẽ thật có lẽ chẳng tìm được gì giữa những kẻ buôn bán đội lốt tôn giáo trong đền thờ.

Chúa chợt xuất hiện trong đền thờ và làm cho sạch nơi này. Ngài không có ý huỷ hoại tài sản của ai (ví dụ như Ngài đã không phóng thích những bồ câu). Nhưng Ngài muốn bày tỏ Ngài là Đấng có quyền điều khiển. Đền thờ là nhà Cha Ngài, Ngài không muốn những chức sắc trong đền thờ làm ô uế nhà Cha Ngài, Ngài không muốn những chức sắc trong đền thờ làm ô uế nhà Cha bởi việc mua bán kiếm lợi của họ.

Tình trạng của đền thờ cho thấy rõ tình trạng thuộc linh của dân tộc này. Tôn giáo của họ chỉ là một lễ nghi nhằm chán dưới sự điều khiển của những con người sống theo thể gian chỉ chạy theo danh vọng và vật chất. Không những rượu đã cạn tại bữa tiệc, nhưng vinh hiển cũng đã lìa khỏi đền thờ.

Khi chứng kiến sự sốt sắng mạnh mẽ của Chúa, các môn đệ nhớ lại lời Thi 69:9 “Sự sốt sắng về nhà Chúa tiêu nuốt tôi?” Thi 69:1-36 là đoạn nói về Đấng Mê-si-a được trích dẫn nhiều lần trong Tân Ước: câu 4 (Gi 15:25), câu 8 (7:3-5) câu 9 (2:17 Ro 15:3) câu 21 (Mat 27:34,48) và câu 22 (Ro 11:9-10).

Vẫn còn những người tin kính trong Y-sơ-ra-ên, họ là những người yêu mến Đức Chúa Trời và tôn trọng đền thờ Ngài (Lu 1:5-22 2:25-38), nhưng hầu hết các chức sắc đền thờ đều là những người chần chừ giả chỉ hà hiếp dân sự mà thôi. Khi dẹp sạch đền thờ, Chúa Giê-xu đã “tuyên chiến” với các chức sắc đền thờ giả hình (Mat 23:1-39), và điều này cuối cùng đã dẫn đến sự chết của Ngài. Thật vậy, sự sốt sắng về nhà Đức Chúa Trời đã “tiêu nuốt” Chúa Giê-xu!

Ngài cũng bày tỏ lòng sốt sắng qua hành động từ bỏ sự sống mình (Gi 2:18-22). Dĩ nhiên, các chức sắc đền thờ có lý của họ khi yêu cầu Chúa bày tỏ quyền năng Ngài. Dù sao, họ là những người bảo vệ Do Thái giáo, nên có quyền dò xét bất cứ tiên tri nào vừa mới được biết đến. “Người Giu-đa đòi phép lạ” (Icô 1:22). Suốt giai đoạn Chúa thi hành chức vụ trên đất, các chức sắc này thường yêu cầu Ngài cho họ xem phép lạ. Ngài chỉ tỏ cho họ “dấu lạ của đấng tiên tri Giô-na” (Mat 12:39). Dấu lạ này là sự chết, chôn và sống lại.

Chúa dùng hình ảnh đền thờ để hàm chứa lẽ thật này. “Hãy phá đền thờ này đi, trong ba ngày ta sẽ dựng lại!” (Gi 2:19). Vốn mù loà về thuộc linh nên những người nghe lời này đều hiểu sai ý Ngài. Qua Phúc Âm Giảng, bạn sẽ thấy người ta hiểu sai lẽ thật thuộc linh và cắt nghĩa theo cách của con người (3:4 4:11 6:52). Đền thờ được khởi công xây dựng từ năm 20 TC, mãi đến năm 64 SC mới hoàn tất. Làm sao con người có thể dựng lại trong ba ngày?

Dĩ nhiên, lời nói này là lời tiên tri về sự chết và sống lại của Ngài. Các môn đệ nhớ lại điều này sau khi Ngài từ kẻ chết sống lại. Kẻ thù Ngài cũng nhớ lời này và sử dụng nó khi xét xử Ngài (Mat 26:59-61). Một số người cũng đem lời này ra chế nhạo Ngài khi Ngài sắp tắt hơi trên thập tự giá (Mat 27:40).

Qua Phúc Âm này, Giăng phác hoạ những bức tranh sinh động về sự chết của Đấng Christ. Trước tiên là hình ảnh Chiên Con bị giết (Gi 1:29), bày tỏ rằng sự chết của Ngài sẽ là sự chuộc tội cho mọi người. Bức tranh kế tiếp là sự huỷ phá đền thờ (2:19) cho thấy sau sự chết đau đớn là sự phục sinh vinh hiển. Bức tranh thứ ba là hình ảnh con rắn bị treo lên (3:14), trích trong Dan 21:5-9. Ngài bị kể là tội lỗi vì chúng ta (IPhi 2:24), vui lòng phó sự sống mình (Gi 10:11-18) vì chúng ta. Người chăn chiên hy sinh sự sống vì bầy chiên mình. Sau cùng, bài học về sự gieo giống (12:20-25) cho chúng ta biết sự chết của Ngài sẽ quy vinh hiển cho Đức Chúa Trời. Dưới mắt con người, sự chết và chôn của Ngài dường như một sự thất bại, nhưng sau cùng Đức Chúa Trời đã khiến điều ấy trở nên sự đắc thắng!

Đền thờ là yếu tố quan trọng của Do Thái giáo, vì đó là nơi Đức Chúa Trời hiện diện. Mọi lễ nghi và của lễ diễn ra giữa đền thờ. Khi Chúa Giê-xu phán rằng đền thờ quý báu của họ sẽ bị phá huỷ, đương nhiên họ phản ứng cách giận dữ. Nếu thân thể Chúa là đền thờ, vậy đền thờ của người Do Thái không cần thiết nữa. Qua lời phán đầy ẩn ý này, Chúa thật sự báo trước về kỳ cuối cùng của những hình thức tôn giáo này.

Đây là một trong những mục đích Giăng viết Phúc Âm: hình thức luật pháp đã chấm dứt, kỳ “ân điển và chân lý” đã đến bởi Chúa Giê-xu. Ngài chính là của lễ mới (1:29) và đền thờ mới (2:19). Giăng sẽ cho chúng ta biết rằng sự thờ phượng mới sẽ do sự trung thực bên trong, chứ không do vị trí địa lý bên ngoài (4:19-24).

3. Sự hiểu biết của Ngài (Gi 2:23-25)

Khi ở Giê-ru-sa-lem để dự lễ Vượt Qua, Chúa Giê-xu đã làm nhiều phép lạ không được kể chi tiết trong các sách Phúc Âm. Có lẽ đó là những phép lạ khiến Ni-cô-đem phải để tâm đến (3:2). Bởi những phép lạ đó, nhiều người xưng nhận mình tin nơi Ngài, nhưng Ngài không chấp nhận sự xưng nhận của họ. Dù họ nói gì hay ai nói về họ, Ngài cũng không nhận lời chứng của con người. Vì sao? Là Đức Chúa Trời Ngài hiểu rõ lòng mỗi người.

Từ “tin” ở Gi 2:23 và “phó thác” ở Gi 2:24 là những từ đồng nghĩa theo tiếng Hy Lạp. Những người này tin Chúa Giê-xu nhưng Ngài không tin họ! Họ là những người tin theo nhưng chưa được cứu”. Hưởng ứng với một phép lạ là một vấn đề, còn “phó thác” chính mình cho Chúa Giê-xu và sống trong Đạo Ngài lại là một việc hoàn toàn khác (8:30-31).

Không phải Giăng nghi ngờ tầm quan trọng của những phép lạ của Chúa, vì mục đích ông viết Phúc Âm là để ghi lại những dấu lạ này, hầu giục lòng độc giả tin cậy Chúa Giê-xu để được sự sống đời đời (20:30-31). Dù vậy, qua Phúc Âm này, Giăng bày tỏ rằng nếu chỉ tin nơi phép lạ, điều ấy chưa đủ để con người được cứu rỗi. Chứng kiến phép lạ và tin theo là một khởi đầu tuyệt vời, nhưng ngay cả các môn đệ Chúa có khởi điểm như thế cũng phải trưởng thành hơn trong đức tin mình (so sánh 2:11 với 2:22).

Qua Phúc Âm Giăng, bạn sẽ thấy dân Do Thái chia phe đảng vì ý nghĩa của những phép lạ này (9:16 11:45-46). Cũng những phép lạ ấy, đã khiến Ni-cô-đem đến với Chúa, còn các quan trưởng lại muốn giết Ngài. Thậm chí họ còn quả quyết Ngài làm được phép lạ do quyền lực Sa-tan! Những phép lạ của Chúa là chứng cứ về địa vị Con Thánh của Ngài (5:36), nhưng cũng là những thử nghiệm phơi bày tấm lòng dân sự (12:37). Cũng những phép lạ ấy cùng lúc mở mắt một số người, nhưng lại khiến những kẻ khác mù loà hơn (9:39-41).

Thật ý nghĩa khi Chúa liên hệ những phép lạ với lẽ thật của thông điệp Ngài. Ngài hiểu rằng lòng người dễ bị lôi cuốn vào những việc gây kích động. 5000 người được Ngài phát lương thực muốn tôn Ngài làm vua, nhưng sau khi nghe Ngài giảng dạy về Bánh của sự sống, họ đều rời bỏ Ngài! “Ân điển và chân lý bởi Đức Chúa Giê-xu mà đến” (1:17). Bởi ân điển Chúa Giê-xu nuôi những kẻ đói khát. Bởi lẽ thật Ngài dạy họ Đạo Ngài. Họ chỉ muốn lương thực cho thể xác, chứ không cần lương thực cho tâm linh, nên đã lìa bỏ Ngài.

“Ngài tự hiểu thấu mọi điều trong lòng người ta”, đó là điều được bày tỏ nhiều lần trong Phúc Âm Giảng, Chúa Giê-xu biết rõ cá tính của Si-mê-ôn (1:42), bản chất của Na-tha-na-ên (1:46), nói hết mọi việc người đàn bà Sa-ma-ri đã làm trong quá khứ (4:29). Ngài biết rằng các nhà lãnh đạo Do Thái không hề có lòng kính mến Đức Chúa Trời (5:42), và sẽ có một môn đệ giả (6:64). Ngài nhìn thấy sự ăn năn trong lòng người đàn bà tà dâm (8:10-11) và âm mưu giết Chúa của kẻ thù Ngài (8:40). Nhiều lần giảng dạy ở Phòng Cao, Ngài bày tỏ cho các môn đệ biết tư tưởng bên trong cùng những nghi vấn của họ.

Khi theo dõi Phúc Âm Giảng, bạn sẽ thấy Chúa Giê-xu từ ánh sáng rực rỡ trong sự yêu mến của công chúng, Ngài bị đẩy dần vào bóng tối tăm của sự chống nghịch, ruồng bỏ. Ban đầu, người ta dễ dàng chạy theo đám đông để xem Ngài làm phép lạ. Sau đó, lời Ngài đi vào lòng người, kéo theo sự chống đối dẫn đến tranh luận và phe đảng. Không thể có thái độ trung lập, con người phải có sự chọn lựa! Và hầu hết mọi người đều chống nghịch Ngài.

Thật vậy, Chúa Giê-xu biết rõ lòng người. “Nếu các ngươi không thấy phép lạ và điềm lạ, thì các ngươi chẳng tin!” (4:48). Những ai muốn xem phép lạ Ngài chứ không muốn biết đến Lời, chẳng bao giờ hưởng được sự sống của Ngài. “Thấy mới tin” không phải là phương cách của người tin Chúa (11:20-20:29). Trước tiên, chúng ta hãy tin, rồi chúng ta sẽ thấy. Phép lạ chỉ có thể đưa chúng ta đến Đạo Ngài (5:36-38), nhưng Lời sinh ra đức tin cứu rỗi (Rô 10:17).

Sự hiểu thấu lòng người của Chúa chúng ta là một minh chứng về thần tính của Ngài, vì chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể nhìn thấy lòng Người. Đoạn Kinh Thánh ngắn ngủi này cho chúng ta có sự chuẩn bị để hiểu cuộc nói chuyện đầy ý nghĩa của Chúa với Ni-cô-đem, được chép ở đoạn kế tiếp. Ni-cô-đem muốn biết nhiều hơn về Chúa Giê-xu, nhưng cuối cùng ông biết nhiều hơn về con người mình!

3. VẤN ĐỀ CỦA SỰ SỐNG VÀ SỰ CHẾT (Gi 3:1-36)

Benjamin Franklin không chỉ là một chính trị gia, một nhà phát minh lừng lẫy, mà ông còn là một người viết thư danh tiếng và nhận thư từ những nhân vật nổi tiếng khắp thế giới. Ngày kia, ông nhận được một bức thư có thể xem là ý nghĩa nhất mà từ trước đến nay ông chưa hề thấy trên bàn làm việc mình. Đó là thư George Whitefield của nhà truyền đạo người Anh nổi tiếng. Trong thư, Whitefield viết:

“Tôi nhận thấy ông ngày càng nổi tiếng trên thế giới, ông đã có những thành công trong việc khám phá những bí ẩn của điện năng, giờ đây tôi tha thiết nài xin ông hãy chú tâm khám phá bí ẩn của sự tái sinh. Đó là sự nghiên cứu có ý nghĩa và thú vị nhất. Khi đã nắm vững nó rồi, ông sẽ được đền bù công lao mình một cách hào phóng!”

Sự tái sinh là một trong những chủ đề chính ở Giảng 3. Hơn thế, bạn sẽ thấy Chúa Giê-xu trong ba vai trò khác nhau trong đoạn này: Ngài là Giáo sư (c.1-21), Chàng rể (c.22-30) và Chứng nhân (c.31-36)

1. Chúa Giê-Xu - Vị giáo sư (Gi 3:1-21)

Chúng ta đã xem qua đoạn chuyển tiếp từ Gi 2:23-25 đến 3:1. Ni-cô-đem là người đầu tiên chú ý đến Chúa Giê-xu bởi những phép lạ của Ngài. Ông muốn biết nhiều hơn về Chúa và những lời giáo huấn của Ngài. Bản thân Ni-cô-đem cũng là “Giáo sư của dân Y-sơ-ra-ên” (3:10), nhưng ông rất tôn trọng Vị Giáo sư đến từ Ga-li-lê.

Ni-cô-đem là người Pha-ri-si, có nghĩa là ông đã sống theo những luật lệ tôn giáo khe khắt nhất. Không phải mọi người Pha-ri-si đều là kẻ giả hình (ai đó có thể suy luận như vậy từ lời quở trách của Chúa Giê-xu chép ở Mat 23:1-39). Chứng cứ cho thấy Ni-cô-đem rất thành thật khi tìm hiểu về lẽ thật. Ông đến với Chúa Giê-xu vào ban đêm, không phải vì sợ kẻ khác nhìn thấy, nhưng có lẽ vì ông muốn có một cuộc nói chuyện thoải mái và yên tĩnh với vị Giáo sư “từ Đức Chúa Trời đến”. Việc Ni-cô-đem sử dụng đại danh từ “chúng tôi” và được Chúa đáp lại bằng “các ngươi” (Gi 3:7) cho thấy Ni-cô-đem đại diện cho những chức sắc tôn giáo. Ông là người có phẩm chất đạo đức cao nhất, ông muốn tìm hiểu sâu hơn về niềm tin. Tuy nhiên vẫn là người rất mù loà thuộc linh.

Để cho Ni-cô-đem biết những điều cơ bản về sự cứu rỗi, Chúa Giê-xu sử dụng 4 hình ảnh minh họa khác nhau:

Sự tái sinh (3:7): Chúa mở đầu bằng hình ảnh quen thuộc, sự sinh ra là một kinh nghiệm của nhiều người. “Sự sinh lại” có nghĩa là sự sinh “từ trên cao”. Dù loài người kinh nghiệm sự sinh ra trên đất, nhưng nếu họ muốn lên trời, họ phải kinh nghiệm sự sinh thuộc linh siêu nhiên từ trên trời.

Một lần nữa chúng ta sẽ thấy sự mù loà của tội nhân: với cương vị là người đứng đầu hay trong nhà hội có tri thức thâm sâu, Ni-cô-đem vẫn không hiểu điều Đấng Christ muốn nói đến! Ngài nói về sự sinh thuộc linh, nhưng Ni-cô-đem chỉ nghĩ đến sự sinh về mặt thuộc thể. Tình trạng của con người khác về sự tái sinh, họ thường bắt đầu bàn luận về nguồn gốc tôn giáo của gia đình họ, chức vị của họ trong Hội Thánh, những lễ nghi tôn giáo và vân vân...

Là Vị Giáo sư đầy kiên nhẫn, Chúa sử dụng lời của Ni-cô-đem để giải thích sâu xa hơn về sự tái sinh. Sự sinh ra từ nước là sự sinh về thể xác (“trở vào lòng mẹ và sinh lần thứ hai”), nhưng được tái sinh là được sinh bởi Đức Thánh Linh. Nếu có cha mẹ để sinh con về thể xác, thì cũng có “cha mẹ” sinh “con thuộc linh”: đó là Thánh Linh của Đức Chúa Trời (3:5) và lời Đức Chúa Trời. Khi tội nhân tin nhận Chúa, sự sống của Đức Chúa Trời bắt đầu hiện diện.

Chúa không dạy rằng sự tái sinh đến bởi phép báp-tem bằng nước. Trong Tân Ước, phép báp-tem liên hệ đến sự chết chớ không phải sự sinh ra, không thể có loại nước trần gian nào có thể làm thay đổi tình trạng thuộc linh bên trong con người. 3:14-21 nói về sự tin nhận, vì sự cứu rỗi đến bởi đức tin (Eph 2:8,9). Bằng chứng về sự cứu rỗi được bày tỏ qua Đức Thánh Linh ở trong người tin nhận (Ro 8:9). Khi bạn tin nhận Chúa Thánh Linh Ngài sẽ bước vào đời sống bạn (Eph 1:13,14 Cong 10:43-48).

Phép báp-tem bằng nước thể hiện sự vâng phục của chúng ta đối với Đấng Christ, cũng như để làm chứng về Ngài (Mat 28:18-20 Cong 2:41). Tuy nhiên không nên xem đó là điều cần thiết để được cứu rỗi, nếu không, có lẽ chẳng thánh nhân nào trong thời Cựu Ước được cứu

rối và số phận của tên cướp trên cây thập tự cũng vậy (Lu 23:39-43)! Ở mỗi thời đại, dù chúng có về đức tin rất đa dạng, nhưng chỉ có một con đường cứu rỗi: đó là niềm tin nơi lời hứa của Đức Chúa Trời.

Việc sinh con của loài người phải trải qua đau đớn (Gi 16:21), vậy sự sinh ra từ trời cũng vậy. Đấng Christ phải chịu đau đớn trên thập giá để chúng ta có thể trở nên những thành viên trong gia đình của Đức Chúa Trời (Es 53:1). Những tín hữu có lòng sốt sắng đều phải chịu nhọc nhằn trong sự cầu nguyện và làm chứng khi dẫn dắt tội nhân đến với Đấng Christ (1Co 4:15 Ga 4:19). Con cái thừa hưởng bản tính cha mẹ, nên con cái Đức Chúa Trời cũng vậy. Chúng ta là những người “dự phần bản tánh Đức Chúa Trời” (IPhi 1:4).

Bản tính quyết định sự khao khát. Đó là lý do Cơ Đốc nhân có sự ham thích những điều thuộc về Đức Chúa Trời (IPhi 2:2-3). Người ấy không muốn nhìn lại những sự ô uê ở thế gian, là những điều từng lôi cuốn mình (IIPhi 2:20-22), nhưng nhờ Lời Đức Chúa Trời để trưởng thành về thuộc linh (He 5:11-14).

Dĩ nhiên, sự sinh ra bao hàm cả sự sống, nên sự sinh thuộc linh từ trời cũng bao hàm sự sống của Đức Chúa Trời. Giăng sử dụng danh từ “sự sống” 36 lần trong Phúc Âm. Đối lập với sự sống là sự chết, nên người không tin nơi Chúa Giê-xu sẽ không có sự sống của Đức Chúa Trời, không có sự sống đời đời và sung mãn. Bạn không thể tạo ra những Cơ Đốc nhân, nếu bạn không sản sinh những “con trẻ”! Cách duy nhất để bước vào gia đình của Đức Chúa Trời, đó là phải trải qua sự tái sinh (Gi 1:11-13).

Sự sống cũng chứa đựng một tương lai, vì vậy chúng ta được tái sinh để có “sự trông cậy sống” (IPhi 1:3). Một trẻ sơ sinh không bị luật pháp kết tội chi, vì nó không có quá khứ! Khi bạn được tái sinh trong gia đình Đức Chúa Trời, tội lỗi bạn được tha thứ và được quên đi tương lai bạn rạng rỡ với một “sự hy vọng sống”.

Có lẽ trên gương mặt Ni-cô-đem đã lộ vẻ ngạc nhiên lẫn bối rối, vì Chúa phán rằng: “Chớ lấy làm lạ về điều ta đã nói với ngươi: các ngươi phải sinh lại” (3:7). Nhưng Ni-cô-đem vốn xuất thân là người Do Thái! Ông thuộc dòng dõi giao ước của Đức Chúa Trời! (Ro 9:4-5). Hẳn là xuất thân của ông đáng hãnh diện hơn người ngoại bang hay người Sa-ma-ri! Hơn thế, đời sống ông rất mẫu mực với tư cách một người Pha-ri-si tin kính! Có lẽ ông nghĩ rằng Chúa Giê-xu muốn nói với người Rô-ma rằng họ phải được tái sinh, chớ không phải dân Do Thái!

Chúa lại dùng ví dụ kế tiếp: “*gió*” (Gi 3:8-13). Có thể một cơn gió ban đêm thổi qua ngay khi Chúa Giê-xu và Ni-cô-đem ngồi trên tầng cao trò chuyện. Từ “gió” theo ngôn ngữ Hê-bơ-rơ và Hy Lạp đều có nghĩa là “Thần Linh”. Một trong những dấu hiệu về Thánh Linh Đức Chúa Trời trong Kinh Thánh là “gió” hoặc “hơi thở” (Giop 33:4 Gi 20:22 Cong 2:2). Giống như gió, Đức Thánh Linh là vô hình nhưng có quyền năng. Bạn không thể giải thích hay tiên đoán sự chuyển động của gió.

Khi Chúa Giê-xu nói đến dấu hiệu này, lẽ ra Ni-cô-đem phải nhớ đến đoạn Kinh Thánh Exe 37:1-44. Vị tiên tri này thấy một trống kia đầy những hài cốt, nhưng khi ông nói tiên tri với gió, Thánh Linh Đức Chúa Trời đã khiến những hài cốt ấy sống lại. Chính sự đồng công của Đức Thánh Linh và Lời Đức Chúa Trời, sự sống đã xuất hiện. Dân Y-sơ-ra-ên (trong đó có Ni-cô-đem và các cộng sự của ông) như những kẻ đã chết và vô hy vọng. Dù họ

là những người đạo đức và tin kính trong dân sự, họ vẫn cần phải có sự sống của Đức Thánh Linh.

Sự tái sinh từ trời là điều thiết yếu (“các ngươi phải sinh lại”), nhưng cũng là một sự mầu nhiệm. Mỗi người được tái sinh bởi Đức Thánh Linh giống như gió vậy: bạn không thể giải thích rõ ràng hay phán đoán về gió hoặc về con cái Đức Chúa Trời. Đối với vấn đề này, sự sinh của con người vẫn là một sự mầu nhiệm dù chúng ta đều biết về cơ thể con người và sinh lý học. Mỗi sự sống mới đều thú vị và đa dạng.

Ni-cô-đem đến “vào ban đêm” nên ông vẫn ở trong bóng tối tăm. Dù được Chúa giảng giải, ông cũng không hiểu ý nghĩa sự tái sinh. Chúa khẳng định rằng sự hiểu biết về Kinh Thánh Cựu Ước của Ni-cô-đem lẽ ra đã giúp ông nhìn thấy ánh sáng của lẽ thật (Gi 3:10). Ôi “giáo sư của dân Y-sơ-ra-ên” này chỉ biết những sự kiện ghi trong Kinh Thánh, nhưng không hiểu được những lẽ thật!

Ở đây có nan đề gì xuất hiện? Trước hết, các nhà lãnh đạo không tin lời chứng của Chúa Giê-xu (3:11). Chúng ta sẽ thấy có sự mâu thuẫn về quyền hạn trong những bài học tới. Các nhà lãnh đạo này tuyên bố họ tin Môi-se, nhưng không tin Chúa Giê-xu (5:37-47). Những người Pha-ri-si chỉ quan tâm đến vinh hiển của loài người hơn vinh hiển Đức Chúa Trời (12:37-50).

Hình ảnh minh họa thứ ba Chúa sử dụng, đó là hình ảnh “Con rắn” bị treo lên nơi đồng vắng (3:14-18). Câu chuyện trong Dan 21:4-9 hẳn rất quen thuộc với Ni-cô-đem. Câu chuyện nói về tội lỗi, bởi dân Y-sơ-ra-ên đã chống nghịch Đức Chúa Trời nên phải bị đoán phạt. Đức Chúa Trời khiến con rắn lửa đến cắn dân sự, làm nhiều người bị chết. Đây cũng là câu chuyện về ân điển, vì Môi-se cầu thay cho dân sự và Đức Chúa Trời đã ban một giải pháp. Ngài bảo Môi-se làm một con rắn đồng, treo lên cây sào để mọi người nhìn xem. Người nào bị rắn cắn mà nhìn lên con rắn đồng, sẽ được chữa lành tức thời. Vì vậy, đây cũng là câu chuyện về đức tin, khi dân sự nhìn bằng đức tin, họ sẽ được cứu.

Động từ “*treo lên*” có ý nghĩa kép bị đóng đinh (Gi 8:28 12:32-34) và được vinh hiển. Qua Phức Âm, Giảng cho thấy sự chết của Chúa Giê-xu trên thập tự giá không phải là nơi kết thúc vinh hiển Ngài, đó chính là cách để Ngài được vinh hiển (Cong 2:23-24).

Con rắn bị treo lên cây sào thể nào, Con Đức Chúa Trời cũng sẽ bị treo lên thập tự giá thể ấy. Vì sao? Vì Ngài muốn cứu chúng ta khỏi tội lỗi và sự chết. Ở trại quân Y-sơ-ra-ên, giải pháp về “vấn nạn rắn cắn” không phải bằng hành động giết rắn, uống thuốc, vờ như không có sự hiện diện của rắn, đưa ra luật diệt rắn hay leo lên cây sào. Giải pháp duy nhất chỉ là: nhìn lên con rắn bị treo bằng đức tin!

Cả thế gian đã bị tội lỗi cắn nuốt, “tiền công của tội lỗi là sự chết” (Rô 6:23). Đức Chúa Trời đã sai Con Ngài đến chịu chết không chỉ vì dân Y-sơ-ra-ên, nhưng vì cả thế gian. Một người được sinh từ Đức Chúa Trời ra sao? Người ấy được cứu khỏi sự hư mất đời đời bằng cách nào? Đó là: tin nơi Chúa Giê-xu và nhìn xem Ngài bằng đức tin.

Vào ngày 6 tháng 1 năm 1850, một cơn bão tuyết hầu như đã làm hư hại thành phố Colchester ở England khiến một cậu thiếu niên nọ không thể đến nhà thờ nơi cậu từng thờ phượng. Vì vậy, cậu đành đến một nhà nguyện của Hội Giám lý gần đó. Thay cho vị truyền đạo vắng mặt là một tín hữu không có kinh nghiệm gì về giảng luận. Đoạn Kinh Thánh

người ấy đọc là Es 45:22 “Hỡi các người hết thảy ở các nơi đầu cùng đất, hãy nhìn xem ta và được cứu!” Những ngày tháng qua, dù đã được dạy dỗ trong Hội Thánh (cha và ông nội của cậu bé đều là nhà truyền đạo), cậu vẫn cảm thấy khốn khổ và bị cáo trách trong lòng, không biết chắc mình có được cứu rồi hay không. Người giảng luận trong nhà nguyện vì không có sự chuẩn bị nên anh ta chỉ nói vắn tắt và đơn sơ. Anh vẫn lặp lại câu Kinh Thánh này và nói lớn: “Người ta không cần phải đến trường để học cách nhìn, vì ai cũng có thể nhìn được, cả đến đứa trẻ cũng nhìn được!” Lúc này, chợt thấy cậu bé ngồi phía dưới, anh ra chỉ vào cậu bé: “Này cậu bé, trông cậu khốn khổ quá, hãy nhìn xem Chúa Giê-xu Christ!” Cậu bé ấy đã “nhìn” bằng đức tin, đó là sự đổi mới của nhà truyền giáo lừng danh Charles Haddon Spurgeon.

Ranh giới giữa sự hư mất và sự sống, giữa sự kết án và sự cứu rỗi, đó là đức tin nơi Chúa Giê-xu. Lẽ ra, Chúa Giê-xu có thể đến thế gian với cương vị Quan Án để đoán phạt mọi tội nhân chống nghịch. Nhưng Ngài đã đến với thế gian này bằng tình yêu để làm Đấng Christ chết thay chúng ta trên thập tự giá! Ngài trở nên “con rắn” bị treo lên nơi đồng vắng. Con rắn thời Môi-se đem đến sự sống thể xác cho những người Do Thái hấp hối, nhưng Chúa Giê-xu Christ ban sự sống đời đời cho bất cứ ai tin nhận Ngài. Ngài dành sự cứu rỗi cho cả một thế giới!

Hình ảnh thứ 4 Chúa sử dụng, đó là: *sự sáng và sự tối tăm* (Gi 3:19-21). Đây là một trong những hình ảnh được nhắc đến nhiều nhất trong Phúc Âm Giảng (1:4-13). Vì sao tội nhân không muốn bước vào “sự sáng” của sự sống? Vì họ ưa thích sự tối tăm hơn. Họ muốn chịu theo những điều tội lỗi, nó khiến họ xa cách với sự sáng. Tội nhân càng đến gần sự sáng, tội lỗi họ càng bị phơi bày. Đây không phải là “vấn đề về tri thức” khiến người ta không tin nhận Chúa, chính sự mù loà về đạo đức và thuộc linh đã khiến con người ưa thích sự tối tăm và ghét sự sáng.

Bạn để ý xem, cuối cùng Ni-cô-đem mới thật sự “đến cùng sự sáng”. Từ nơi bóng đêm của sự bối rối (3:1-21), ông đã bước ra ánh sáng của sự xưng nhận khi đồng cảm với Chúa Giê-xu nơi đồi Gô-gô-tha (19:38-42). Ni-cô-đem nhận biết rằng Đấng Christ bị treo lên thật sự là Con Đức Chúa Trời.

2. Chúa Giê-Xu: Chàng rể (Gi 3:22-30)

Cho đến lúc Giảng Báp-tít bị vua Hê-rốt bắt giữ và giam vào ngục, chức vụ của ông có phần nào chồng chéo với chức vụ của Chúa Giê-xu. Giảng không muốn ai đi theo ông, vì công tác của ông nhằm cho mọi người biết Chiên Con của Đức Chúa Trời và kêu gọi họ tin nhận Ngài. Nhưng khi hai nhà truyền đạo nổi tiếng cùng tham gia vào một việc giống nhau thì thật dễ cho cả bạn bè lẫn kẻ thù bị cuốn hút vào việc cạnh tranh hay so sánh.

Dường như có một vài môn đệ của Giảng bắt đầu tranh cãi. Vấn đề khởi đầu từ những giáo lý, về sự tinh sạch, nhưng sau đó chuyển sang những quan điểm riêng. Ở 3:25 một vài cổ bản ghi là “một người Do Thái” thay vì “những người Do Thái”. Có thể người Do Thái không được nêu danh tánh này là Ni-cô-đem chăng? Chúng ta không thể xác định chắc chắn, nhưng có thể vậy.

Vấn đề về sự tinh sạch rất quan trọng đối với dân Do Thái (Mac 7:1-23). Dưới luật pháp Cựu Ước, họ phải giữ cho tinh sạch về hình thức nếu muốn hầu việc Đức Chúa Trời và làm

đẹp lòng Ngài. Tiếc thay, người Pha-ri-si đã áp đặt thêm nhiều hình thức đến nỗi trở thành một ách nặng nề cho dân sự.

Vô tình các môn đệ Giăng đẩy ông vào tình thế tranh cạnh với Chúa Giê-xu! “Ai nấy đều đến cùng người!” (3:26) nghe như lời than vãn đầy chán nản. Thật nực cười khi thấy rằng có 4 nhân vật nổi tiếng trong Kinh Thánh phải đối diện với sự so sánh tranh cạnh này, đó là: Môi-se (Dan 11:26-30) Giăng Báp-tít (Gi 3:26-30), Chúa Giê-xu (Lu 9:46-50) và Phao-lô (Phi 1:15-18). Người lãnh đạo thường chịu phiền toái do những đồ đệ cực đoan của mình hơn những kẻ chỉ trích.

Giăng dàn xếp cuộc tranh cãi gay gắt này ra sao? Trước hết Giăng quả quyết rằng: mọi chức vụ và ơn phước đều từ Đức Chúa Trời đến, nên không ai có thể tranh cạnh được (Gi 3:27). Phao-lô cũng đồng một tư tưởng như vậy (1Co 3:1-9 4:1-7). Những sự ban cho và mọi cơ hội đều đến từ Đức Chúa Trời, nên chỉ có Ngài đáng được quy vinh hiển.

Giăng dùng một hình ảnh thật tuyệt vời khi so sánh Chúa Giê-xu như chàng rể, và bản thân ông như “bạn chàng rể” (Gi 3:29). Khi chàng rể gặp cô dâu, công việc của người bạn xem như đã hoàn tất. Nếu bạn chàng rể lấn át vị trí của chàng rể, đó là điều thiếu khôn ngoan. Niềm vui của Giăng là được nghe Chàng rể để biết rằng Chàng rể đã gặp được “vợ mới”. Thậm chí, trước khi ra đời, Giăng đã vui mừng trong Chúa (Lu 1:44). Giăng thoả lòng được làm “tiếng kêu” rao truyền cho mọi người biết Chúa Giê-xu là Ngôi Lời trở nên xác thịt (Gi 1:23). Ngài là Sự sáng, còn Giăng Báp-tít là người làm chứng về Sự Sáng ấy (1:6-8).

Những thông cáo báo chí và tài liệu tham khảo được gửi đến trên bàn làm việc của tôi, với những bìa đựng tài liệu. hội nghị đôi lúc tôi bị xao xuyến bởi những gì mình đọc. Đa số họ là những người đi khắp thế giới hoặc là những diễn giả nổi tiếng, đã nói chuyện trước nhiều khán thính giả. Họ luôn được người ta ái mộ, nên công việc của họ được mô tả ở những mức độ mà nếu đem so sánh, ta sẽ thấy Phao-lô vẫn còn rất “bé nhỏ”.

Có một vị mục sư hội trưởng lão ở Melbourne – Australia giới thiệu J. Hudson Taylor với những lời ca ngợi tận mây xanh, đặc biệt là từ vĩ đại. Taylor bước lên bục và nhỏ nhẹ nói: “Thưa các bạn, tôi là đầy tớ hèn mọn của một Vị Chủ tiếng tăm lừng lẫy”. Nếu Giăng Báp-tít nơi thiên đàng nghe lời nói ấy, hẳn ông sẽ cất tiếng “Ha-lê-lu-gia”.

Hình ảnh Chàng rể có lẽ rất ý nghĩa đối với dân Do Thái, vì Đức Chúa Trời đã “một giao ước hôn nhân” cùng dân tộc này (Es 54:5 62:4 Gie 2:2 3:20 Exe 16:8 Os 2:19). Dân Do Thái đã bội nghịch lời giao ước, nên Đức Chúa Trời tạm thời lìa bỏ họ. Ngày nay, Đức Chúa Trời đang mời gọi một tập thể người cho danh Ngài, đó là Hội Thánh, vợ hứa của Đấng Christ (II Co 11:1-3 Eph 5:22-33). Ngày nào đó, Chàng rể sẽ đến rước “vợ hứa” Ngài về nhà trên trời (Kh 19:6-9 21:9).

Từ “phải” được sử dụng ở ba phương diện có ý nghĩa trong đoạn này. Có một từ “phải” dành cho tội nhân (Gi 3:7), một từ “phải” dành cho Đấng Christ (3:14) và một từ “phải” dành cho tôi tớ (3:30).

3. Chúa Giê-Xu - Đấng Làm Chứng về Đức Chúa Trời (Gi 3:31-36)

Các học giả Kinh Thánh có sự bất đồng về việc ai là người nói những lời từ 3:31-36 có thể Giăng Báp-tít hoặc sứ đồ Giăng. Vì lẽ đó một số học viên Kinh Thánh cho rằng 3:16-21 là lời

của sứ đồ Giăng chớ không phải của Chúa Giê-xu. Ở những bản dịch Kinh Thánh xưa, không có dấu ngoặc kép, nhưng vì cả Kinh Thánh đều được Đức Chúa Trời hà hơi, nên vấn đề ai nói những lời ấy là điều không quan trọng.

Trọng tâm của phân đoạn này là “Lời chứng”, một trong những chủ đề chính trong Phúc Âm Giăng. Động từ “làm chứng được sử dụng nhiều lần trong Kinh Thánh. Giăng làm chứng về Chúa Giê-xu (1:7 5:33), nhưng Chúa cũng làm chứng về chân lý. Vì sao chúng ta cần chú ý lời chứng của Ngài? Vì nhiều lý do.

Lý do trước hết, Ngài là “Đấng từ trên cao” (3:31). Không phải Ngài đơn giản chỉ là người được sự kêu gọi từ trời, hay được ban quyền phép từ trời, nhưng Ngài chính là Đấng từ trời xuống. Lời tuyên bố này đã khiến dân Do Thái tranh cãi gay gắt, vì họ biết rằng Chúa xưng Ngài là Con Đức Chúa Trời (6:38-42). Giăng Báp-tít dĩ nhiên không phải là người từ trời nên không tuyên bố như Chúa Giê-xu. Không sứ giả nào của Đức Chúa Trời sống trên đất là người “từ trời”. Chỉ có Chúa Giê-xu là Đấng duy nhất có thể tuyên bố về Ngài và minh chứng được lẽ thật ấy.

Là Đấng từ trời đến, nên Chúa Giê-xu hiện thân của Đức Chúa Cha. Vì vậy, chối bỏ lời chứng Ngài cũng đồng nghĩa với chối bỏ Đức Chúa Trời (5:23). Chúng ta đều biết lời chứng Ngài là thật, vì Ngài là Đức Chúa Trời chân thật. Chúng ta có thể tin lời ấy và đứng vững trên Lời ấy.

Lý do thứ hai: chúng ta phải nhận lời chứng của Ngài, bởi đó là lời chứng trực tiếp (“đã thấy và nghe” 3:32-33). Ngài chia sẻ mọi điều đã thấy và nghe từ nơi Cha trên trời (8:38). Những ai nhận lời chứng của Ngài và làm theo, đều kinh nghiệm lẽ thật từ Ngài (7:17). Đừng chỉ học lời Ngài bằng lý trí mà không áp dụng vào nếp sống thường nhật. Chỉ khi nào chúng ta vâng theo lời Ngài và áp dụng vào thực tiễn, chúng ta sẽ hiểu rõ lẽ thật và kinh nghiệm quyền năng của lẽ thật ấy.

Lý do thứ ba: Đức Chúa Cha đã ban mọi quyền phép cho Con Ngài (3:34-35). Ngài sai Con đến, ban cho Con Ngôi Lời, Thánh Linh và mọi sự (13:3). Quả là sứ mạng đặc biệt! Chối bỏ lời chứng của Con nghĩa là chống nghịch Đấng có quyền tối thượng trong vũ trụ!

Chúng ta thường nghĩ đến tình yêu Đức Chúa Trời dành cho thế giới hư mất (3:16), nhưng Giăng cũng nhắc ta nhớ đến tình yêu Đức Chúa Trời dành cho Con Ngài. Chúa Giê-xu là “Con yêu dấu” của Cha trên trời (Mat 3:17 Mac 1:11 Lu 3:22). Vì yêu Con, Cha đã ban cho Con mọi sự, cũng như bày tỏ mọi sự cho Con (Gi 5:20). Tình yêu là sự ban cho tất cả mọi điều!

Vì vậy, khi nhận lời chứng của Chúa Giê-xu, chúng ta được hưởng tình yêu và mọi sự thuộc về Ngài. Chối bỏ lời chứng của Đấng Christ là phạm tội nghịch cùng tình yêu và sự sáng. Không lấy gì làm lạ khi Chúa đã khóc về thành Giê-ru-sa-lem (Mat 23:37-39). Không chỉ chối bỏ lời chứng Ngài, dân sự còn chối bỏ thông điệp và những phép lạ Ngài thực hiện. Họ phải bị đoán phạt vì sự chối bỏ của mình.

Lý do sau cùng: nếu nhận lời chứng của Ngài, chúng ta sẽ thoát khỏi cơn thanh nộ của Đức Chúa Trời (Gi 3:36). Đây là chỗ duy nhất trong Phúc Âm hay các thư tín được Giăng sử dụng từ “cơn thanh nộ” (Giăng sử dụng từ này 6 lần trong sách Khải thị). Câu Kinh Thánh trên có ý nghĩa tương đương với câu Gi 3:18, cho thấy không thể có tình trạng “trung lập” về

lời chứng của Chúa Giê-xu: hoặc tin Ngài, hoặc chối bỏ Ngài. Chúng ta chỉ có một sự lựa chọn!

“Sự sống đời đời” không chỉ đơn giản có nghĩa là sự vĩnh cửu nơi thiên đàng. Người tin nhận Chúa ngay bây giờ có thể nhận sự sống ấy! Đó là sự sống của Đức Chúa Trời trong lòng người tin nhận. Đối lập với sự sống đời đời là sự chết đời đời, là cơn thanh nộ của Đức Chúa Trời. Không phải đến khi chết, con người mới vào địa ngục và chịu sự thanh nộ của Đức Chúa Trời nơi hoả ngục. “Ai không tin đã bị đoán xét rồi” (Gi 3:8). Án lệnh đã được công bố, nhưng bản án chưa được thi hành. Vì sao? Vì Đức Chúa Trời là Đấng đầy lòng nhân hậu, Ngài vẫn đang kêu gọi tội nhân ăn năn (II Phi 3:9).

Khi xem lại đoạn 3, bạn sẽ thấy sứ đồ Giăng muốn nhấn mạnh về mối tương giao riêng tư với Chúa Giê-xu: Đó là mối tương giao sống khởi đầu bằng sự tái sinh, là sự sinh từ trời. Khi tiếp nhận Chúa Giê-xu Christ vào đời sống mình, bạn sẽ sống bằng sự sống của Ngài và trở nên con cái trong gia đình Đức Chúa Trời. Đó cũng là mối tương giao ngọt ngào, vì Ngài là Chàng rể và chúng ta như “vợ mới”. Giống như Giăng Báp-tít, chúng ta ao ước Chúa Giê-xu phải dấy lên, chúng ta phải hạ xuống. Ngài đáng nhận mọi vinh hiển và sự ngợi khen! Đây cũng là mối tương giao sâu sắc, vì Ngài là Đấng làm chứng chân thật về chân lý của Đức Chúa Trời cho chúng ta. Vui mừng thay khi tiếp nhận Lời Ngài, suy ngẫm và ứng dụng vào đời sống mình!

Bạn đừng quên cái giá của những hạnh phúc này. Để chúng ta được sinh trong gia đình Đức Chúa Trời, Chúa Giê-xu phải chịu chết. Để chúng ta được sinh trong gia đình Đức Chúa Trời, Chúa Giê-xu phải chịu chết. Để chúng ta được bước vào mối tương giao ngọt ngào của sự cứu rỗi, Ngài phải chịu sự khinh ghét và kết án của loài người. Ngài phải bị treo lên cây thập tự để chúng ta có thể kinh nghiệm sự tha thứ và sự sống đời đời.

Mong rằng chúng ta không bao giờ xem thường “Ngài phải dấy lên, ta phải hạ xuống” (Gi 3:30).

4. NGƯỜI SA-MA-RI (Gi 4:1-54)

Ở đoạn 4 này, Chúa Giê-xu đến với những hạng người khác nhau: người đàn bà Sa-ma-ri tội lỗi, các môn đệ, nhiều người Sa-ma-ri tin nhận Chúa, quan thị vệ và cả gia đình ông. Những người này có một điểm chung nào? Đó là: đức tin của họ nơi Chúa Giê-xu Christ. Mục đích của Giăng khi viết Phúc Âm nhằm cho người đọc hiểu rằng những con người có bản chất và giai cấp khác nhau đã đến với Chúa Giê-xu và tin nhận Ngài là Con Đức Chúa Trời.

Chúng ta hãy cùng gặp những con người này để khám phá đức tin họ khởi đầu và phát triển ra sao, giúp ích bản thân họ và những người khác như thế nào.

1. Người đàn bà Sa-ma-ri (Gi 4:1-30)

Vì có những người Pha-ri-si xui kẻ khác có sự so sánh giữa Chúa Giê-xu và Giăng Báp-tít (3:25-30) nên Chúa Giê-xu phải rời xứ Giu-đê để đến Ga-li-lê. Ngài có thể đi 1 trong 3 con đường: dọc theo mé biển, qua sông Giô-đanh và lên xứ Bê-ri-a (Perea) hoặc đi thẳng đến xứ Sa-ma-ri. Dân Do Thái chính thống luôn tránh mặt dân Sa-ma-ri, vì giữa 2 dân này có sự thù ghét nhau từ lâu.

Dân Sa-ma-ri là dân lai tạp, nửa dòng máu Do Thái và nửa dòng máu dân ngoại. Dân này phát triển ra kể từ khi 10 chi phái ở phía Bắc bị dân A-si-ri lưu đầy năm 727 TC. Bị dân Do Thái không nhìn nhận vì gia phả không rõ ràng, dân Sa-ma-ri đành phải lập đền thờ và nghi lễ thờ phượng riêng của họ tại núi Ghê-ri-xin. Điều này càng khơi thêm ngọn lửa thành kiến. Một số người Pha-ri-si quá thù hận dân Sa-ma-ri đến nỗi đã cầu nguyện rằng: sẽ không có một người Sa-ma-ri nào sống lại vào thời kỳ sống lại! Khi kẻ thù muốn sỉ nhục Chúa Giê-xu, chúng ta đã gọi Ngài là “người Sa-ma-ri” (8:48).

Vốn luôn sống theo giờ giấc đã được Đức Chúa Trời định sẵn, Chúa Giê-xu phải đến sứ Sa-ma-ri. Vì sao? Vì nơi ấy Ngài sẽ gặp một người đàn bà, đưa bà đến với đức tin sống, một đức tin thật có thể ảnh hưởng cho cả làng. Chúa chúng ta là Đấng đối xử công bình với mọi người. Trước đây, Ngài đã giải đáp thắc mắc cho một người Do Thái mẫu mực (3:1-21), và giờ đây Ngài làm chứng cho một người đàn bà Sa-ma-ri tội lỗi! Ngài đến giếng Gia-cốp lúc 12 giờ trưa, thường là giờ phụ nữ đi lấy nước. Khi các môn đệ đi mua thức ăn, Chúa có ý chờ đợi tại giếng nước này. Ngài ở trong tình trạng mệt mỏi và đói khát. Giăng không chỉ bày tỏ Chúa là Con Đức Chúa Trời, Ngài còn là Con Người giản dị. Ngài từng trải mọi hoàn cảnh của cuộc sống chúng ta nên Ngài luôn thông cảm với chúng ta.

Khi đọc cuộc đối thoại giữa Chúa và người đàn bà này, bạn hãy chú ý xem sự hiểu biết của bà về Chúa Giê-xu phát triển ra sao cho đến khi biết rằng Ngài là Đấng Christ. Bà đã trải qua 4 bước kinh nghiệm.

Ngài là “người Do Thái” (4:7-10). Thời đó, người đàn ông đặc biệt là thầy dạy luật không được phép nói chuyện với một người đàn bà xa lạ (4:27). Nhưng Chúa Giê-xu không để tâm đến tập quán xã hội, vì sự cứu rỗi đời đời dành cho một linh hồn đang bị đe dọa. Hẳn người đàn bà rất ngạc nhiên khi Chúa xin nước. Bà đoán bà cố tìm ra một ý nghĩa khác. Ngài thật sự muốn tìm kiếm điều gì?

Chi tiết được Giăng đóng ngoặc ở cuối Gi 4:9 cốt dành cho độc giả người ngoại. Việc các môn đệ “ra phố mua đồ ăn” (4:8) chứng tỏ người Do Thái có cách đối xử hơi khác lạ đối với dân Sa-ma-ri. Không phải Giăng cố ý cường điệu. Câu 4:8 có thể hiểu rằng: “đừng cầu xin điều gì nơi dân Sa-ma-ri”, hoặc “đừng dùng chung vật dụng với dân Sa-ma-ri”. Tại sao Chúa Giê-xu là người Giu-đa lại muốn dùng cái gàu ô uế của người đàn bà này để kiếm một ngụm nước?

Dĩ nhiên lời yêu cầu của Chúa chỉ là cách để mở đầu cuộc trò chuyện và chia sẻ cho người đàn bà này chân lý về “nguồn nước sống”. Khi làm chứng cho ai, Chúa không mở đầu như “lời chào hàng”, nhưng Ngài ứng biến theo từng hoàn cảnh. Với Ni-cô-đem, Ngài nói về sự tái sinh, nhưng với người đàn bà này, Ngài nói về nguồn nước sống.

Chúa bày tỏ cho bà thấy rằng bà không có sự hiểu biết về 3 vấn đề quan trọng: Ngài là ai? Ngài sẽ ban điều gì? Và bà có thể nhận điều đó bằng cách nào? Trước mặt bà là sự hiện diện của một Đức Chúa Trời hằng sống, muốn ban sự sống đời đời cho bà! Người Sa-ma-ri cũng ở trong sự tối tăm như người Do Thái vậy (1:26). Tuy nhiên, Lời Chúa gây sự quan tâm cho bà, khiến bà bị lôi cuốn vào cuộc nói chuyện.

“Chúa há lớn hơn Gia-cốp sao?” (4:11-15). Chúa muốn nói về nguồn nước tâm linh, nhưng người đàn bà này hiểu lời Ngài theo nghĩa “đen”. Một lần nữa, chúng ta thấy con người cứ luôn lẫn lộn giữa vấn đề thuộc thể và thuộc linh! Hơn thế nữa bà này quan tâm

đến việc làm cách nào Chúa có được nước này thay vì chỉ đơn giản xin Ngài cho uống nước ấy.

Chúa Giê-xu lớn hơn Gia-cốp. Đó là điều dĩ nhiên! Ngài còn “lớn hơn” cả cái giếng này nữa! Lời đáp của Ngài có thể được hiểu rằng: “Ai uống nước này vẫn còn khát mãi (mọi điều thể gian ban cho vẫn không đủ) nhưng uống nước ta sẽ cho, thì chẳng hề khát nữa!” (4:13-14). Thật vậy, mọi sự ở thể gian không bao giờ làm con người thoả mãn hoàn toàn. Ngày nay nơi âm phủ, con người cũng đang kêu la: “tôi khát”

Chúng ta biết rằng sự sống là một trong những ý niệm chính của Phúc Âm Giảng. Ông sử dụng từ này ít nhất 36 lần. Campbell Morgan nói rằng: để duy trì sự sống, con người cần không khí, nước và thực phẩm (chúng ta có thể thêm vào ‘ánh sáng’). Những điều này cũng được ban cho trong Chúa Giê-xu. Ngài cung cấp cho chúng ta “hơi thở (Thánh Linh) của Đức Chúa Trời (3:8 20:22). Ngài là Bánh của sự sống (6:48). Sự sáng của sự sống (1:4,5). Ngài cũng ban cho ta nước của sự sống nữa.

Phản ứng nhất thời của người đàn bà thể hiện qua việc xin Chúa nước sống. Thật ra, bà không hiểu mình muốn nói gì. Hạt giống của Đạo đã rơi vào đất đá sỏi, chồi non lú lên nhưng chưa bám rễ (Mat 13:20-21). Tình trạng của bà có tiến triển, nhưng vẫn phải trải qua thời gian dài mới có sự thông hiểu. Vì vậy Chúa Giê-xu rất kiên nhẫn đối với bà.

“Một Đấng tiên tri” (Gi 4:16-24). Cách duy nhất để chuẩn bị cho “vùng đất” của lòng người dễ dàng tiếp nhận hạt giống Đạo, đó là phải cày “đất” lên bằng “sự kết tội”. Đó là lý do Chúa Giê-xu bảo người đàn bà đi gọi chồng đến: Ngài muốn bà phải thừa nhận tội lỗi mình. Trước hết phải có sự kết tội, sự ăn năn và rồi sẽ dẫn đến một đức tin được cứu rỗi. Chúa Giê-xu thức tỉnh bà, khơi dậy những cảm xúc trong bà, nhưng Ngài cũng đụng đến lương tâm bà, điều đó có nghĩa là Ngài giải quyết vấn đề tội lỗi bà.

“Tôi không có chồng” là câu nói ngắn nhất của bà suốt cuộc nói chuyện! Vì sao? Bởi giờ đây bà bị kết tội nên miệng “phải ngậm lại” (Ro 3:19). Tuy vậy, điều này xảy đến cho bà là điều tốt nhất!

Thay vì lắng nghe lời Chúa, bà cố đưa Ngài đi “đường vòng” khi bàn luận về hình thức lễ nghi của người Do Thái và người Sa-ma-ri. Bàn luận về lễ nghi tôn giáo có lẽ thuận tiện hơn đối diện với tội lỗi! Tuy vậy, một lần nữa Chúa cho bà thấy sự tối tăm về thuộc linh của bà: không biết thờ phượng ai, thờ phượng ở đâu và thờ phượng bằng cách nào! Ngài tuyên bố rằng mọi hình thức tôn giáo đều không làm Đức Chúa Trời đẹp lòng, như một số tín đồ vẫn hành động theo cách thiếu hiểu biết và vô tín.

Niềm tin duy nhất được Đức Chúa Trời chấp nhận là niềm tin đến từ dân Do Thái. Kinh Thánh xuất phát từ Do Thái và Đấng Christ cũng là người Do Thái. Những Cơ Đốc nhân đầu tiên là người Do Thái. Một nhân viên mộ đạo làm việc trong một phi trường nói rằng Đấng cứu rỗi thể gian từ Hàn quốc đến, nhưng Chúa Giê-xu phán: “Sự cứu rỗi bởi người Do Thái mà đến” (Gi 4:22). Những ai có Đức Thánh Linh ngự vào và sống theo chân lý là những người thờ phượng đẹp lòng Đức Chúa Trời.

Thật là câu nói gây ấn tượng khi cho rằng sự thờ phượng sẽ không còn giới hạn trong đền thờ dân Do Thái. Câu nói của Chúa là hợp với Gi 2:19-21 và cũng là lời của Ê-tiên trong Cong 7:1-18-50. Rõ ràng, Phúc Âm Giảng bày tỏ rằng có một cửa lễ mới (Gi 1:29), một đền

thờ mới (4:11). Dân Do Thái khi đọc Phúc Âm này phải hiểu rằng qua Chúa Giê-xu, Đức Chúa Trời đã lập một kế hoạch mới. Luật pháp của giao ước cũ đã được làm trọn và bước sang trang mới.

Đấng Christ (4:25-30). Dù thiếu hiểu biết, người đàn bà vẫn tin một chân lý: Đấng Mê-si-a sẽ đến bày tỏ mọi điều trong lòng người. Chúng ta biết bà học lẽ thật này từ đâu, nhưng hạt giống cho đến giờ này đã được gieo vào lòng bà và kết quả. Chúa phán với bà: “Ta, người đang nói với người đây chính là Đấng đó” (c.26) Ngài đã công khai tuyên bố danh Thánh của Đức Chúa Trời!

Lúc này người đàn bà tin nhận Chúa Giê-xu và được đổi mới. Bà nôn nóng muốn chia sẻ niềm tin mình với người khác nên chạy vào làng cho mọi người biết rằng bà đã gặp Đấng Christ. Khi suy ngẫm về điều này, chúng ta thấy sự hiểu biết chân lý thuộc linh đơn sơ và sự sốt sắng làm chứng của người đàn bà đã khiến chúng ta phải xấu hổ. Đức Chúa Trời đã sử dụng lời chứng đơn sơ của bà khiến nhiều người chạy đến giếng nước mong gặp Chúa Giê-xu. Các Ra-bi Do Thái cho rằng thà những lời luật pháp bị thiêu cháy hơn là phân phát nó cho người đàn bà! Nhưng Chúa Giê-xu không đồng tình với thành kiến hẹp hòi ấy.

Vì sao người đàn bà để lại cái vò nước khi vội vã vào thành. Bà có “mạch nước sống” trong lòng nên rất thoả mãn. Bà cũng có ý sẽ trở lại, và trong thời gian này Chúa cùng các môn đệ có thể uống nước tại giếng. Những rào chắn “kỳ thị” và những mâu thuẫn trước đây giờ đã bị phá vỡ! Tất cả đều hiệp một trong đức tin và tình yêu thương.

Người đàn bà không đặt niềm tin nơi Chúa ngay lúc đầu. Chúa vẫn kiên nhẫn với bà. Qua đó Ngài đã làm một tấm gương cho chúng ta noi theo trong công việc thường nhật của mình. Hẳn bà là người có hy vọng được cứu rất mong manh, vậy mà Đức Chúa Trời đã dùng bà để cứu cả làng!

2. Các môn đệ (Gi 4:31-38)

Khi các môn đệ đem thức ăn trở về, họ ngạc nhiên khi thấy Ngài nói chuyện với một người đàn bà, đặc biệt là người Sa-ma-ri! Nhưng họ không dám cắt ngang cuộc nói chuyện, vì biết Ngài hành động theo ý đã định, không cần sự can thiệp nào của họ. Sau khi người đàn bà đi khỏi, họ nài nỉ Ngài ăn với họ vì biết Ngài đã đói.

Lời đáp của Ngài “Ta có một lương thực để nuôi mình mà các ngươi không biết” (Gi 4:32) hẳn làm các môn đệ khó hiểu. Ngài giải thích rằng lương thực của Ngài là làm theo ý muốn Cha trên trời. Trong trường hợp này việc dẫn người đàn bà đến sự cứu rỗi là “chất bổ dưỡng” thật cho linh hồn Ngài. Các môn đệ chỉ thoả mãn với bánh thuộc thể, nhưng Chúa Giê-xu thoả lòng với sự làm trọn công việc của Cha Ngài.

Philip Brooks nói rằng: “Hãy tìm kiếm chất bổ dưỡng cho sự sống của bạn qua công việc của sự sống”. Ý muốn Đức Chúa Trời phải là nguồn năng lực và thoả lòng cho con cái Ngài, giống như đang dự một buổi tiệc linh đình vậy. Nếu điều gì chúng ta làm khiến chúng ta mệt mỏi hơn là được gây dựng, vậy ta nên tự hỏi liệu đó có phải là ý muốn Đức Chúa Trời dành cho chúng ta hay không.

Chúa chúng ta không xem ý muốn Đức Chúa Trời như một gánh nặng hay một công tác nhàm chán. Ngài xem công việc ấy như chính thực phẩm của linh hồn mình. Làm theo ý

muốn Đức Chúa Trời đã gây dựng và làm Ngài thoả lòng. “Hỡi Đức Chúa Trời tôi, tôi lấy làm vui mừng làm theo ý muốn Chúa” (Thi 40:8). Người đàn bà Sa-ma-ri giờ đây cũng đang làm theo ý muốn Đức Chúa Trời và tìm thấy sự vui mừng càng thoả lòng trong tâm linh.

Chúa Giê-xu chuyển hình ảnh về thức ăn sang hình ảnh của đồng ruộng trong mùa gặt là nguồn “lương thực”. Ngài lặp lại các châm ngôn quen thuộc của dân Do Thái nói về sự chờ đợi mùa gặt. Ngài muốn nói đến những người trong làng, họ đã đến với Ngài nhờ lời chứng của người đàn bà Sa-ma-ri. Các môn đệ đi vào thành chỉ để mua thức ăn cho mình chứ không hề rao giảng Phúc Âm. Chính người đàn bà Sa-ma-ri đã thay thế họ!

“Mùa gặt” là hình ảnh quen thuộc trong Kinh Thánh, thường được dùng để nói về công tác thu phục linh hồn tội nhân. Ví dụ về người gieo giống (Mat 13:1-30) có liên quan đến chủ đề trên, cũng được Phao-lô nói đến trong các thư tín (Ro 1:13 ICo 3:6-9 Ga 6:9). Chúng ta phải gieo hạt giống của Đạo Đức Chúa Trời vào lòng kẻ nghe và cố gắng chăm sóc hạt giống ấy bằng tình yêu thương và sự cầu nguyện. Đến kỳ, hạt giống ấy có thể kết quả cho sự vinh hiển của Đức Chúa Trời.

Khi các môn đệ đến thành Si-kha xứ Sa-ma-ri, có lẽ họ cho rằng không thể có mùa gặt ở đây! Dân này rất ghét người Do Thái của chúng ta, vậy sẽ chẳng ích lợi gì khi rao giảng cho họ!” Thế nhưng kết quả ngược với suy nghĩ họ, “mùa gặt” đã sẵn sàng, chỉ chờ con gặt trung tín đến “thu hoạch” mà thôi! Khi làm chứng cho Chúa Giê-xu, chúng ta thường cảm thấy “chưa phải lúc” hay “chưa đúng chỗ”. Cần có đức tin để gieo hạt giống này, nên chúng ta phải làm chứng về Chúa dù ở trong những hoàn cảnh dường như bất lợi. Bạn hãy đọc và suy ngẫm Tr 11:4. Không hề có sự cạnh tranh trong mùa gặt của Chúa, mỗi chúng ta đều được giao một nhiệm vụ và tất cả đều cộng tác với nhau (ICo 3:6-9). Người trồng, kẻ tưới, nhưng mỗi người đều sẽ lãnh phần thưởng tùy công việc mình làm.

Gi 4:38 cho thấy đã có những người đến giảng đạo trước tại Sa-ma-ri và dọn đường sẵn cho “mùa gặt này”. Chúng ta không biết họ là ai và cũng không cần phải biết, vì Đức Chúa Trời hẳn sẽ thưởng công xứng đáng cho họ. Có lẽ trong số những người trung tín này, một số là môn đệ Giảng số khác đã nghe bài giảng của Giảng Báp-tít. Họ đã đến với vùng đất khô cằn này. Một số nhà khảo cổ học xác định vị trí của “Ê-nôn gần Sa-lim” nơi Giảng Báp-tít làm phép báp-tem (3:23), là nơi gần thành Si-kha và giếng Gia-cốp. Như vậy, Giảng Báp-tít đã “khai hoang” vùng đất này để gieo “giống”, còn Chúa Giê-xu và các môn đệ là người “thu hoạch”. Đương nhiên, người đàn bà này cũng góp phần gieo giống qua hành động làm chứng cho nhiều người khác.

Các môn đệ đã học một bài học quý giá, khích lệ họ rất nhiều vào những năm sau đó. Họ không đơn độc khi hầu việc Chúa, vì vậy không bao giờ xem bất cứ cơ hội làm chứng nào là vô ích và mất thời gian cả. Cần phải có đức tin để khai khẩn đất và gieo giống, nhưng Đức Chúa Trời cũng hứa ban một mùa gặt cho chúng ta (Thi 126:5,6 Ga 6:4). Trong những năm sau, Phi-e-rơ và Giảng đã bước vào một mùa gặt khác giữa xứ Sa-ma-ri (Cong 8:5-25). Những người gieo giống có thể không nhìn thấy mùa gặt, nhưng những kẻ thâu hoạch sẽ dâng lời cảm tạ Đức Chúa Trời về những kẻ gieo giống trung tín.

Từ “công lao” ở Gi 4:38, theo tiếng Hy Lạp có nghĩa như “mệt mỏi” ở 4:6. Gieo giống, chăm sóc và thu hoạch là những công việc khó nhọc, không chỉ ở lãnh vực tự nhiên mà còn ở lãnh

vực thuộc linh nữa. Không có chỗ cho kẻ lười biếng trong mùa gặt! Công việc thật khó nhọc, vậy mà con gặt quá ít!

3. Người Sa-ma-ri (Gi 4:39-42)

Nhiều người Sa-ma-ri tin nhận vì lời chứng của người đàn bà. Sau đó có thêm nhiều người tin theo khi họ nghe Lời Chúa. Họ vui mừng đến nỗi nài xin Ngài ở lại với họ. Ngài ở cùng họ trong 2 ngày. Trong thời gian ngắn ngủi ấy. Lời Ngài đã khiến đời sống họ kết quả.

Thật ý nghĩa khi những con người đổi mới này được gây dựng bởi Lời Chúa. Những người Sa-ma-ri này bắt đầu những bước đi thuộc linh khi tin nơi lời chứng của người đàn bà. Nhưng sau đó họ tin Đạo qua sự dạy dỗ của chính Đấng Christ. Không có sự cứu rỗi do người khác kể lại, nhưng họ biết mình được cứu do tin nơi Lời Ngài. “Vì chính chúng ta đã nghe Ngài” (Gi 4:42) – đó là lời chứng đầy vui mừng của họ.

Có lẽ bạn tưởng những người Sa-ma-ri này có đức tin rất hạn hẹp, chỉ xem Chúa Giê-xu là Đấng Christ của dân Do Thái và Sa-ma-ri. Nhưng họ xưng nhận Ngài là “Cứu Chúa của thế gian” (4:42). Trong vài ngày, họ không chỉ đổi mới mà còn có tầm nhìn về công tác truyền giảng! Thật vậy, tầm nhìn của họ còn rộng hơn sự hiểu biết của các sứ đồ!

Bạn sẽ thấy thú vị nếu dõi theo chuyến đi của Chúa Giê-xu đưa Ngài đến xứ Sa-ma-ri. Ngài từ Giê-ru-sa-lem (2:23) đến xứ Giu-đê (3:22), từ đó Ngài đến xứ Sa-ma-ri (4:4) và được dân này gọi Ngài là “Cứu Chúa của thế gian”. Chuyến hành trình này hoàn toàn giống với Cong 1:8 “Các người sẽ nhận lấy quyền phép, và làm chứng về ta tại thành Giê-ru-sa-lem, cả xứ Giu-đê xứ Sa-ma-ri cho đến cùng trái đất”, Ngài đã làm gương cho chúng ta và nếu noi theo Ngài, Ngài sẽ dắt chúng ta vào mùa gặt.

Người đàn bà Sa-ma-ri vô danh này là tín đồ sống kết quả, bà sinh nhiều “trái” (nhiều người tin theo) và tiếp tục “sinh quả” nhiều hơn cho vinh hiển của Đức Chúa Trời (Gi 15:1-5). Không ai biết rõ có bao nhiêu tội nhân đến với Đấng Christ nhờ lời chứng của người đàn bà này (được chép trong đoạn 4).

4. Quan thị vệ (Gi 4:43-54)

Chúa tiếp tục hành trình đến Ga-li-lê (4:3) và trở lại thành Ca-na. Ga-li-lê thường được biết đến là “Galil ha Goyim”- Ga-li-lê của dân ngoại. Rõ ràng Chúa nhận thấy xứ Giu-đê (quê hương Chúa) có sự thù địch ngày càng tăng của các chức sắc tôn giáo, dù chưa có sự chống đối ra mặt trong thời gian đầu. Giu-đê chưa hề nhìn biết Ngài dù Ngài được sinh ra tại Bết-lê-hem. Người ta chỉ biết Ngài như vị tiên tri xứ Ga-li-lê (Gi 7:52 Mat 21:11). Ngài hiểu rằng hưởng ứng của dân chúng đối với chức vụ Ngài ở Giê-ru-sa-lem rất giả dối và hời hợt (Gi 2:23-25). Điều đó chẳng có gì tỏ ra tôn trọng Ngài cả.

Vì sao Chúa trở lại thành Ca-na? Có lẽ Ngài muốn chăm sóc “hạt giống” Ngài gieo ra ở đây khi dự tiệc cưới. Na-tha-na-ên xuất thân từ thành Ca-na, nên có lẽ đây cũng là lý do riêng để Chúa thăm thành này. Tại đây, Ngài gặp quan thị vệ thành Ca-bê-na-um là thành cách Ca-na khoảng 20 dặm. Vị quan này đã nghe đồn về phép lạ của Chúa nên đã lặn lội từ xa đến để xin Ngài chữa bệnh cho đứa con trai đang hấp hối. Phép lạ đầu tiên tại thành Ca-na xảy ra do lời thỉnh cầu của mẹ Ngài (2:1-5) và phép lạ thứ hai do lời cầu xin của một người cha (4:47).

Vị quan này là người Do Thái hay người ngoại? Chúng ta không rõ điều này, cũng không biết đích xác chức vị của ông trong quốc gia ra sao. Có lẽ ông là một vị quan trong triều Hê-rốt. Dù địa vị xã hội ra sao, ông vẫn là con người yếu đuối bất lực, rất cần sự cứu giúp của Đấng Christ. Ông cứ khẩn thiết nài xin Chúa đến thành Ca-bê-na-um để chữa bệnh con trai ông.

Câu 48 không phải là lời quở trách vị quan này, nhưng là lời than vãn của Chúa về tình trạng thuộc linh của con người nói chung, đặc biệt là xứ Giu-đê và xứ Ga-li-lê. “Thấy mới tin” luôn là một triết lý thực dụng của thế gian hư mất và cả thế giới mộ đạo nữa! Quan thị vệ tin rằng Chúa có thể chữa lành con trai ông. Tuy nhiên, ông đã mắc sai lầm trong tư tưởng: cho rằng Chúa phải đến Ca-bê-na-um mới cứu được đứa trẻ, và nếu cậu bé chết lúc này nghĩa là đã quá muộn!

Chúng ta phải khâm phục đức tin của vị quan này. Chúa chỉ phán “Hãy đi! Con của người sống”, nhưng ông tin theo và quay về nhà. Người đàn bà Sa-ma-ri và cả vị quan vô danh này chắc hẳn đã khiến Chúa rất đẹp lòng khi họ tin Lời Ngài và hành động theo lời phán ấy.

Đứa con trai được chữa lành ngay sau lời phán của Chúa, nên các đầy tớ chạy đi báo tin mừng cho quan thị vệ. (Đó là những đầy tớ chứng kiến việc xảy ra – 2:9 15:15). Cậu bé được chữa lành vào giờ thứ bảy, theo giờ Rô-ma là 7 giờ tối. Người cha hẳn không muốn ra đi lúc đêm tối, vì rất nguy hiểm, cả các đầy tớ cũng không dám liều lĩnh. Đức tin người cha này mạnh mẽ đến nỗi chưa muốn về nhà dù lòng ông rất mong gặp đứa con yêu dấu của mình. Khi gặp các đầy tớ vào ngày hôm sau, lời tường thuật của họ làm quan thị vệ càng thêm vững tin. Bạn hãy để ý, thấy rằng người cha chỉ nghĩ sự chữa lành của Chúa sẽ đến từ từ (“đã thấy khá”) nhưng các đầy tớ kể rằng cậu bé lành bệnh hoàn toàn.

Người cha khởi đầu niềm tin bằng sự khủng hoảng. Ông sắp mất con và chỉ còn biết trông cậy nơi Chúa Giê-xu. Nhiều người đã đến với Ngài trong tình trạng vô vọng, nhưng Ngài chẳng quay lưng với họ. Sự hoang mang của quan thị vệ đã trở nên một đức tin mạnh mẽ: ông tin Lời phán của Chúa nên lòng rất bình an, thậm chí chưa muốn về nhà vì biết rằng con mình đã thoát khỏi cơn hiểm nghèo.

Đức tin mạnh mẽ của quan thị vệ đã trở nên một đức tin xác quyết. Cậu bé được chữa lành hoàn toàn, sự chữa lành này xảy ra sau lời phán của Chúa. Sự thật này đã khiến quan thị vệ và cả nhà ông tin theo Chúa. Ông tin Ngài là Đấng Christ – Con Đức Chúa Trời và chia sẻ niềm tin ấy cho cả gia đình. Niềm tin của ông đã gây ảnh hưởng đến những người khác khi ông chia sẻ cho mọi người.

Đây là một trong nhiều phép lạ Chúa Giê-xu thực hiện “từ xa”. Ngài chữa lành đầy tớ thầy đội (Mat 8:5-13) và con gái người đàn bà Ca-na-an theo cách ấy (Mat 15:21-28). Họ là những người ngoại theo cách nói thuộc linh, họ là người “ngày trước cách xa” (Eph 2:12-13). Có lẽ quan thị vệ cũng là người ngoại.

Câu Gi 4:54 không khẳng định sự chữa lành này là phép lạ thứ 2 của Chúa Giê-xu vì như vậy sẽ mâu thuẫn với Gi 2:23 và 3:2. Đây là phép lạ thứ hai Chúa thực hiện tại thành Ca-na xứ Ga-li-lê (2:1-11). Ngài đã ban cho dân xứ này những đặc ân.

Chúng ta cần biết hai phép lạ trên được thực hiện ở chỗ riêng tư chứ không phải trước đám đông. Bà Ma-ri, các môn đệ và những đầy tớ biết “rượu ngon” từ đâu đến, nhưng khách mời không hề biết. (Dĩ nhiên có lẽ sau đó các đầy tớ đã kể chuyện này cho người khác). Con trai quan thị vệ được chữa lành tại Ca-bê-na-um chứ không phải Ca-na, nhưng tin đồn đã lan nhanh chỉ trong vài ngày.

Phép lạ đầu tiên Chúa làm tại tiệc cưới bày tỏ quyền năng Ngài trên thời gian. Cha trên trời đã sẵn sàng biến nước thành rượu, Ngài thực hiện điều này từ trước, nhưng Chúa Giê-xu “làm ra rượu trong nháy mắt”. Điều này có nghĩa là phép lạ của Ngài là sự bày tỏ những điều Đức Chúa Trời thực hiện. “Cha ta làm việc cho đến bây giờ, ta đây cũng làm việc như vậy” (5:17). Cha trên trời đã hoá bánh ra nhiều từ trước, nhưng Con Ngài hoá bánh trong nháy mắt.

Ở phép lạ thứ hai, Chúa bày tỏ quyền năng Ngài trên không gian. Ngài bị giới hạn chỉ vì Ngài ở Ca-na và đứa bé bị bệnh ở Ca-bê-na-um. Việc người cha tin lời phán của Chúa dù đến ngày hôm sau mới biết kết quả, đó là chứng cứ về đức tin mạnh mẽ của ông. Ông tin cậy nơi lời Chúa, và chúng ta cũng phải có đức tin ấy.

5. CON NGƯỜI, ĐÁNG BÌNH ĐẲNG VỚI ĐỨC CHÚA TRỜI (Gi 5:1-46)

Hai phép lạ đầu tiên của Chúa Giê-xu được Giảng ghi chép có tính chất thật siêu nhiên. Các đầy tớ vì môn đệ biết Chúa biến nước thành rượu. Những người hầu, quan thị vệ và gia đình ông biết Chúa đã chữa lành đứa con trai bệnh nặng. Phép lạ Chúa thực hiện ở đoạn 5 không chỉ trước nhiều người chứng kiến nhưng Ngài còn làm phép lạ ấy trong ngày Sa-bát gây sự chống đối từ phía các nhà lãnh đạo tôn giáo. Chúng ta thấy đây là khởi đầu của sự bất bõ chính thức chống lại Cứu Chúa. Đây là một màn kịch có ba hồi rất lý thú.

1. Sự chữa lành (Gi 5:1-15)

Khi tham quan ngôi nhà thờ St. Anne ở Giê-ru-sa-lem, bạn sẽ thấy người ta đã khai quật nơi đây và tìm ra dấu vết của ao Bê-tết-đa ngày xưa. Tiếng Hê-bơ-rơ của tên Bê-tết-đa được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau. Một số cho rằng nó có nghĩa là “nhà của tình thương” hay “nhà ân điển”, nhưng số khác nói rằng đó là chỗ của hai nguồn nước”. Chứng cứ về lịch sử và khảo cổ học cho thấy trước đây có 2 hồ nước kế cận nhau cung cấp cho cả vùng này. Ao Bê-tết-đa này nằm gần phía đông bắc của thành phố cũ, gần Cửa Chiên (Ne 3:1 12:39). Có lẽ Giảng đã tìm ra một ý nghĩa thuộc linh nào đó đối với vị trí này, vì ông đã cho người đọc biết rằng Chúa Giê-xu là “Chiên Con của Đức Chúa Trời” (Gi 1:29).

Chúng ta không biết Chúa lên Giê-ru-sa-lem để dự lễ nào, nhưng điều đó không quan trọng. Mục đích của Chúa không phải để duy trì một hình thức tôn giáo nhưng để chữa lành một người và thực hiện phép lạ làm nền tảng cho một bài giảng của Ngài trước đám đông. Phép lạ này chứng minh điều Ngài phán ở Gi 5:24 – đó là quyền năng của Lời Ngài và sự sống đời đời.

Có thể đúng khi một số bản dịch Kinh Thánh bỏ đi phần cuối Gi 5:3,4, nhưng thật đúng với biến cố (kể cả lời của người bại trong 5:7) sẽ chẳng có mấy ý nghĩa nếu những câu này bị bỏ đi. Tại sao nhiều người đặc biệt là người bại nhiều năm như vậy cứ trụ lại tại một chỗ

nếu không có gì đặc biệt xảy ra? Bạn có thể nghĩ rằng sau 38 năm chờ đợi không có gì xảy ra, ngoài ngày phải dời đi chỗ khác và thôi hi vọng. Chúng ta phải có sự khôn ngoan để thấy rằng hẳn điều kỳ diệu nào đó đã giữ những con người bệnh tật này tại ao với hy vọng được chữa lành.

Theo sự mô tả của Giăng, họ là những con người “đau ốm, mù quáng tàn tật, bại xuội” (Gi 5:3). Quả thật, tội lỗi đã gây nên thảm trạng trên thế gian! Nhưng sự chữa lành là một trong những công việc được báo trước của Đấng Mê-si-a (Es 35:3-6). Các nhà lãnh đạo tôn giáo cũng biết Kinh Thánh, lẽ ra họ đã nhận biết Đấng Cứu chuộc của mình, nhưng tâm linh họ đã bị mù loà.

Dù nhìn xem phép lạ này ở góc độ nào, đó vẫn là một minh chứng về ân điển của Đức Chúa Trời. Ân điển đã khiến Chúa Giê-xu đến ao Bê-tết-đa, Ngài là Đấng muốn gần gũi với những con người tuyệt vọng khốn cùng! Ngài không chữa lành tất cả nhưng chỉ chữa cho một người. Hành động Chúa đến với người bại này, chuyện trò, chữa lành ông và còn gặp lại ông lần nữa trong đền thờ, đó là chứng cứ về ân điển và lòng thương xót vô hạn của Ngài.

Giăng cho biết người bại liệt đã mắc bệnh 38 năm. Có lẽ qua đó, Giăng nhìn thấy hình ảnh dân Do Thái đi trong đồng vắng suốt 38 năm (Phu 2:14). Theo cách nói thuộc linh, dân Y-sơ-ra-ên là dân tộc “bất lực” đang mòn mỏi chờ đợi một điều gì đó xảy đến.

Chúa Giê-xu biết rõ tình trạng của người bại (Gi 2:23-24) nên Ngài hỏi ông rằng ông có muốn được chữa lành hay không. Bạn có thể nghĩ người này sẽ đáp lại cách nhiệt thành: “Vâng, tôi muốn được lành” Trái lại, ông ta bắt đầu viện lý do! Ông đã ở trong tình trạng bi thảm này quá lâu đến nỗi ý chí ông cũng bị tê liệt như thân thể ông vậy. Tuy nhiên, nếu so sánh câu 6 với câu 40, bạn sẽ thấy Chúa Giê-xu cũng có một bài học thuộc linh. Người bại này đại diện cho tình trạng thuộc linh bi thảm của dân tộc Do Thái.

Chúa chữa lành người bại bằng quyền năng của lời phán Ngài. Ngài bảo người bại làm một việc ngoài khả năng ông ta, nhưng đây chính là quyền linh nghiệm trong lời truyền của Ngài (He 4:12 Mac 3:5). Sự chữa lành xảy ra tức thì, có sự chứng kiến của nhiều người quanh ao nước, Chúa không dừng lại để chữa lành thêm bất cứ ai khác, nhưng Ngài “đi khỏi” (tiếng Hy Lạp có nghĩa như “lẩn tránh”) nơi đó, vì không muốn để xảy ra một vấn đề rắc rối nào.

Nếu Chúa không thực hiện phép lạ này trong ngày Sa-bát, chắc sẽ không có vấn đề gì đáng nói. Dĩ nhiên Ngài có thể đến đây trước một ngày hay chờ cho hết ngày Sa-bát, nhưng Ngài muốn gây chú ý cho các chức sắc đền thờ. Sau đó, Ngài cũng chữa lành người mù trong ngày Sa-bát (Gi 9:1-14). Các thầy thông giáo đã nêu lên danh sách 39 điều cấm kỵ trong ngày Sa-bát, trong số đó việc mang gánh nặng. Thay vì chung niềm vui được lành bệnh của người bại, các nhà lãnh đạo này lại tố cáo ông ta phạm luật. Vì đã vác giường đi trong ngày Sa-bát!

Chúng ta không dễ hiểu rõ mối liên hệ giữa người này với Chúa Giê-xu ra sao. Không có chứng cứ gì cho thấy ông tin Chúa và được thay đổi, nhưng cũng không thể nói rằng ông nghịch lại với Đấng Christ. Thật ra, ông không biết ai đã chữa lành cho mình cho đến lúc gặp Chúa Giê-xu trong đền thờ. Hẳn ông đến đền thờ để dâng lời tạ ơn Đức Chúa Trời và dâng Ngài của lễ thích hiệp. Thật kỳ lạ khi người này không chịu tìm kiếm mối liên hệ mật thiết hơn với Đấng đã chữa lành mình. Nhiều người cũng từng đón nhận ơn phước cách khiêm cung, nhưng lại vô tâm với Đấng Ban Cho.

Phải chăng người này “thông báo” cho người Giu-đa biết về Chúa Giê-xu vì sợ hãi? Chúng ta không rõ điều này. Người Giu-đa chỉ nhắm vào mục đích tố cáo Chúa Giê-xu, chớ không quan tâm gì đến người được chữa lành này cả. Không giống như người mù được chữa lành ở đoạn 9, người bại được lành này không bị rút phép thông công. Lời Chúa phán ở 5:14 cho thấy tình trạng thuộc thể bị đày của ông ta là hậu quả của tội lỗi. Ngài không có ý cho rằng tội lỗi người này được tha như Ngài từng nói với người bại được dòng từ mái nhà xuống (Mac 2:1-12). Dù kinh nghiệm được một phép lạ kỳ diệu, cũng chưa hẳn là được cứu rỗi và hưởng Nước thiên đàng!

2. Sự tranh luận (Gi 5:16-18)

Các nhà lãnh đạo Do Thái không truy tố người được chữa lành dù ông ta “phạm” luật Sa-bát, họ chỉ muốn bắt bớ Chúa Giê-xu. Với tư cách là những người bảo vệ tôn giáo, một số thành viên của Toà Công Luận (hội đồng xét xử trong giáo hội) có nhiệm vụ tìm hiểu những người giảng đạo và giáo sư mới đến trong xứ, nhằm ngăn chặn tình trạng tiên tri giả trà trộn vào dẫn dụ dân sự. Chức vụ của Giảng Báp-tít cũng bị dò xét (Gi 1:19). Và bây giờ lại có thêm nhiều người xét nét chức vụ của Chúa Giê-xu.

Chúa Giê-xu đã chữa lành cho một người bị quỷ ám trong ngày Sa-bát (Lu 4:31-37) nên toà Công Luận đã để tâm nghi ngờ. Vài ngày sau khi thực hiện phép lạ chép trong đoạn 5, Chúa đã bênh vực lý lẽ cho các môn đệ về việc họ bứt bông lúa mì trong ngày Sa-bát (Mat 12:1-8) Ngài cũng chữa lành một người bị teo tay trong ngày Sa-bát (Mat 12:9-14). Ngài không ngại đối đầu với những truyền thống lễ nghi của người Pha-ri-si và các thầy thông giáo. Ngày Sa-bát là ngày Đức Chúa Trời ban cho con người, thế nhưng họ đã biến ngày ấy thành nhà tù của những lề luật khe khắt.

Khi họ tố cáo Chúa Giê-xu về những việc làm được cho là phạm luật, Ngài chỉ đáp Ngài đang làm những gì cha Ngài đang làm (Gi 5:17). Sự yên nghỉ trong ngày Sa-bát của Đức Chúa Trời đã bị tội lỗi loài người phá vỡ (Sa 3:1-24) và kể từ khi loài người phạm tội, Đức Chúa Trời luôn tìm kiếm tội nhân hư mất để cứu họ. Khi Chúa phán “Cha ta” thay vì nói “Cha chúng ta” như dân Do Thái thường dùng, Ngài muốn tuyên bố rằng Ngài bình đẳng với Đức Chúa Trời.

Các nhà lãnh đạo Do Thái hiểu ngay lời tuyên bố của Chúa, nên họ từ chỗ tố cáo Ngài phạm luật Sa-bát, đã cáo Ngài thành tội lộng ngôn, vì Ngài tuyên bố mình là Đức Chúa Trời. Những nhà thần học nào nói rằng Chúa Giê-xu chưa bao giờ xưng Ngài là Đức Chúa Trời hẳn sẽ rất bối rối khi xem đoạn Kinh Thánh này.

Dĩ nhiên bản án dành cho tội lộng ngôn sẽ là tử hình. Từ đây người ta công khai tố cáo Chúa, dẫn đến việc Ngài bị đóng đinh trên thập tự giá. Những ngày kế tiếp, Chúa thường chạm trán với những kẻ thù nuôi ý đồ giết Ngài (Gi 7:19,25 8:37,59). Ngài bị họ ghét một cách vô cớ (15:18-25). Họ chỉ nghĩ đến ý định “tiêu diệt” Ngài, chớ chẳng quan tâm đến những việc tốt đẹp Ngài đã làm cho những kẻ khốn cùng vô vọng.

Ngài tự nhận mình ngang hàng với Đức Chúa Trời, bởi chính Ngài là Đức Chúa Trời! Đây là chủ đề lớn của Phúc Âm Giảng. Các nhà lãnh đạo Do Thái không thể bác bỏ được lời chứng của Ngài nên lập mưu giết Ngài. Sự chết và sự sống lại của Chúa Giê-xu khẳng định mạnh mẽ thần tính Ngài. Đó cũng là vũ khí chống trả lại kẻ thù Ngài.

Nhà văn người Anh George Mac Donald nói rằng Gi 5:17 cho chúng ta cái nhìn sâu sắc về những phép lạ của Chúa Giê-xu Ngài thực hiện tức thì những điều Cha trên trời vẫn luôn làm đều đặn. Ví dụ như Đức Chúa Trời hoá nước thành rượu từng giai đoạn, nhưng Chúa Giê-xu thực hiện trong nháy mắt. Bởi quyền phép siêu nhiên Đức Chúa Trời chữa lành những thân thể hư hoại và Chúa Giê-xu chữa lành kẻ bệnh hoạn trong tức khắc. Thiên nhiên luôn sản sinh ra vật thực một cách tuần hoàn, nhưng Chúa Giê-xu hoá bánh ra nhiều cách nhanh chóng bằng đôi tay Ngài.

3. Những lời xác nhận (Gi 5:19-47)

Để đáp lời tố cáo, Chúa Giê-xu đưa ba lời xác nhận có ý nghĩa chứng minh cho địa vị làm Con Đức Chúa Trời của Ngài:

Thứ nhất: Ngài tuyên bố rằng mình bình đẳng với Đức Chúa Trời (5:19-23). Thay vì chối bỏ lời buộc tội, Ngài tán đồng sự thật đó! Nếu hôm nay có ai đó cũng tuyên bố như vậy, chúng ta sẽ cho rằng đây là người bị chứng tâm thần hoặc chỉ nói đùa. Lẽ dĩ nhiên, Chúa không hề “tâm thần”. Ngài tỉnh táo minh chứng cho lời tuyên bố của mình. Hoặc Ngài nói thật, hoặc Ngài là kẻ nói dối. Nếu Ngài nói dối, bạn sẽ giải thích ra sao về những việc tốt lành Ngài đã làm cho những kẻ khốn khổ? Không ai muốn tin vào một lời dối trá. Các môn đệ của Chúa đều sẵn sàng chết cho Ngài.

Chúa Giê-xu tuyên bố Ngài là một với Cha trong mọi việc Ngài làm. Nếu chữa bệnh trong ngày Sa-bát là “tội lỗi”, vậy Đức Chúa Trời mới là Đấng “đáng trách” Chúa Giê-xu không hành động điều gì do ý Ngài, nhưng làm những gì Cha trên trời đang thực hiện. Cha và Con đồng công với nhau, cũng làm những công việc theo một cách giống nhau. “Ta với Cha là một” (Gi 10:30).

Khi hiện thân làm người trên đất, Chúa Giê-xu phó thác mình cho Cha trong mọi sự “Đây này, tôi đến để làm theo ý muốn Chúa” (He 10:8). Ngài đã từ bỏ vinh hiển và quyền tự do hành xử các thuộc tính thiên thượng của mình. Trong đồng vắng, Ngài bị Sa-tan cám dỗ để dùng đến quyền năng thiên thượng vì chính mình, nhưng Ngài từ chối và hành động cách dứt khoát. Trong mọi sự Ngài vâng theo ý Cha và Thánh Linh Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời không chỉ bày tỏ cho Con công việc Ngài và giúp Con thực hiện công việc ấy, nhưng Cha còn chia sẻ tình yêu cho Con (5:20). Ba sách Phúc Âm Mã-thi, Mác, Lu-ca mở đầu bằng lời phán của Đức Chúa Trời dành cho Chúa Giê-xu “Con yêu dấu của ta” và Giảng nhắc lại ý niệm này ở Gi 3:35. Chúng ta thường nghĩ đến tình yêu Đức Chúa Trời dành cho thế gian hư mất (như ở 3:16), nhưng cũng nên nhớ đến tình yêu Cha trên trời dành cho “Con yêu dấu” của Ngài.

Vì yêu Con, Cha bày tỏ công việc Ngài cho Con. Các nhà lãnh đạo Do Thái không hiểu được điều Chúa Giê-xu muốn nói, vì họ không biết Cha, cũng không nhận ra Con. Cha còn thực hiện những việc lớn hơn, là những việc bọn họ không thể ngờ. Có lẽ Chúa đã có trong trí việc chữa lành La-xa-rơ khi nhắc đến vấn đề kẻ chết được sống lại ở Gi 5:21.

Dưới mắt các quan Do Thái, việc Chúa tuyên bố Ngài có quyền khiến kẻ chết sống lại là tội lộng ngôn vì chỉ có Đức Chúa Trời mới có quyền ấy. Họ cho rằng Đức Chúa Trời là Đấng giữ ba chìa khoá lớn: chìa khoá mở trời và giáng mưa (Phu 28:12), chìa khoá mở lòng mẹ và ban sự sinh sản (Sa 30:22) và chìa khoá mở cửa mồ khiến kẻ chết sống lại (Exe 37:13). Đến giai

đoạn này trong các sách Phúc Âm, Chúa vẫn chưa thực hiện phép lạ nào khiến kẻ chết sống lại, nên lời tuyên bố của Ngài càng gây thêm sự chống đối mạnh mẽ! Câu Gi 5:21 chắc hẳn mang nhiều ý nghĩa vượt hơn việc khiến kẻ chết sống lại về thuộc thể, vì Chúa muốn liên hệ sâu xa đến sự sống thuộc linh mà Ngài có thể ban cho những kẻ chết về tâm linh. Ngài giải thích rõ về lễ thật này như đã chép trong Gi 5:24-29.

Chúa Giê-xu tuyên bố Ngài bình đẳng với Cha trong việc làm, Ngài cũng tuyên bố mình bình đẳng với Cha trong việc xét đoán (5:22). Đối với người Do Thái chính thống, Đức Chúa Trời là “Đấng đoán xét cả thế gian” (Sa 18:25). Vì vậy không ai dám áp dụng danh hiệu oai nghiêm ấy cho chính mình. Chỉ có Chúa Giê-xu làm điều ấy! Qua lời tuyên bố Ngài là Đấng xét đoán, Ngài cũng muốn nói rằng: Ngài là Đức Chúa Trời. “Vì Ngài đã chỉ định một ngày, khi Ngài sẽ lấy sự công bình đoán xét thế gian, bởi Người Ngài đã lập” (Cong 17:31).

Chúa Giê-xu còn tuyên bố quyền bình đẳng của Ngài với Cha ở lãnh vực khác, đó là: “được tôn kính” giống như Cha (Gi 5:23). Việc Ngài là Đấng đoán xét được chỉ định từ trước, cũng đủ để con người phải tôn kính Ngài. Thật là lời tuyên bố kỳ lạ! Nếu không tôn kính Con – bạn sẽ không tôn kính Cha! Những kẻ “mô đạo” nào cho rằng mình thờ phượng Đức Chúa Trời, nhưng chối bỏ quyền của Đấng Christ, những kẻ ấy sẽ không có Cha và Con, không bởi Chúa Giê-xu, bạn không thể biết Đức Chúa Trời, thờ phượng và hầu việc Ngài được.

Thứ hai: Chúa Giê-xu còn tuyên bố rằng Ngài có quyền khiến kẻ chết sống lại (5:24-29). Ngài bày tỏ về chính mình bằng lời uy nghi “quả thật, quả thật” (5:19,24,25). Hơn 20 lần trong Phúc Âm Giảng, bạn sẽ thấy Chúa sử dụng cách nói trang trọng này. Ngài như muốn nói rằng: “Hãy để tâm đến điều này. Điều ta sắp nói rất quan trọng!”

Ở phần Kinh Thánh hấp dẫn này, Chúa nói đến bốn sự sống lại khác nhau (5:24-25 Eph 2:1-10). Ngài mô tả sự sống lại của tội nhân trong sự sống đời đời. Tội nhân hư mất tựa như một xác chết không có sự sống và vô phương cứu chữa. Dù cho người lo việc tang lễ có tắm rửa xác chết, nó vẫn là xác chết! Không có vấn đề “xác chết này tệ hơn xác chết nọ”. Nếu đã chết bạn là người chết! Tội nhân hư mất không thể tự cứu mình và dĩ nhiên không thể ban cho chính mình sự sống.

Những tội nhân “đã chết” được “sống lại” ra sao? Khi họ nghe lời Đức Chúa Trời và tin Con Ngài. Bởi Lời Chúa kẻ bại tại ao nước được chữa lành (Gi 5:8). Khi Lời Ngài được phán ra, kẻ chết được sống lại (Lu 7:11-17 8:49-56 Gi 11:41-44). Lời Ngài là Lời sống và linh nghiệm” (He 4:12) khiến tội nhân hư mất sống lại từ cõi chết thuộc linh. “Sự sống đời đời” nghĩa là người được sống sẽ không bao giờ chết về mặt tâm linh nữa và cũng không bị đoán phạt (Ro 8:1). Nghe Lời Chúa và tin theo đồng nghĩa với “được cứu rồi”, nhưng chối bỏ Lời Ngài là chuốc cho mình “sự xét đoán” (Gi 12:48).

Sự sống lại thứ hai là sự phục sinh của Chúa Giê-xu (5:26). Sự sống của chúng ta bắt nguồn từ một sự sống khác, nhưng sự sống của Ngài chính là “nguồn cội” của mọi sự sống: “Trong Ngài có sự sống” (1:4). Mồ mả không thể giữ được Ngài vì Ngài là “Chúa của sự sống” (Cong 2:24 4:15). Ngài đã phó sự sống mình và có quyền lấy lại (Gi 10:17-18). Vì là cội nguồn của sự sống nên Ngài có thể ban phát sự sống cho mọi kẻ tin nhận Ngài.

Sự sống lại thứ ba, gọi là sự sống lại trong kỳ sau rốt khi những người tin Chúa được sống lại từ cõi chết (Gi 5:28-29). Lễ thật này được giải thích ở 1Te 4:13-18 và 1Co 15:1-58. Hãy nhớ rằng sự sống lại này không phải là “sự tái tạo”. Đừng cho rằng Đức Chúa Trời sẽ chấp vá

những mảnh da thịt của người chết lại với nhau! Thân thể sống lại là thân thể mới, vinh hiển, phù hợp với môi trường mới trên thiên đàng. Sự chết chưa phải là kết thúc cuối cùng của người tin Chúa. Người ấy cũng sẽ không sống nơi thiên đàng như một linh hồn không có xác. Đức Chúa Trời cứu rỗi con người cách trọn vẹn, linh hồn và cả thể xác (Rô 8:23 Phi 3:20-21). Sự sống lại này sẽ xảy ra khi Chúa Giê-xu tái lâm nơi không trung để kêu gọi những kẻ thuộc về Ngài.

Sự sống lại thứ tư là sự sống lại để chịu xét đoán (5:29b). Sự sống lại này dành cho kẻ hư mất, xảy ra trước khi Chúa Giê-xu bước vào trời và đất mới (Kh 20:11-15). Thật đáng kinh khiếp, khi mọi kẻ chết “lớn và nhỏ” đứng hầu trước Chúa Giê-xu! Cha trên trời đã giao quyền xét đoán cho Con (5:22) và cũng ban cho Ngài quyền thi hành sự xét đoán này (5:27). Hôm nay, Chúa Giê-xu là Đấng Christ. Nhưng ngày kia, Ngài sẽ ngồi nơi ghế của Đấng xét đoán!

Danh hiệu “Con Người” được sử dụng trong Gi 5:27 có liên hệ với Đa 7:13-14 và là danh nói về Đấng Mê-si-a. Danh hiệu này được sử dụng 12 lần trong Phúc Âm Giăng và hơn 80 lần trong cả 4 sách Phúc Âm. Dân Do Thái đều biết đến danh hiệu này do đã đọc sách Đa-ni-ên. Vì vậy, khi Chúa nói đến danh hiệu ấy, họ hiểu Ngài muốn tuyên bố rằng Ngài là Đấng Mê-si-a – Đấng xét đoán.

Những người thuộc về Chúa sẽ sống với thân thể mới để đồng cai trị với Đấng Christ trong sự vinh hiển. Những kẻ vô tín sẽ sống với thân thể mới, nhưng không phải là thân thể vinh hiển, để chịu đoán xét và chịu khổ trong thân thể ấy. Những thân thể từng phục vụ cho tội lỗi phải chịu hậu quả của tội lỗi!

Chúa Giê-xu có quyền khiến kẻ chết sống lại, chứng tỏ Ngài bình đẳng với Đức Chúa Trời, nghĩa là: Ngài là Đức Chúa Trời.

Lời chứng thứ 3 của Chúa cho thấy có những chứng nhân xác thực làm chứng về thần tính Ngài (Gi 5:30-47). Từ “làm chứng” là từ mang ý nghĩa sâu sắc được Giăng sử dụng 47 lần. Chúa đã làm chứng về chính mình Ngài, nhưng Ngài biết rằng họ không tin nên Ngài đưa ra 3 chứng cứ khác.

Chứng thứ 1 là Giăng Báp-tít (5:30-35), người mà các nhà lãnh đạo tôn giáo đã chất vấn kỹ càng (Gi 1:15). Thật ra, vào cuối kỳ chức vụ, Chúa Giê-xu cho các cấp cầm quyền biết chứng về Giăng Báp-tít (Mat 21:23-27). Giăng Báp-tít biết Chúa Giê-xu là ai nên ông trung tín rao giảng điều mình biết cho dân Y-sơ-ra-ên Giăng tuyên bố Giê-xu là Chúa (Gi 1:23), Chiên Con của Đức Chúa Trời (1:29,36) và Con Đức Chúa Trời (1:34). Giăng là “ngọn đèn” được thắp lên và cháy sáng (Chúa Giê-xu là “sự sáng” (8:12), vì vậy dân Do Thái bị lôi cuốn vào công việc của Giăng. Tuy nhiên, sự nhiệt tình ấy cũng nguội lạnh dần. Không ai muốn tình nguyện giải cứu Giăng khi ông bị vua Hê-rốt giam cầm. Các nhà lãnh đạo xem Giăng như “người nổi danh trong vùng” (Mat 11:7-8), nhưng không muốn tiếp nhận sứ điệp ăn năn của ông để được đổi mới. Những người thu thuế và kẻ có tội đến cùng Giăng, tiếp nhận sứ điệp và được thay đổi, còn các lãnh đạo tôn giáo dè dặt không muốn đầu phục Đức Chúa Trời (Mat 21:28-32).

Khi Đức Chúa Trời lập lên một lãnh đạo thuộc linh để dẫn dắt dân sự, luôn luôn có tình trạng dân sự bị cuốn hút bởi “vinh quang” của người lãnh đạo chứ không muốn vâng theo lệnh của người ấy. Đám đông hỗn tạp đi theo Môi-se và dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập, đó là những người kinh ngạc trước phép lạ nhưng không đầu phục Đức Chúa Trời. Các tiên tri,

các sứ đồ và những lãnh đạo nổi tiếng trong lịch sử Hội Thánh đều phải chịu đựng những kẻ hời hợt muốn đi theo “đám đông” chứ không muốn vâng theo lẽ thật. Những Hội Thánh lớn hôm nay cũng có sự hiện diện của những con người này!

Chứng thứ hai là những phép lạ của Chúa (Gi 5:36). Giăng đã chọn ra 7 dấu lạ trong Phúc Âm của ông để chứng minh Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời (Gi 20:30-31), Chúa Giê-xu cũng phán rằng công việc của Ngài là việc của Cha trên trời (5:17-20 14:10). Cả Ni-cô-đem cũng thừa nhận phép lạ của Chúa khiến ông nhìn biết Ngài là Đấng “từ Đức Chúa Trời đến” (3:2).

Kinh Thánh còn ghi chép những phép lạ được những con người bình thường thực hiện: Môi-se, Ê-li, Phao-lô. Phải chăng những phép lạ này cũng chứng minh rằng họ “được Đức Chúa Trời sai đến?” Đúng vậy (He 2:3,4), nhưng không ai tuyên bố mình chính là Con Đức Chúa Trời. Không tôi tớ nào của Đức Chúa Trời có thể thực hiện công việc quyền năng của Ngài lại dám tuyên bố như vậy. Lời tuyên bố của Chúa Giê-xu được chứng minh bằng những công việc quyền năng của Ngài và bằng đời sống trọn lành của Ngài. Chứng cứ ấy cho thấy lời tuyên bố của Ngài là sự thật.

Chúa Giê-xu cho biết Cha trên trời đã giao Ngài một nhiệm mạng cụ thể khi hiện diện trên đất. “Con đã tôn vinh Cha trên đất, làm xong công việc Cha giao cho làm” (Gi 17:4). Ngài không chỉ sống theo một thời gian biểu từ trời mà còn làm theo chương trình của Cha trên trời. Ngài phải hoàn tất những công việc cụ thể trong ý muốn của Cha.

Theo luật pháp Cựu Ước, một lời chứng phải có sự xác nhận của hai hay ba người (Dan 35:30 Phu 17:6), và Chúa Giê-xu đã đáp ứng yêu cầu ấy khi Ngài đưa ra ba nhân chứng đáng tin cậy.

Chứng thứ ba và cuối cùng của Chúa Giê-xu, đó là Lời của Đức Chúa Trời (Gi 5:37-47). Dân Do Thái rất tôn kính Lời Đức Chúa Trời, đặc biệt là (Sách) Luật pháp Môi-se đã viết ra. Môi-se nghe tiếng Đức Chúa Trời và chứng kiến vinh quang của Ngài, còn chúng ta nghe tiếng Ngài và ngắm xem vinh hiển Ngài qua Lời linh nghiệm của Ngài (IPhi 1:12-21). Cả Cựu Ước làm chứng về Chúa Giê-xu vậy mà những kẻ tin theo và học Kinh Thánh lại không nhận biết Đấng mà Môi-se nói đến. Vì sao?

Trong một phương diện, họ không để cho Lời khơi động niềm tin trong lòng mình (Gi 5:38). Câu Gi 5:39 nói lên một thực trạng chứ không phải là mệnh lệnh: “Các ngươi dò xem Kinh Thánh vì tưởng bởi đó được sự sống đời đời? Các thầy thông giáo Do Thái tìm tòi để biết Lời Đức Chúa Trời, nhưng không hề biết Đức Chúa Trời của lời ấy. Họ đếm từng chữ cái của bản văn Kinh Thánh, nhưng không hiểu lẽ thật thuộc linh chứa đựng trong đó.

Do hầu việc Chúa qua đài phát thanh, tôi thường nhận những bức thư của một số người bất đồng với cách giải nghĩa Kinh Thánh của tôi, thậm chí bày tỏ sự giận dữ cao độ! (Tôi không thể trích dẫn lời lẽ tôi đã đọc được từ những người tự nhận mình là Cơ Đốc nhân). Đáng buồn thay khi việc học Kinh Thánh của chúng ta khiến chúng ta trở nên kiêu căng và đầy lòng khiêu khích thay vì khiêm nhường và muốn phục vụ kẻ khác, ngay cả những người bất đồng quan điểm với chúng ta. Dấu hiệu của việc học Kinh Thánh thật không phải là “một trí thức” làm cho kiêu căng nhưng là “sự yêu thương” làm gương tốt cho người khác (1Co 8:1).

Các lãnh đạo Do Thái đã quan niệm sai lầm: họ không nhìn biết Đấng Christ trong Kinh Thánh (II Co 3:14-18 4:3-6). Ý chí của họ cũng bị lạc lối: họ không tin nơi Đấng Christ. Vì không có Lời Chúa trong lòng, họ cũng không muốn tiếp nhận Đấng Christ vào lòng. Họ là những kẻ “theo đạo” kiêu căng nhưng không được cứu. Họ cũng mắc sai lầm thứ ba: thiếu sự yêu mến trong lòng”. Các người chẳng có sự yêu mến Đức Chúa Trời ở trong các người” (Gi 5:12). Họ không có sự từng trải về tình yêu Đức Chúa Trời dành cho mình cũng như sự bày tỏ lòng yêu mến của bản thân đối với Đức Chúa Trời. Họ tự nhận là người yêu mến Chúa, nhưng thái độ của họ đối với Chúa Giê-xu chứng tỏ tình yêu của họ là sự giả dối.

Thái độ của họ đối với Lời Đức Chúa Trời làm đức tin họ bị nghẹt ngòi, và thái độ của họ đối với bản thân cũng như đối với tha nhân cũng gây trở ngại cho đức tin họ. Người Pha-ri-si rất thích được kẻ khác tôn kính mình (Mat 23:1-12), chớ không muốn tìm kiếm sự vinh hiển từ Đức Chúa Trời, Đấng duy nhất đáng được tôn quý. Họ không tôn kính Con (Gi 5:23) chỉ vì Ngài không “tôn kính” họ! Vì chối bỏ Con Đức Chúa Trời chân thật là Đấng nhân danh Cha mà đến, ngày nào đó họ sẽ tiếp nhận Christ giả là kẻ lấy danh riêng mà đến (5:43 II Te 2:1-17 Kh 13:1-18). Nếu khước từ những gì chân thật, chúng ta sẽ nhận những điều gian dối!

Chúa kết thúc bài giảng sâu sắc bằng lời khuyến cáo các lãnh đạo Do Thái rằng Môi-se, người họ kính trọng sẽ tố cáo họ chớ không cứu được họ. Chính Lời Kinh Thánh họ từng sử dụng để bảo vệ tư tưởng mình sẽ làm chứng nghịch cùng họ. Dân Do Thái biết những lời Môi-se viết nhưng thật sự không tin nơi lời ấy. Có lời Chúa trong tay hay trong đầu và giữ lời ấy trong lòng là hai việc hoàn toàn khác nhau. Chúa Giê-xu là Ngôi Lời trở thành xác thịt (Gi 1:14) và Lời được chép ra làm chứng cho Ngôi Lời đã hiện thân trong xác thịt. “Ngài bắt đầu từ Môi-se rồi kể đến mọi Đấng tiên tri mà cắt nghĩa cho hai người đó những lời chỉ về Ngài trong cả Kinh Thánh” (Lu 24:27).

Lời chứng từ Giảng Báp-tít, từ các phép lạ kỳ diệu, từ lời Đức Chúa Trời tất cả đều bày tỏ rằng Chúa Giê-xu thật sự là Đấng làm một với Cha và cũng chính là Con Đức Chúa Trời.

Chúa chúng ta không sợ hãi trước lời tố cáo của các những lãnh đạo tôn giáo. Nếu kiểm tra lại sự hài hoà giữa các sách Phúc Âm, bạn sẽ thấy rằng sau những sự kiện chép ở đoạn 5, Chúa Giê-xu có chủ ý “phạm” đến ngày Sa-bát một lần nữa. Ngài cho phép các môn đệ bứt bông lúa mì và chữa lành người teo tay trong ngày Sa-bát (Mat 12:1-14). Những việc này có thể xảy ra ở Ga-li-lê, nhưng tin đồn đã đến tai các quan trưởng tại Giê-ru-sa-lem và xứ Giu-đê.

Việc chữa bệnh trong ngày Sa-bát lại được nhắc đến (Gi 7:21-23). Các lãnh đạo cứ bảo vệ cho hình thức tôn giáo thay vì phải hiểu lẽ thật (Mac 7:1-13). Tuy nhiên, trước khi xét đoán họ, có lẽ chúng ta nên tra xét lại đời sống mình và tình trạng Hội Thánh mình. Phải chăng chúng ta cũng đang hài lòng với hình thức thờ phượng quen thuộc đến nỗi không nhìn biết lẽ thật của Lời Đức Chúa Trời? Phải chăng chúng ta quá quan tâm đến “bài học Kinh Thánh” đến nỗi không nhìn thấy Đấng Christ qua Kinh thánh?” Hiện nay tri thức về Kinh Thánh của chúng ta có cho chúng ta một “cái đầu vĩ đại” một tấm lòng nóng cháy” không?

6. CHÚA GIÊ-XU MẤT QUẦN CHÚNG (Gi 6:1-71)

Vì Phúc Âm Giảng được viết có chọn lọc (Gi 20:30-31), nên ông đã bỏ bớt những sự kiện khác trong cuộc đời Chúa Giê-xu để thực hiện mục đích viết Phúc Âm của mình. Giữa sự kiện Chúa chữa lành người bại (5:1-47) và việc Ngài nuôi 5.000 người, đã xảy ra những sự

kiện khác được chép ở Lu 6:1-9:10 và Mac 3:1-6:30. Trong khoảng thời gian này Chúa Giê-xu ban “Bài Giảng Trên Núi” (Mat 5:1-7:29) và đưa ra những ví dụ về Nước Trời (Mat 13:1-52).

Việc nuôi 5.000 người là một phép lạ có ý nghĩa lớn lại được phép ở cả 4 sách Phúc Âm. Đám đông theo Chúa Giê-xu trong 7 ngày, nghe Ngài dạy dỗ và chứng kiến phép lạ Ngài làm. Ngài muốn “lấn” đi để nghỉ ngơi, nhưng nhu cầu của đoàn dân khiến Ngài động lòng (Mac 6:31-34). Bởi sự thương xót, Ngài đã đến giúp đỡ đoàn dân đông qua 3 phương diện.

1. Nuôi đoàn dân đông (Gi 6:1-14)

Dĩ nhiên, nan đề khó giải quyết ở đây là làm sao để đáp ứng nhu cầu của đoàn dân đông ngàn ấy? Có 4 cách giải quyết được nêu ra:

Thứ nhất các môn đệ đề nghị Chúa cho dân chúng về (Mac 6:35-36). Họ như muốn nói: “Hãy lẩn tránh nan đề!” (Mat 15:23). Chúa biết những con người đói khát này sẽ ngất xỉu trên đường nếu không ai cho họ ăn. Trời đã tối (Mat 14:15) và không đủ thời gian để họ trở về.

Giải pháp thứ hai do Phi-líp đề nghị khi ông trả lời câu hỏi “thử” của Chúa (Gi 6:5): phải quyền tiền để mua thức ăn cho dân chúng. Phi-líp tính toán và rồi cho rằng cần phải có một số tiền tương đương với hai trăm ngày công. Và ngay cả với số đó cũng không thể làm thoả mãn những con người đang đói khát chờ đợi ở đây (Mat 14:21). Chúng ta thường nghĩ rằng tiền bạc đáp ứng được mọi nhu cầu. Dĩ nhiên, Chúa chỉ muốn thử đức tin của Phi-líp mà thôi.

Giải pháp thứ ba do Anh-rê đề nghị, nhưng ông hoàn toàn không hiểu nan đề sẽ được giải quyết ra sao. Ông tìm thấy một cậu bé mang theo phần ăn khiêm nhường: năm cái bánh và hai con cá. Một lần nữa, Anh-rê lại bận rộn với việc dẫn người đến với Chúa Giê-xu (Gi 1:40-42 12:20-22). Nhưng chúng ta không biết Anh-rê đã gặp cậu bé này bằng cách nào, nhưng thật vui mừng vì ông đã gặp cậu bé. Dù Anh-rê không nổi bật trong các sách Phúc Âm nhưng ông đúng là con của quần chúng, người giúp giải quyết nan đề.

Giải pháp thứ tư đến từ Chúa chúng ta, và đó là giải pháp hợp lý. Ngài nhận phần thức ăn nhỏ nhoi của cậu bé, chúc phước, bẻ bánh và trao cho các môn đệ để họ cho đoàn dân ăn! Phép lạ xảy ra từ bàn tay của Đấng Christ, không phải từ các môn đệ. Ngài hoá bánh ra nhiều, còn các môn đệ chỉ phân phát cách vui mừng. Không chỉ có đoàn dân được no nê thoả mãn, nhưng các môn đệ còn nhặt được mười hai giỏ bánh đầy cho bữa ăn sắp tới. Chúa không muốn lãng phí bất cứ điều gì.

Bài học thực tiễn thật rõ ràng: khi gặp nan đề, bạn hãy trao cho Chúa Giê-xu mọi điều bạn có và để Ngài hành động phần còn lại. Hãy bắt đầu từ những gì bạn có, nhưng sẵn sàng trao hết cho Ngài. Cậu bé nhỏ kia thật đáng khen vì đã dâng phần thức ăn của mình cho Chúa Giê-xu. Mẹ của cậu bé cũng đáng cho chúng ta noi gương vì bà cho đứa con mình một cái gì đó để dâng hiến cho Chúa. Đối với Chúa Giê-xu, phần ăn đơn sơ này cũng có giá trị như bình dầu quý giá đã được đổ ra! (12:3)

Nhưng có phải Chúa Giê-xu thật sự đã làm một phép lạ? Có lẽ lòng rộng rãi của cậu bé khiến những người khác xấu hổ đến nỗi họ phải đem ra phần ăn đã giấu trước đó để chia sẻ cho những người xung quanh. Thật vô nghĩa! Chúa biết rõ lòng con người (2:24 6:61,64,70) và Ngài tuyên bố rằng họ đang đói. Thật Ngài có thể biết có những phần ăn được giấu kín.

Hơn thế, đoàn dân nhận biết đây là một phép lạ nên muốn tôn Ngài làm Vua! (6:14-16). Nếu đây chỉ là kết quả của tâm lý quần chúng thì đoàn dân đã không phải ứng theo cách đó. Nếu đây không phải là một phép lạ đáng tin, hẳn Giăng chẳng bao giờ chọn sự kiện này vào trong số những dấu lạ.

Thật ý nghĩa khi có hai lần Giăng nhắc đến sự kiện Chúa tạ ơn (6:11,23). Ma-thi-ơ, Mác, Lu-ca đều thuật rằng Chúa Giê-xu ngược mắt lên trời để tạ ơn. Làm vậy, Ngài nhắc nhở đoàn dân rằng chính Đức Chúa Trời là nguồn ban phát dư dật. Đây cũng là bài học dành cho chúng ta: thay vì phàn nàn về những gì mình thiếu thốn, chúng ta phải cảm tạ Đức Chúa Trời về những gì mình có, thì Ngài sẽ khiến chúng dư dật hơn!

2. Rời khỏi đoàn dân (Gi 6:15-21)

Chúa Giê-xu giục môn đệ lên thuyền (Mat 14:22 Mac 6:45) vì Ngài biết họ có thể gặp rắc rối. Đám đông giờ đây đã bị khích động và muốn tôn Ngài làm Vua. Dĩ nhiên một số môn đệ rất thích cơ hội để được nổi danh và có uy thế hơn! Giu-đa sẽ là “bộ trưởng tài chánh còn Phi-e-rơ có thể được bổ nhiệm làm thủ tướng” trong vương quốc mới này! Nhưng đó không phải là chương trình của Đức Chúa Trời, nên Chúa Giê-xu đã cho đám đông tan đi nhanh chóng, nếu không hẳn nhà cầm quyền Rô-ma sẽ xen vào.

Chúa Giê-xu có biết cơn bão sắp kéo đến chẳng? Dĩ nhiên là có. Thế sao Ngài lại để bạn hữu mình gặp nguy hiểm? Sự thật hoàn toàn ngược lại: Ngài đã giải cứu họ khỏi một hiểm hoạ còn lớn hơn thế, đó là nguy cơ bị đám đông cuồng nhiệt “cuốn đi”. Cơn bão này có một nguyên nhân khác: Chúa muốn đời sống chúng ta được quân bình, nếu không chúng ta sẽ trở nên kiêu ngạo và sa ngã. Các môn đệ đã kinh nghiệm niềm vui lớn lao được dự phần vào một phép lạ ly kì. Giờ đây, họ phải đối diện với cơn bão để học cách tin cậy Chúa nhiều hơn. Phép lạ Chúa nuôi 5.000 người là một bài học, nhưng cơn bão là cuộc thử nghiệm sau bài học.

Lắm lúc chúng ta bị đưa vào một “cơn bão” vì không vâng lời Chúa, điển hình là tình trạng của Giô-na. Tuy nhiên cũng có lúc “bão tố” xảy đến vì chúng ta đã vâng lời Chúa. Khi ấy, chúng có thể tin chắc Đấng Christ sẽ cầu thay cho chúng ta đến giải cứu chúng ta – Có lẽ vài năm sau khi viết sự kiện này, Giăng đã nhìn thấy bức tranh về Đấng Christ và Hội Thánh Ngài. Đấng Christ đang ở trên trời cầu thay cho chúng ta, còn chúng ta ở trong cơn bão của cuộc sống, cố gắng bơi vào bờ, Ngày kia, Chúa sẽ ngự đến đưa chúng ta vào bờ bình yên. Mọi cơn bão sẽ qua đi!

Thật ra, chính trong sự kiện này đã có nhiều phép lạ. Chúa đi bộ trên mặt biển, Phi-e-rơ cũng làm được như vậy (Mat 14:28-32) Chúa khiến bão biển lặng yên, thuyền nhanh chóng qua đến bờ bên kia. Dĩ nhiên mọi sự xảy ra giữa ban đêm nên chỉ Chúa Giê-xu và các môn đệ chứng kiến. Ngài dẫn dân Ngài vào đồng cỏ (Gi 6:10) và giờ đây đặt họ nơi “mé nước bình tịnh” (Thi 23:2). Ngài là Người Chăn Chiên tuyệt vời biết bao!

Khi đọc các sách Phúc Âm, bạn hãy để ý thấy rằng Chúa Giê-xu không bao giờ bị ấn tượng trước “đoàn dân đông”. Ngài biết động cơ của họ không trong sáng và đa số đều theo Ngài cốt chỉ để xem phép lạ chữa bệnh của Ngài. Đối với dân Rô-ma, “thực phẩm và tiêu khiển” là phương châm giúp con người sống “hạnh phúc”. Ngày nay, con người cũng đang thoả mãn với loại thực phẩm ấy. Hãy cho họ được ăn và tiêu khiển họ sẽ hạnh phúc! Hằng

năm, Rô-ma đã dành riêng 93 ngày để tổ chức những trò tiêu khiển công cộng làm tổn kém cho ngân khố quốc gia. Khiến dân chúng thích thú hẳn đỡ tổn kém hơn chống lại họ và bắt giam họ!

Chúng ta đừng bao giờ để bị lừa dối bởi “lòng ngưỡng mộ” Chúa Giê-xu của một số người hôm nay. Rất ít người nhận Ngài là Đấng Christ. Nhiều người cần đến Ngài với tư cách Ngài là Đấng chữa bệnh và ban phát, hoặc Đấng giải cứu họ khỏi những nan đề do họ gây ra. “Các người không muốn đến cùng ta để được sự sống!” (Gi 5:40)

3. Dạy dỗ đoàn dân (Gi 6:22-71)

Mục đích phép lạ này của Chúa nhằm dạy dỗ đoàn dân. Bởi ân điển, Ngài nuôi đoàn dân đông. Nhưng bởi chân lý Ngài dạy họ Lời Đức Chúa Trời. Họ chỉ muốn có thức ăn chứ không cần lẽ thật. Cuối cùng, họ đều bỏ Ngài và không muốn đồng hành với Ngài. Ngài rời họ bằng một bài giảng.

Mở đầu cho ngày kế tiếp là một bí ẩn. Chúa Giê-xu đến thành Ca-bê-na-um bằng cách nào? Đoàn dân chứng kiến các môn đệ lên thuyền hướng về Ca-bê-na-um và lạc trong cơn bão. Đoàn dân cũng thấy Chúa Giê-xu đi lên núi một mình. Nhưng qua hôm sau, cả Chúa Giê-xu và các môn đệ đều gặp nhau tại thành Ca-bê-na-um! Chắc chắn Ngài không đi quanh bờ hồ, cũng không chứng có nào cho thấy Ngài lên thuyền khác. Có những thuyền khác cập bến, dĩ nhiên do cơn bão làm trôi đến, nhưng Chúa Giê-xu không ở trong thuyền nào.

Có lẽ một số người đã về nhà sau khi được ăn no nê, còn một số khác ở lại để xem việc Chúa sắp làm. Bài giảng của Chúa có thể bắt đầu từ bên ngoài, sau đó cuộc bàn luận xảy ra trong nhà hội (6:59). Dù dòng người cứ tụ tập bên ngoài để nghe, nhưng đoàn dân đông như thế khó lòng dự nhóm trong nhà hội được.

Bài giảng về “bánh của sự sống” này thật sự là một cuộc hội thoại giữa Chúa Giê-xu và dân sự, đặc biệt là các lãnh đạo tôn giáo Do Thái (“người Giu-đa”). Ở đoạn 6 này, chúng ta thấy có 4 phản ứng của quần chúng đối với Chúa Giê-xu: tìm kiếm (Gi 6:22-40), lăm bằm (6:41-51), cãi lẽ (6:52-59) và trở lui (6:60-71).

Tìm kiếm (6:22-40). Có lẽ các môn đệ ngạc nhiên vì có nhiều người còn ở lại sau cơn bão để tìm kiếm Thầy họ, nhưng Chúa Giê-xu không để tâm đến điều này. Ngài biết rõ lòng người: đoàn dân đi theo Ngài chỉ vì những phép lạ Ngài đã làm (Gi 6:2), và giờ đây mục đích của họ là được phát “lương thực”. Thậm chí nếu họ chỉ bị lôi cuốn bởi phép lạ, ít ra họ cũng có cơ may được cứu rỗi. Đó cũng là khởi điểm của Ni-cô-đem (3:1-2). Nhưng giờ đây, mối quan tâm của họ đã “thoái hoá”, chuyển sang mức độ ham muốn “đồ ăn”. Chúa cho biết có 2 loại đồ ăn: đồ ăn cho thân thể cần thiết nhưng không tối quan trọng) và đồ ăn cho con người bề trong, (nghĩa là tâm linh), thức ăn này không thể thiếu được. Điều cần cho con người không phải là đồ ăn nhưng là sự sống. Sự sống chính là một tặng phẩm. Đồ ăn chỉ để duy trì sự sống, nhưng Chúa Giê-xu ban cho con người sự sống đời đời. Ê-sai đã viết: “Sao các người trả tiền để mua đồ không phải là bánh? Sao các người đem công lao mình đổi lấy vật chẳng làm cho no?” (Ês 55:2).

Đoàn dân đã nắm lấy từ “làm việc” và gán cho nó nghĩa sai lầm là làm việc để được cứu rỗi. Họ cũng hiểu sai từ “ban cho”. Mãi “đắm chìm” trong tôn giáo chủ luật họ cho rằng phải làm một việc nào đó mới hưởng được sự sống đời đời. Chúa Giê-xu khẳng định rằng chỉ có

một “việc” cần làm đó là tin nơi Đấng Christ. Khi một người tin nơi Đấng Christ, người ấy sẽ không cậy việc thiện để mong được cứu rỗi. Dĩ nhiên trong niềm tin không hề có sự đổi chác, vì đó là điều Đức Chúa Trời thực hiện để đáp lại đức tin của chúng ta (Eph 2:8-10).

Đoàn dân bắt đầu bằng sự tìm kiếm Chúa, nhưng sau đó lại tìm dấu lạ của Ngài. “Người Do Thái đòi phép lạ” (Icô 1:22). Các thầy dạy luật nói rằng khi Đấng Mê-si-a đến, Ngài sẽ lập lại phép lạ ban ma-na (Xu 16:1-36). Nếu Chúa Giê-xu thật sự là Đấng được Đức Chúa Trời sai đến (Gi 6:29,38,57), vậy hãy để Ngài chứng minh chân lý đó bằng cách khiến ma-na từ trời rơi xuống. Họ muốn thấy mới tin. Nếu đức tin chỉ dựa trên phép lạ mà không dựa trên lẽ thật của Lời Đức Chúa Trời, nó sẽ đưa con người đi lạc lối: cả Sa-tan cũng có thể làm được “việc kỳ dối giả” (II Te 2:8-10). Bạn cũng hãy xem Gi 2:18-25 4:48.

Câu trích dẫn Gi 6:31 được chép ở Thi 78:24, đó là Thi Thiên nói về sự vô tín và chống nghịch của dân Y-sơ-ra-ên. Để trả lời họ, Chúa Giê-xu giải thích rõ ràng để họ có thể hiểu được chân lý Ngài muốn nói. Không phải Môi-se, nhưng chính Đức Chúa Trời đã ban ma-na xuống. Dân sự không nên nhìn vào Môi-se, nhưng phải chăm xem Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đã ban ma-na trong quá khứ, giờ đây Ngài cũng ban bánh thật qua thân vị Chúa Giê-xu. Sự kiện quá khứ đã chấm dứt, nhưng từng trải thuộc linh trong hiện tại đang tiếp diễn!

Đoạn, Chúa Giê-xu liên hệ đến ý nghĩa của bánh này: Ngài chính là bánh hằng sống thật ban xuống từ trời, Ngài đến thế gian không chỉ vì dân Y-sơ-ra-ên, nhưng vì cả thế gian. Ngài đến không chỉ để duy trì sự sống, nhưng để ban sự sống! Trong bài giảng này, có bảy lần Chúa đề cập đến việc Ngài “từ trên trời xuống” (Gi 6:33,38,41,42,50,51,58), lời phán ấy chứng tỏ Ngài là Đức Chúa Trời. Ma-na thời Cựu Ước là hình bóng về “ma-na thật” đó là Chúa Giê-xu.

Cuộc nói chuyện này mở đầu từ chỗ đoàn dân tìm kiếm Chúa, rồi tìm kiếm dấu lạ. Nhưng sau khi nghe Ngài, họ muốn tìm thứ “bánh thật” Chúa nói đến. Tuy nhiên, giống như người đàn bà Sa-ma-ri, họ không sẵn sàng tìm kiếm sự cứu rỗi (4:15). Người đàn bà này cần có nước hằng sống để không phải đi múc nước ở giếng nữa! Đoàn dân muốn có bánh để không phải làm việc khó nhọc nữa. Ngày nay, con người vẫn cần Chúa Giê-xu chỉ vì “lợi lộc” Ngài có thể ban cho!

Để đáp lại lời cầu xin thiếu suy nghĩ của đoàn dân, Chúa dùng hai từ quan trọng trong bài giảng: “đến” và “tin”. Đến với Chúa đồng nghĩa với tin nơi Ngài, và tin nơi Ngài có nghĩa là đến với Ngài. “Tin” không phải là vấn đề của lý trí, như thể đồng tình với học thuyết nào đó. “Tin” có nghĩa là đến với Đấng Christ và đầu phục Ngài. Cuối bài giảng, Chúa minh họa việc “đến” và “tin” bằng cách đề cập về sự ăn và uống. Đến với Chúa Giê-xu và tin nhận Ngài nghĩa là tiếp nhận Ngài vào lòng giống như bạn tiếp nhận thức ăn và thức uống vậy.

Gi 6:35 là câu nói đầu tiên của Chúa được Giảng ghi lại với sự khẳng định “TA LÀ” trong số bảy câu nói được dùng trong Phúc Âm Giảng (Gi 8:12 10:7-9,11-14 11:25-26 14:6 15:1,5). Đức Chúa Trời bày tỏ về Ngài cho Môi-se với danh xưng “**TA LÀ Đấng Tự Hữu Hằng Hữu**” (Xu 3:14). Đức Chúa Trời là Đấng tự hữu “hiện có, đã có, và còn đến...” (Kh 1:8). Khi Chúa Giê-xu phán “**TA LÀ...**” Ngài muốn tuyên bố mạnh mẽ rằng chính Ngài là Đức Chúa Trời.

Gi 6:37-40 chứa đựng lời giải thích của Chúa Giê-xu về tiến trình cứu rỗi con người. Ngài phán những lời thâm thúy nhất nên chúng ta không mong gì hiểu tường tận tất cả. Ngài giải thích rằng sự cứu rỗi bao hàm quyền phép của Đức Chúa Trời và trách nhiệm của con người. Đức Chúa Trời giao phó loài người cho Con Ngài (Gi 6:37,39 17:2,6,9,11-12,24), nhưng con

người phải “đến” với Ngài, nghĩa là tin nhận Ngài. Ngài bảo đảm rằng ai tin Ngài sẽ không bị hư mất nhưng được sống lại trong ngày sau rốt. Dù sự chết cũng không thể cướp đi sự cứu rỗi của chúng ta! (Nói về “ngày sau rốt”, hãy xem 6:40,44,54. Chúa Giê-xu muốn đề cập đến sự tái lâm của Ngài cùng những sự kiện cuối cùng, là cao điểm của chương trình Đức Chúa Trời dành cho loài người).

Theo quan điểm thiên cận của con người, chúng ta không thể hiểu làm sao quyền phép Đức Chúa Trời và trách nhiệm con người có thể đồng công nhau nhưng đối với Đức Chúa Trời, chẳng có gì mâu thuẫn cả. Khi Charles Spurgeon được một tín hữu trong Hội Thánh hỏi rằng làm thế nào ông hoà hợp được hai vấn đề này, ông đáp: “Các bạn ơi tôi chưa hề cố gắng hoà hợp”. Chính bởi ý muốn Đức Chúa Trời khiến tội nhân được cứu (ITi 2:4 IIPhi 3:9) và những ai tin cậy nơi Đấng Christ được bảo đảm trong sự cứu rỗi. Chúa Giê-xu không bao giờ bỏ ra ngoài những người đã chịu tiếp nhận sự sống đời đời của Ngài ban.

Lầm bầm (Gi 6:41-51). Lời Chúa phán “vì ta từ trên trời xuống” (Gi 6:38) khiến các lãnh đạo tôn giáo cảm thấy khó chịu vì họ biết đó là lời tuyên bố về thần tính Đức Chúa Trời. Họ nghĩ mình biết Chúa, Ngài là ai, xuất thân từ đâu (Mat 13:53-58 Gi 7:40-43). Dĩ nhiên, theo luật pháp Chúa Giê-xu là con Giô-sép nhưng không phải là người con bình thường, bởi Ngài được sinh bởi một nữ đồng trinh (Lu 1:34-38). Các nhà lãnh đạo xem Chúa là người ở thành Na-xa-rét xứ Ga-li-lê, không phải ở Bết-lê-hem thuộc xứ Giu-đê, họ cho rằng Giô-sép là cha đẻ của Ngài. Nếu họ xem xét lại vấn đề này, hẳn sẽ biết Ngài thật sự là ai.

Thậm chí trong thời Môi-se, dân Do Thái đã “nổi tiếng” về tính hay lầm bầm (Xu 15:24 17:3 Dan 14:2). Có lẽ các nhà lãnh đạo và vài người dân đã vào nhà hội để tiếp tục cuộc tranh cãi. Vấn đề chính của họ là “Ngài từ đâu đến?” Năm lần, Chúa Giê-xu phán rằng Ngài “từ trên trời xuống”, nhưng họ đều không tin.

Chúa Giê-xu giải thích thêm về phương cách tội nhân đến với Đức Chúa Trời: Bởi chân lý của Lời Đức Chúa Trời (Gi 6:44-45). Đức Chúa Trời cứu tội nhân bằng Lời Ngài. Chúa Giê-xu đã trích dẫn Es 54:13 (hoặc Gie 31:33-34) để minh chứng cho điều Ngài muốn nói: “Ai nấy đều sẽ được Đức Chúa Trời dạy dỗ. Bởi sự dạy dỗ ấy, Đức Chúa Trời đưa dân sự đến với Đấng Christ (Gi 5:24). Khi Đức Chúa Trời hành động, tội nhân nghe, tin và đến. Một mẫu nhiệm chẳng? Đúng vậy. Một lẽ thật phước hạnh chẳng? Đúng vậy.

Về cơ bản, đây cũng là cùng một sứ điệp Ngài đã công bố sau khi chữa lành người bại (5:37-40). Đoàn dân muốn xem một điều gì đó, nhưng nhu cầu thật của họ là “phải biết điều gì đó”. Qua Lời Chúa, chúng ta có thể nhìn xem Đức Chúa Trời, đến với Đấng Christ bằng đức tin và tin cậy Ngài (Ro 10:17).

Khi Chúa Giê-xu xưng Ngài là “Bánh của Sự sống”, Ngài không muốn nói rằng Ngài giống như ma-na. Ngài tuyên bố rằng Ngài còn vĩ đại hơn thế. Ma-na chỉ duy trì cuộc sống của dân Do Thái, nhưng Chúa Giê-xu ban sự sống cho cả thế giới. Dân Do Thái ăn ma-na mỗi ngày rồi cũng chết, nhưng khi bạn tiếp nhận Chúa Giê-xu vào lòng, bạn sẽ sống đời đời. Ma-na chỉ là tặng phẩm của Đức Chúa Trời ban xuống, nhưng khi Chúa Giê-xu đến, Ngài đã ban chính mình Ngài. Đức Chúa Trời chẳng “tốn kém” khi ban ma-na từ trời xuống, nhưng khi ban Con Ngài, Ngài đã trả một giá đắt nhất. Dân Do Thái phải ăn ma-na mỗi ngày, nhưng tội nhân tin nhận Đấng Christ chỉ một lần đều được ban sự sống đời đời.

Thật không khó nhìn thấy hình ảnh của Chúa Giê-xu qua ma-na! Ma-na là điều bí ẩn đối với dân Do Thái, thật ra từ “ma-na” có nghĩa “cái chi vậy?” (Xu 16:15). Chúa Giê-xu là một sự mầu nhiệm cho những ai gặp Ngài. Ma-na từ trời rơi xuống vào ban đêm, và Chúa Giê-xu đến thế gian này khi mọi tội nhân đang trong bóng tối của thuộc linh và đạo đức. Ma-na có dạng nhỏ (sự khiêm nhường của Ngài), tròn (sự vĩnh hằng của Ngài) và trắng (sự thánh khiết của Ngài). Thực phẩm này nếm có vị ngọt (Thi 34:8), đáp ứng nhu cầu của con người một cách thoả đáng.

Ma-na được ban xuống cho một dân chống nghịch, là tặng phẩm nhân từ của Đức Chúa Trời. Nhiệm vụ của họ chỉ là cúi xuống và nhặt lên. Nếu không nhặt ma-na lên, họ sẽ giẫm trên nó. Chúa không ở xa bất cứ tội nhân nào. Tội nhân chỉ cần khiêm cung nhận tặng phẩm của Đức Chúa Trời!

Cuối sứ điệp, Chúa nói đến “thịt” Ngài. Từ “thịt” được Chúa sử dụng sáu lần nữa trước khi kết thúc bài giảng. Gi 6:51 là lời tuyên bố rằng Con Đức Chúa Trời sẽ dâng chính Ngài làm của lễ “vì sự sống của thế gian”. Sự chết thay của Chúa Giê-xu là một chân lý trọng tâm trong Phúc Âm Giảng. Ngài chết vì thế gian (3:16 6:51), vì bầy chiên Ngài (10:11,15), vì dân Ngài (11:50-52) và vì bạn hữu Ngài (15:12). Phao-lô áp dụng sự chết thay ấy cho bản thân mình, chúng ta cũng cần làm vậy: “Đấng đã yêu tôi và đã phó chính mình Ngài vì tôi” (Ga 2:20). Chúng ta không nên giới hạn công việc của Đấng Christ trên thập tự giá. Ngài hy sinh không chỉ vì tội chúng ta, nhưng cũng vì tội lỗi toàn thế giới (IGi 2:2).

Cãi lẽ (Gi 6:52-59). Từ này có nghĩa như “nghịch và tranh cãi nhau”. Những kẻ nghe bài giảng của Chúa là người Do Thái chính thống, họ biết rõ về luật Đức Chúa Trời cấm ăn thịt người hay uống bất cứ huyết gì (Sa 9:3-4 Le 17:10-16 19:26). Qua Phúc Âm Giảng, chúng ta biết thêm một điển hình nữa về việc dân sự hiểu sai một lẽ thật thuộc linh khi giải thích theo nghĩa đen (Gi 2:19-21 3:4 4:11). Chúa Giê-xu muốn phán rằng: “Khi các ngươi ăn và uống vật thực này, nó sẽ trở thành của ngươi. Vì vậy, các ngươi phải tiếp nhận ta vào con người bên trong của mình hầu ta có thể ban cho các ngươi sự sống”.

Một số nhà giải kinh cho biết Chúa Giê-xu muốn nói về Tiệc Thánh, nghĩa là chúng ta ăn thịt uống huyết Ngài khi dự phần ăn bánh uống chén. Tôi không cho rằng Chúa nhắc đến Tiệc Thánh khi Ngài phán những lời này. Lý do thứ nhất, vì sao Ngài phải bàn luận về Tiệc Thánh với đám người vô tín bất đồng kia? Thậm chí, Ngài vẫn chưa chia sẻ lẽ thật đó với các môn đệ! Sao Ngài phải quảng viên ngọc quý giá trước mặt heo?

Lý do thứ hai, Ngài nói rõ rằng Ngài không nói theo nghĩa đen của thuật ngữ loài người (6:63). Ngài sử dụng cách dùng từ tương đương của con người để rao một lẽ thật thuộc linh giống như Ngài từng dạy Ni-cô-đem và người đàn bà Sa-ma-ri vậy.

Lý do thứ ba, Chúa Giê-xu chỉ giải thích đơn giản rằng việc ăn và uống là điều tối cần thiết cho sự sống đời đời. Ngài không đưa ra một ngoại lệ nào khác. Nếu Ngài muốn nói đến những lễ nghi, các thánh lễ trong giáo hội thì chắc những ai chưa biết đến sẽ chết về tâm linh và đi vào địa ngục! Trong số những người này chắc cũng có mọi thánh đồ thời Cựu Ước, tên cướp trên thập tự giá, và cả đám đông tin Chúa trong hoàn cảnh cấp bách (bệnh viện, cơ hội tình cờ đến, dưới hầm trú,...)! Bản thân tôi không thể tin rằng Đức Chúa Trời nhân từ của chúng ta lại không cứu những người không có cơ hội dự lễ thờ phượng ở nhà thờ!

Một yếu tố khác, đó là thì của động từ ở Gi 6:50,51,53. Đây là thì bất định (ngữ pháp Hy Lạp) với ý nghĩa “một lần đủ cả”. Còn Tiệc Thánh là hình thức được lặp đi lặp lại, giống như Hội Thánh đầu tiên dự tiệc thánh mỗi ngày (Cong 2:46).

Thật ý nghĩa khi từ “thịt” chưa bao giờ được dùng trong những đoạn tường thuật lại Tiệc Thánh của Chúa, cũng không dùng trong các sách Phúc Âm hay trong 1Co 11:23-34. Từ được dùng lại là “thân thể”. Nếu ai đó cho rằng Chúa muốn nói về Tiệc Thánh vậy người ấy phải tin rằng bằng cách nào đó bánh và rượu nho biến thành chính thân thể và huyết của Đấng Christ, vì Ngài từng phán: “Người nào ăn bánh ta, sẽ sống bởi ta vậy” (Gi 6:57). “Phép lạ” này xảy đến ra sao? Đây là sự mầu nhiệm để thực hiện được? Tại sao nó không rõ ràng?

Những bài giảng của Chúa trong Phúc Âm Giảng chứa đựng rất nhiều biểu tượng và hình ảnh. Nếu giải thích lời Ngài theo nghĩa đen, vậy chúng ta cũng sẽ phạm sai lầm giống như đoàn dân khi họ nghe lời Chúa lần đầu.

Trở lui (Gi 6:60-71). Lời Chúa dạy không có gì khó hiểu, nhưng một khi bạn đã hiểu, bạn cảm thấy khó chấp nhận. Các nhà lãnh đạo Do Thái không hiểu Lời Ngài, lại còn chống đối nữa. Lời dạy của Ngài làm cho họ bị xúc động. Họ vấp phạm trước sự kiện Chúa nói Ngài từ trời xuống. Họ cũng vấp phạm trước ý tưởng cho rằng họ phải ăn thịt, uống huyết Ngài để có được sự cứu rỗi. Nhưng nếu họ vấp phạm trước hai vấn đề này thì họ sẽ làm gì khi thấy Ngài trở về trời?

Chúa giải thích rằng ngôn ngữ Ngài sử dụng mang tính chất thuộc linh và có nghĩa bóng chứ không theo nghĩa đen. Không hề có sự cứu rỗi trong “thịt”. Thật ra, trong Tân Ước không nói điều gì tốt về thịt. Không có điều lành ở trong xác thịt (Ro 7:18) nên chúng ta đừng tin cậy nơi xác thịt (Phi 3:3).

Vậy, làm thế nào chúng ta có thể “ăn thịt và uống huyết Chúa”? Đó là qua Lời Ngài? “Những lời ta phán cùng các ngươi đều là thần linh và sự sống” (Gi 6:63). “Ngôi lời đã trở nên xác thịt” (Gi 1:14). Chúa cũng phán lời tương tự. Ai nghe lời ta mà tin Đấng đã sai ta, thì được sự sống đời đời” (5:24). Đã học qua Giê 31:31-34, lẽ ra các thầy thông giáo phải hiểu ý niệm về việc tiếp nhận lời Chúa vào lòng mình!

Sau khi Chúa giảng ra sứ điệp này, đa số môn đệ Chúa đều trở lui. Họ trở lại với lối sống cũ, lễ nghi cũ và tâm trạng vô vọng trước đây. Chúa Giê-xu là “đường đi” (Gi 14:6) nhưng họ không muốn đồng hành với Ngài. Không có gì đáng ngạc nhiên đối với Chúa, vì Ngài biết rõ lòng người.

Khi Chúa hỏi 12 sứ đồ rằng họ có muốn bỏ Ngài mà đi chẳng, Phi-e-rơ lên tiếng khẳng định niềm tin mình. Họ còn biết đi đâu? “Chúa có những lời của sự sống đời đời” (Gi 6:68). Phi-e-rơ hiểu được sứ điệp của Chúa! Ông biết Chúa Giê-xu muốn nói đến Lời Ngài chứ không phải “thịt và huyết” theo nghĩa đen.

Phi-e-rơ là một trong số nhiều người tuyên xưng đức tin, nhìn biết Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời (1:34,49 3:18 5:25 9:35 10:36 11:4,27 19:7 20:31). Sai lầm duy nhất của ông chỉ là làm chứng thay cho cả nhóm. Phi-e-rơ tin chắc rằng các sứ đồ đều là người tin theo Chúa, thậm chí không biết Giu-đa là kẻ vô tín.

Sự giảng dạy về Lời Đức Chúa Trời luôn luôn là một cuộc sàng lọc tấm lòng của kẻ nghe. Đức Chúa Trời đem tội nhân đến Đấng Christ bằng quyền phép của chân lý, là Lời

Ngài. Những ai khước từ Lời Chúa, cũng đồng nghĩa với khước từ Đấng Christ. Ai tiếp nhận lời Ngài sẽ tiếp nhận Đấng Christ và kinh nghiệm sự tái sinh, sự sống đời đời.

Bạn có cảm thấy nhu cầu vì sự đói khát tâm linh bên trong không? Bạn có sẵn sàng thừa nhận nhu cầu ấy và đến với Đấng Christ?

Nếu có, Ngài sẽ cứu bạn và khiến bạn được thỏa mãn mãi mãi!

7. SỰ CHỐNG ĐỐI TRONG KỲ LỄ (Gi 7:1-53)

Lễ Lều tạm kỷ niệm cuộc hành trình của dân Y-sơ-ra-ên trong đồng vắng đồng thời cũng hướng về vương quốc của Đấng Mê-si-a. Dân sự sẽ ở trong trại làm bằng nhành cây để nhớ lại sự chăm sóc bảo vệ của Đức Chúa Trời đối với họ trong gần 40 năm (Le 23:33-34).

Tiếp nối Lễ Thối Kèn và Lễ Chuộc Tội trang trọng là Lễ Lều Tạm. Đây là mùa lễ hội của dân Do Thái. Khu vực đền thờ rực sáng với những cây nến lớn nhắc nhở dân sự về “trụ lửa” dẫn đường. Mỗi ngày các thầy tế lễ sẽ đem nước từ ao Si-lô-ê đến rót vào một ché vàng, để dân sự nhớ về sự ban nước kỳ diệu từ vàng đá.

Kỳ lễ này có thể là thời điểm hoan hỉ của dân sự, nhưng cũng là thời gian gây trở ngại cho Chúa Giê-xu, vì nó khởi đầu cuộc chống đối công khai mạnh mẽ nhằm vào Chúa và chức vụ Ngài. Kể từ khi người bại được chữa lành trong ngày Sa-bát, các nhà lãnh đạo Giu-đa luôn tìm kế giết Ngài (Gi 7:1,19-20,25,30,32,44 để ý 8:37,40). Ngài ở lại xứ Ga-li-lê, là nơi an toàn cho Ngài hơn, nhưng Ngài không thể cứ ở mãi nơi đây vì Ngài cũng phải dự kỳ lễ này.

Đoạn 7 được chia làm 3 thời điểm trước kỳ lễ (Gi 7:1-10), trong kỳ lễ (Gi 7:11-36) và cuối kỳ lễ (Gi 7:37-52). Diễn tiến của mỗi thời điểm có thể được bày tỏ bằng 3 từ: vô tín, tranh luận và bất đồng.

1. Trước kỳ lễ: Sự vô tín (Gi 7:1-10)

Bà Ma-ri đã sinh ra những đứa con kế tiếp và Giô-sép cha ruột của họ. Như vậy, Chúa Giê-xu là anh cùng mẹ khác cha của họ (Mat 13:55-56 Mac 6:1-6). Không ngờ rằng các em Chúa Giê-xu đã sống chung với Ngài những năm tháng qua nhưng không nhận ra sự khác thường của bản thể Ngài. Hẳn họ đã biết những phép lạ của Ngài cũng như bao người khác (Gi 7:3-4). Có mối liên hệ mật thiết nhất với Chúa, có cơ hội thuận tiện nhất để dò xét và thử Ngài, vậy mà họ vẫn vô tín!

Giờ đây, anh em Chúa lên đường dự một kỳ lễ tôn giáo nhưng lại chối bỏ Đấng Mê-si-a của mình! Con người thật dễ dàng tuân thủ theo hình thức mà đánh mất lẽ thật vĩnh cửu. Trong khi những người thu thuế và kẻ có tội vui mừng nghe lời Chúa, các anh em Chúa cười nhạo Ngài. Quan điểm của họ giống người thế gian: “Nếu anh muốn có người ủng hộ mình, hãy tận dụng mọi cơ hội để làm cái gì đó “giật” gân xem nào!” Giê-ru-sa-lem đầy ắp kẻ hành hương từ bốn phương đến, đúng là một “bục giảng” lý tưởng để Chúa bày tỏ chính Ngài và thu phục môn đệ. Các anh em Chúa dĩ nhiên biết rằng có nhiều môn đệ đã bỏ Ngài (Gi 6:66). Đây là cơ hội để Chúa bù đắp lại những “mất mát” của Ngài. Trước đó 3 năm, Sa-tan cũng đã “gợi ý” với Chúa giống như vậy (Mat 4:1).

Chúa Giê-xu từng từ chối lời đề nghị của dân chúng muốn tôn Ngài làm Vua (Gi 6:15) nên Ngài sẽ không theo ý họ ở bất cứ hình thức nào. Những kẻ nổi danh có thể đã thành công

bởi sự tán dương của dân chúng, nhưng tôi tớ Đức Chúa Trời khôn ngoan hơn thế. Nếu thực hiện phép lạ suốt kỳ lễ tại thành phố lớn này, Chúa hẳn có thể tập hợp được đám đông, bày tỏ chính Ngài là Đấng Mê-si-a và thắng được kẻ thù. Dĩ nhiên suy nghĩ này chỉ xuất phát từ những tấm lòng và tâm trí mù quáng của kẻ vô tín. Những kẻ vô tín ấy đã làm ứng nghiệm lời tiên tri trong sách Thi 69:18 “Tôi đã trở nên một kẻ lạ cho anh em tôi, một người ngoại bang cho các con trai mẹ tôi” (vì Chúa không phải là con ruột Giô-sép, nên Ngài không thể nói “các con trai của Cha tôi”).

Đây chưa phải là thời điểm thích hợp để Chúa chứng minh về Ngài cho thế gian (Gi 14:22). Sẽ có một ngày, Ngài trở lại để “mọi mắt sẽ trông thấy” (Kh 1:7). Chúng ta thấy rằng Ngài đã sống theo một “thời gian biểu thiêng liêng” do Cha trên trời định trước (Gi 2:4 7:6,8,30 8:20 12:23 13:1 17:1).

Chúa luôn thận trọng vì biết rằng các chức sắc tôn giáo muốn giết Ngài. Dù họ là những lãnh đạo trong giáo hội, họ vẫn thuộc về “thế gian”, những kẻ luôn thù ghét Ngài vì tội lỗi họ bị Ngài vạch trần. Qua phẩm cách và chức vụ Chúa Giê-xu, Ngài bày tỏ sự hờn hợt, rỗng tuếch của hình thức tôn giáo vô nghĩa. Ngài kêu gọi dân sự trở lại lễ thật của Đức Chúa Trời. Lịch sử cho thấy giáo hội thường bắt bớ các tiên tri của Đức Chúa Trời là những người được sai đến để cứu họ.

Một số bản dịch Kinh Thánh không có chữ “chưa” ở Gi 7:8 nhưng sự vắng mặt của nó vẫn không làm thay đổi sức mạnh của lời tuyên bố ấy. Chúa hẳn không nói dối, cũng không lẫn tránh nhưng Ngài hết sức thận trọng. Nếu Ngài cho anh em mình biết kế hoạch của Ngài, liệu tin ấy có lan đến tai các nhà lãnh đạo chẳng? “Ta sẽ đến dự lễ khi giờ ta được trọn”, đó là ý nghĩa Ngài muốn nói. Sau khi anh em Chúa đi dự lễ, Ngài đến Giê-ru-sa-lem “cách kín giấu” để tránh gây sự chú ý.

Qua những hành động của Chúa, chúng ta thấy một hình ảnh minh họa tuyệt vời về quyền tể trị của Đức Chúa Trời và trách nhiệm của loài người. Đức Chúa Trời có chương trình dành cho Con Ngài, nên không điều gì có thể phá vỡ chương trình ấy được. Chúa Giê-xu không thử Đức Chúa Trời bằng cách lao vào kỳ lễ, cũng không trì hoãn khi giờ đã trọn cho Ngài dự lễ. Để biết thời điểm theo ý muốn Đức Chúa Trời, cần phải có sự sáng suốt về thuộc linh.

2. Trong kỳ lễ: Cuộc tranh luận (Gi 7:11-36)

Bạn sẽ thấy cuộc tranh luận có liên quan đến ba nhóm người.

- Nhóm thứ 1: dĩ nhiên là các nhà lãnh đạo Do Thái (“người Giu-đa”) sống ở Giê-ru-sa-lem, có nhiệm vụ trong đền thờ. Ngoài họ còn có người Pha-ri-si và các thầy tế lễ cả (đa số là người Sa-đu-sê) cũng như các thầy thông giáo. Những người này có sự bất đồng về thần học, nhưng có chung một điểm: cùng chống nghịch Chúa Giê-xu và muốn giết Ngài. Cũng có những ngoại lệ như Ni-cô-đem và Giô-sép người A-ri-ma-thê (Gi 19:38-42).

- Nhóm thứ 2: “dân chúng” (7:12,20,31-32). Đây là số người dự lễ, đến Giê-ru-sa-lem để thờ phượng. Nhiều người không để tâm đến thái độ của các nhà lãnh đạo tại Giê-ru-sa-lem. Bạn thấy (Gi 7:20 cho biết dân chúng ngạc nhiên vì chẳng ai muốn giết Chúa Giê-xu cả! Họ không hề hay biết tin đồn trong thành nên khó khăn lắm mới hiểu rằng Chúa Giê-xu bị các chức sắc xem là người phạm luật.

- Nhóm thứ 3: dân Do Thái cư trú trong thành Giê-ru-sa-lem (Gi 7:25). Dĩ nhiên họ có vẻ đứng về phía các chức sắc tôn giáo này.

Cuộc tranh luận đã bắt đầu từ trước khi Chúa đến Giê-ru-sa-lem, đặc biệt nhằm vào phẩm cách Ngài (Gi 7:11-13). Các lãnh đạo tôn giáo vẫn tìm Chúa, còn đám đông cứ tranh cãi về việc Ngài là người nhân lành hay kẻ lừa dối. Ngài phải là một nhân vật nào đó, vì một người thật sự tốt lành sẽ không lừa dối ai. Đúng vậy, Chúa Giê-xu chính là Đấng Ngài đã từng tuyên bố, nếu không Ngài là kẻ nói dối.

Khi Chúa bắt đầu dạy dỗ công khai trong đền thờ, cuộc tranh cãi chuyển hướng sang đạo lý của Ngài (Gi 7:14-19). Đương nhiên, phẩm cách và đạo lý phải đi đôi với nhau. Thật đại dốt nếu tin nơi những lời dạy dỗ của một kẻ nói dối! Người Do Thái kinh ngạc về lời dạy dỗ của Chúa vì Ngài không học trường lớp nào dành cho các Ra-bi-của họ. Vì Ngài không được “công nhận”, nên kẻ thù cho rằng lời dạy dỗ của Ngài chỉ là ý riêng và không giá trị gì. Người ta thường đồn rằng Chúa Giê-xu dạy dỗ có quyền, trong khi đó thầy thông giáo và người Pha-ri-si chỉ dựa trên thẩm quyền của các Ra-bi danh tiếng.

Chúa Giê-xu giải thích rằng Đạo lý Ngài từ Đức Chúa Trời đến. Ngài từng khẳng định mình và Cha trên trời bình đẳng trong việc làm và sự xét đoán (Gi 5:17,30). Giờ đây, Ngài tuyên bố rằng sự dạy dỗ của Ngài cũng từ Cha mà đến và Ngài sẽ còn tuyên bố lời kỳ diệu ấy lần nữa (8:26,38). Khi giảng lời Đức Chúa Trời, tôi có thể tuyên bố thẩm quyền của Kinh Thánh chứ không phải của lời giải nghĩa Kinh Thánh do tôi nói. Thật hợp lẽ khi Chúa có thể tuyên bố quyền tối cao trong mọi lời Ngài dạy dỗ!

Như vậy mọi giáo sư khác không thể tuyên bố một lời tương tự như Chúa sao? Làm thế nào chúng ta biết Ngài đang dạy chúng ta lẽ thật? Chỉ bởi làm theo điều Ngài bảo chúng ta! Lời Đức Chúa Trời tự chứng minh sự chân thật cho những ai thành tâm vâng theo. Nhà truyền giáo Anh quốc F. W. Robertson nói rằng “sự vâng lời là một phần của tri thức thuộc linh”. Gi 7:17 chép: “Nếu ai khứng làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời, thì sẽ biết đạo lý ta có phải là bởi Đức Chúa Trời, hay là ta nói theo ý ta”. Đây cũng là lời giải thích lý do các quan trưởng Giu-đa không hiểu lời Chúa: bởi họ có cái đầu “bướng bỉnh” không muốn đầu phục Ngài (5:40).

Có phải Chúa gợi ý ở đây một “cuộc thử nghiệm thực dụng” đối với chân lý thiêng liêng? Phải chăng Ngài muốn nói: “Hãy thử đi! Nếu hiệu nghiệm, đó phải là lẽ thật! Và như vậy nếu kết quả không hiệu nghiệm Lời Chúa là giả dối ư? Kiểu thử nghiệm này chắc sẽ dẫn đến một mơ hồ, vì bất cứ kẻ mộ đạo nào cũng có thể nói “Tôi đã thử những điều giáo hội dạy và nó hiệu nghiệm!”

Không, Lời phán của Chúa chúng ta sâu sắc hơn thế. Ngài không đưa ra một “thử nghiệm” hời hợt nhưng là sự phó thác riêng tư và sâu sắc của con người đối với lẽ thật. Dân Giu-đa cậy nơi học thức và quyền thế nên tiếp nhận đạo lý của họ cách gián tiếp, còn Chúa Giê-xu khẳng định rằng chúng ta kinh nghiệm quyền của chân lý một cách trực tiếp. Các nhà lãnh đạo Giu-đa muốn giết Chúa, nhưng đồng thời cũng tự cho mình hiểu lẽ thật Đức Chúa Trời và vâng theo! Điều đó cho thấy một cái đầu minh mẫn và có tri thức chưa hẳn có một tấm lòng thánh khiết hay một tư tưởng thánh thiện. Có những tội phạm nguy hiểm nhất thế giới cũng là những người có học thức cao và rất thông minh.

Sa-tan cho A-đam và Ê-va sự khôn ngoan, nhưng đó là sự khôn ngoan dựa trên sự bất tuân (Sa 3:5). Chúa Giê-xu cho chúng ta tri thức để biết vâng lời: trước tiên là mang lấy trách nhiệm và sau đó vui mừng khi biết lẽ thật Đức Chúa Trời. Tấn sĩ G. Campbell Morgan đã nói một câu hữu lý: “Khi con người đầu phục hoàn toàn và trọn vẹn theo ý muốn Đức Chúa Trời, sẽ nhận biết rằng sự dạy dỗ của Đấng Christ là linh nghiệm, đó là sự dạy dỗ của Đức Chúa Trời”.

Nếu thật sự tìm kiếm ý muốn Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ chẳng quan tâm đến việc “vinh quang” thuộc về ai. Mọi lẽ thật đều từ Đức Chúa Trời nên chỉ có Ngài là Đấng đáng được vinh hiển về điều Ngài dạy dỗ chúng ta. Không một giáo sư hay nhà truyền đạo nào đáng được người ta ngợi khen về những điều chỉ đến từ Đức Chúa Trời. Nếu người ấy được “vinh quang”, chúng tỏ lời dạy của người ấy được nói theo ý riêng chứ không từ Đức Chúa Trời. Đây là nguyên nhân xảy ra nhiều cách thờ phượng riêng và tình trạng chia rẽ trong Hội Thánh: ai đó “phát minh” ra một học thuyết, thuyết phục người ta tin theo và sử dụng nó để chia rẽ con dân Chúa!

Cuộc tranh cãi đầu tiên giới hạn trong vòng người Giu-đa, nhưng sau đó khách thập phương đến thành Giê-ru-sa-lem cũng dự vào (7:20). Chúa Giê-xu đã dặn dĩ cho biết các nhà lãnh đạo muốn giết Ngài vì Ngài phạm luật Sa-bát và xưng mình ngang hàng Đức Chúa Trời (Gi 5:10-18). Dân Do Thái chính thống đã phạm luật Sa-bát khi để con trai mình làm phép cắt bì trong ngày ấy, vậy sao Ngài lại không thể chữa bệnh cho kẻ khác trong ngày sa-bát? “Có sao các người kiểm thể giết ta?”

Dĩ nhiên khách dự lễ không biết mưu giết Chúa Giê-xu của các nhà lãnh đạo nên nghi ngờ lời phán của Ngài. Phản ứng của họ chứa đựng một lời tố cáo nặng nề rằng Ngài bị quỷ ám. Đây không phải là lời tố cáo mới vì các nhà lãnh đạo từng vu cáo cho Chúa từ trước (Mat 9:34 10:25 11:18-19 12:24). “Người bị quỷ ám, nào ai là người tìm thể giết người?”

Chúa dùng chính luật pháp Môi-se để bẻ bác lý lẽ kẻ thù, nhưng biết rằng họ không thừa nhận. Vì sao? Vì mức độ xét đoán của họ không thành thật. Họ đánh giá mọi việc chỉ dựa vào bề ngoài, trên cơ sở mơ hồ, thiếu tính xác thực. Đáng buồn thay khi hôm nay có quá nhiều người phạm sai lầm tương tự như vậy. Gi 7:24 là lời Chúa kêu gọi chúng ta hãy thật lòng đến với lẽ thật.

Dân cư trú tại Giê-ru-sa-lem cũng tham gia bàn luận (Gi 7:25). Họ biết các nhà cầm quyền muốn giết Chúa Giê-xu nên rất ngạc nhiên vì Ngài giảng dạy công khai mà không ai làm chi đựng đến Ngài. Có lẽ các nhà cầm quyền tin Ngài thật là Đấng Mê-si-a được Đức Chúa Trời sai đến. Vậy vì sao họ không thờ phượng Ngài cũng như dẫn dắt kẻ khác đến với Ngài?

Câu hỏi của dân sự (Gi 7:25) thể hiện một giải đáp tiêu cực: “Có phải các nhà cầm quyền không tin người ấy là Đấng Christ?” Họ đi đến một kết luận có vẻ lô-gic:

- a. Không ai biết Đấng Christ từ đâu đến
- b. Chúng ta biết Giê-xu Na-xa-rét từ đâu đến
- c. Kết luận: Giê-xu không thể là Đấng Mê-si-a.

Một lần nữa, dân chúng không thể hiểu chân lý vì họ bị che mắt bởi những sự việc họ cho rằng “đáng tin cậy”. Chúa đã trải qua sự chống đối tương tự trong nhà hội ở Ca-bê-na-um (Gi 6:42). Cả những giáo sư hiểu biết “chuyên gia xây dựng” cũng không nhận biết “Hòn đá góc nhà” dù đã nghiên cứu “Bản thiết kế” của Đức Chúa Trời hằng bao thế kỷ qua! (Cong 4:11)

Lúc này, Chúa cất tiếng lên cho mọi người đều nghe (7:37). Có lẽ Ngài nói bằng một giọng bày tỏ “sự tiếc nuối: “Các người nghĩ mình đã biết ta và nơi xuất thân của ta, nhưng thật sự các người không hề biết gì!” Ngài giải thích lý do họ không biết Ngài: vì không biết Cha! Đây là một lời lên án mạnh mẽ đối với dân Do Thái chính thống vì họ luôn tự hào mình biết rõ Đức Chúa Trời chân thật, là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên.

Chúa muốn dẫn chứng xa hơn: Ngài mạnh mẽ xác quyết rằng Ngài không chỉ biết Cha nhưng còn được Cha sai đến. Một lần nữa, Ngài tuyên bố mình là một với Đức Chúa Trời! Ngài không đơn giản được sinh ra trên đất như bao người bình thường khác, nhưng Ngài được Cha sai đến trần gian. Điều này có nghĩa là Ngài đã thực hữu từ trước khi giáng sinh trên đất.

Đây đúng là một cao điểm trong chức vụ Ngài, vì vậy một vài nhà lãnh đạo muốn cho người bắt Ngài, nhưng “giờ Ngài chưa đến”. Nhiều người từ xa đến tin theo Ngài. Niềm tin này dựa trên những phép lạ, nhưng ít ra cũng là một khởi điểm trước hết (Gi 2:23 6:2,26). Lúc đầu Ni-cô-đem quan tâm đến Chúa Giê-xu vì những phép lạ Ngài làm (3:1-2) nhưng kết quả là ông đã công khai xưng nhận đức tin mình nơi Đấng Christ.

Người Pha-ri-si và các thầy tế lễ cả là những người đứng đầu Do Thái giáo, rất bức tức vì những người tin nơi Chúa Giê-xu. Lúc này, các nhà lãnh đạo sai người đi bắt Chúa, nhưng Chúa Giê-xu mới là người “bắt” họ! Ngài khuyên họ phải nghe lẽ thật, tin để được cứu (12:35). Người gặp “nguy hiểm” không phải là Chúa Giê-xu, nhưng chính là những ai muốn bắt Ngài!

Như những bài giảng trước, dân chúng không hiểu điều Chúa phán. Trong vòng 6 tháng nữa, Ngài sẽ trở về với Cha trên trời. Khi ấy người Do Thái không tin Chúa sẽ không thể theo Ngài. Thật là một khác biệt giữa câu “nơi ta ở, các người không thể đến được (7:34) với câu “hầu cho ta ở đâu thì các người cũng ở đó!” (14:3)

Nếu những kẻ này sẵn lòng vâng theo ý muốn Đức Chúa Trời, họ sẽ biết chân lý. Chẳng bao lâu nữa mọi sự sẽ trở nên “đã quá muộn!”

3. Cuối kỳ lễ: Sự bất đồng (Gi 7:37-52)

Ngày cuối cùng của kỳ lễ là ngày thứ 7, một ngày rất đặc biệt để các thầy tế lễ đi quanh bàn thờ 7 lần, hát câu Thi 118:25. Đây là lần cuối cùng họ đổ nước ra. Hẳn khi họ đổ nước làm dấu hiệu về nước Môi-se đã lấy từ vàng đá, cũng là lúc Chúa cất tiếng mời gọi những tội nhân khao khát nguồn nước sống đến với Ngài.

Người ta định rằng “ngày trọng thể” này là ngày 21/7, vì vào ngày này, tiên tri A-ghe đã nói lời tiên tri đặc biệt về đền thờ (Ag 2:1-9). Sự ứng nghiệm sau cùng phải chờ đến khi Đấng Christ tái lâm trên đất, nhưng khi Chúa Giê-xu đến đền thờ, cũng làm ứng nghiệm một phần lời tiên tri ấy. Ag 2:6-7 được trích dẫn trong He 12:26-29 để nói đến sự tái lâm của Chúa.

Chúa Giê-xu nhắc đến từng trải của dân Y-sơ-ra-ên chép trong Xu 17:1-7. Nước đó chỉ là hình ảnh về Thánh Linh Đức Chúa Trời. Người tin Chúa không chỉ uống được nước hằng sống, nhưng còn trở nên những mạch nước chia sẻ cho một thế giới mỗi mòn vì khát! “Mạch nước” Ngài hứa ban (Gi 4:14) giờ trở nên sông nước tuôn trào! Tuy không có lời tiên tri nào cụ thể chỉ rõ về “sông nước” trong lòng người tin nhận, nhưng có một số câu Kinh Thánh tương đương với ý niệm này: Es 12:3 15:1-9 32:2 44:3 58:11 Xa 14:8. Hãy để ý rằng Xa 14:16 nói đến Lễ Lều tạm trong tương lai khi Chúa làm Vua vinh hiển.

Nước để uống là một trong những dấu hiệu về Đức Thánh Linh được dùng trong Kinh Thánh (Nước để tẩy uế là dấu hiệu về Lời Đức Chúa Trời. Gi 15:3 Eph 5:26). Muốn làm thoả mãn cơn khát và khiến mọi vật tươi tốt, vậy Thánh Linh Đức Chúa Trời cũng có thể ban sự thoả lòng cho tâm linh con người và giúp ta sống kết quả. Tại kỳ lễ này, dân Do Thái cứ tái diễn một nghi lễ chẳng bao giờ làm thoả mãn con người. Chúa Giê-xu đã hứa ban cho họ nước sống và sự thoả lòng mãi mãi.

Lời tuyên bố và kêu gọi của Chúa đem lại kết quả ra sao? Dân chúng bất đồng nhau: một số tin Ngài và số khác muốn bắt Ngài. Ngài là “người nhân lành” hay “người phỉnh dối dân chúng” (Gi 7:12)? Ngài là “Đấng Christ” chăng? (Gi 7:31) hay Ngài là “đấng tiên tri” đã được báo trước? (Gi 7:40 Phu 18:15). Nếu họ thật lòng muốn xem xét chứng cứ, họ sẽ khám phá Ngài chính là Đấng Christ Con Đức Chúa Trời. Họ chỉ xem Ngài là người Ga-li-lê (Gi 1:45-46 7:52) nhưng thật ra Ngài sinh tại Bết-lê-hem (6:42).

Những người coi đền thờ trở về cùng các thầy tế lễ với tay không. Chắc hẳn việc bắt Chúa Giê-xu chẳng có gì khó khăn đối với họ, nhưng họ đã không làm vậy. Điều gì ngăn trở họ? Họ thú nhận “chẳng hề có người nào đã nói như người này!” (7:46) (nói cách khác “Giê-xu này là người khác thường, không người bình thường nào nói được như Ngài”). Họ đã bị “bắt giữ” bởi Lời Đức Chúa Trời được phán ra từ miệng Con Đức Chúa Trời!

Một lần nữa, các nhà lãnh đạo không dám nhìn vào sự thật mà chỉ đưa ra nhận xét dựa trên thành kiến và cách xem xét sự việc hời hợt của họ. Gán tội cho người khác (và phỉ báng họ) có lẽ dễ dàng hơn lắng nghe họ trình bày sự thật! “Nếu có một số người tin Giê-xu, vậy thì sao nào? Những kẻ tầm thường này chẳng biết luật lệ gì cả! Lẽ nào có ai đó cao trọng như chúng ta lại tin ông Giê-xu ấy? Dĩ nhiên là không!” Có lẽ họ đã lý luận như vậy khi cố gắng phủ nhận lời chứng của người mù được Chúa chữa lành (Gi 9:34).

Bạn đừng ngạc nhiên khi thấy “giới trí thức” không muốn tin nhận Chúa Giê-xu hay các chức sắc trong giáo hội chối từ Ngài, Đức Chúa Trời đã giấu lẽ thật với “kẻ khôn ngoan, người sáng dạ” nhưng bày tỏ cho “những con trẻ” thuộc linh, những người khiêm cung đầu phục Ngài (Mat 11:25-27). Khi được Đức Chúa Trời cứu vớt, Phao-lô là thầy dạy luật rất khôn ngoan, nhưng ông đã phải bị “đánh gục” trước khi nhận biết Giê-xu Christ là Con Đức Chúa Trời (đã) từ kẻ chết sống lại. Mọi bạn đọc 1Co 1:26-31 để biết lời giải thích của Phao-lô về trở ngại của việc đem những “kẻ khôn ngoan, người sáng dạ” đến với Đấng Christ.

Rất có thể các nhà lãnh đạo đã sai lính đi bắt Chúa một lần nữa, nhưng Ni-cô-đem đã can ngăn. Người này được nhắc đến 3 lần trong Phúc Âm Giăng, và mỗi lần đều được biết là người “tới cùng Đức Chúa Giê-xu trong ban đêm” (Gi 3:1-2 19:39). Có lẽ Ni-cô-đem đã suy ngẫm và học được nhiều điều kể từ buổi nói chuyện lần đầu tiên với Chúa Giê-xu, nên ông không ngại bảo vệ cho lẽ thật.

Ni-cô-đem biết chắc hội đồng tôn giáo không muốn nghe Chúa Giê-xu. Họ định tội và muốn bắt Chúa Giê-xu trước khi tra xét Ngài theo luật pháp và lẽ công bình! Khi bảo vệ lẽ thật, hỡi Ni-cô-đem đã nhớ những lời Kinh Thánh ở Cựu Ước như Xu 23:1 Phu 1:16-17 19:15-21.

Ni-cô-đem muốn họ xem xét điều gì về Chúa Giê-xu? Về công việc và lời phán của Ngài. Chúa Giê-xu là vị Giáo sư và là Đấng làm phép lạ, đã thu hút Ni-cô-đem đến với Ngài (Gi 3:2). Thật ra, Chúa đã bày tỏ công việc Ngài để làm chứng cho thần tính Ngài (Gi 5:32), và nhiều lần kêu gọi con người hãy chú ý đến Lời Ngài phán. Cả hai điều này hỗ trợ nhau, vì phép lạ bày tỏ sứ điệp Ngài, và sứ điệp Ngài giải thích cho ý nghĩa thuộc linh của phép lạ.

Bạn có thể nghe được giọng mỉa mai và khinh thường trong câu đáp của các bậc cầm quyền: “Người cũng là tên Ga-li-lê hạ tiện và đáng ghét sao?” Họ không muốn thừa nhận lý lẽ của Ni-cô-đem khi ông đề nghị một cuộc xét xử công bằng, nhưng chỉ phản ứng bằng cách nhạo báng ông. Đây là “mánh khoé” tranh luận cũ rích: “Tấn công người nói khi không có lẽ nào bẻ bác lại”.

Họ thách thức Ni-cô-đem tra xem những lời tiên tri để xem có lời Kinh Thánh nào cho biết Đấng trị vì sẽ xuất thân từ Ga-li-lê. Dĩ nhiên, tiên tri Giô-na là người Ga-li-lê, và Chúa Giê-xu từng phán rằng Giô-na là hình ảnh của chính Ngài trong sự chết, chôn và sống lại (Mat 12:38-41). Có lẽ Ni-cô-đem đọc sách Es 9:1,2 (Mat 4:12-16) và bắt đầu tìm ra những lời tiên tri quan trọng nói về Đấng Mê-si-a trong Cựu Ước. Nếu vậy, ông đã tìm chắc rằng Chúa Giê-xu Na-xa-rét chính là Con Đức Chúa Trời.

Chúng ta cảm thấy nuối tiếc cho những người trong đoạn Kinh Thánh này – những con người đáp ứng với Chúa Giê-xu một cách sai lầm. Các em Chúa đối cùng Ngài bằng sự vô tín, kẻ khác thì tranh cãi, kết quả là một sự bất đồng chia rẽ. Nếu họ muốn nhận chân lý và hành động bằng sự vâng phục đơn sơ, hỡi họ sẽ quý nơi chân Chúa để xưng Ngài là Đấng Mê-si-a Con Đức Chúa Trời.

Ngày nay, con người cũng đang phạm sai lầm ngớ ngẩn như vậy khi đồng tình với những thành kiến và cách đánh giá hời hợt của người xưa, để rồi mù loà với chân lý.

Đừng để điều ấy xảy đến cho bạn!

8. NHỮNG TƯƠNG PHẢN VÀ MÂU THUẪN (Gi 8:1-59)

Câu chuyện về người đàn bà tà dâm phải chăng là một phần thuộc Kinh Thánh. Nếu vậy, câu chuyện này nằm ở đâu trong Phúc Âm? Một số bản dịch xưa không có đoạn chép Gi 7:53-8:11. Nếu có, câu chuyện này thường không được chép trong Phúc Âm Giảng. Đa số các học giả Kinh Thánh đều cho rằng đoạn Kinh Thánh này là một phần Kinh Thánh được hà hơi (như Tiến sĩ F.F.Bruce nói rằng “nó là một phần của tài liệu Phúc Âm”) cho dù nằm ở sách nào.

Đối với đa số chúng ta, câu chuyện thích hợp ở đoạn này! Thật ra, diễn tiến của cả đoạn này khởi phát từ sự kiện gây chú ý trong đền thờ. Chúa Giê-xu tuyên bố Ngài là sự sáng của thế gian (Gi 8:12), và Lời Ngài phán về sự xét đoán theo xác thịt cùng sự xét đoán theo chân lý, hỡi là những lời hợp lý ở đoạn này (8:15,16). Câu “chết trong tội lỗi mình” (8:21,24). được nhắc lại rõ ràng có liên quan đến sự xét đoán người đàn bà và dân sự đoạn Kinh Thánh kết

thúc với việc họ tìm cách ném đá Chúa Giê-xu cho thấy một sự tương đương hoàn hảo với phần mở đầu câu chuyện.

Nếu bỏ đi 7:52-8:12, đoạn Kinh Thánh sẽ bị thay đổi một cách đột ngột không có phần chuyển tiếp.

Một lần nữa Chúa biết Ngài có mâu thuẫn với các chức sắc đền thờ. Lần này, họ đặt một “cái bẫy” hòng có đủ chứng cứ bắt Ngài và giết đi. Tuy nhiên, âm mưu ấy bị thất bại, kéo theo một cuộc tranh luận gay gắt. Trong đoạn này chúng ta thấy có nhiều điểm tương phản bày tỏ lòng nhân từ của Đấng Christ và sự độc ác của loài người.

1. Ân Điển và Luật Pháp (Gi 8:1-11)

Lễ Lều Tạm đã kết thúc, nhưng Chúa Giê-xu lợi dụng cơ hội này để giảng đạo cho mọi người từ xa đến dự lễ đền thờ. Suốt kỳ lễ, mọi người đều biết rằng Ngài không những chỉ dự lễ mà còn công khai dạy dỗ trong đền thờ (Lu 21:37). Ngài dạy dỗ trong nơi nhóm lại của phụ nữ tại nơi kho (Gi 8:20). Các thầy thông giáo cùng người Pha-ri-si biết nơi Ngài giảng dạy, nên cùng nhau bày một âm mưu bắt Chúa.

Có lẽ đôi gian phu dâm phụ không bị bắt “quả tang” khi phạm tội, nên chúng ta không biết người đàn ông (chưa từng bị truy tố) này có nằm trong âm mưu của các chức sắc hay không. Theo luật pháp, cả hai kẻ phạm tội đều phải bị ném đá (Le 20:10 Phu 22:22) chứ không riêng gì người đàn bà này. Thật khó tin rằng người đàn ông kia chạy thoát. Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si đã xử lý vấn đề thật tàn nhẫn, thậm chí có thể cản trở buổi dạy dỗ của Chúa để đẩy người đàn bà vào giữa đám đông.

Dĩ nhiên, các nhà lãnh đạo Do Thái muốn đưa Chúa Giê-xu vào thế “tiến thoái lưỡng nan”. Nếu Ngài phán “vâng, người đàn bà này phải bị ném đá vậy điều gì sẽ xảy đến cho danh Ngài mà người ta từng biết là “bạn của người thu thuế và kẻ có tội?” Dân chúng hẳn sẽ bỏ Ngài không bao giờ tiếp nhận sứ điệp tốt lành về sự tha thứ của Ngài nữa. Nhưng nếu Ngài phán “không nên ném đá bà ta!” vậy Ngài đã công khai phạm luật và sẽ bị bắt. Hơn một lần, các nhà lãnh đạo này đã gài Chúa vào thế chống lại Luật Môi-se, và giờ đây dường như họ đã thách thức Ngài ra mặt (Gi 5:39-47 6:32 7:40).

Thay vì xét xử người đàn bà, Chúa Giê-xu đã xét xử các nhà lãnh đạo. Có lẽ Ngài rất phần nộ về cách họ xét xử người đàn bà. Ngài cũng biết rằng những kẻ giả hình này chỉ kết tội kẻ khác chứ không thấy tội lỗi chính mình. Chúng ta không rõ Ngài viết gì trên nền đất của đền thờ. Phải chăng Ngài chỉ muốn nhắc họ nhớ lại 10 điều răn vốn được viết ra “bởi ngón tay Đức Chúa Trời (Xu 31:18) và Ngài là Đức Chúa Trời? Hay Ngài muốn nhắc họ nhớ lời khuyến cáo ở Giê 17:13?

Theo luật pháp Do Thái, những kẻ truy tố phải ném đá tội nhân trước hết (Phu 17:7). Chúa Giê-xu không yêu cầu những người vô tội đó xét xử người đàn bà vì chỉ có Ngài là con người vô tội hoàn toàn. Ngày nay nếu các quan án phải là người hoàn hảo, có lẽ những băng ghế trong toà án sẽ trống rỗng! Ngài đề cập đến tội lỗi của người đàn bà, một tội lỗi mà người ta có thể phạm trong tư tưởng cũng như trong thể xác (Mat 5:27-30). Bị lương tâm kết án, những kẻ tố cáo lạng lẽ rời khỏi hiện trường, chỉ còn lại Chúa Giê-xu và người đàn bà. Chúa tha thứ cho bà và khuyên bà đừng phạm tội nữa (Gi 5:14).

Chúng ta đừng hiểu lầm rằng Chúa Giê-xu “dễ dãi đối với tội lỗi” hoặc Ngài đã mâu thuẫn với luật pháp. Để Chúa có thể tha thứ cho người đàn bà này, Ngài sẽ phải chết thay tội lỗi bà. Sự tha thứ có tính vô điều kiện nhưng “cái giá” của nó không phải rẻ! Hơn thế, Chúa đã làm trọn luật pháp hầu cho không ai có thể lên án Ngài rằng Ngài đi ngược lại những lời dạy dỗ hay làm mất giá trị của sự dạy dỗ ấy. Khi áp dụng luật pháp đối với người đàn bà chớ không cho bản thân mình, các lãnh đạo Do Thái đã phạm cả quy tắc và tinh thần của luật pháp. Vậy mà họ cứ nghĩ rằng mình đang bảo vệ Môi-se!

“Luật pháp cho người ta biết tội lỗi” (Rô 3:20). Chúng ta phải bị luật pháp kết tội trước khi có thể được tha thứ bởi ân điển của Đức Chúa Trời. Luật pháp và ân điển không đối nghịch nhau nhưng hỗ trợ cho nhau. Không ai được cứu rỗi bởi tuân theo luật pháp nhưng cũng không ai được cứu bởi ân điển mà trước hết không bị luật pháp kết án. Phải có sự kết tội trước khi có sự thay đổi.

Sự tha thứ bởi ân điển của Đấng Christ không phải là có để con người phạm tội. Lời Chúa phán “Hãy đi, đừng phạm tội nữa!”, “Nhưng Chúa có lòng tha thứ cho, để người ta kính sợ Chúa” (Thi 130:4). Chắc hẳn từng trải về sự tha thứ bởi ân điển sẽ khích lệ tội nhân ăn năn, sống một đời sống vâng phục và thánh khiết để quy vinh hiển cho Đức Chúa Trời.

2. Sự sáng và sự tối tăm (Gi 8:12-20)

Lời Chúa phán “Ta là...” chắc hẳn rất thích hợp trong đoạn 8 này. Có lẽ mặt trời vừa mọc lên (8:2), nên Chúa so sánh Ngài với mặt trời rạng rỡ. Như vậy một lần nữa Ngài tuyên bố chính Ngài là Đức Chúa Trời, vì đối với dân Do Thái, mặt trời là dấu hiệu chỉ về Giê-hô-va Đức Chúa Trời (Thi 84:11 Ma 4:2). Trong thái dương hệ của chúng ta, chỉ có một mặt trời, là trung tâm và nguồn sự sống. Vậy, cũng chỉ có một Đức Chúa Trời, Đấng trung tâm của mọi sự và mọi nguồn sự sống (Gi 1:4). “Đức Chúa Trời là sự sáng” (1Gi 1:5). Nơi đâu có sự sáng chiếu soi, tội lỗi con người sẽ bị bày tỏ ra (Eph 5:8-14).

Lời phán “Ta là...” cũng liên quan đến lễ Lều Tạm. Suốt kỳ lễ những ngọn nến lớn được thắp sáng trong đền thờ vào đêm nhắc dân sự nhớ đến “trụ lửa” dẫn đường dân Y-sơ-ra-ên đi trong đồng vắng. Thật ra Giăng đã kết hợp ba “hình ảnh về đồng vắng”: ma-na (Gi 6:1-71) nước từ vầng đá (7:1-53) và trụ lửa (8:1-59).

“Theo” Chúa có nghĩa là tin nơi Ngài và nhờ cậy Ngài người tin Ngài sẽ bước đi trong “sự sống và sự sáng”. Những kẻ không được cứu là người đi trong tối tăm vì họ ưa thích bóng tối. Một trong những chủ đề chính của Phúc Âm Giăng bày tỏ: sự sáng thuộc linh đang chiếu soi, nhưng con người không nhận biết được, vì vậy họ chối từ sự sáng (Gi 1:4-5).

Không phải mọi nhà lãnh đạo Do Thái đều bỏ đi chắc chắn một số khác đã xuất hiện khi người đàn bà rời khỏi. Như thường lệ họ tranh cãi với Chúa Giê-xu. Lần này, họ cáo Ngài về việc Ngài tự làm chứng cho bản thân bằng cách cho rằng mình là sự sáng của thế gian vì toà án Do Thái không chấp nhận một người làm chứng cho bản thân.

Nhưng, sự sáng tự nó bày tỏ ra! Những kẻ nào không nhìn thấy ánh sáng, đều là kẻ mù loà!

Tôi nhớ lại lần đầu tiên khi đi máy bay vào ban đêm. Tôi bị mê mẩn bởi dải đèn màu lấp lánh trong các thành phố phía dưới. Khi máy bay rời New York đi trong đêm, tôi ngạc

nhiên vì vẫn có thể nhìn thấy những chấm sáng ấy cách xa nhiều dặm. Tôi chợt hiểu ra vì sao trong thời chiến tranh người ta phải tắt vì phi công địch có thể nhìn thấy điểm sáng nhỏ nhất và phát hiện ra mục tiêu. Ánh sáng tự bày tỏ chính nó, cho bạn biết sự hiện diện của nó.

Có lẽ người Pha-ri-si đã trích dẫn lời Chúa (Gi 5:31), nhưng lập tức lý lẽ họ bị Chúa bẻ bác lại. Từ được lặp lại trong phân đoạn này là “làm chứng”. Chúa cho biết lời chứng của họ không đáng tin vì sự xét đoán của họ thật sai lầm. Họ xét đoán ở hình thức bên ngoài theo cách của con người, nhưng Chúa xét đoán dựa trên sự hiểu biết về tâm linh. Cách họ xét xử người đàn bà tà dâm chứng tỏ họ không hiểu luật pháp, cũng không nhận biết tư tưởng tội lỗi của chính mình.

Vì muốn lợi dụng luật để kết tội người đàn bà, đồng thời “gài bẫy” Chúa, họ đã bị Chúa dùng luật để đối phó lại. Chúa trích dẫn một nguyên tắc ở Phu 17:6 19:15 cũng như Dan 35:30, cho biết việc định tội sẽ được thực hiện khi có hai người làm chứng Chúa có hai chứng cứ: Ngài làm chứng và cả Đức Chúa Trời nữa. Qua Gi 5:37-47, chúng ta thấy rằng lời chứng của Đức Chúa Trời thể hiện qua Lời Ngài.

Thật tội nghiệp cho những chuyên gia “Luật pháp này! Họ không biết Đấng Mê-si-a đang hiện diện trước mặt họ! Họ tuyên bố rằng họ hiểu biết luật pháp Đức Chúa Trời, nhưng lại không biết Đức Chúa Trời của luật pháp. Họ không hề giữ lời Ngài trong lòng (5:38) cũng không kinh nghiệm được tình yêu của Ngài (5:42). Họ không biết Cha, nên cũng không biết Con.

Chúa chưa bao giờ trả lời câu hỏi họ đặt ra “Cha của thầy ở đâu?” (c.19). Thuật ngữ “Cha” được sử dụng rất nhiều lần trong đoạn này, vì vậy Chúa Giê-xu không lẫn tránh vấn đề nhưng ngược lại Ngài giải quyết vấn đề một cách thẳng thắn. Ngài biết “cha” họ không phải là Đức Chúa Trời – nhưng là ma quỷ. Những kẻ đội lốt tôn giáo này là con cái ma quỷ!

Những âm mưu bắt Chúa Giê-xu của họ đều bị Cha trên trời ngăn trở, vì giờ Ngài phó sự sống mình chưa đến. Khi tới Đức Chúa Trời sống theo ý muốn Ngài, người ấy có thể hầu việc cách mạnh mẽ và bình an!

3. Sự sống và sự chết (Gi 8:21-30)

Chúa Giê-xu từng nói về việc Ngài sẽ bỏ họ (3:34), nhưng những người Giu-đa này chẳng hiểu gì cả. Một lần nữa, Ngài khuyến cáo họ rằng Ngài sẽ bỏ họ, họ không thể theo Ngài, vì vậy họ sẽ chết trong tội lỗi mình! Họ đã bỏ lỡ những cơ hội Đức Chúa Trời ban bởi sự tranh cãi với Ngài thay vì tin cậy Ngài. Chẳng bao lâu nữa, những cơ hội ấy sẽ chấm dứt.

Giờ đây dân Giu-đa không hiểu sự dạy dỗ của Ngài, chỉ nghĩ rằng Ngài định “tự tử”. Đối với người Do Thái, tự sát là hành động đáng khinh miệt vì họ được dạy rằng phải quý trọng sự sống. Nếu Chúa phạm tội này, Ngài sẽ bị toà xét xử và đây sẽ là lý do để dân chúng không tin theo Ngài.

Thật ra, chính những kẻ chất vấn Ngài sắp phải đứng trước toà phán xét! Chúa Giê-xu sẽ về cùng Cha Ngài trên trời, không ai có thể đến được nơi ấy nếu không tin nhận Đấng Christ, lý do Chúa Giê-xu và lãnh đạo Do Thái phải đi đến hai nơi khác nhau, vì nguồn gốc

của họ khác Ngài: Ngài từ thiên đàng đến, nhưng họ là kẻ thuộc về đất. Chúa Giê-xu hiện diện trong thế gian này, nhưng Ngài không thuộc về thế gian (17:14-16).

Những ai tin nhận Chúa đều là công dân thiên quốc (Phi 3:20-21 Lu 10:20). Chúa đã dành sẵn cho họ phần thưởng trên trời. Nhưng những kẻ vô tín sẽ thuộc về thế gian, Chúa Giê-xu gọi họ là “con đời này” (Lu 16:8). Bởi không tin nhận Đấng Christ để được tha tội, họ phải gánh số phận “chết trong tội lỗi mình”. Những tín hữu sẽ “chết trong Chúa” vì đã “sống trong Chúa” (Kh 14:13), kẻ vô tín phải chết trong tội lỗi mình vì đã sống trong tội lỗi.

Thật không ngờ rằng những “chuyên gia” thuộc linh này lại có thể hỏi rằng “Thầy là ai?”. Chúa đã bày tỏ chứng cứ cho họ biết rằng Ngài là Con Đức Chúa Trời, nhưng họ cố tình chối bỏ, Lời Chúa đáp “như lời ta đã nói với các ngươi từ ban đầu” có thể được hiểu rằng “Tại sao ta phải cho các ngươi biết những điều khác hay chứng cứ khác khi các ngươi chưa thật tâm xem xét chứng cứ ta đã bày tỏ ra?”

Chúa nhiều lần tuyên bố về thần tính Ngài (Gi 8:26). Ngài phán rằng Ngài sẽ là Đấng xét đoán và sự xét đoán (dân Do Thái) chỉ thuộc về Đức Chúa Trời. Ngài tuyên bố mình được Đức Chúa Trời sai đến và Ngài đã nghe mọi điều Đức Chúa Trời dạy dỗ. Các chức sắc kia phản ứng ra sao trước những lời khẳng định mạnh mẽ về thần tính của Chúa? Họ chẳng hiểu gì cả! Đức Chúa Trời bày tỏ lẽ thật Ngài cho “trẻ nhỏ” chứ không phải cho những “người khôn ngoan, kẻ sáng dạ” này! (Lu 10:21).

Giờ đây Chúa phán về sự chết của Ngài khi “bị treo lên” thập giá (Gi 3:14 12:32). Thuật ngữ “bị treo lên” có nghĩa kép là: bị treo lên trong tình trạng đóng đinh, và bị treo lên trong sự tôn quý và vinh hiển. Chúa thường ghép hai nghĩa trên lại với nhau vì qua sự đóng đinh Ngài nhìn thấy “sự vinh hiển” chứ không chỉ là “thương khó” (12:23 13:30-31 17:1). Phi-e-rơ cũng ghép hai ý nghĩa này trong thư tín đầu của ông.

Chúa Giê-xu bày tỏ Ngài cho dân Do Thái qua sự chết, chôn, sống lại và thăng thiên của Ngài. Đây là thông điệp Phi-e-rơ rao truyền vào lễ Ngũ Tuần (Cong 2:1-47) không chỉ về sự chết của Chúa mà còn về sự sống lại và vinh hiển của Ngài. Một người lính La Mã chứng kiến mọi sự tại đồi Gô-gô-tha cũng phải thú nhận: “Người này quả thật là Con Đức Chúa Trời” (Mac 15:39). Hội Thánh đầu tiên đã noi gương Chúa mình (Lu 24:25-27) rao truyền về sự thương khó và vinh hiển của Đấng Christ bắt đầu từ những lời tiên tri trong Thánh Kinh Cựu Ước.

Chúa Giê-xu đưa ra hai lời tuyên bố kỳ diệu. Ngài không chỉ được Cha sai đến, nhưng còn được Cha luôn ở cùng vì Ngài hằng làm đẹp lòng Cha (Gi 8:29). Có lẽ, kẻ thù Chúa đã phản ứng dữ dội với lời phán này, nhưng một số người tin nơi Ngài. Chúng ta không thể biết được có phải là niềm tin thật hay không, nhưng qua Lời Chúa phán với họ cho thấy họ biết điều mình làm.

Sự cứu rỗi là vấn đề về sự sống hoặc sự chết. Những ai sống trong tội lỗi và chối bỏ Đấng Christ phải chết trong tội lỗi mình không có sự thay đổi nào khác! Chúng ta hoặc tiếp nhận sự cứu rỗi trong ân điển, hoặc chịu sự kết án dưới Luật pháp Đức Chúa Trời hoặc bước đi trong sự sáng để được sự sống đời đời, hoặc bước đi trong sự tối tăm và chết đời đời!

4. Tự do và tội mọi (Gi 8:31-47)

Chúa khuyên những người tin Ngài (Gi 8:30) hãy cứ ở trong Lời Ngài để được sự cứu rỗi. Nếu chúng ta sống theo Lời Chúa, sự hiểu biết thuộc linh của chúng ta sẽ tăng trưởng. Khi ấy, chúng ta sẽ được tự do không bị tội lỗi ràng buộc. Sự sống đem đến sự hiểu biết, và sự hiểu biết dẫn đến sự tự do.

Dường như đại danh từ “các người” (Gi 8:32) chỉ về những người Giu-đa tin theo Đạo, vì họ không tranh cãi với Chúa. Nếu câu 8:37 cũng được sử dụng từ “các người”, có lẽ được nói về các lãnh đạo Do Thái vô tín, chống đối Chúa suốt cuộc giảng luận (8:13,19,22,25). Cũng vẫn như trước đây, họ không hiểu sứ điệp của Ngài. Chúa muốn nói về sự tự do thuộc linh, không bị ràng buộc bởi tội lỗi, nhưng họ chỉ nghĩ về sự tự do theo quan niệm chính trị!

Khi tự xưng là con cháu Áp-ra-ham chưa hề làm tôi mọi cho ai, lời tuyên bố của các nhà lãnh đạo chắc hẳn sai hoàn toàn, mâu thuẫn với lịch sử được chép trong Thánh Kinh Cựu Ước. Dân Do Thái đã bị 7 cường quốc thống trị (được chép trong sách Các quan xét), 2 chi phái phía Nam bị bắt làm nô lệ ở Ba-by-lôn 70 năm, 10 chi phái phía Bắc cũng bị quân A-si-ri bắt đi. Ngay cả giây phút này, Chúa Giê-xu cũng đang ở dưới gót sắt Rô-ma! Đối với những kẻ kiêu ngạo trong lớp áo tôn giáo này, thật khó lòng thừa nhận những thất bại và nhu cầu của mình biết bao!

Chúa Giê-xu giải thích rằng sự khác nhau giữa tự do về thuộc linh và tình trạng tôi mọi chính ở chỗ: một người là con và người kia là tôi mọi. Tôi mọi có thể sống trong nhà nhưng không thuộc về gia đình đó, người ấy không có một tương lai bảo đảm (Có lẽ lúc này Chúa nhớ đến I-sác và Ích-ma-ên, Sa 21:1-21). “Ai phạm tội lỗi là tôi mọi của tội lỗi” (Gi 8:34). Các lãnh đạo tôn giáo không chỉ chết trong tội lỗi họ, nhưng ngay lúc này họ đang sống trong ách của tội lỗi!

Vậy tôi mọi của tội lỗi làm sao để được tự do? Chỉ nhờ vậy nơi Con. Ngài buông tha tôi mọi bằng cách nào? Bởi quyền năng của Lời Ngài. Bạn hãy chú ý trọng tâm của Lời Chúa phán ở 8:38-47 Ngài cho biết “Lẽ thật sẽ buông tha các người” (Gi 8:32). Nhưng các lãnh đạo không muốn “dành chỗ” cho Lời Chúa trong lòng họ.

Ở phần còn lại của phân đoạn này, bạn sẽ thấy cuộc tranh luận tập trung quanh thuật ngữ “Cha”. Chúa Giê-xu nhận biết Cha Ngài trên trời, và Ngài cũng biết những kẻ giả hình này đến từ cha họ nơi địa ngục, đó là Sa-tan. Dĩ nhiên, dân Do Thái tự nhận họ là con cái Áp-ra-ham (Lu 3:8) nhưng Chúa Giê-xu phân biệt rõ ràng giữa “dòng dõi Áp-ra-ham” (con cháu về mặt thể xác) và “con cháu Áp-ra-ham” (là con cháu về mặt thuộc linh – bởi đức tin sinh ra – Ga 3:6-14)

Các lãnh đạo Do Thái tuyên bố họ thuộc dòng dõi Áp-ra-ham, nhưng chẳng giống Áp-ra-ham chút nào. Họ lúc nào cũng muốn giết Chúa Giê-xu còn Áp-ra-ham là người “bạn” của Đức Chúa Trời, được tương giao với Ngài trong tình yêu (Es 4:8). Ông lắng nghe chân lý từ Đức Chúa Trời và vâng theo, còn những lãnh đạo Do Thái này lại chối bỏ lẽ thật.

Bản tính được quyết định bởi dòng dõi sinh ra, dòng dõi được quyết định bởi người cha. Nếu Đức Chúa Trời là Cha bạn, vậy bạn sẽ dự phần bản tính Ngài (I Phi 1:1-4), nhưng nếu Sa-tan là cha bạn, vậy bạn sẽ mang bản chất tội lỗi của nó. Chúa không nói rằng mọi tội nhân là con cái ma quỷ, dù họ đều là “con của sự thanh nộ” (Eph 2:1-3). Qua ẩn dụ Cỗ lòng (Mat 13:24-32,36-43), Chúa phán rằng người Pha-ri-si và những kẻ tin theo giả dối là con cái ma quỷ.

Sa-tan là kẻ mạo danh thiên sứ sáng láng (II Co 11:13-15) nên nó cũng truyền cho con cái nó sự công bình giả dối hầu những kẻ đó chẳng bao giờ bước đến cổng thiên đàng được (Ro 10:1-4).

Là con cái ma quỷ, tính cách các lãnh đạo Do Thái thế nào? Họ chối bỏ chân lý (Gi 8:40) và muốn giết Chúa Giê-xu vì Ngài nói ra chân lý. Họ không yêu mến Đức Chúa Trời (Gi 8:42), cũng không hiểu lời dạy dỗ của Chúa Giê-xu, (Gi 8:43,47). Con cái của Sa-tan có thể rất “sành” về những lễ nghi thờ phượng, nhưng không hiểu gì về Lời Đức Chúa Trời.

Sa-tan là kẻ nói dối và kẻ giết người. Nó từng nói với tổ phụ đầu tiên của chúng ta rằng: “Đức Chúa Trời há phán như vậy sao? Và đưa họ vào cỏi chết. Ca-in cũng là con cái của ma quỷ (IGi 3:12) vì là kẻ nói dối và giết người. Ca-in giết em mình là A-bên và nói dối về điều đó (Sa 4:1-24). Có gì đáng ngạc nhiên khi những chức sắc đền thờ này làm chứng dối về Chúa Giê-xu, tìm kiếm chứng cứ giả dối để cho người giết Ngài?

Ách tôi mọi khủng khiếp nhất là điều mà chính kẻ bị giam cầm không nhận biết. Người ấy nghĩ mình tự do, nhưng thật sự đang bị nô lệ. Người Pha-ri-si và các lãnh đạo Do Thái cho rằng họ tự do, nhưng thật ra họ đang làm tôi mọi về mặt thuộc linh trong xiềng xích của tội lỗi và Sa-tan. Họ không muốn đối diện với chân lý, nhưng chỉ có lẽ thật mới có thể buông tha họ mà thôi.

5. Tôn kính và bất kính (Gi 8:48-59)

Các nhà lãnh đạo không có cách nào bẻ bác được Lời Chúa nên tấn công vào tư cách Ngài. Một số học viên Kinh Thánh cho rằng lời nói của các lãnh đạo trong Gi 8:41 “Chúng tôi chẳng phải là con ngoại tình” là lời gièm pha về sự sinh ra và tính cách của Chúa Giê-xu. Thật ra bà Ma-ri đã mang thai trước khi kết hôn với Giô-sép. Những lời công kích ở câu Gi 8:48 mới thật sự là lời vu cáo. Đối với người Do Thái, bị gọi là người “Sa-ma-ri” là sự sỉ nhục nặng nề nhất, đã vậy còn bị gọi là kẻ bị “quỉ ám” càng nhục nhã hơn.

Bạn hãy chú ý sẽ thấy Chúa chẳng quan tâm đến lời gièm pha về chủng tộc (có lẽ khi họ gọi Ngài là người Sa-ma-ri họ muốn gán cho Ngài là kẻ tà giáo). Dù họ bất kính với Ngài, nhưng Ngài vẫn tôn kính Cha trong mọi sự. Ngài từng giải thích rõ ràng không thể có tình trạng tôn kính Cha mà không tôn kính Con (5:23). Họ tìm kiếm vinh hiển cho bản thân, nhưng Chúa chỉ tìm kiếm vinh hiển của Đức Chúa Trời mà thôi (5:41-44). Niềm tin chỉ dựa vào hình thức mà không hề có Đấng Christ, đó chỉ là “hội của những người dâng bực lẫn nhau” bởi con người chỉ muốn tôn vinh bản thân!

Chúa Giê-xu đã khuyến cáo họ rằng họ sẽ chết trong tội lỗi mình vì sự vô tín. Giờ đây, Ngài kêu gọi họ tin nơi Lời Ngài để “chẳng thấy sự chết bao giờ” (8:51). Ngài đã nói điều này khi giảng dạy trong nhà hội (6:39-40,44,54). Một lần nữa các nhà lãnh đạo không có cái nhìn sâu sắc về thuộc linh để có thể hiểu ý Chúa. Áp-ra-ham đã chết dù là một người tin kính, và các tiên tri cũng chết! Kiểu lý luận này chỉ càng khiến họ nghĩ rằng Chúa bị “quỉ ám”! (7:20).

Khi xưng mình là Chúa của sự sống và sự chết Chúa muốn khẳng định Ngài là Đức Chúa Trời (5:21-29). Ngài không tìm vinh hiển cho mình, nhưng Cha trên trời làm vinh hiển Con Ngài. Thật sự, Áp-ra-ham (người được họ xưng là cha) đã nhìn thấy “ngày của Chúa” và nức lòng mừng rỡ! Thay vì vui mừng, người ta lại chống nghịch và muốn giết Ngài.

Thế nào gọi là: Áp-ra-ham đã nhìn thấy “ngày của Chúa” (tức đời sống và chức vụ Ngài trên đất)? Đó là cách ông nhìn thấy thành Giê-ru-sa-lem trong tương lai bằng đức tin (He 11:10,13-16). Đức Chúa Trời không ban cho Áp-ra-ham khả tượng đặc biệt nào về đời sống và chức vụ của Chúa Giê-xu nhưng ban cho ông một khả năng nhận thức về thuộc linh để “nhìn thấy” những sự kiện trong tương lai. Chắc hẳn ông đã thấy sự giáng sinh của Đấng Christ qua sự ra đời kỳ diệu của con trai ông, là I-sác. Hẳn ông cũng “nhìn thấy” đời Gô-gô-tha khi dâng I-sác cho Đức Chúa Trời (Sa 22:1-24). Qua chức vụ tế lễ của Mên-chi-xê-đéc (Sa 14:17-24), Áp-ra-ham có thể nhìn thấy chức tế lễ thánh khiết của Đấng Christ. Qua tiệc cưới của I-sác, Áp-ra-ham có thể nhìn thấy hình ảnh về Tiệc Cưới Chiên Con.

Lời khẳng định của Chúa ở Gi 8:58 có thể hiểu “Ta là Đấng hiện hữu trước khi Áp-ra-ham ra đời”. Một lần nữa, Ngài tuyên bố về ngôi vị là Con Đức Chúa Trời, các nhà lãnh đạo đã nghe Ngài nói điều đó nhiều lần. Ngài đã xem mình ngang hàng với Đức Chúa Trời (Gi 5:18) và đây là tội lộng ngôn, đáng bị xử chết! (Le 24:16). Chúa Giê-xu được sự bảo vệ của Đức Chúa Trời, nên Ngài thần nhiên bỏ đi, vì “giờ Ngài chưa đến”. Thật chúng ta phải kính phục sự dạn dĩ của Chúa khi Ngài bày tỏ chân lý và mời gọi những kẻ mộ đạo mù quáng tin nhận Ngài để được tự do.

Những người khó chinh phục nhất cho Đấng Christ là những người không nhận biết nhu cầu của mình. Họ đang ở dưới sự kết án của Đức Chúa Trời, vậy mà vẫn cứ cậy nơi lễ nghi tôn giáo để mong được cứu. Họ đang bước đi trong sự tối tăm chứ không phải ánh sáng của sự sống. Họ đang “sống mà như đã chết” vì ách của tội lỗi, không có sự tôn kính Cha và Con dù thực hiện những lễ nghi bên ngoài. Đây là những con người góp phần đóng đinh Chúa Giê-xu, nên Ngài gọi họ là con cái của ma quỷ.

Còn bạn là con cái của ai? Phải chăng Cha bạn là Đức Chúa Trời vì bạn đã tiếp nhận Chúa Giê-xu Christ vào đời sống? (Gi 1:12-13) Hay Sa-tan là cha bạn vì bạn cậy nơi một sự công bình giả dối, sự công bình bởi việc làm chứ không phải sự công bình bởi đức tin nơi Chúa Giê-xu?

Nếu Đức Chúa Trời là Cha bạn, vậy thiên đàng là nhà bạn. Nếu Ngài không phải là Cha bạn, vậy địa ngục sẽ là số phận dành cho bạn.

Đây thật sự là vấn đề về sự sống và sự chết!

9. SỰ THÁCH THỨC CỦA NGƯỜI MÙ (Gi 9:1-41)

Chúa chúng ta đã thực hiện nhiều phép lạ để đáp ứng nhu cầu con người. Mặt khác, Ngài cũng sử dụng những phép lạ ấy làm “bệ phóng” rao truyền sứ điệp về chân lý thuộc linh. Sau hết, những phép lạ của Ngài chính là những “ủy nhiệm thư” đáng tin cậy chứng minh Ngài thật sự là Đấng Mê-si-a. “Kẻ mù được thấy” là một trong những phép lạ của Ngài thực hiện (Mat 11:5) và chúng ta sẽ thấy phép lạ ấy trong đoạn này. Chúa dùng phép lạ này làm cơ sở cho bài giảng ngắn về sự mù loà thuộc linh (Gi 9:39-41) và bài giảng về người chăn chiên thật hoặc giả (10:1-18).

Người chúng ta gặp ở đoạn Kinh Thánh này là người bị mù thuở mới sinh. Anh ta chưa bao giờ được ngắm xem vẻ đẹp sáng tạo của Đức Chúa Trời hay nhìn thấy gương mặt những người thân yêu của mình. Khi Chúa đến mọi việc thay đổi: chàng thanh niên được sáng mắt. Dầu vậy, phép lạ kỳ diệu nhất không phải là việc mở mắt người mù, nhưng là việc

Chúa mở tấm lòng của anh để đến với Đấng Christ. Bằng mọi giá, anh phải xưng nhận Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời và anh cũng muốn làm như vậy. Cách dễ nhất để có thể hiểu sứ điệp của đoạn này, đó là chúng ta nên theo dõi từng diễn biến trong sự hiểu biết của người thanh niên này về Chúa Giê-xu.

1. “Người tên gọi là Giê-xu” (Gi 9:1-12)

Vào thời ấy, việc duy nhất mà một người mù có thể làm được, đó là ăn xin và đây cũng là điều người mù này làm khi Chúa Giê-xu đi qua (9:8). Có lẽ ở đó có nhiều người mù mong được chữa lành nhưng Chúa chỉ chọn người ấy (Lu 4:25-27). Rõ ràng người này và cha mẹ anh là người được mọi người xung quanh biết đến. Chúa chữa lành người mù ngay trong ngày Sa-bát (Gi 9:14), vì vậy một lần nữa Ngài công khai khiêu khích các nhà lãnh đạo tôn giáo (5:9).

Các môn đệ không xem người mù là đối tượng đáng thương xót, nhưng chỉ xem anh ta như một đề tài cho cuộc bàn luận về thần học. Con người thật dễ dàng bàn luận một đề tài mơ hồ như “tội lỗi” hơn là sẵn sàng phục vụ nhu cầu của người khác. Họ tin chắc rằng sự mù loà bẩm sinh của người này do tội lỗi của chính anh ta hoặc của cha mẹ anh. Nhưng Chúa không hài lòng với tư tưởng của họ.

Xét cho cùng, mọi nan đề về thân thể con người đều là kết quả của tội lỗi chúng ta trong A-đam. Bởi sự bất tuân A-đam đã đem tội lỗi và sự chết vào thế gian (Ro 5:12). Dầu vậy, phê phán bệnh tật của ai do họ phạm tội ra sao, không thuộc phạm vi và quyền hạn của con người. Chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể biết lý do những người sinh ra bị tàn tật, và chỉ có Ngài mới thay đổi những bệnh tật ấy trở nên nguồn phước hạnh cho con người để quy vinh hiển danh Ngài.

Chắc hẳn người này và cha mẹ anh có lúc đã phạm tội, nhưng Chúa không xem tội lỗi họ là nguyên nhân của sự mù loà. Ngài cũng không phán rằng Đức Chúa Trời muốn người này mù loà để rồi trong những năm sau đó Chúa Giê-xu có thể thực hiện một phép lạ! Vì trong các nguyên bản không có dùng các dấu chấm câu nên chúng ta có thể tự do đọc Gi 9:3,4 cách này: “Không phải người này phạm tội hay là cha mẹ anh. Nhưng để cho công việc của Đức Chúa Trời phải được thể hiện trong anh ấy, ta phải thực hiện những việc của Đấng đã sai ta, trong lúc còn là ngày”.

Cách chữa lành của Chúa thật kỳ diệu: Ngài thoa bùn trên mắt người mù và bảo anh ta đi rửa. Trước đó Chúa đã chữa lành cho hai người mù chỉ bằng hành động rờ mắt họ (Mat 9:27-31), và chữa cho một người mù khác bằng cách thấm nước miếng trên mắt người ấy (Mac 8:22-26). Dù có quyền năng chữa bệnh không thay đổi, nhưng Chúa chữa bệnh theo những phương cách khác nhau, nếu không con người sẽ quan tâm đến cách chữa bệnh rồi không nhận được thông điệp của Ngài qua sự chữa bệnh.

Có ít nhất hai lý do Chúa dùng đến bùn đất. Thứ nhất, đây là hình ảnh về thành nhục thể. Đức Chúa Trời đã tạo dựng con người đầu tiên từ bụi đất và Ngài đã sai con Ngài đến trần gian như là một con người thật. Hãy chú ý trọng tâm ý nghĩa của thuật ngữ “Si-lô-ê” “chịu sai đi”, liên hệ với Gi 9:4 “...những việc của Đấng đã sai ta đến” (Gi 3:17,34 5:36 7:29 8:18,42). Chúa dùng hình ảnh đơn sơ này chỉ về việc Ngài được Cha sai đến thế gian.

Lý do hai, bần đất là thứ gây khó chịu, kích lệ người mù tin và vâng lời. Khi mắt bạn bị ngứa ngáy khó chịu, bạn sẽ mau mắn chạy đi rửa sạch. Bạn có thể so sánh “sự khó chịu” này với sự cáo trách của Đức Thánh Linh khi Ngài dùng luật pháp Đức Chúa Trời để xét đoán tội nhân.

Nhưng giờ đây vấn đề cần được quan tâm lại là sự nhận dạng: phải chăng người này thật sự là người ăn mày mù? Ai đã khiến người ấy thấy được? Ở phần cuối đoạn 9 một mâu thuẫn xảy ra quanh hai thắc mắc ấy. Các lãnh đạo tôn giáo không muốn đối diện với sự thật rằng Chúa Giê-xu đã chữa lành cho người mù này và anh ta đã thấy.

Ở đoạn này, người ta hỏi người mù đến 4 lần: “Tại sao mắt người đã mở được?” (Gi 9:10,15,19,26). Đó là những người hàng xóm và người Pha-ri-si. Chưa hài lòng với câu trả lời của người mù, người Pha-ri-si lại tiếp tục chất vấn cha mẹ anh và chính anh một lần cuối. Mọi điều này trông có vẻ hợp lý và hữu hiệu, nhưng đó là thủ đoạn né tránh (không muốn đối diện sự thật) của dân chúng và các nhà lãnh đạo. Người Pha-ri-si không tin chứng cứ này, còn dân chúng sợ nói ra sự thật. Họ đều đặt một câu hỏi không hợp lý! Lẽ ra họ không nên hỏi rằng “thế nào?” nhưng phải hỏi “ai...?” Nhưng chúng ta thường có khuynh hướng hỏi “Thế nào” vì muốn hiểu được “qui trình” của một phép lạ thay vì chỉ tin nơi Đấng Christ, Đấng duy nhất có thể thực hiện phép lạ ấy. Ni-cô-đem muốn biết làm thế nào để trở vào lòng mẹ (3:4,9). “Lẽ nào người này lấy thịt mình cho chúng ta ăn sao” (6:50). Dù có thể hiểu được qui trình của phép lạ, cũng không chắc rằng chúng ta đã kinh nghiệm được phép lạ ấy.

Khi được yêu cầu kể lại phép lạ, người mù được chữa lành này chỉ kể vắn tắt những điều xảy ra. Anh ta chỉ biết người đã chữa lành cho mình “tên gọi là Giê-xu”. Anh chưa từng thấy Chúa nhưng dĩ nhiên đã nghe được tiếng Ngài. Anh ta không chỉ không biết về nhân thân của Chúa mà còn không biết Ngài đi đâu. Lúc này, anh được chữa lành nhưng vẫn chưa được cứu rỗi. Sự sáng đã lộ dạng, nhưng sẽ còn rạng rỡ hơn cho đến khi anh ta gặp được mặt Chúa và thờ phượng Ngài (Ch 4:18).

Có ít nhất 12 lần trong Phúc Âm Giảng, Chúa Giê-xu được gọi là “người” (Gi 4:29 5:12 8:40 9:11,24 10:33 11:47,50 18:14,17,29 19:5). Sứ đồ Giảng khẳng định Chúa Giê-xu là Đức Chúa Trời, đồng thời ông cũng nhắc nhở chúng ta rằng Chúa Giê-xu là con người thật. Sự hiện thân của Ngài không phải là một ảo ảnh! (IGi 1:1-4).

2. “Một Đấng tiên tri” (Gi 9:13-23)

Những người Pha-ri-si vốn là người quan tâm đến niềm tin tôn giáo, nên việc chất vấn người được chữa lành là điều hợp lẽ. Họ tìm hiểu về phép lạ này từng chi tiết, càng chứng minh rằng Chúa Giê-xu thật đã chữa lành người mù. Vốn mù loà từ lúc mới sinh, phép lạ kỳ diệu này đã khiến sự tối tăm bệnh tật của anh ta biến mất trong phút chốc! Kẻ thù Chúa luôn xem xét tỉ mỉ những phép lạ Ngài thực hiện. Tuy vậy, hành động chữa bệnh trong ngày Sa-bát của Chúa cũng gây sự chú ý thường xuyên cho người Pha-ri-si. Làm việc trong ngày Sa-bát là phạm luật, vì vậy qua hành động hoà bần, xúc bần và chữa lành người mù, Chúa Giê-xu bị xem là đã làm ba “công việc” phạm luật! Thay vì phải ngợi khen Đức Chúa Trời, người Pha-ri-si cố tìm chứng cứ để bắt bớ Chúa Giê-xu.

Khi con người không muốn đối diện với sự thật nhưng lẩn tránh vấn đề vì sợ hãi (Gi 9:22), sẽ không thể nào có một kết luận thống nhất được. Lần nữa, Chúa Giê-xu là nguyên

nhân của sự chia rẽ (9:16 7:12,13). Các lãnh đạo tôn giáo xét đoán trên cơ sở duy nhất: không ai phạm luật Sa-bát có thể là tiên tri thật của Đức Chúa Trời. Họ là những con người có suy nghĩ phiến diện, chẳng khác gì một số người trong giáo hội hôm nay. Người Pha-ri-si không biết rằng Chúa Giê-xu muốn ban cho dân sự một điều kỳ diệu hơn cả ngày Sa-bát, đó là sự yên nghỉ thuộc linh từ Đức Chúa Trời (Mat 11:28-30).

Người mù được lành không sợ hãi trước sự ngăm đe của người Pha-ri-si. Khi được hỏi về suy nghĩ của bản thân đối với Chúa Giê-xu, anh ta dạn dĩ đáp “Ấy là một đấng tiên tri” (Gi 9:17b). Một số tiên tri thời Cựu Ước như Môi-se, Ê-li, Ê-li-sê đã làm được phép lạ. Dân Do Thái xem các tiên tri như người thuộc về Đức Chúa Trời, có thể làm những việc kỳ diệu bởi quyền năng Đức Chúa Trời ban cho. Dầu vậy, các lãnh đạo tôn giáo không muốn người ta tôn Chúa bằng danh hiệu cao quý ấy: “Người này không phải từ Đức Chúa Trời đến đâu...” (Gi 9:16). Có lẽ họ muốn khiến người ta không tin phép lạ Ngài. Nếu vậy, họ sẽ rao với mọi người rằng Ngài đã lập mưu lừa dối dân chúng. Họ khôn khéo cho mọi người tin rằng đây không phải là người vốn mù loà từ lúc mới sinh.

Cách hay nhất để tạo được chứng cứ giả dối trên, họ phải chất vấn cha mẹ của người ăn xin này. Họ gọi hai ông bà vào và hỏi hai câu (1) “Đây có quả thật là con trai các người... chẳng?” và (2) “Thế thì sao bây giờ nó sáng vậy?” Nếu ông bà không trả lời câu hỏi nào, ông bà sẽ gặp rắc rối. Nếu ông bà trả lời ngược lại sự mong đợi của các lãnh đạo, ông bà cũng gặp trở ngại. Thật là nan giải! Họ từ tốn đáp câu thứ nhất: “Chúng tôi nhìn biết là con trai chúng tôi đó đã mù từ thuở sanh ra” (Gi 9:20). Nhưng ở câu hỏi thứ hai, họ trả lời một cách tránh né: “...tại làm sao thấy được, thì chúng tôi không rõ, chúng tôi cũng không biết ai mở mắt nó nữa...” (9:21). Sau đó, họ dùng chiến thuật cũ gọi là “đùn đẩy trách nhiệm” bằng cách yêu cầu các người Pha-ri-si hỏi trực tiếp con trai họ, vì dù sao “nó đã đủ tuổi!”

Điều gì ở đằng sau những câu trả lời khôn khéo ấy? Đó là sự sợ hãi con người. Chúng ta đã thấy điều này ở lễ Lều Tạm (Gi 7:13) và sẽ gặp lại lần nữa ở lễ Vượt Qua cuối cùng của Chúa (12:42). Những người này muốn tìm danh vọng của con người chứ không phải vinh hiển từ Đức Chúa Trời (5:44). Chắc hẳn, bị dứt phép thông công trong nhà hội là điều quan trọng, nhưng chối bỏ chân lý và bị hư mất đời đời là điều còn tệ hại hơn nhiều! “Sự sợ loài người gài bẫy” (Ch 29:25). Người Pha-ri-si muốn gài bẫy Chúa Giê-xu và cha mẹ của người mù cố tránh một cái bẫy khác, nhưng tất cả đang mắc bẫy của chính mình! Ông bà ấy lẽ ra nên hành động theo lời khuyên ở Es 51:7,12.

Người Pha-ri-si có thể khoe khoang về “tình trạng tốt lành” của họ. Nói chung, họ giữ luật pháp Môi-se về sự thờ phượng của dân Do Thái hằng bao thế kỷ qua. Nhưng họ không hiểu rằng Chúa Giê-xu đã làm trọn mọi sự luật pháp đòi hỏi và giờ đây Ngài đang đem đến một điều mới mẻ. Thời Môi-se là thời kỳ chuẩn bị nhưng vào kỳ Chúa Giê-xu, mọi sự được hoàn tất (Gi 1:17).

3. “Người từ Đức Chúa Trời đến” (Gi 9:24-34)

Nôn nóng muốn xét xử, người Pha-ri-si gọi người mù được chữa lành vào, và lần này họ bắt anh phải thề “Hãy ngợi khen Đức Chúa Trời” (Gi 9:24b), là hình thức thề của người Do Thái tại toà xét xử (Gi 7:19). Tuy nhiên, các quan toà này đã tạo thành kiến cho mọi người ngay từ đầu! “Chúng ta biết người đó là kẻ có tội!” Họ muốn khuyên anh ta nên hợp tác với toà án, nếu không, anh ta có thể bị rút phép thông công. Nhưng người này vốn kiên quyết

hơn nhút nhát. Từng kinh nghiệm một phép lạ, anh không ngại gì kể lại cho họ mọi điều đã xảy ra.

Anh ta không đề cập đến tính cách Chúa Giê-xu, vì điều đó không thuộc hiểu biết và từng trải của anh. Anh chỉ biết một điều duy nhất: giờ đây anh có thể nhìn thấy. Lời chứng của anh (Gi 9:25) khiến tôi nhớ đến đoạn Thi 27:1-14. Mời bạn đọc đoạn Thi-thiên này trong tinh thần của đoạn 9. Từ quan điểm của người chữa lành, hãy xem: đoạn Kinh Thánh ấy trở nên ý nghĩa biết bao!

Đến lần thứ tư, câu hỏi được đặt ra “Người mở mắt người thể nào?” (Gi 9:10,15,19 26). Tôi hình dung rằng có lẽ người được chữa lành này đã rất kiên nhẫn đến phút cuối. Xét cho cùng, đời anh từng sống trong tối tăm mù loà nhưng giờ đây anh đã thấy quá nhiều điều. Hẳn anh không muốn mất thời gian trong một toà án của nhà hội, nhìn những bộ mặt giận dữ và phải trả lời những câu hỏi cũ rích!”

Chúng ta thật đáng khâm phục sự dạn dĩ của người này vì anh đã hỏi những người Pha-ri-si câu gắt kia rằng họ có muốn đi theo Chúa Giê-xu hay không. Biết trước họ sẽ chối từ, nhưng anh vẫn dạn dĩ hỏi họ điều ấy. Không thể bẻ bác được chứng cứ, các quan toà bắt đầu “rửa sả” và một lần nữa Môi-se bị đem ra đối chứng! (5:46). Người Pha-ri-si tự cho mình là người thận trọng, thật ra họ là kẻ “bảo thủ”. Người có tính dè dặt thật sự sẽ xem xét những điều tốt đẹp nhất trong quá khứ và vận dụng chúng, đồng thời cũng có sự hiểu biết về những điều mới mẻ Đức Chúa Trời đang hành động. Những điều mới đã thay thế những gì cũ kỹ (Mat 13:52). Người bảo thủ thường giữ lại những gì thuộc quá khứ, bảo vệ nó vì không muốn có sự thay đổi nào và nghịch lại những điều mới mẻ Đức Chúa Trời muốn hành động. Nếu người Pha-ri-si thật sự hiểu về Môi-se, có lẽ họ đã hiểu Chúa Giê-xu là ai và công việc của Ngài ra sao.

Các lãnh đạo biết rõ về Môi-se, nhưng không biết gì về Chúa Giê-xu. Họ không biết nguồn gốc của Ngài từ đâu. Chính Ngài đã cho họ biết Ngài từ thiên đàng do Cha trên trời sai đến (Gi 6:33,38,41-42,50-51). Họ cho rằng Ngài là con ruột của bà Ma-ri và ông Giô-sép, người Na-xa-rét (6:42 7:41-42). Họ chỉ xét đoán “theo xác thịt” (8:15) chớ không có cái nhìn sâu sắc về thuộc linh.

Đối với người được chữa lành, anh không thể ngờ rằng những người Pha-ri-si lại không biết ai đã mở mắt cho anh! Đã có mấy ai đi trong thành Giê-ru-sa-lem mở mắt người mù được? Thay vì tìm hiểu về phép lạ, các lãnh đạo tôn giáo này lẽ ra nên tìm hiểu Đấng đã thực hiện phép lạ để biết Ngài. Các “chuyên gia” này muốn bỏ đi “Hòn Đá” được ban xuống cho họ (Cong 4:12).

Người ăn xin mù đã dạy cho các “chuyên gia” kia một bài thần học thực dụng. Có lẽ anh nhớ đến Thi 66:18 “Nếu lòng tôi có chú về tội ác, ắt Chúa chẳng nghe tôi”, Chúa Giê-xu bị họ gọi là kẻ có tội (Gi 9:24) nhưng Ngài đã được Đức Chúa Trời sử dụng để mở mắt người mù này! Anh cũng bình luận thêm: chính Chúa Giê-xu đã chữa lành một người mù từ thuở lọt lòng mẹ. Đối với mọi người, điều này chưa từng xảy ra trước đó. Đức Chúa Trời không chỉ nhậm lời cầu nguyện của Chúa Giê-xu mà còn ban cho Ngài quyền năng để khiến người mù được sáng mắt. Như vậy, làm sao có thể nói Chúa Giê-xu là người có tội được?

Những kẻ “cuồng tín” về tôn giáo này không muốn đối diện với chứng cứ hay chân lý nào, bởi lòng họ đã cứng cõi. Nếu người Pha-ri-si thật lòng suy xét mọi việc, họ sẽ biết rằng

Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời, Đấng họ phải nhờ cậy để được cứu rỗi. Các nhà lãnh đạo lại sỉ vả người được chữa lành và xem anh ta là kẻ “sinh trong tội lỗi”. Dầu vậy, anh ta sẽ không chết trong tội lỗi mình (Gi 8:21,24) vì ở cuối đoạn này, anh đã tin nhận Chúa Giê-xu. Chúng ta thấy đều sinh ra trong tội lỗi (Thi 51:5), nhưng không nhất thiết sẽ sống hoặc chết trong tội lỗi (Co 3:6,7). Đức tin nơi Chúa Giê-xu sẽ cứu chúng ta khỏi tội và ban cho chúng ta cũng sống tự do đầy vui mừng.

Các lãnh đạo tôn giáo công khai khai trừ người mù ra khỏi nhà hội. Như vậy, anh ta đã bị phân cách khỏi bạn hữu, gia đình và bị dân Do Thái xem như “kẻ có tội”. Nhưng Chúa Giê-xu đã đến với những người bị ruồng bỏ, Ngài chẳng bao giờ để họ cô đơn.

4. Con Đức Chúa Trời (Gi 9:35-41)

Người Chăn Chiên hiền lành luôn luôn chăm sóc bầy chiên mình. Chúa Giê-xu biết người được chữa lành đã bị dứt phép thông công nên Ngài tìm anh để tỏ cho anh về chính Ngài. Bạn nên nhớ rằng anh này biết tiếng nói của Chúa, nhưng chưa hề thấy mặt Ngài.

Giờ đây, sự hiểu biết về Chúa Giê-xu và đức tin của anh này đã đạt đến mức độ cao nhất. Nếu chỉ biết rằng Ngài “tên gọi là Giê-xu” thậm chí là “đấng tiên tri” hay “Người từ Đức Chúa Trời đến”, điều đó vẫn chưa đủ! “Ai tin Đức Chúa Giê-xu là Đấng Christ thì sinh bởi Đức Chúa Trời” (IGi 5:1). Giảng viết Phúc Âm này để chứng minh Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời, đồng thời trình bày cho độc giả những chứng cứ về những con người đã gặp Chúa Giê-xu, khẳng định Ngài là Con Đức Chúa Trời. Người ăn xin mù này là một trong số những chứng nhân ấy.

Chúa Giê-xu xưng Ngài là Con Đức Chúa Trời (Gi 9:35 5:25). Người ăn xin tin điều ấy nên anh đã được cứu (9:38) “Chiên ta nghe tiếng ta” (10:27). Người ăn xin không ở tình trạng “thấy rồi tin”, nhưng “nghe rồi tin”. Không chỉ tin nơi Đấng Christ, anh ta còn thờ lạy Ngài. Nếu Chúa Giê-xu không phải là Đức Chúa Trời, vậy tại sao Ngài chấp nhận sự thờ phượng ấy? Sứ đồ Phi-e-rơ, Phao-lô, Ba-na-ba hẳn đã không chấp nhận người khác thờ lạy họ như vậy (Cong 10:25-26 14:11-15).

Giảng Báp-tít từng khẳng định Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời (Gi 1:31), Na-tha-na-ên cũng vậy (1:49). Chúa Giê-xu tuyên bố về Ngài với danh xưng “Con Đức Chúa Trời” (5:25 9:35), Phi-e-rơ xác nhận điều ấy (6:69). Giờ đây người ăn xin mù được chữa lành đã gia nhập vào nhóm chứng nhân ấy.

Khi Chúa đi đến đâu, người Pha-ri-si đều tìm cách đến đó mong có thể bắt bẻ Ngài trong lời nói và việc làm. Hiểu lòng họ, Chúa Giê-xu kết thúc tình tiết này bằng một bài giảng ngắn gọn nhưng sâu sắc về sự mù loà thuộc linh.

Gi 9:39 không hề mâu thuẫn với 3:16-17. Mục đích Chúa đến thế gian để cứu rỗi con người, nhưng kết quả của sự kiện Ngài đến thế gian khiến một số kẻ không tin sẽ bị kết án. Cùng một mặt trời khiến cho hạt giống nảy nở kết quả, nhưng cũng soi rõ sâu bọ dưới những khe đá. Các lãnh đạo tôn giáo “mù loà” nên không muốn tiếp nhận mặt trời ấy. Vì vậy, ánh sáng của chân lý càng khiến họ mù loà hơn. Người ăn xin tiếp nhận hạt giống của Chúa nên anh được sáng mắt cả về thuộc thể lẫn thuộc linh. Không ai mù loà bằng kẻ không muốn thấy, là kẻ cho rằng mình hiểu mọi chân lý và không cần học gì nữa (9:28,34). Người Pha-ri-si lắng nghe Chúa, biết Ngài muốn nói về chính họ. Họ liền hỏi lại “Còn chúng ta cũng là kẻ mù

chăng?”, họ mong một câu trả lời phủ định. Chúa Giê-xu từng gọi họ là “kẻ mù dẫn đưa kẻ mù (Mat 15:14) vì vậy họ biết câu trả lời. Họ đã bị mù loà bởi lòng kiêu ngạo, sự công bình riêng truyền thống và cách giải nghĩa sai Lời Đức Chúa Trời.

Câu trả lời của Chúa Giê-xu tựa như một nghịch lý: “Nếu các ngươi là kẻ mù, thì không có tội lỗi chi hết, nhưng vì các ngươi nói rằng: chúng ta thấy, nên tội lỗi các ngươi vẫn còn lại” (Gi 9:11). Sự mù loà ít ra cũng là một cố để không biết điều gì đang xảy ra, nhưng những chức sắc này thật biết những điều đang xảy ra! Chúa đã thực hiện nhiều phép lạ, vậy mà họ chẳng để tâm đến chứng cứ ấy hầu có một quyết định đúng đắn.

Chúa Giê-xu là sự sáng của thế gian (Gi 8:12 9:5). Người nào không nhìn thấy ánh sáng, đó là người mù. Những ai không muốn nhìn, người ấy đã làm cho bản thân trở nên mù loà. Người ăn xin bị mù về thể xác lẫn tâm linh, nhưng sau đó đôi mắt và tấm lòng của anh được mở ra. Vì sao? Bởi anh đã lắng nghe Lời Chúa, tin theo, vâng lời và kinh nghiệm được ơn phước Đức Chúa Trời. Còn người Pha-ri-si tuy có đôi mắt thuộc thể tốt lành nhưng đôi mắt tâm linh đã mù loà. Nếu họ lắng nghe lời Chúa và thật tâm suy xét chứng cứ, họ cũng sẽ tin Chúa Giê-xu và được tái sinh.

Người Pha-ri-si đã “thấy” theo nghĩa nào? Họ thấy sự thay đổi của người ăn xin mù loà và không thể phủ nhận sự lành bệnh của anh ta. Họ thấy những công việc kỳ diệu Chúa Giê-xu thực hiện. Ngay cả Ni-cô-đem là đồng hương của họ cũng tỏ ra ngạc nhiên trước những phép lạ ấy (3:2). Nếu họ xem xét chứng cứ ấy thành thật, hẳn họ đã hiểu lẽ thật. “Nếu ai khứng làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời, sẽ biết đạo lý ta” (7:17). “Các ngươi không muốn đến cùng ta để được sự sống!” (5:40).

Đoạn 10 là phần tiếp theo bài giảng của Chúa trước mặt những người Pha-ri-si. Việc người mù được chữa lành lại được nhắc đến ở 10:21. Thật ra từ “đuổi ra” ở 9:35 có thể được xem là “đem ra” ở 10:4. Người mù bị “đuổi ra” khỏi nhà hội, nhưng được Đấng Chấn Chiên hiền lành “đem ra” để nhận vào đàn chiên của Ngài! Trọng tâm của đoạn 10 sắp đến nói về Chúa Giê-xu, Người Chấn Chiên Hiền Lành và chân thật, khác với những người Pha-ri-si là kẻ chăn giả.

Chúng ta không gặp lại người mù được chữa lành này nữa, nhưng chắc hẳn anh đã theo Chúa Giê-xu và gia nhập vào nhóm chứng nhân của Chúa. Mong rằng anh ta có thể đem cha mẹ đang sợ hãi của mình đến với Chúa Giê-xu. Bị dứt phép thông công khỏi nhà hội hẳn là một từng trải đau buồn đối với anh, nhưng chắc chắn anh đã tìm thấy sự trợ giúp và khích lệ về tâm linh rất nhiều trong mối giao thông với Chúa Giê-xu Christ, điều mà anh chưa từng có qua những nghi lễ của Do Thái giáo.

Ngày nay, vẫn có những con người đứng trước sự lựa chọn giữa Đấng Christ và gia đình, hoặc giữa Đấng Christ và truyền thống giáo hội. Người mù này đã có sự lựa chọn đúng đắn, dù cái giá phải trả rất đắt.

“Nhưng con đường người công bình giống như sự sáng chiếu rạng,

Càng sáng thêm lên cho đến giữa trưa” (Ch 4:18).

10. NGƯỜI CHẤN HIỀN LÀNH VÀ BẦY CHIÊN (Gi 10:1-42)

Có lẽ bạn nhớ chương trình TV mang tên “Candid Camera” được thực hiện tại một trường dự bị đặc biệt nơi các sinh viên đều có trình độ cao hơn trung bình nhiều. Các nhân viên chương trình “Candid Camera” trong tư thế những cố vấn nghề nghiệp. Dựa trên các bài trắc nghiệm và phỏng vấn rất đáng tin (đối với sinh viên) họ sẽ khuyên những sinh viên ưu tú này nên theo đuổi nghề nghiệp nào được xem là thích hợp nhất. Cậu kia nôn nóng chờ đợi “lời phán quyết” của nhà tham vấn. Cậu hy vọng được cho biết mình sẽ là hiệu trưởng của một trường đại học nào đó, hay chủ tịch Ngân hàng, thậm chí có thể là một nhà nghiên cứu khoa học.

Nhưng không, nhà tham vấn không nghĩ như vậy! Gương mặt cậu học trò biến sắc khi ông ta nhận xét: “Này cậu bé, sau khi xem xét đánh giá bài trắc nghiệm và cuộc phỏng vấn của cậu, tôi cho rằng nghề thích hợp nhất dành cho cậu là “nghề chăn chiên!”

Sinh viên này không biết nên cười hay khóc. Xét cho cùng, có ai muốn mình trở thành một “gã chăn chiên” đâu? Tại sao phải phí cuộc đời vì “lũ chiên ngu ngốc” thậm chí không biết đường về nhà?

Phúc Âm Gi 10:1-42 tập trung vào hình ảnh bầy chiên, chuồng chiên và người chăn chiên. Đây là hình ảnh rất nông thôn và Đông phương, nhưng cũng là hình ảnh đầy ý nghĩa đối với chúng ta hôm nay và cả thế giới công nghiệp hoá này nữa. Phao-lô đã dùng hình ảnh này khi khuyên nhủ những người lãnh đạo Hội Thánh Ê-phê-sô (Cong 20:28). Những chân lý tập trung quanh hình ảnh về người chăn chiên và bầy chiên luôn xuất hiện suốt Kinh Thánh, rất ý nghĩa với chúng ta hôm nay. Những hình ảnh được Chúa sử dụng giúp ta hiểu Ngài là ai và Ngài muốn làm gì cho chúng ta.

Để tiếp cận với đoạn Phúc Âm hơi khó hiểu này, ta hãy chú ý đến ba lời tuyên bố của Chúa Giê-xu về chính Ngài:

1. “Ta là Cái Cửa” (Gi 10:1-10)

Chúa giảng bài này khi đối đầu với các lãnh đạo Do Thái, sau khi người mù được chữa lành bị dứt phép thông công trong nhà hội (9:1-41). Ngài đã phán với họ một cách tóm tắt về sự sáng và sự tối tăm, nhưng giờ đây Ngài chuyển sang hình ảnh người chăn chiên và bầy chiên. Vì sao? Bởi người Do Thái quan niệm rằng “người chăn chiên” giống như một lãnh đạo về thuộc linh hoặc chính trị. Vua và các tiên tri được xem như những “người chăn chiên”. Dân Y-sơ-ra-ên được đặc ân làm “bầy chiên của Chúa” (Thi 100:3). Để biết thêm, bạn có thể đọc Es 56:9-12 Giê 23:1-4 25:32-38 Exe 34:1-31 Xa 11:1-17.

Chúa mở đầu bài giảng bằng một hình ảnh minh họa rất quen thuộc và dễ hiểu với mọi người (10:1-6). Chuồng chiên thường là một mảnh đất được rào kín bằng những tảng đá có cửa ra vào. Vào đêm, người chăn chiên (hoặc người canh cửa) sẽ canh giữ bầy chiên bằng cách nằm chắn ngang cửa chuồng. Các bầy chiên thường được ở chung trong một chuồng. Vào buổi sáng, những người chăn đến gọi chiên mình và tập trung chúng lại. Mỗi con chiên đều nhận biết tiếng của chủ nó.

Người chăn chiên thật sẽ đi vào qua cửa chuồng và người gác cửa chuồng có thể nhận biết người ấy. Kẻ trộm cướp không thể qua cửa chiên nên phải dùng thủ đoạn trèo tường vào. Dù chúng vào được, cũng không thể dẫn dụ chiên vì chiên chỉ nghe theo tiếng chủ nó. Kẻ chăn giả không thể dẫn dắt được bầy chiên nên phải cướp chúng đi.

Rõ ràng những kẻ nghe Chúa giảng không hiểu điều Ngài phán cũng như lý do Ngài phán điều đó. (Lời dạy của Ngài ở đoạn 10 này không giống những ví dụ được chép ở ba Phúc Âm khác). Bài học được Chúa dạy dỗ trong hoàn cảnh người ăn xin mù bị dứt phép thông công khỏi nhà hội (Gi 9:34). Những kẻ chăn giả không quan tâm đến anh ta, ngược lại đã đối xử tàn nhẫn và đuổi anh đi. Chúa Giê-xu, Người Chăn Chiên thật đã đến và tiếp nhận.

Tiểu thuyết, 10:1 thường được giải thích rằng chuồng chiên là nơi trên trời và những ai muốn vào đó không bởi Chúa Giê-xu đều bị hư mất. Nhưng sự dạy dỗ ở đây là một lẽ thật (Cong 4:12) nhưng nó không căn cứ trên câu này. Chúa Giê-xu giải thích rõ rằng chuồng chiên là dân tộc Y-sơ-ra-ên (Gi 10:16), Người ngoại là bầy “chiên khác” không thuộc “chuồng” Y-sơ-ra-ên.

Chúa đã đến với dân tộc Y-sơ-ra-ên theo một phương cách nhất định như lời tiên tri trong Thánh Kinh. Mọi người chăn bầy thật phải được Đức Chúa Trời kêu gọi và sai đi. Nếu người chăn nói ra Lời Đức Chúa Trời, chiên sẽ nghe tiếng người ấy và không ngại đi theo. Người chăn thật sẽ yêu thương và chăm sóc chiên mình.

Vì dân sự không hiểu lời dạy thâm thúy của Chúa, Ngài tiếp tục đưa ra một minh họa thực tiễn khác (10:7-10). Ngài phán “Ta là cửa của chiên”. Ngài có thể khiến chiên rời khỏi “chuồng” (Do Thái giáo) để nhập vào “bầy” của Ngài. Người Pha-ri-si đuổi người ăn xin ra khỏi nhà hội, nhưng Chúa Giê-xu đã dắt người ấy ra khỏi Do Thái giáo để gia nhập vào bầy chiên Đức Chúa Trời!

Người chăn không chỉ dắt chiên đi mà còn dẫn chiên về. Những chiên ấy đã thuộc “một bầy” (không phải “chuồng”), đó là Hội Thánh Ngài. Ngài là cửa cứu rỗi (Gi 10:9), nên ai tin nhận Ngài sẽ thuộc về bầy chiên và chuồng chiên của Chúa, được hưởng đặc ân kỳ diệu khi “vào ra và gặp đồng cỏ”. Khi hiểu rằng người chăn là “cửa của chiên”, bạn sẽ thấy hình ảnh này rất sống động.

Là Cánh cửa, Chúa Giê-xu có thể giải thoát tội nhân khỏi ách tội mọi và dắt họ vào sự tự do. Họ “được cứu rỗi” (10:9b)! Được cứu rỗi nghĩa là được cứu thoát cách bình an vô sự. Từ này thường được dùng để chỉ về một người đã bình phục sau một căn bệnh trầm kha, vượt qua một cơn bão ác liệt, sống sót sau cuộc chiến, hay được tha bổng tại toà án. Có một số nhà truyền đạo ngày nay muốn gạt bỏ từ “có vẻ lỗi thời” này, nhưng chính Chúa Giê-xu đã sử dụng từ ấy!

Chúa Giê-xu muốn nói đến các chức sắc đền thờ thời bấy giờ (Gi 10:8). Ngài không lên án mọi tiên tri hay tội tở nào của Đức Chúa Trời, là người thi hành chức vụ trước khi Ngài đến thế gian. Lời tuyên bố “hết thảy những kẻ đã đến trước ta đều là quân trộm cướp” được viết ở thì hiện tại chứ không phải quá khứ, chứng tỏ Ngài nhắc đến các chức sắc đương thời. Họ không phải là người chăn bầy thật, cũng không được Đức Chúa Trời giao phó nhiệm vụ nào. Họ không hề yêu thương bầy chiên, nhưng hiếp đáp và hắt hủi chiên. Người ăn xin mù là một bằng chứng cụ thể về những hành động “quân trộm cướp đã làm”!

Thánh Kinh Phúc Âm cho thấy rõ các lãnh đạo Y-sơ-ra-ên thời bấy giờ chỉ chăm lo cho bản thân họ. Người Pha-ri-si là “kẻ ham tiền tài” (Lu 16:14) thậm chí hiếp đáp đàn bà goá (Mac 12:40). Họ đã biến đền thờ Đức Chúa Trời thành “ổ trộm cướp” (Mat 21:13), lại còn âm mưu giết Chúa Giê-xu để Rô-ma không tước đi những đặc quyền của họ (Gi 11:49-53). Người chăn chiên thật đến cứu chiên, nhưng những kẻ chăn giả chỉ lợi dụng và hiếp đáp chiên. Bản chất

thật của kẻ chăn giả là “kẻ trộm” (10:10), nó cũng có thể là Sa-tan. Nhưng ta sẽ thấy rằng trong tay Người Chăn Chiên thật và Cha trên trời, chiên thật sự được bình an (10:27-29).

Khi bước qua “Cửa Chiên”, bạn sẽ có sự sống và được cứu rỗi. Khi “vào ra” Cửa Chiên, bạn thật sự kinh nghiệm cuộc sống vui thoả trong “đồng cỏ” xanh tươi của Chúa. Bầy chiên Ngài vui mừng được sống dư dật và tự do. Chúa không chỉ đã ban sự sống của Ngài cho ta trong quá khứ nhưng Ngài cũng ban cho chúng ta mọi sự thuộc về Ngài ngay giờ phút này!

Trọng tâm của phân đoạn đầu nói về Cửa Chiên. Tiếp theo, Chúa nói đến hình ảnh “Người Chăn Chiên” với lời tuyên bố thứ hai.

2. “Ta là Người Chăn Chiên Hiền Lành” (Gi 10:11-21)

Đây là lời phán thứ tư của Chúa trong Phúc Âm Giăng “TA LÀ...” (6:35 8:12 10:9). Chắc hẳn khi phán lời này, Chúa muốn so sánh Ngài với những kẻ chăn chiên giả, là kẻ có trách nhiệm với Do Thái giáo thời bấy giờ. Ngài gọi họ là “quân trộm cướp” và giờ đây Ngài cũng gọi họ là “kẻ chăn thuê” (Gi 10:12)

Từ “hiền lành” được hiểu là “bản chất tốt đẹp, đáng yêu, không thiên vị”. Từ này được dùng để mô tả một điều lý tưởng, một mẫu mực để người khác noi theo. Sự nhân lành của Chúa chúng ta là bản tính vốn có của Ngài. Gọi Ngài là “nhân lành” cũng đồng nghĩa với cách gọi Ngài là “Đức Chúa Trời” vậy (Mac 10:17-18).

Một số nhân vật nổi tiếng được chép trong Kinh Thánh cũng làm nghề chăn chiên như: A-bên, các trưởng lão, Môi-se, Đa-vít. Hôm nay khi đi qua Vùng Đất Thánh (Holy Land), bạn sẽ thấy những người chăn chiên dẫn bầy chiên đi và tỏ ra thân thiết với từng con chiên, họ biết rõ cá tính và nhu cầu riêng của mỗi con chiên. Bạn hãy nhớ rằng người chăn chiên không có ý định nuôi chiên để giết nó, trừ khi phải dâng chiên làm của lễ. Họ nuôi chiên để lấy lông, sữa và chiên con.

Chúa Giê-xu bày tỏ bốn nhiệm vụ đặc biệt của Ngài với tư cách là Người Chăn Chiên Hiền Lành.

Thứ nhất: Ngài phó sự sống vì chiên (Gi 10:11-13). Dưới hệ thống tôn giáo cũ, chiên phải chết thay cho người chăn. Nhưng giờ đây Người Chăn Chiên hiền Lành lại chết thay chiên mình! Qua bài giảng này Chúa khẳng định 5 lần về sự chết thay của Ngài (c.11,15,17-18). Ngài không chết như vị thánh tử đạo bị con người giết hại, nhưng Ngài chết với tư cách của người thế mạng, vui lòng phó sự sống Ngài vì có chúng ta. Khi Ngài phán rằng Ngài phó sự sống “vì chiên”, điều này không nên bị tách rời khỏi bài học Kinh Thánh kể tiếp về thập tự giá. Ngài cũng chết thay cho dân Y-sơ-ra-ên (11:50-52) và cho cả thế gian (6:51). Huyết Chúa Giê-xu đủ cho sự cứu rỗi tất cả thế gian, nhưng nó chỉ có hiệu lực cho những ai tin đến Chúa.

Chúa so sánh Ngài khác xa với kẻ chăn thuê là người coi sóc đàn chiên vì được trả công. Khi nguy hiểm ập đến, kẻ chăn thuê bỏ trốn. Nhưng người chăn chiên thật ở lại bảo vệ đàn chiên mình. Người Chăn Chiên Hiền Lành chuộc bầy chiên, chiên thuộc về Người vì Người đã phó sự sống vì chiên mình. Bản chất chiên vốn rất khờ dại và dễ gặp nguy hiểm nên chúng cần có một người chăn coi sóc chúng.

Trong Kinh Thánh, con cái Đức Chúa Trời được ví như bầy chiên và đây là sự so sánh hợp lý. Chiên là vật nuôi rất sạch sẽ, không như heo hoặc chó (II Phi 2:20-22). Chúng không đủ sức tự vệ nên rất cần có sự chăm sóc của người chăn (Thi 23:1-6). Theo cách nói của Wesley, chúng “có xu hướng đi vẩn vơ”, cần người tìm kiếm và đem về chuồng (Lu 15:3-7). Chiên là con vật sống hiền hoà, rất hữu ích cho người chăn. Nói cách khác, chúng tượng trưng cho những người tin cậy nơi Chúa Giê-xu và thuộc về bầy chiên Ngài.

Khác biệt với người chăn chiên nhân lành, người Pha-ri-si không có tình yêu đối với người ăn xin nên đã đuổi anh ta khỏi nhà hội. Chúa Giê-xu tìm đến và quan tâm chăm sóc anh.

Thứ hai: Người Chăn Chiên Hiền Lành không chỉ phó mạng sống vì chiên, Người còn quen chiên mình (Gi 10:14-15). Qua Phúc Âm Giảng, từ “quen” có nghĩa là biết nhiều hơn cả lĩnh vực tri thức. Nó bày tỏ mối giao thông mật thiết giữa Đức Chúa Trời và con cái Ngài (Gi 17:3). Người chăn chiên ở Đông phương biết rõ chiên mình nên cũng biết cách chăm sóc chúng hữu hiệu nhất.

Từ ban đầu, Chúa biết tên chúng ta (10:3) Ngài biết Si-môn (1:42) và còn đặt cho ông một tên mới. Ngài gọi tên ông Xa-chê (Lu 19:5) khi Ngài kêu tên Ma-ri trong vườn, bà nhận biết Người chăn của mình (Gi 20:16). Nếu bạn từng bị “lạc” trong mê cung vận hành của máy vi tính, bạn mới có thể khâm phục Người chăn chiên hiền lành, vì đã biết rõ tên từng con chiên của Người.

Chúa cũng biết cá tính của chúng ta. Mọi con chiên đều có bản chất chung giống nhau, nhưng mỗi con có cá tính khác nhau. Vì vậy người chăn chiên hiền lành nhận biết những cá tính của chúng. Chiên này có thể sợ chỗ đồi cao, còn chiên khác lại sợ bóng tối, ... Người chăn chiên có tinh thần trách nhiệm sẽ xem xét những nhu cầu đặc biệt ấy khi chăn bầy chiên mình. Có bao giờ bạn để ý đến sự khác nhau giữa 12 sứ đồ? Phi-e-rơ là người bốc đồng và bộc trực, còn Tho-ma luôn dè dặt và nghi ngờ. Anh-rê lại là con người dễ gần gũi với người khác, lúc nào cũng đem người đến với Chúa Giê-xu. Trong khi đó, Giu-đa là kẻ chỉ muốn lợi dụng người khác để kiếm lợi cho bản thân. Chúa Giê-xu biết rõ từng người và cũng biết cách đối xử với họ.

Vì biết cá tính chúng ta. Chúa cũng biết nhu cầu của chúng ta nữa. Chúng ta lại thường không biết rõ nhu cầu của chính mình! Thi 23:1-6 là những vần thơ tuyệt vời mô tả cách Đấng Chăn Chiên Hiền Lành chăm sóc bầy chiên Ngài. Nơi đồng cỏ xanh tươi, mé nước bình tĩnh và dù tại trùng bóng chết, chiên vẫn không hề sợ hãi vì Người Chăn đang chăm sóc và đáp ứng nhu cầu chúng. Nếu nói Thi 23:1 với 23:6 bạn sẽ có một chủ đề chính của đoạn thơ này “Tôi sẽ chẳng thiếu thốn gì... trọn đời tôi”.

Khi Người chăn chăm sóc chiên, chiên trở nên thân thiết với người hơn. Đấng Chăn Chiên Hiền Lành biết chiên Ngài và chiên cũng biết Ngài. Chiên quen nghe tiếng Ngài (Lời Ngài) và kinh nghiệm sự chăm sóc thường nhật của Ngài. Khi chiên đi theo Người chăn, chúng học được cách yêu mến và tin cậy Người. Chúa yêu “kẻ” thuộc về mình” (Gi 13:1) và bày tỏ tình yêu Ngài qua cách quan tâm chăm sóc họ.

Thứ ba: Đấng Chăn Chiên Hiền Lành dẫn chiên khác về bầy Ngài (10:16). “Chuồng” là Do Thái giáo (10:1), nhưng còn có chuồng khác là những người ngoại không thuộc giao ước của Y-sơ-ra-ên (Eph 2:11). Trong buổi đầu thi hành chức vụ, Chúa Giê-xu đã quan tâm đến “những

con chiên lạc mất của nhà Y-sơ-ra-ên” (Mat 10:5,6 15:24-27). Người tin Chúa trong ngày lễ Ngũ Tuần đầu tiên là người Do Thái và những người mộ đạo từ nơi khác đến (Cong 2:5,14), nhưng Hội Thánh không chỉ giới hạn trong một “bầy chiên Do Thái”. Phi-e-rơ cũng rao thông điệp Phúc Âm đến với người ngoại (Cong 10:1-11:30). Pha-ô-lô cũng rao giảng Phúc Âm cho dân ngoại ở những nơi xa trong đế quốc La Mã (Cong 13:1). Chỉ có một bầy chiên thuộc về Đấng Chăn Hiền Lành. Đức Chúa Trời khiến con cái Ngài sống khắp nơi trên thế gian này (Cong 18:1-11) và Ngài sẽ gọi họ nhóm lại với nhau.

Sứ điệp Phúc Âm của Giảng thật rõ ràng. “Vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian” (Gi 3:16). Chúa Giê-xu từng bất chấp phong tục tập quán của con người để làm chứng cho một người đàn bà Sa-ma-ri. Ngài không muốn duy trì kiểu thờ phượng “độc quyền” của các lãnh đạo Do Thái. Ngài chết thay cho cả một thế giới hư mất và ông muốn con cái Ngài đến với những tội nhân hư mất để rao sứ điệp của sự sống đời đời cho họ.

Sau cùng: Đấng Chăn Chiên Hiền Lành sẽ sống lại (10:17-18). Sự chết tự nguyện của Ngài khiến Ngài phục sinh trong vinh hiển. Dưới mắt loài người, dường như Chúa Giê-xu đã bị xử tử nhưng đối với Đức Chúa Trời Ngài đã vui lòng phó sự sống mình. Trên thập tự giá Ngài thốt lên rằng “Mọi việc đã được trọn” (Gi 19:30). Ba ngày sau, Ngài “lấy lại” sự sống và phục sinh từ cõi chết. Cha trên trời là Đấng yêu thương đã ban cho Ngài quyền phép này.

Có vài chỗ trong Kinh Thánh cho biết là Đấng khiến Con Ngài sống lại (Cong 2:32 Ro 6:4 He 13:20). Ở đây, Chúa Giê-xu lại phán rằng Ngài có quyền lấy lại sự sống. Cả hai chi tiết trên đều là những chân lý, vì Cha và Con đồng công với nhau (Gi 5:17,19). Ở bài giảng trước đó, Chúa Giê-xu muốn nói rằng Ngài có quyền khiến mình sống lại từ cõi chết (5:26). Dĩ nhiên chính lời phán ấy đã gây sự chống đối từ phía dân Do Thái, vì chẳng khác nào Chúa Giê-xu muốn nói rằng “Ta là Đức Chúa Trời!”

Những kẻ nghe Chúa Giê-xu dạy dỗ đã phản ứng ra sao? “Người Giu-đa lại chia phe ra nữa” (10:19). Hãy để ý từ “nữa” (9:16 7:43). Một lần nữa, Chúa Giê-xu bị cáo rằng Ngài bị quỷ ám (7:20 8:48,52). Người ta muốn làm bất cứ điều gì để lẫn tránh chân lý!

Vì Chúa Giê-xu là “Cái Cửa”, nên chúng ta sẽ nghĩ đến một sự phân cách: khi cửa đóng lại sẽ khiến một số người ở trong và số khác ở ngoài! Ngài là Đấng Chăn hiền Lành nên Ngài phải phân cách chiên với muông sói. Đối với Chúa, không thể có sự trung lập vì điều chúng ta tin nơi Ngài sẽ quyết định sự sống hoặc sự chết (8:24).

Lời tuyên bố thứ ba của Chúa sẽ là lời phán gây sửng sốt nhất.

3. “Ta là Con Đức Chúa Trời” (Gi 10:22-42)

Những sự kiện chép trong phân đoạn này xảy ra khoảng sau hai tháng rưỡi kể từ lúc những sự kiện xảy ra ở câu 1-21. Giảng để những sự kiện này đi gần nhau vì ở hai bài giảng, Chúa đều dùng hình ảnh về người chăn chiên và bầy chiên.

Cuộc gặp mặt (10:22-24): Lễ khánh thành đền thờ được tổ chức vào tháng 12, gần lễ Giáng sinh của Cơ Đốc giáo. Lễ này kỷ niệm ngày đền thờ được xây cất do Judas Maccabeus năm 164 TC, sau đó đã bị quân Rô-ma dày xéo. Sự kiện lịch sử này dường như có liên hệ với Lời Chúa Giê-xu phán ở câu 36, vì Ngài được Cha trên trời biệt ra và sai đến thế gian. Các

lãnh đạo Do Thái kỷ niệm một sự kiện lớn trong lịch sử nhưng lại đánh mất cơ hội ngay trong đền thờ của chính họ!

Các lãnh đạo nhóm quanh Chúa trong đền thờ để buộc Ngài lắng nghe họ. Họ muốn dùng thì giờ này cho “cuộc tranh cãi” và không muốn Chúa nhắc đến vấn đề này nữa. Họ cứ nói với Ngài “Thầy để chúng tôi nghĩ vơ vẩn mãi cho đến khi nào? Nếu thầy là Đấng Christ, hãy nói rõ cho chúng tôi”. Đáp lại họ, Chúa đưa ra lời giải thích (10:25-38) nhắc họ nhớ những điều Ngài đã dạy họ trước đó. Ngài nhấn mạnh chứng cứ về Lời Ngài (“Ta đã bảo các ngươi...”) và việc Ngài làm (Gi 5:17 7:14).

Lúc này, lời giải thích của Chúa càng lúc trở nên sâu sắc hơn. Ngài bày tỏ cho các quan trưởng Giu-đa biết lý do họ không hiểu Lời Ngài và ý nghĩa của việc Ngài làm, vì họ không phải là chiên của Ngài. Theo quan điểm con người: chúng ta trở thành chiên của Chúa khi tin theo Ngài. Nhưng với quan điểm của Đức Chúa Trời, chúng ta tin Chúa vì là chiên của Ngài. Có một sự mầu nhiệm mà chúng ta không thể thấu đáo hoặc giải nghĩa được, nhưng chỉ có thể vui mừng tiếp nhận (Rô 11:33-36). Đức Chúa Trời biết rõ bày chiên Ngài, chiên nghe tiếng Ngài và đáp lại.

Khi tội nhân nghe lời Chúa, người ấy không biết gì về sự lựa chọn mầu nhiệm này, nhưng chỉ biết rằng Đấng Christ đã chết thay tội lỗi thế gian và người ấy có thể đón nhận món quà sự sống bởi tin nhận Đấng Christ. Khi tin nhận Ngài, người ấy trở nên con cái trong gia đình Đức Chúa Trời và là chiên trong bầy. Sau đó, người ấy cũng hiểu rằng mình đã được “chọn trong Đấng Christ đặt làm nên thánh không chỗ trách được trước mặt Đức Chúa Trời” (Eph 1:4), cũng biết rằng mỗi tội nhân được cứu là một “món quà tình yêu” của Cha trên trời ban cho Con Ngài (Gi 10:29 17:2,6,9,11-12,24).

Qua Kinh Thánh, sự lựa chọn của Đức Chúa Trời và trách nhiệm của con người hoàn toàn cân xứng nhau. Những điều gì Đức Chúa Trời đã kết hiệp lại, chúng ta đừng tách rời chúng ra.

Chúa tiếp tục giải thích: Chiên Ngài được an toàn trong tay Ngài và trong Đức Chúa Trời. “Nó chẳng chết mất bao giờ” là một lời hứa của Chúa (3:16 6:39 17:12 18:9). Những kẻ chăn chiên giả đem đến sự huỷ diệt (10:10) nhưng Đấng Chăn Hiền Lành bảo đảm Chiên Ngài chẳng bao giờ hư mất.

Sự an toàn của bầy chiên Đức Chúa Trời được bảo đảm ở nhiều phương diện. Trước tiên, chúng ta được “sự sống đời đời” – theo nghĩa chính xác: đó là sự sống không lệ thuộc bất cứ hoàn cảnh nào và có tính bất diệt. Kể đến, sự sống này là sự ban cho, chúng ta không thể mua hoặc có được. Nếu chúng ta được cứu không bởi việc lành của bản thân nhưng bởi ân điển Đức Chúa Trời, vậy chúng ta không thể bị hư mất bởi “những việc làm xấu” trước đây (Rô 11:6). Nhưng điều quan trọng nhất là, Chúa Giê-xu đã cho chúng ta lời hứa rằng Chiên Ngài sẽ không hư mất và lời hứa ấy sẽ không hề qua đi.

Chúng ta cần hiểu rằng Chúa muốn nói về bầy chiên là những người tin nhận Ngài, chớ không kể những kẻ giả hình. Chó và heo sẽ ô uế trong tội lỗi chúng (II Phi 2:20-22) nhưng chiên là vật tinh sạch sẽ theo Người Chăn vào đồng cỏ xanh tươi. Giáo sư giả sẽ khoe khoang về đức tin và việc làm mình, nhưng chẳng bao giờ có thể bước vào thiên đàng được (Mat 7:13-29). Chúng ta đều biết những ai xưng mình là người tin Chúa nhưng sau đó phạm tội trở lại

đều là những người chưa bao giờ thật sự tin nhận Chúa. Chúa Giê-xu không bảo đảm sự an toàn cho bất cứ ai không thuộc bầy chiên thật của Ngài.

Khi suy ngẫm lại lời dạy của Chúa về chức vụ Ngài với tư cách là Đấng Chăn Chiên Hiền Lành, bạn sẽ thấy Ngài có mối liên hệ với bầy chiên theo ba ý nghĩa. Ngài có mối liên hệ “đầy yêu thương” vì đã chết thay bầy chiên mình. Mối liên hệ của Ngài với bầy chiên cũng là mối liên hệ “sống” vì Ngài chăm sóc bầy chiên luôn. Đó còn là mối liên hệ lâu dài vì Ngài bảo vệ chiên và không để một con nào hư mất.

Chúa đưa ra một lời tuyên bố mà Ngài biết rằng sẽ khiến kẻ thù sửng sốt và có thêm lý do để nghịch cùng Ngài (Gi 10:30). Các lãnh đạo cũng chỉ chờ đợi một “câu trả lời đơn giản” ấy. “Ta với Cha là một” là lời tuyên bố thật rõ ràng về Thần tính Chúa được chép trong Kinh Thánh. Lời tuyên bố này còn có ý nghĩa mạnh mẽ hơn lời Chúa phán rằng Ngài từ trên trời xuống (6:1-71) hay Ngài hiện hữu trước Áp-ra-ham (8:58).

Thuật ngữ “một” không có nghĩa là Cha và Con là những bản thể giống nhau, nhưng là “một” về thể yếu. Cha là Đức Chúa Trời và Con cũng chính là Đức Chúa Trời, nhưng Cha không phải là Con và Con không phải là Cha. Ngài muốn nói về “sự hiệp một” chứ không phải sự đồng dạng (17:21-24). Các lãnh đạo Do Thái trưởng hiểu rõ điều Chúa muốn nói. Một số nhà thần học theo phái tự do muốn làm giảm mức độ quan trọng của lời Chúa phán nhưng những ai nghe lời Chúa đều biết Ngài muốn phán rằng “Ta là Đức Chúa Trời” (Gi 10:33). Dĩ nhiên, ai nói lời ấy sẽ bị kết tội lộng ngôn và theo luật Do Thái tội lộng ngôn sẽ bị xử chết (Le 24:16 Dan 15:30 Phu 21:22).

Chúa sử dụng Thi 82:6 để bác lại lời buộc tội của các lãnh đạo và dập tắt âm mưu họ. Đoạn Thi 82:1-8 là một hình ảnh tại toà xét xử nơi Đức Chúa Trời nhóm các quan án trên đất lại, cho họ biết rằng một ngày nào đó họ cũng sẽ bị xét đoán. Từ Hê-bơ-rơ “elohim” có thể hiểu là “Đức Chúa Trời” hay “quan án” như ở Xu 21:6 và 22:8-9. Trong Cựu Ước, từ “elohim” cũng được dùng để chỉ về Đức Chúa Trời. Các lãnh đạo Do Thái biết ngôn ngữ họ nên cũng hiểu rằng Chúa muốn phán về một chân lý. Nếu Đức Chúa Trời gọi những quan án loài người là “thần” vậy tại sao họ lại ném đá Ngài vì Ngài cũng áp dụng danh ấy cho chính mình?

Gi 10:36 là lời phán trọng tâm vì nó bày tỏ hai điều xác thực về thần tính của Đấng Christ, thứ nhất, Cha đã biệt Con ra thánh và sai Con đến thế gian. Thứ hai, Chúa Giê-xu đã dạn dĩ khẳng định “Ta là Con Đức Chúa Trời” (5:25). Chúa đã trả lời cho họ một cách rõ ràng nhưng không tin lẽ thật ấy.

Liệu họ có tin không? Chúa đã mời gọi, kêu nài họ tin Ngài chỉ trên cơ sở phép lạ Ngài làm (10:37,38). Nếu tin nơi phép lạ Ngài, họ sẽ biết Cha cũng như được mở mắt để biết Con và tin nhận Ngài. Vấn đề đơn giản ở đây chỉ là việc thật lòng xem xét chứng cứ và sẵn sàng tiếp nhận lẽ thật.

Một lần nữa, họ muốn bắt Ngài (7:44 8:59) nhưng Ngài lánh khỏi nơi ấy. Ngài không trở lại thành Giê-ru-sa-lem cho đến “Chủ nhật Lễ Lá” khi Ngài bày tỏ chính mình là Vua của Y-sơ-ra-ên.

Giăng Báp-tít đã từng thi hành chức vụ tại thành Bê-tha-ba-ra(1:28), nhưng chúng ta không biết rõ ở đâu. Thành Bê-tha-ba-ra ở bên kia sông Giô-đanh, có lẽ cách Giê-ru-sa-lem

18-20 dặm. Một số bản đồ đặt vị trí thành này gần như đối diện với Giê-ru-sa-lem, ở phía Đông của thành Giê-ri-cô. Vì sao Chúa Giê-xu đến đó? Lý do trước hết, đó là nơi ẩn mình an toàn và các lãnh đạo Do Thái dường như không theo Ngài đến đó. Nơi ấy cũng thích hợp để Chúa chuẩn bị cho tuần lễ cuối cùng của Ngài trong chức vụ trên đất, sau đó Ngài sẽ phó mạng sống vì bầy chiên mình. Khi nhớ đến phép báp-têm do Giăng thực hiện và những từng trải đã qua (1:20-34 Mat 3:13-17), hẳn Chúa đã được củng cố tinh thần mạnh mẽ để chuẩn bị cho sự thương khó Ngài phải chịu.

Dân chúng tiếp tục đến với Chúa Giê-xu và Ngài dạy dỗ họ. Đáng chú ý là lời chứng của Giăng Báp-tít vẫn có kết quả lâu dài kể từ khi ông qua đời! Lời chứng của ông về Chúa Giê-xu đã khiến nhiều người tin nhận Đấng Christ. Dù không làm phép lạ, nhưng Giăng là một chứng nhân trung tín của Chúa Giê-xu. “Ngài phải dấy lên, ta phải hạ xuống” (Gi 3:30).

Bạn đã hưởng ứng ra sao đối với ba lời tuyên bố kỳ diệu của Chúa Giê-xu được chép trong đoạn Kinh Thánh này?

Ngài là Cái Cửa. Bạn đã “bước vào” bằng đức tin để được cứu chữa?

Ngài là Đấng Chăn Chiên Hiền Lành. Bạn nghe tiếng Ngài và tin nhận Ngài chưa? Cuối cùng, Ngài đã phó mạng sống mình vì chính bạn!

Ngài là Con Đức Chúa Trời. Bạn tin như vậy không? Bạn đã đầu phục Ngài để tiếp nhận sự sống đời đời chưa?

Xin bạn hãy nhớ lời khuyên dạy nghiêm túc của Ngài: “Nếu các ngươi chẳng tin ta là Đấng đó, thì chắc sẽ chết trong tội lỗi các ngươi” (Gi 8:24).

11. PHÉP LẠ CUỐI CÙNG VÀ KẼ THÙ CUỐI CÙNG (Gi 11:1-57)

Việc khiến La-xa-rô sống lại từ cõi chết không phải là phép lạ cuối cùng trước khi Chúa bước lên thập giá, nhưng chắc hẳn là một phép lạ kỳ diệu nhất gây chú ý mạnh mẽ cho bạn hữu và kẻ thù Chúa. Giăng chọn phép lạ này trong số 7 phép lạ được ghi lại trong Phúc Âm của ông, vì đó thật là phép lạ tạo nên một đỉnh điểm trong chức vụ của Chúa trên đất. Ngài cũng đã khiến những người chết khác sống lại, nhưng La-xa-rô là người ở trong mộ 4 ngày. Với phép lạ ấy, các lãnh đạo Do Thái không thể phủ nhận hay tránh né sự thật được.

Nếu Chúa Giê-xu không thể làm được gì đối với sự chết, vậy Ngài cũng không thể làm được điều gì khác. “Nếu chúng ta chỉ có sự trông cậy trong Đấng Christ về đời này mà thôi, thì trong cả mọi người, chúng ta là kẻ khốn nạn hơn hết” (1Co 15:19). Kẻ thù cuối cùng của con người là sự chết (1Co 15:26) nhưng Chúa Giê-xu đã chiến thắng kẻ thù nguy hiểm này hoàn toàn và mãi mãi.

Trọng tâm của Phúc Âm Giăng 11 là đức tin. Bạn sẽ thấy động từ “tin” trong đoạn này ít nhất là 8 lần. Một chủ đề khác nữa, đó là “sự vinh hiển của Đức Chúa Trời” (Gi 11:4,40). Qua điều Chúa phán và làm, Ngài muốn khích lệ đức tin của ba nhóm người

1. Các môn đệ (Gi 11:1-16)

Đôi lúc chúng ta nghĩ về các môn đệ Chúa như những “thánh nhân siêu hạng”, nhưng trong trường hợp này hoàn toàn khác hẳn. Họ thường nghi ngờ Chúa mình nên Ngài luôn

tìm cách khích lệ niềm tin họ. Dù sao, sẽ có một ngày Chúa phải xa họ và họ phải tiếp tục nhiệm mạng Ngài giao phó. Nếu đức tin họ yếu đuối, công việc họ sẽ chẳng bao giờ kết quả.

Chúa Giê-xu ở Bê-tha-ba-ra cách làng Bê-tha-ni khoảng 20 dặm (1:28 10:10). Ngày kia, Ngài nghe tin buồn rằng La-xa-rơ là người Ngài yêu mến đang bị bệnh. Nếu người đưa tin đi nhanh và không dừng lại nơi đâu cuộc hành trình có thể mất một ngày. Hôm sau, Chúa tiễn người ấy về với lời khích lệ chép ở câu 4. Sau đó Chúa nán lại hai ngày trước khi lên đường đi Bê-tha-ni. Lúc Ngài và các môn đệ đến nơi, La-xa-rơ đã chết được 4 ngày. Như vậy, La-xa-rơ đã chết vào đúng ngày người đưa tin đến gặp Chúa Giê-xu.

Diễn biến của các sự kiện có thể xảy ra trong những ngày như sau:

- Ngày thứ 1: người đưa tin đến gặp Chúa Giê-xu (La-xa-rơ chết)
- Ngày thứ 2: người đưa tin trở về Bê-tha-ni
- Ngày thứ 3: Chúa nán lại một ngày nữa, sau đó Ngài lên đường
- Ngày thứ 4: Chúa đến Bê-tha-ni

Khi người đưa tin về đến nhà đã thấy La-xa-rơ chết rồi, không hiểu sứ điệp của Ngài có làm cho hai chị em đau đớn khi anh họ đã chết và chôn rồi? Chúa Giê-xu đã khích lệ họ tin Lời Ngài cho dù hoàn cảnh có tỏ ra chán nản như thế nào.

Dĩ nhiên môn đệ Chúa bối rối về nhiều vấn đề. Trước hết, nếu Chúa yêu La-xa-rơ dường ấy, sao Ngài để ông ta lâm bệnh? Hơn nữa, sao Ngài trì hoãn thời gian đến với hai chị em? Ngài không thể chữa lành La-xa-rơ từ xa như Ngài đã chữa lành con trai quan thị vệ đó sao? (4:43-54). Kinh Thánh cho biết Ngài có mối liên hệ rất thân thiết với gia đình này (11:3,5,36), nhưng hành động Chúa dường như mâu thuẫn với tình yêu Ngài dành cho họ!

Tình yêu của Đức Chúa Trời dành cho người thuộc về Ngài không phải là kiểu tình yêu “nuông chiều”, nhưng là một tình yêu trọn vẹn. Vấn đề Ngài yêu chúng ta và chúng ta yêu Ngài không bảo đảm rằng chúng ta sẽ chẳng gặp nan đề hay đau buồn nào trong cuộc sống. Đức Chúa Trời yêu Con Ngài, nhưng vẫn để Con yêu dấu mình uống chén đắng và nếm trải sự đau đớn nhục nhã trên thập tự giá. Chúng ta đừng bao giờ nghĩ rằng tình yêu và sự đau khổ không thể hoà hiệp với nhau. Hai điều ấy thật sự hiệp một trong Chúa Giê-xu.

Chúa Giê-xu có thể chặn đứng cơn bệnh của La-xa-rơ, thậm chí chữa lành ông bằng lời phán của Ngài ngay nơi Ngài ở, nhưng Ngài không muốn làm vậy. Qua cơn bệnh của La-xa-rơ, Ngài nhìn thấy cơ hội làm vinh hiển danh Cha trên trời. Là người tin Chúa, việc chúng ta tạo sự tiện lợi cho bản thân không quan trọng bằng việc quy vinh hiển danh Đức Chúa Trời trong hoàn cảnh.

Trong lời cầu xin với Chúa, hai chị em không yêu cầu Chúa làm điều họ muốn. Họ chỉ cho Ngài biết nhu cầu mình và nhắc Ngài nhớ đến tình yêu Ngài đối với La-xa-rơ. Họ biết rằng Chúa sẽ gặp nguy hiểm nếu trở lại xứ Giu-đê vì các lãnh đạo Do Thái muốn giết Ngài. Có lẽ hai chị em mong Ngài chỉ cần phán một lời, hân anh họ sẽ bình phục.

Lời Chúa phán với hai chị em (11:23) không có nghĩa là anh họ sẽ không chết. Lời Ngài phán cho biết sự chết chưa phải là kết quả cuối cùng, vì sự vinh hiển của Đức Chúa Trời mới là kết quả cuối cùng. (Hãy để ý rằng một lần nữa Chúa Giê-xu xưng Ngài là “Con Đức Chúa

Trời”). Ngài muốn họ tin chắc nơi lời hứa này. Ngài cũng nhắc Ma-thê nhớ lại lời Ngài đã phán trước với bà khi bà có ý cản trở việc mở cửa mồ (11:39-40).

Khi đối diện với bệnh tật, sự nản lòng, mất kiên nhẫn thậm chí sự chết, nguồn an ủi khích lệ duy nhất của chúng ta là Lời Đức Chúa Trời. Chúng ta phải sống bằng đức tin chứ không phải hoàn cảnh bên ngoài. Tình trạng của La-xa-rơ dường như vô vọng, nhưng hai chị em biết rằng Chúa Giê-xu là Đấng làm chủ mọi hoàn cảnh. Lời hứa ở Thi 50:15 thật tương tự với hoàn cảnh này: “Trong ngày gian truân hãy kêu cầu cùng ta Ta sẽ giải cứu ngươi, và ngươi sẽ ngợi khen ta”.

Vì sao Chúa trì hoãn việc đi đến Bê-tha-ni? Ngài không có ý chờ La-xa-rơ chết, vì ông thật đã chết trước. Ngài sống theo một thời gian biểu màu nhiệm (Gi 11:9) từ Đức Chúa Trời nên Ngài muốn chờ đợi ý Chúa trên trời về thời điểm Ngài đến Bê-tha-ni. Việc người chết trong mộ 4 ngày khiến phép lạ Chúa trở nên chứng có mạnh mẽ và là cơ hội thuận lợi để dân chúng tin theo, trong đó có cả các môn đệ Chúa (Gi 11:15).

Khi Chúa cho biết Ngài sẽ trở lại xứ Giu-đê, các môn đệ tỏ ra lo lắng vì biết điều ấy sẽ nguy hiểm cho Ngài (Bê-tha-ni chỉ cách Giê-ru-sa-lem khoảng hai dặm). Chúa Giê-xu vui lòng phó sự sống Ngài vì bạn hữu (Gi 15:13). Ngài biết việc trở lại Giu-đê và phép lạ Ngài khiến La-xa-rơ sống lại, sẽ khiến sự kiện Ngài bị bắt và chịu chết nhanh chóng xảy đến.

Chúa trấn an sự sợ hãi của các môn đệ, nhắc họ nhớ rằng Ngài sống theo giờ giấc Cha đã định, nên không điều gì có thể làm tổn hại họ. Như chúng ta đã biết, đây cũng là một chủ đề quan trọng trong Phúc Âm Giăng (2:4 7:6,8,30 8:20 12:23 13:1 17:1). Các môn đệ không chỉ mù mờ về chương trình của Chúa, mà còn hiểu sai mục đích của chuyến viếng thăm này. Họ nghĩ nếu La-xa-rơ đang ngủ, vậy ông ta đã bình phục! Đây là một thực tế điển hình chứng tỏ họ không thể hiểu chân lý thuộc linh. “Nếu người ngủ, hẳn đã khá hơn. Vậy chúng ta sao phải bận tâm đến Bê-tha-ni?”

Ngài cho họ biết rõ: La-xa-rơ đã chết. Đối với người tin Chúa, sự chết được ví như giấc ngủ – (Cong 7:60 ICo 15:51 ITe 4:13-18). Ngài không có ý nói rằng Ngài vui mừng khi bạn hữu chết, nhưng vui vì Ngài đã không có mặt nơi đó, hầu cho giờ đây Ngài có thể bày tỏ với các môn đệ về quyền năng Ngài. Mục đích cuối cùng sẽ là vinh hiển của Đức Chúa Trời và sự khích lệ đức tin các môn đệ Chúa.

Thái độ của Tô-ma chẳng nói lên được điều gì. Đức tin các môn đệ cần phải được khích lệ mạnh mẽ hơn! (Tên “Tô-ma” theo ngôn ngữ Aramaic nghĩa là “sinh đôi” theo tiếng Hy Lạp là Đi-đim (Didymus). Chúng ta không rõ Tô-ma có người anh em sinh đôi nào, nhưng lắm lúc chúng ta dường như là “anh em sinh đôi” của Tô-ma khi xét lại thái độ vô tín và sự ngã lòng của mình! Chính Tô-ma là người đòi phải được nhìn thấy chứng có trước khi tiếp nhận chân lý về sự sống lại của Chúa (Gi 20:24-28).

Tô-ma quả là người đa nghi, nhưng chúng ta phải thừa nhận rằng ông có tinh thần sốt sắng: sẵn sàng đi với Chúa Giê-xu trong nguy hiểm và gian nan của đời mình. Dù không thể tán thành với đức tin Tô-ma, nhưng chúng ta hẳn có thể hoan nghênh lòng trung thành và can đảm của ông.

2. Hai chị em (Gi 11:17-40)

Không chỉ quan tâm đến đức tin của các môn đệ, Chúa Giê-xu còn quan tâm đến đức tin cả hai chị em Ma-ri và Ma-thê (c.26,40). Mỗi từng trải về sự đau buồn và thử thách đều khiến đức tin chúng ta tăng trưởng, nhưng sự tăng trưởng thuộc linh ấy không tự nhiên có được. Chúng ta phải tích cực hưởng ứng với lời Đức Chúa Trời và Thánh Linh Ngài. Chúa Giê-xu ban cho hai chị em một lời hứa (11:4) và giờ đây Ngài muốn biết mức độ tiếp nhận của họ. Câu chuyện chép ở Lu 10:38-42 cho thấy Ma-ri và Ma-thê có cá tính hoàn toàn khác nhau. Ma-thê là người sốt sắng làm việc, còn Ma-ri là người trầm ngâm thích ngồi dưới chân Chúa để nghe Ngài dạy dỗ. Chúa không lên án tinh thần phục vụ của Ma-thê, nhưng trách bà vì đã để nhiều việc chi phối mình. Ma-thê cần có những ưu tiên và mục tiêu đối với những công việc đẹp lòng Đức Chúa Trời. Chúng ta cần có một cuộc sống quân bình như ý của một văn thơ do Wesley viết:

“Trung tín với lời khuyên của Chúa

tôi chọn phần tốt nhất cho Ngài:

Như Ma-thê: đôi tay khéo léo

Như Ma-ri: tấm lòng mến yêu”

Chúng ta mong đợi Ma-thê sẽ chạy ra đón Chúa Giê-xu, còn Ma-ri ở trong nhà than khóc với bạn hữu. Sau đó, Ma-ri lặp lại lời chào Chúa giống như Ma-thê (Gi 11:32), dường như họ đã nói với nhau lời này khi chờ Chúa đến. Dù trong câu nói của họ lộ một chút thất vọng, nhưng cũng bày tỏ bằng chứng về đức tin, vì chưa có ai chết khi Chúa hiện diện. Chữ “nếu” nghe vĩ đại làm sao? Thật vô ích khi tưởng tượng điều có thể xảy ra, “nếu...!”

Ma-thê nhanh chóng xưng nhận đức tin nơi Chúa Giê-xu (Gi 11:22). Chúa đáp lại đức tin ấy khi bảo đảm với bà rằng La-xa-rơ anh bà sẽ sống lại. Ngài đang nói đến hoàn cảnh hiện tại, nhưng Ma-thê lại hiểu lời Ngài theo ý nghĩa của sự sống lại trong ngày sau rốt (5:28-29 Dan 12:2,3). Đây là một điển hình trong Phúc Âm Giăng về những người không hiểu chân lý thuộc linh nên không thể hiểu lời Chúa Giê-xu.

Khi chép lời Ma-thê, đây là lần thứ 5 Ngài phán “TA LÀ...” Đáng chú ý rằng Chúa không phủ nhận điều Ma-thê nói về sự sống lại trong ngày sau rốt. Sự sống lại của thân thể con người là giáo lý quan trọng trong Do Thái giáo chính thống. Nhưng qua lời phán kỳ diệu của Chúa “TA LÀ”, Ngài đã thay đổi hoàn toàn giáo lý này. Khi làm vậy, Ngài đem đến cho Ma-thê nguồn an ủi lớn.

Trước hết, Chúa đem giáo lý về sự sống lại từ bóng tối ra ánh sáng. Sự mặc khải trong Cựu Ước về sự chết và sự sống lại không rõ nghĩa và không trọn vẹn. Giáo lý này còn đang “ở trong bóng tối”. Thật ra có một số đoạn trong Thi Thiên và Truyền Đạo đều khiến người ta nghĩ rằng sự chết là một kết thúc và không có gì hy vọng bên kia phần mộ. Các giáo sư giả rất thích sử dụng những đoạn Kinh Thánh này để bổ sung cho những tà thuyết của họ, nhưng lại bỏ qua (hoặc cắt nghĩa sai) những giáo lý rõ ràng được chép trong Thánh Kinh Tân Ước. Xét cho cùng, ngoài Chúa Giê-xu ra, Đa-vít hay Sa-lô-môn đều không phải là người “phô bày sự sống và sự không hề chết ra cho rõ ràng” (ITi 1:10)!

Qua sự dạy dỗ, các phép lạ và sự sống lại của Chúa, Ngài đã cho chúng ta biết rõ ràng về sự sống lại của thân thể con người. Ngài tuyên bố một lần đủ cả rằng sự chết là điều phải

xảy đến, có một sự sống sau khi chết, và thân thể con người sẽ được sống lại ngày sau rốt bởi quyền năng Đức Chúa Trời.

Chúa thay đổi giáo lý về sự sống lại này theo cách thứ hai: Ngài đem giáo lý ấy ra khỏi sách vở và đặt nó vào chính thân vị Ngài: “Ta là sự sống lại và sự sống” (Gi 11:25). Khi cảm tạ Đức Chúa Trời về những điều dạy dỗ trong Kinh Thánh (những điều Ma-thê biết là do Thánh Kinh Cựu Ước), chúng ta nhận biết rằng mình được cứu rỗi là do Đấng Cứu Chuộc – Chúa Giê-xu, chứ không bởi một giáo lý được chép trong sách. Khi biết Ngài qua đức tin, chúng ta sẽ không sợ hãi bóng của sự chết!

Khi đau bệnh, bạn cần một bác sĩ chứ không phải một cuốn sách y học hay một công thức nào. Khi bị kiện cáo, bạn cần một luật sư chứ không phải một cuốn sách luật. Tương tự như vậy, khi đối diện với kẻ thù sau cùng là sự chết, bạn cần có Đấng Christ chứ không phải một giáo lý được chép trong sách: “...anh em ở trong Đức Chúa Giê-xu, là Đấng mà Đức Chúa Trời đã làm nên sự khôn ngoan, sự công bình, sự nên thánh và sự cứu chuộc cho chúng ta” (1Co 1:30). Khi thuộc về Ngài, bạn sẽ có mọi điều mình cần trong sự sống, sự chết, thời giờ và cả sự vĩnh cửu nữa!

Có lẽ sự thay đổi kỳ diệu nhất mà Chúa Giê-xu đã thực hiện, đó là cách Ngài đem giáo lý về sự sống lại trong ngày sau rốt sang hiện tại. Ma-thê trông đợi về tương lai, biết rằng La-xa-rơ sẽ sống lại và bà sẽ được gặp anh mình. Bạn hữu bà nhớ lại những sự kiện đã qua nên nói rằng: “Người đã mở mắt kẻ mù được, há chẳng có thể cũng làm cho người này không chết sao?” (Gi 11:37). Chúa muốn hướng sự chú ý của họ vào hiện tại: bất cứ nơi đâu Ngài hiện diện, nơi ấy đều có quyền năng phục sinh của Đức Chúa Trời (Ro 6:4 Ga 2:20 Phi 3:10).

Chúa Giê-xu xác nhận rằng những người tin Ngài sẽ sống lại từ cõi chết (Gi 11:25), sau đó Ngài bày tỏ lẽ thật kế tiếp rằng người tin Ngài sẽ “không bao giờ chết!” (11:26). Việc ấy sẽ xảy ra như thế nào? Bạn hãy xem câu trả lời ở 1Te 4:13,17. Khi Chúa Giê-xu tái lâm trên không trung để rước người tin Ngài đi, những ai đang sống vào thời điểm Chúa đến sẽ không bao giờ chết. Họ sẽ được biến hoá và được cất lên không trung gặp Ngài!

Ma-thê không lưỡng lự khi xác nhận đức tin mình. Bà gọi Chúa Giê-xu với ba danh hiệu: Chúa, Đấng Christ (Mê-si-a) và Con Đức Chúa Trời. Câu nói “tôi tin” được viết ở thì hiện tại hoàn thành, chỉ rõ một đức tin đã định hình “Tôi đã tin và sẽ còn tiếp tục tin!”

Chúa đã khiến Ma-thê xưng ra đức tin. Giờ đây Ngài phải giúp Ma-ri. Vì sao Ma-thê lại “lén” kêu Ma-ri? Có lẽ vì sự an toàn của Chúa, bởi họ biết các nhà lãnh đạo đang rình bắt Chúa Giê-xu. Khi Ma-ri đứng dậy đón Chúa, bạn hữu bà nghĩ rằng bà sẽ đến mộ anh để khóc. Họ muốn chia buồn cùng Ma-ri nên đi theo. Bạn hãy hình dung sự ngạc nhiên của họ khi gặp Chúa Giê-xu! Ma-ri là người được nhắc đến ba lần trong Thánh Kinh Tân Ước, mỗi lần bà đều ngồi ở dưới chân Chúa Giê-xu (Lu 10:39 Gi 11:32 12:3). Ma-ri ngồi dưới chân Chúa để nghe lời Ngài, sắp mình xuống chân Chúa để bày tỏ sự đau khổ, và dùng dầu quý xức chân Chúa để thờ phượng Ngài. Những lời duy nhất Ma-ri nói ở 11:32 là lời lặp lại điều Ma-thê đã nói ở câu Gi 11:21.

Ma-ri không thể nói gì nhiều hơn vì vừa dần được cơn đau buồn và bắt đầu khóc. Bạn hữu bà cũng khóc với bà như phong tục người Do Thái vẫn làm. Chúa bày tỏ sự cảm động của mình khi Ngài khóc. Có lẽ Ngài đã thay đổi tâm trạng từ cảm động sang phẫn nộ. Ngài phẫn nộ điều gì? Đó là sự huỷ diệt mà tội lỗi đã đem vào thế gian Ngài tạo dựng. Sự chết là

kẻ thù và Sa-tan đã sử dụng nỗi kinh khiếp của sự chết làm vũ khí lợi hại cho nó (He 2:14-18). Dĩ nhiên, điều đó khiến Chúa phẫn nộ!

Việc Chúa khóc cho chúng ta thấy nhân tính của Đấng Christ, Ngài thâm nhập vào một từng trải của đời sống con người hầu biết rõ tâm tư tình cảm chúng ta. Thật ra, khi ở trong thân vị Con Người hoàn thiện, Chúa Giê-xu từng trải những điều này sâu sắc hơn chúng ta. Những giọt nước mắt của Ngài cũng giúp ta hiểu Ngài là Đấng có lòng thương xót Ngài thật sự là “Người từng trải sự buồn bực” (Es 53:3). Hôm nay, Ngài là Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm thành tín và có lòng thương xót, nên chúng ta có thể đến trước ngôi ơn phước để tìm ơn giúp đỡ khi cần (He 4:14-16).

Qua những giọt nước mắt của Chúa, chúng ta thấy thảm trạng của tội lỗi và cả sự vinh hiển trên trời. Có lẽ Chúa khóc cho La-xa-rơ vì biết rằng Ngài sẽ gọi bạn hữu Ngài từ thiên đàng trở lại một thế giới gian ác nơi mà một ngày kia La-xa-rơ cũng phải chết một lần nữa. Vốn từ trên trời xuống thế gian, Chúa Giê-xu biết rõ những gì La-xa-rơ sắp bỏ lại phía sau.

Qua những giọt nước mắt của Chúa, người chứng kiến có thể thấy một bằng chứng về tình yêu của Ngài. Nhưng, một số người lý luận: “Nếu Ngài yêu La-xa-rơ dường ấy, há chẳng thể làm cho người ấy không chết sao?” Cũng có thể họ cho rằng: “Chúa Giê-xu khóc vì không thể làm được gì. Đó là những giọt nước mắt đầy nuối tiếc”. Nói cách khác, không ai có mặt ở đó thật sự chờ đợi một phép lạ! Bởi lẽ ấy, không ai có thể tố cáo Chúa về việc “âm mưu” bày ra sự kiện này và thông đồng với hai chị em cùng bạn hữu họ. Cả các môn đệ Chúa cũng không tin rằng Chúa Giê-xu có thể khiến La-xa-rơ sống lại từ cõi chết!

Ma-thê là người tuyên xưng đức tin (Gi 11:27) và cũng là người đánh mất đức tin vào phút cuối: “Mở cửa mộ sao? Bây giờ người chết đã có mùi!” Chúa ôn tồn nhắc Ma-thê nhớ lại lời Ngài phán trước đó ba ngày (Gi 11:4) và khuyên bà hãy có lòng tin. Khi đức tin thật đặt nền tảng trên lời hứa của Đức Chúa Trời sẽ khiến quyền năng Đức Chúa Trời hành động. Ma-thê trấn tĩnh lại, và hòn đá được lăn ra.

3. Người Giu-đa (Gi 11:41-57)

Đến đây, nội dung tập trung vào đức tin của những người chứng kiến sự kiện này. Họ là người đã đến an ủi Ma-ri và Ma-thê. Chúa Giê-xu cầu nguyện (Gi 11:41-42) và cảm tạ Đức Chúa Trời về việc lời cầu nguyện của Chúa đã được nhậm. Vậy Ngài cầu xin điều này khi nào? Có lẽ Ngài đã cầu nguyện ngay khi biết tin La-xa-rơ bị đau (11:4). Đức Chúa Trời đã cho Chúa Giê-xu biết trước chương trình Ngài nên Chúa Giê-xu vâng theo ý Cha. Giờ đây, Ngài cầu nguyện vì những người chứng kiến này không có lòng tin, hầu cho họ biết rằng Đức Chúa Trời đã sai Ngài đến.

Có một tác giả Thanh giáo cho rằng nếu Chúa không gọi tên La-xa-rơ khi Ngài kêu lớn tiếng, có lẽ Ngài sẽ làm cả nghĩa trang biến mất! Vì La-xa-rơ bị buộc chặt bằng vải liệm đáng lẽ ông không thể đi ra cửa mộ được, nhưng quyền năng Đức Chúa Trời đã đưa ông đi ra. Đó là một phép lạ rõ ràng, thậm chí những kẻ có lòng ganh ghét nhất cũng không thể phủ nhận.

Sự sống lại của La-xa-rơ là một điển hình về điều xảy đến đối với một tội nhân khi tin nhận Đấng Christ (Eph 2:1-10). La-xa-rơ đã chết và mọi tội nhân đều là “kẻ chết”. Người chết bị mục rữa vì sự chết và sự hư hoại luôn đồng hành với nhau. Mọi kẻ hư mất đều “chết” về

mặt tâm linh. Một số xác chết này có thể “mục rữa” hơn xác chết khác, nhưng không hề có tình trạng xác này “chết hơn” xác kia. Vì tất cả đều chết.

Bởi quyền năng của Đức Chúa Trời, La-xa-rơ được sống lại. Những ai tin nhận Đấng Christ đều được ban cho sự sống mới thoát khỏi mồ mả của tội lỗi (Gi 5:24). La-xa-rơ được cởi bỏ lớp vải liệm (Co 3:10) và được hưởng sự tự do mới. Bạn sẽ thấy ông ngồi đồng bàn với Chúa Giê-xu (Gi 12:2). Mọi người tin Chúa đều đồng ngồi với Đấng Christ tại các nơi trên trời (Eph 2:6) để dự yến tiệc thuộc linh trong mối tương giao với Chúa.

Bởi sự thay đổi kỳ diệu ở La-xa-rơ, nhiều người muốn được thấy ông, và Đức Chúa Trời đã dùng “bằng chứng sống” này để đem con người đến với sự cứu rỗi (Gi 12:9-11). Các sách Phúc Âm không chép gì thêm về La-xa-rơ, nhưng sự hiện diện của ông trong đời sống hằng ngày đủ để thuyết phục người khác tin rằng Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời. Vì chứng cứ này gây ảnh hưởng mạnh mẽ, các lãnh đạo Do Thái muốn bắt và giết La-xa-rơ hòng dập tắt chứng cứ ấy.

Qua những phép lạ Chúa làm trước đó, dân sự hưởng ứng bằng cách chia phe ra. Một số người tin Chúa đã làm chứng về phép lạ này vào ngày Chủ nhật trước Lễ Phục Sinh (12:17-18). Nhưng một số khác đi báo cho các cấp lãnh đạo những điều xảy ra ở Ba-thê-tha-ni. Những kẻ “báo tin” này đã ở rất gần Nước Trời, nhưng chẳng hề có dấu hiệu tin nhận nơi họ. Khi lòng người không muốn đầu phục chân lý, vậy ân điển Đức Chúa Trời không thể đem người ấy đến sự cứu rỗi được. Những người này lẽ ra đã có thể kinh nghiệm được một sự sống lại về thuộc linh trong đời sống họ!

Toà Công Luận nhanh chóng được triệu tập để bàn việc “đối phó” với Chúa Giê-xu. Họ không muốn tìm kiếm chân lý, chỉ kiếm cách bảo vệ những quyền lợi ích kỷ của bản thân. Nếu Chúa tập hợp được nhiều người tin theo, Ngài sẽ gây sự chú ý cho nhà cầm quyền La Mã, và điều này có thể gây tổn hại cho “cơ đồ” của người Giu-đa.

Là thầy cả thượng phẩm đương niên, Cai-phe thuộc dòng Sa-đu-sê chớ không phải dòng Pha-ri-si (Cong 23:6-10), nhưng hai phe này luôn hiệp nhau để chống một kẻ thù. Cai-phe không hề chuẩn bị trước đã thốt ra một lời tiên tri: rằng Chúa Giê-xu sẽ vì dân mà chết để họ không bị hư mất. “Người đã bị dứt khỏi đất người sống, là vì có tội lỗi dân ta đáng chịu đánh phạt” (Es 53:8). Cùng với khái tượng này bày tỏ về đại gia đình Đức Chúa Trời, Giảng giải thích thêm rằng: Chúa Giê-xu không những chết vì dân Do Thái mà thôi, nhưng cũng vì mọi con cái Đức Chúa Trời là những người sẽ nhóm nhau trong một gia đình nơi thiên đàng (Gi 4:42 10:16).

Ngày ấy, các quan chức lập mưu để giết Ngài (Mat 12:14 Lu 19:47 Gi 5:18 7:1,19-20,25). Họ nghĩ rằng họ đã làm chủ được tình hình, nhưng Đức Chúa Trời mới là Đấng thực hiện kế hoạch tiền định của Ngài (Cong 2:23). Thật ra, họ muốn trì hoãn kế hoạch này đến sau lễ Vượt Qua, nhưng Đức Chúa Trời đã hành động theo cách khác.

Chúa Giê-xu rút về thành Ep-ra-im, cách Giê-ru-sa-lem khoảng 15 dặm về phía Bắc Ngài ở yên lặng cùng các môn đệ tại đó. Dân chúng tập trung về Giê-ru-sa-lem để dự lễ Vượt Qua, họ thắc mắc chẳng biết Chúa sẽ dự kỳ lễ này khi đang gặp nguy hiểm hay không. Giờ đây Ngài đã bị liệt vào danh sách bị “truy nã”, vì toà Công Luận rao rằng ai biết Chúa Giê-xu ở đâu phải báo cho họ.

Đoạn 11 bày tỏ thần tính của Chúa Giê-xu cùng sự bại hoại hoàn toàn của lòng người. Người giàu nơi âm phủ đã lý luận rằng: “Nếu có kẻ chết sống lại đến cùng họ, thì họ sẽ ăn năn” (Lu 16:30). La-xa-rơ đã sống lại từ cõi chết, nhưng các quan trưởng lại muốn giết ông! Phép lạ thật sự bày tỏ quyền năng Đức Chúa Trời, nhưng chính phép lạ không thể truyền đạt ân điển Đức Chúa Trời được.

Đây là giai đoạn đầy kịch tính nhất trong lịch sử khi con người làm điều gian ác nhất và Đức Chúa Trời bày tỏ sự kỳ diệu vô đối của Ngài.

Nào ta hãy đến tôn thờ Ngài – là Christ – là Chúa!

12. ĐẮNG CHRIST VÀ GIAI ĐOẠN KHỦNG HOẢNG (Gi 12:1-50)

Ở đoạn 12, Giăng ghi lại giai đoạn khủng hoảng lớn lần thứ hai trong chức vụ Chúa Giê-xu được chính ông chứng kiến. Khủng hoảng đầu tiên xảy ra khi các môn đệ không muốn đồng hành với Chúa (Gi 6:66) dù Ngài là “đường đi” (14:6). Trong đoạn này, Giăng cho biết nhiều người không tin Ngài (12:37) dù Ngài là “chân lý”. Giai đoạn khủng hoảng thứ ba sẽ xảy ra ở đoạn 19: dù Chúa là “Sự sống”, con người vẫn muốn đóng đinh Ngài.

Mở đầu Phúc Âm, Giăng cho chúng ta biết rằng Chúa Giê-xu đã “đến trong xứ mình (thế gian) nhưng dân mình (con người) chẳng hề nhận lấy” (1:11). Trong 12 đoạn đầu, Giăng đưa ra các chứng cứ và nhân chứng nối tiếp nhau, hầu giúp ta tin rằng Chúa Giê-xu thật sự là Đấng Christ Con Đức Chúa Trời. Mọi chứng cứ ấy đều được các quan trưởng trong xứ chứng kiến trực tiếp, nhưng họ vẫn chối bỏ những lẽ thật của Chúa. Bị “dân mình” chối bỏ, Chúa Giê-xu đến với các môn đệ Ngài, họ là những người Ngài “yêu cho đến cuối cùng” (13:1).

Qua đoạn 12, chúng ta sẽ thấy Chúa Giê-xu đến với bốn nhóm người và học được nhiều điều khi nghiên cứu đoạn này.

1. Chúa Giê-xu và bạn hữu Ngài (Gi 12:1-11)

Chúa Giê-xu biết các lãnh đạo Do Thái tìm bắt và giết Ngài (11:53,57) nhưng Ngài vẫn trở lại Bê-tha-ni là nơi chỉ cách thành lũy kẻ thù hai dặm – Vì sao? Ngài trở lại Bê-tha-ni hầu có thể ở yên tĩnh cùng các bạn hữu Ngài là Ma-ri, Ma-thê và La-xa-rơ. Thật đúng với cá tính mỗi người, Ma-thê bận rộn hầu việc Chúa, còn Ma-ri thờ phượng nơi chân Ngài (Lu 10:38-42).

Câu chuyện Ma-ri xức dầu cho Chúa Giê-xu cũng được chép trong Phúc Âm Mat 26:6-13 và Mac 14:3-9. Bạn đừng nhầm lẫn với sự kiện được chép ở Lu 7:36-50 nói về một đàn bà trước đó làm kỳ nữ đã đến xức dầu cho Chúa tại nhà Si-môn người Pha-ri-si. Ma-ri là người nữ đạo đức đã xức dầu cho Chúa trong nhà Si-môn là người trước đây bị phung (Mac 14:3). Sự kiện ở Lu 7:1-50 xảy ra tại Ga-li-lê còn câu chuyện chúng ta xem ở đoạn này xảy ra tại xứ Giu-đê. Chẳng có gì lạ khi hai người đều mang tên “Si-môn”, vì đó là một tên thông dụng thời bấy giờ.

Khi đối chiếu sự kiện này chép ở ba sách Phúc Âm, bạn biết rằng Ma-ri đã xức dầu trên đầu và dưới chân Chúa. Hành động ấy xuất phát từ một tình yêu thánh khiết trong lòng bà, vì bà biết Chúa sắp phải chịu thương khó và chết. Do ngồi nơi chân Chúa và lắng nghe Ngài dạy dỗ, Ma-ri biết điều Chúa sẽ thực hiện. Thật ý nghĩa khi Ma-ri không đi với những người đàn bà đến mộ xức dầu xác Chúa (Mac 16:1).

Theo một ý nghĩa nào đó, Ma-ri muốn bày tỏ sự tận tâm của bà với Chúa trước khi không còn cơ hội. Bà muốn dâng cho Ngài “những bông hồng” khi Ngài còn sống trên đất chứ không muốn đem chúng đến phần mộ! Hành động yêu mến và thờ phượng Chúa của Ma-ri mang tính “công khai, tự nguyện, dâng hiến, rời rộng, cá nhân và không ngưng ngừng”. Chúa Giê-xu gọi đó là “một việc tốt” (Mat 26:10 Mac 14:6). Ngài khen ngợi và bênh vực cho bà trước mọi người.

Một người lao động phải dành dụm tiền lương của một năm mới có thể mua được loại dầu quý giá ấy. Giống như vua Đa-vít, Ma-ri không muốn dâng cho Chúa những gì “không đáng giá” (II Sa 24:24). Hành động thờ phượng tuyệt vời này đã khiến hương thơm toả khắp ngôi nhà họ đang dùng bữa, và phước hạnh của việc Ma-ri làm đã được cả thế giới biết đến (Mat 26:13 Mac 14:9). Ma-ri đâu biết rằng sự yêu mến bà dành cho Đấng Christ trong buổi tối ấy sẽ trở thành một phước hạnh cho những người tin Chúa khắp thế giới trong những thế kỷ tiếp nối!

Khi phục nơi chân Chúa, Ma-ri đã chọn vị trí của một tội tở. Khi xoa tóc ra (phục nữ Do Thái không làm vậy trước mọi người), bà đã khiêm cung đặt niềm kiêu hãnh của bản thân nơi chân Chúa (I Co 11:15). Dĩ nhiên, Ma-ri đã bị hiểu lầm và chỉ trích, nhưng đó là điều thường xảy đến cho những ai muốn dâng Chúa điều tốt nhất.

Chính Giu-đa là kẻ mở đầu chỉ trích và thật đáng buồn khi các môn đệ khác cũng dự phần vào. Họ đâu biết Giu-đa từng là “tay trộm cắp” (Gi 12:6) nên tán đồng sự “quan tâm” của hắn đối với kẻ nghèo khó. Xét cho cùng, Giu-đa là người “giữ túi bạc”, đặc biệt vào kỳ lễ Vượt Qua hắn muốn dự phần với những kẻ “bạc phước” (Gi 12:21-30). Vào giờ phút cuối, các môn đệ vẫn cho rằng Giu-đa là một môn đệ tận tụy của Chúa Giê-xu.

Câu nói đầu tiên của Giu-đa ở Gi 12:5 cũng được chép trong sách Phúc Âm Ma-thi-ơ và Mác. Câu nói sau cùng của Giu-đa được chép trong Mat 27:4. Giu-đa vốn là tay trộm cắp nên quen ăn cắp tiền trong các hộp tiền hắn giữ (tiếng Hy Lạp gọi là “cái túi”, trước đây vốn là một hộp nhỏ giữ những chiếc miếng kèn của những nhạc khí dùng hơi. Sau cùng, nó có nghĩa như một “cái hộp” nhỏ, đặc biệt là hòm đựng tiền. Bản dịch Cựu Ước bằng tiếng Hy Lạp sử dụng từ này ở II Sa 24:8-10 nói về “cái hòm” đựng tiền của vua Giô-ách). Dĩ nhiên Giu-đa quyết định phản Chúa và muốn thực hiện những việc hắn có thể làm vì cho rằng bản thân đang ở trong tình trạng xấu. Có lẽ hắn mong Chúa Giê-xu sẽ đánh bại La Mã và lập vương quốc mới để hắn làm “quan coi kho”!

Việc làm của Ma-ri là một sự chúc phước đối với Chúa Giê-xu và là một phước hạnh cho đời sống bà. Bà cũng là một phước hạnh đối với gia đình khi làm toả ra hương thơm (Phi 4:18). Hôm nay, bà cũng là một phước hạnh đối với Hội Thánh Chúa khắp thế giới. Hành động tận tụy của bà trong ngôi làng bé nhỏ ở thành Bê-tha-ni khi xưa vẫn luôn làm xao động những “làn sóng phước hạnh”.

Ngày nay, người ta đặt tên con gái mình là “Mari”, nhưng không có cha mẹ nào đặt tên “Giu-đa” cho con trai họ. Tên Giu-đa (Judas) được ghi trong từ điển đồng nghĩa với “kẻ lừa thầy phản bạn”. Ma-ri và Giu-đa được thấy trong Ch 10:7 “kỷ niệm người công bình được khen ngợi, nhưng tên kẻ gian ác rục rĩ”. Tr 7:1 chép rằng “Danh tiếng hơn dầu quý giá” và Ma-ri là người có được hai điều trên.

Mat 26:14-15 khiến chúng ta có cảm giác rằng ngay sau khi bị Chúa quở trách, Giu-đa đã tìm gặp các thầy tế lễ để mặc cả về việc nộp Chúa Giê-xu. Nhưng dường như những sự kiện ở Mat 21:1-25:46 xảy ra trước. Rất có thể lời Chúa trách Giu-đa đã góp phần vào quyết định phản bội Chúa của hắn. Việc Chúa báo trước về sự chết của Ngài cũng là nhân tố thúc đẩy Giu-đa ra đi khi cơ hội đã đến.

Khi xem sự kiện này, chúng ta cũng thấy những người tiêu biểu làm gương cho chúng ta, Ma-thê đại diện cho “sự hầu việc” khi bà phục vụ bữa ăn đã chuẩn bị từ trước cho Chúa. Đây cũng là một “cửa lễ có mùi thơm” không khác gì dầu quý giá của Ma-ri (He 13:16). Ma-ri đại diện cho “sự thờ phượng” và La-xa-rơ đại diện cho “sự làm chứng” (Gi 11:9-11). Những người đến Bê-tha-ni cốt để xem La-xa-rơ là người được khiến sống lại từ cõi chết.

Không có câu nói nào của La-xa-rơ được ghi lại trong Thánh Kinh Tân Ước, nhưng sự sống kỳ diệu của ông là một chứng cứ hữu hiệu cho danh Chúa Giê-xu (Ngược lại, Giăng Báp-tít chưa hề làm phép lạ những lời nói của ông đã khiến nhiều người đến với Chúa Giê-xu (Gi 10:40-42). Hôm nay chúng ta phải bước đi “trong đời mới” (Ro 6:4) vì đã “được sống lại với Đấng Christ” (Eph 2:1-10 Co 3:1). Thật vậy đời sống Cơ Đốc nhân phải thể hiện mức quân bình về sự thờ phượng, hầu việc và làm chứng cho Chúa.

Tuy nhiên, việc La-xa-rơ là một phép lạ sống khiến ông bị rơi vào tình trạng nguy hiểm: các nhà lãnh đạo Do Thái muốn giết ông như họ muốn giết Chúa Giê-xu vậy! Chúa chúng ta thật có lý khi gọi họ là con cái của ma quỷ vì họ là kẻ giết người (Gi 8:42-44). Họ đuổi người mù được chữa lành ra khỏi nhà hội chứ không cho phép người ấy làm chứng về Chúa Giê-xu trong ngày Sa-bát. Họ cũng tìm cách đưa La-xa-rơ trở lại phần mộ vì ông đã khiến nhiều người tin nơi Chúa Giê-xu, khi con người không muốn tiếp nhận chứng cứ về chân lý, họ sẽ tìm cách tống khứ điều ấy đi!

Cho dù các môn đệ đã có thái độ tệ bạc đối với Ma-ri nhưng buổi tối thông công yên tĩnh này đã đem lại sự khích lệ mạnh mẽ cho Đấng Christ khi Ngài đối diện với những thử thách trong tuần lễ cuối cùng trước khi bước lên thập tự giá. Chúng ta cần xét lại lòng mình và gia đình mình để biết chúng ta có đang làm vui lòng Chúa qua sự thờ phượng, hầu việc và làm chứng của mình hay không.

2. Chúa Giê-Xu và những người đến dự lễ Vượt Qua (Gi 12:12-19)

Từ một bữa ăn tối yên tĩnh tại Bê-tha-ni, Giăng chuyển sang quanh cảnh của một đám đông ồn ào ở Giê-ru-sa-lem. Bốn sách Phúc Âm đều chép lại sự kiện này. Đây là cuộc diễu hành công khai duy nhất được Chúa cho phép khi Ngài thi hành chức vụ trên đất. Mục đích của Ngài nhằm làm ứng nghiệm lời tiên tri trong Cựu Ước (Xa 9:9). Sự kiện này đã gây lòng tức giận đối với các lãnh đạo tôn giáo, cuối cùng dẫn đến việc Chúa Giê-xu bị đóng đinh trên thập tự giá.

Có ba nhóm người trong đám đông hôm ấy:

1. Những người đến dự lễ Vượt Qua từ bên ngoài (Gi 12:12,18).
2. Dân trong vùng đã chứng kiến và làm chứng sự sống lại của La-xa-rơ (Gi 12:17)
3. Các quan trưởng là những người quan tâm đặc biệt đến việc Chúa Giê-xu làm tại kỳ lễ (Gi 12:19). Ở mỗi kỳ lễ, dân chúng đều nôn nóng chờ đợi, hoang mang về sự hiện diện của

Chúa và điều Ngài sẽ làm. Sự chờ đợi của họ như thể Chúa sắp dấy lên một cuộc cách mạng và tự lập mình làm vua nhưng đó không phải là mục đích của Ngài.

Sự kiện này có ý nghĩa gì đối với Chúa Giê-xu? Thứ nhất, nó thể hiện sự vâng lời của Ngài đối với ý Cha trên trời. Tiên tri Xa-cha-ri (Xa 9:9) báo trước rằng Đấng Mê-si-a sẽ vào thành Giê-ru-sa-lem theo cách ấy, và Chúa Giê-xu đã làm trọn lời tiên tri. “Con gái Si-ôn” cũng là danh hiệu dành cho thành Giê-ru-sa-lem (Gie 4:31 Ca 2:4,8,10). Chúa Giê-xu muốn tuyên bố công khai với dân sự rằng Ngài thật là vua Y-sơ-ra-ên (Gi 1:49). Đấng Mê-si của giao ước. Có lẽ, nhiều người đến dự lễ hy vọng đây là thời điểm Chúa sẽ tiêu diệt La Mã và giải phóng dân tộc Y-sơ-ra-ên!

Cuộc diễu hành này có ý nghĩa gì đối với người La Mã? Kinh thánh không ghi lại quan điểm của nhà cầm quyền La Mã, nhưng chắc hẳn họ đã kiểm soát rất chặt chẽ vào ngày đó. Trong kỳ lễ Vượt Qua hằng năm, cũng thường xảy ra việc một số nhà dân tộc chủ nghĩa Do Thái tìm cách xui dân nổi loạn. Có lẽ dân La Mã cho rằng đám đông này cũng có mục đích tương tự. Tôi hình dung rằng một số lính La Mã chắc đã nhạo cười cuộc diễu hành tưng bừng này, vì nó chẳng giống như lễ kỷ niệm “chiến thắng của quân La Mã” tại thành Rô-ma.

Khi một tướng La Mã thắng trận trên xứ người, đã giết ít nhất là 5.000 kẻ thù và dành được một lãnh địa mới, người ấy sẽ được dân La Mã đón mừng khi trở lại thành phố! Kẻ thắng trận được phép phô bày các chiến lợi phẩm và những viên chỉ huy địch mình bắt được. Đám đông sẽ tập trung tại vũ đài nơi những tù binh bị buộc làm trò tiêu khiển cho dân chúng bằng cách thi đấu với dã thú. So với lễ mừng chiến thắng của La Mã, việc tiến vào thành Giê-ru-sa-lem của Chúa Giê-xu chẳng có ý nghĩa gì!

Cuộc diễu hành này có ý nghĩa gì đối với dân Do Thái? Dân từ mọi nơi đến dự lễ đã đón mừng Chúa Giê-xu, trải áo ra trước mặt Ngài, dùng lá kè vẫy chào Ngài như dấu hiệu của sự hoà bình và chiến thắng (Kh 7:9). Họ trích dẫn Thi 118:26 là câu Kinh Thánh nói về Đấng Mê-si-a và tuyên bố Ngài là “Vua Y-sơ-ra-ên”. Trong khi họ làm điều này, Chúa Giê-xu đã khóc! (Lu 19:37-44).

Tên gọi “Giê-ru-sa-lem” có nghĩa là “thành phố hoà bình” hoặc “nền hoà bình”. Dân chúng hy vọng (Chúa Giê-xu sẽ đem đến sự hoà bình như họ hằng mong đợi. Tuy nhiên, Ngài khóc vì nhìn thấy viễn cảnh của đất nước này: chiến tranh, đau khổ, sự huỷ diệt và tan lạc. Khi Chúa giáng sinh, thiên sứ loan báo “bình an dưới đất” (Lu 2:13-14) nhưng khi thi hành chức vụ, Chúa Giê-xu lại báo trước về “chiến tranh trên đất” (Lu 12:51). Thật ý nghĩa khi dân chúng hô lên rằng “bình an ở trên trời” (Lu 19:38), vì đó là nơi duy nhất có sự bình an hôm nay!

Dân tộc này đã đánh mất biết bao cơ hội, các nhà lãnh đạo của họ cũng không nhận biết thời điểm Đức Chúa Trời viếng thăm. Họ không có sự hiểu biết về Kinh Thánh. Trong tương lai, dân Y-sơ-ra-ên sẽ chứng kiến Vua họ ngự đến theo cách hoàn toàn khác! (Kh 19:11). Ngài sẽ tái lâm trong vinh hiển (chớ không phải trong sự khiêm nhường) cùng với các thiên binh hầu việc Ngài. Đó sẽ là một cảnh tượng đặc thắng khi Ngài đến tiêu diệt kẻ thù và lập vương quốc Ngài.

Một chủ đề tái hiện trong Kinh Thánh, đó là không thể có sự vinh hiển mà trước hết không trải qua sự thương khó. Chúa biết Ngài phải chịu chết trên thập tự giá trước khi có thể bước vào sự vinh hiển (Lu 24:26). Các nhà thần học Do Thái chẳng hề để tâm đến sự

thương khó của Đấng Mê-si-a và vương quốc vinh hiển được các tiên tri báo trước. Một số giáo sư khác cho rằng có hai Đấng Mê-si-a: Một Đấng sẽ chịu thương khó và một Đấng sẽ cai trị thế gian. Cả những môn đệ Chúa cũng lơ mơ về những điều sắp xảy đến! (Gi 11:16).

Các lãnh đạo Do Thái phản ứng ra sao trước sự kiện Chúa tiến vào Giê-ru-sa-lem cách khải hoàn? Khi xem thấy đám đông đi theo ngợi khen Chúa Giê-xu, họ biết rằng Ngài đã chiếm trọn tình cảm của dân chúng trong ngày ấy. Họ muốn giải quyết trước một “cuộc nổi loạn” lớn có thể xảy ra trong kỳ lễ Vượt Qua. Có lẽ Chúa Giê-xu sẽ thực hiện một phép lạ lớn để thu phục tư tưởng tình cảm của những kẻ nghèo khổ! Họ chẳng hiểu gì về tấm lòng của Đấng Christ, và cũng chẳng hề biết Chúa muốn “mượn tay họ” để toà Công Luận sẽ hành động trong kỳ lễ này. Chiên Con Đức Chúa Trời phải phó mạng sống Ngài khi các chiên con dùng cho lễ Vượt Qua sắp bị giết.

Câu nói “Kìa! Cả thiên hạ đều chạy theo người!” (12:19) vừa là câu “cường điệu”, vừa là một lời tiên tri. Ở phân đoạn kế tiếp, chúng ta sẽ gặp những khách thập phương ngoài địa phận Y-sơ-ra-ên.

3. Chúa Giê-xu và khách thập phương (Gi 12:20-36)

Sau khi vào Giê-ru-sa-lem, Chúa Giê-xu đã dọn dẹp đền thờ lần thứ nhất. Ngài trích dẫn Kinh Thánh Es 56:7 và Gie 7:11 “Há chẳng có lời chép: Nhà ta sẽ gọi là nhà cầu nguyện của muôn dân hay sao? Nhưng các người đã làm thành cái hang trộm cướp?” (Mac 11:17). Có lẽ khi nghe lời này, người Hy Lạp được sự khích lệ lớn.

Một trong những chủ đề lớn trong Phúc Âm Giăng là: Chúa Giê-xu là Đấng Christ của thế gian, chứ không chỉ là Đấng Cứu Chuộc Y-sơ-ra-ên. Ngài là Chiên Con Đức Chúa Trời. Đấng cất tội lỗi thế gian đi (Gi 1:29), bởi vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian” (3:16). Người Sa-ma-ri nhận Ngài là “Cứu Chúa của thế gian” (4:42). Ngài phó sự sống mình vì thế gian hầu có thể ban cho thế gian sự sống (6:33). Ngài là Sự sáng của thế gian (8:12). Trọng tâm của Phúc Âm Giăng được mọi người biết đến thật rõ ràng và không thể phủ nhận được: Ngài sẽ đem về “bầy chiên khác” không thuộc bầy Do Thái (10:16 11:51-52).

Đoạn Kinh thánh này cho thấy những người Gờ-réc có thói quen đến thờ phượng Đức Chúa Trời vào kỳ lễ. Họ không phải là khách thập phương hiểu kỳ hay những kẻ “một lần tìm hiểu cho biết”. Hẳn họ là người kính sợ Đức Chúa Trời, là người ngoại dự lễ trong nhà hội Do Thái và tìm biết chân lý, nhưng vẫn chưa có sự giác ngộ về đạo Đức Chúa Trời. Những người ngoại đã gặp Chúa Giê-xu khi Ngài còn là một con trẻ (Mat 2:1-23), và bây giờ những người ngoại cũng đến gặp Chúa trước khi Ngài chịu chết.

Những người Gờ-réc xin Phi-líp cho họ được tiếp chuyện với Chúa Giê-xu. Phi-líp thuật lại cho Anh-rê (là người thường dẫn kẻ khác đến với Chúa Giê-xu) và Anh-rê trình với Chúa lời cầu xin này. Có lẽ, nhiều người rất muốn tiếp chuyện riêng với Chúa Giê-xu, nhưng họ sợ người Pha-ri-si (Gi 9:22). Dù là người ngoại, nhưng những người Gờ-réc không sợ nguy hiểm và những điều bất lợi xảy đến cho mình.

Chủ đề trọng tâm của bài giảng này nói về sự vinh hiển của Đức Chúa Trời (12:23,28). Chúng ta tưởng Chúa sẽ nói giờ đã đến, Con Người phải bị đóng đinh. Nhưng Chúa nhìn thấy sự vinh hiển đằng sau thập tự giá (Lu 24:26 He 12:2). Thật vậy, sự vinh hiển của Đức Chúa Trời

là một chủ đề chính trong những đoạn còn lại của Phúc Âm Giăng (Gi 13:31-32 14:13 17:1,4-5,22,24).

Chúa dùng hình ảnh về hạt giống để minh họa chân lý thuộc linh tuyệt vời, rằng không thể có sự vinh hiển mà không có sự thương khó không thể có sự sống kết quả nếu không có sự khải hoàn nếu không có sự hy sinh. Về bản chất, hạt giống vốn yếu ớt và vô dụng, nhưng khi “chết” đi, nó thực hiện trọn mục đích mình. Nếu hạt giống biết “nói”, chắc nó sẽ phàn nàn vì bị chôn trong lớp đất lạnh lẽo tối tăm! Tuy nhiên, chỉ có một cách duy nhất để hạt giống đạt được mục đích, nó phải bị gieo xuống đất.

Con cái Đức Chúa Trời được ví như những hạt giống của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, sự sống ấy sẽ chẳng bao giờ kết quả nếu chúng ta không dâng mình cho Đức Chúa Trời và để Ngài “gieo chúng ta” xuống. Chúng ta phải chết về bản ngã mình để sống cho Đức Chúa Trời (Ga 2:20 Rô 6:1-23). Cách duy nhất để đạt được một đời sống kết quả chỉ bởi cách noi theo Chúa Giê-xu qua sự chết, chôn và sống lại.

Khi phán những lời này, Chúa muốn khuyên chúng ta dâng đời sống mình cho Ngài. Bạn hãy chú ý những hình ảnh tương phản: “Ở một mình” hoặc “kết quả được nhiều”, “mất” sự sống hoặc “giữ” được sự sống, “hầu việc” cái tôi hoặc “hầu việc Đấng Christ”, hài lòng với cái tôi hoặc được Đức Chúa Trời tôn quý.

Tôi được biết có một số tín hữu đi thăm một địa điểm truyền giáo ở vùng hẻo lánh để tìm hiểu tình hình truyền giáo ở đó. Khi họ chứng kiến nhóm truyền giáo hoạt động, họ rất cảm kích về tinh thần truyền giáo của những người này. Một tín hữu đã thốt lên: “Chắc hẳn các bạn thật đã chôn mình ở đây!” Một người truyền giáo trả lời: “Chúng tôi không chôn mình, chúng tôi được “trồng” ở đây!

Chúa biết Ngài sắp đương đầu với sự thương khó và sự chết và nhân tính của Ngài sẽ phản ứng trước những thử thách này. Tâm thần Ngài bối rối, không phải vì nghi ngờ ý muốn Đức Chúa Trời nhưng vì Ngài biết rõ những điều liên quan đến thập tự giá. Bạn hãy để ý, Chúa không nói “ta sẽ làm gì?” vì biết trước nhiệm mạng đã được giao Ngài chỉ nói rằng “ta sẽ nói gì?” Trong giờ phút chịu thương khó và đau phục (Gi 12:27). bạn chỉ có thể có hai lời cầu nguyện, hoặc “Lạy Cha, xin hãy cứu con”, hoặc “Lạy Cha, xin hãy làm vinh hiển danh Ngài!”

Trong một bài giảng của tôi ở đài phát thanh, tôi nói: “Đức Chúa Trời không muốn chúng ta ở tình trạng “tiện nghi” nhưng muốn chúng ta được “thích nghi”. Ngay sau khi chương trình chấm dứt, chuông điện thoại trong phòng tôi reo lên. Một thánh giả giấu tên muốn tranh luận với tôi về câu nói trên, giọng nói bên kia sùng sộ: “Thích nghi với cái gì chớ? Bộ ông chưa đọc Rô 12:2 sao? Chép rằng: Đừng làm theo đời này”. Tôi đáp: “Vâng, dĩ nhiên tôi đã đọc Rô 12:2. Vậy ông cũng chưa đọc Rô 8:29 sao? Đức Chúa Trời đã định sẵn cho chúng ta “để nên giống như hình bóng Con Ngài”. Sau một chút yên lặng, (tôi mừng vì ông ta chuẩn bị trả tiền điện thoại) ông ậm ừ đáp lời tôi: “Vâng”

Vấn đề đặt ra là: “tiện nghi” hay “thích nghi”. Nếu chỉ chăm về cuộc sống tiện nghi, vậy chúng ta sẽ “cố bảo vệ” những kế hoạch và ước muốn của mình, chăm về sự sống của bản thân để chẳng bao giờ được “trồng” xuống. Nhưng nếu chúng ta dâng đời sống mình và để Đức Chúa Trời “trồng” chúng ta, chúng ta sẽ không bao giờ “ở một mình”, nhưng có niềm

vui được kết quả cho vinh hiển Đức Chúa Trời. “Nếu ai (người Do Thái hoặc người Gờ-réc) hầu việc ta, thì phải theo ta”, đây là câu nói tương tự với Mat 10:39 và Mac 8:36.

Lời cầu nguyện “Cha ơi, xin làm sáng danh Cha!” (Gi 12:28) được sự nhậm lời của Đức Chúa Trời! Đức Chúa Trời đáp lời Con Ngài và bảo đảm với Con hai điều: sự sống và chức vụ của Con trên đất đã làm sáng danh Cha, cũng như sự thương khó và sự chết sắp đến vậy. Ý nghĩa thay về việc Đức Chúa Trời phán với Con Ngài lúc Con khởi đầu chức vụ (Mat 3:17), khi Con chuẩn bị đến Giê-ru-sa-lem (Mat 17:5) và giờ đây khi Con bước vào giai đoạn cuối trước khi chịu chết trên thập tự giá. Đức Chúa Trời cũng luôn đảm bảo điều đó cho những ai sẵn sàng chịu khổ vì danh Ngài.

Những người nghe tiếng sấm nhưng chẳng hiểu sứ điệp trong đó. Nếu tiếng vang kia vì chính họ nhưng họ lại không hiểu được, vậy có ích lợi chi? Tiếng vang ấy khích lệ Chúa Giê-xu, Ngài là Đấng phải chết thay họ. Do vậy, âm thanh ấy vì ích lợi dành cho họ. Họ nghe lời cầu nguyện của Chúa và nghe cả âm thanh từ trời đáp lại lời cầu nguyện. Điều đó đủ để họ tin rằng Chúa Giê-xu có mối giao thông với Đức Chúa Trời.

Chúa phán công khai về thập tự giá. Đó là giờ phút xét đoán thế gian và Sa-tan là vua của thế gian này. Sự chết của Chúa Giê-xu dường như là một “thắng lợi” đối với thế gian tội lỗi này, nhưng sự chết của Ngài sẽ là sự xét đoán dành cho thế gian. Trên thập tự giá, Chúa Giê-xu sẽ đánh bại Sa-tan và những gì thuộc về nó (Ga 6:14). Mặc dù được phép hiện diện trên đất, nhưng Sa-tan vẫn là kẻ thù bị đánh bại. Khi hầu việc Chúa, chúng ta đã thắng được kẻ thù độc ác (Lu 10:17-19). Ngày kia, Sa-tan sẽ bị quăng ra khỏi thiên đàng (Kh 12:10), nó sẽ chịu xét đoán và bị giam cầm đời đời (Kh 20:10).

Trước đó, chúng ta đã gặp động từ “kéo lên” (Gi 3:14 8:28). Nghĩa thông thường của nó là “hình phạt đóng đinh” (chú ý 12:33), nhưng cũng mang ý nghĩa của “sự vinh hiển”, “Này tôi tớ ta sẽ làm cách khôn ngoan, sẽ được tôn lên, đẩy lên và rất cao trọng” (Es 52:13). Con Người đã được vinh hiển khi chịu đóng đinh trên thập tự giá!

Nhóm từ ‘mọi người’ không có nghĩa là tất cả đều được cứu. Ý nghĩa của nó nói về “mọi người không phân biệt ai”, người Giu-đa hay người ngoại. Ngài không ép buộc họ, nhưng khiến họ đến với Ngài (Gi 6:44-45). Ngài chịu “treo lên hầu con người có thể nhìn thấy “đường đi” (12:32), biết chân lý (8:28) và tiếp nhận sự sống (3:14). Thập tự giá nhắc nhở chúng ta về sự yêu thương Đức Chúa Trời dành cho cả thế giới và nhiệm vụ của Hội Thánh trong việc rao Phúc Âm ra khắp nơi.

Dân chúng nghe lời Chúa giảng nhưng không hiểu gì. Họ biết “Con Người” là danh hiệu của Đấng Mê-si-a, nhưng không biết lý do vì sao Đấng Mê-si-a phải chịu đóng đinh! Thánh Kinh Cựu Ước há không dạy rằng Đấng Mê-si-a sẽ còn lại đời đời đó sao? (Thi 72:17 89:36 110:4 Es 9:6).

Nếu phải bàn luận về những quan điểm “cao siêu” của thần học, sẽ không có đủ thời gian. Đây là giờ của “sự xét đoán” (Gi 12:31) và là giờ của “cơ hội”. Sự sáng đang chiếu ra và con người phải khôn ngoan nắm bắt cơ hội để được cứu! Chúng ta đã xem qua hình ảnh về sự sáng và sự tối tăm (Gi 1:4-9 3:17-20 8:20 9:39-41). Chỉ bởi một bước đơn giản của đức tin, những con người này lẽ ra đã có thể thoát khỏi sự tối tăm thuộc linh để bước vào ánh sáng của sự cứu rỗi!

Theo Phúc Âm Giảng, sự kiện này đánh dấu giai đoạn cuối cùng về chức vụ giảng dạy của Chúa Giê-xu trên đất. Ngài ra đi và ẩn mình nơi vắng vẻ. Đó chính là sự xét đoán dành cho một dân tộc từng chứng kiến những phép lạ Chúa làm, nghe Ngài dạy dỗ và dò xét chức vụ Ngài, vậy mà vẫn không chịu tin nơi Ngài.

4. Chúa Giê-xu và dân Giu-đa vô tín (Gi 12:37-49)

Động từ quan trọng trong phân đoạn này là “tin”, được nhắc lại 8 lần. Trước hết, Giảng giải thích sự vô tín của dân sự. Họ không muốn tin (Gi 12:37-38 với lời Kinh Thánh trích trong Es 53:1) họ không thể tin (Gi 12:39) và bị khiến cứng lòng để không tin (Gi 12:40-41 với lời trích dẫn từ Es 6:9-10).

Dù được bày tỏ mọi chứng cứ rõ ràng, nhưng dân này vẫn không chịu tin. “Cánh tay Chúa” đã bày tỏ cho họ quyền năng Ngài, nhưng họ bịt mắt trước lẽ thật. Họ đã nghe sứ điệp của Chúa và chứng kiến phép lạ Ngài làm, nhưng vẫn vô tín.

Khi một người muốn chống lại sự sáng, sẽ có sự thay đổi trong lòng người ấy cho đến khi trở thành kẻ vô tín. Đức Chúa Trời cho phép “sự tối tăm về trí tuệ” xảy đến trước mắt những kẻ không muốn nhận lấy chân lý cách nghiêm túc (Lời trích dẫn này cũng được chép nhiều chỗ trong Tân Ước, (Mat 13:14,15 Mac 4:12 Lu 8:10 Cong 28:25-77 Ro 11:8). Thật nguy hiểm nếu xem nhẹ chân lý của Đức Chúa Trời, vì con người dễ đánh mất cơ hội để được cứu. *“Hãy tìm kiếm Đức Giê-hô-va đang khi mình gặp được hãy kêu cầu đang khi Ngài ở gần”* (Es 55:6).

Có những con người không muốn tin, và cũng có những người không muốn công khai xưng nhận Đấng Christ dù đã tin (Gi 12:42-43). Trước đây, Ni-cô-đem và Giô-sép ở A-ri-ma-thê đã từng thuộc “nhóm” người này, nhưng sau đó họ đã công khai xưng nhận Đấng Christ (Gi 19:38). Hội Thánh ban đầu cũng có những người Pha-ri-si (Cong 15:5) và cả các thầy tế lễ (Cong 6:7). Đó chính là sự tranh chiến đã qua giữa vinh hiển Đức Chúa Trời và lòng tự tôn của con người (Gi 12:25-26). Bị dứt phép thông công là một cái giá phải chịu (9:22), vì vậy những người “tin âm thầm” này muốn có cả hai lợi ích. (Hãy xem xét vấn đề này ở 5:44).

Trong câu Gi 12:44-50, chúng ta nhận được bài giảng cuối cùng của Chúa trước khi Ngài ẩn mình khỏi dân sự. Một lần nữa, trọng tâm lại nói về đức tin. Có một số chủ đề cơ bản trong Phúc Âm Giảng được trình bày xuyên suốt ở bài giảng này: Đức Chúa Trời đã sai Con Ngài đến nhìn xem Con là nhìn xem Cha đức tin trong Chúa Giê-xu đem đến sự cứu rỗi cho cả Chúa là đối diện với sự đoán phạt đời đời. Thật ra, chính lời Chúa phán sẽ xét đoán những ai không tin và chối bỏ Ngài!

Thật khủng khiếp khi kẻ vô tín sẽ đối diện với sự xét đoán ở từng lời Kinh Thánh đã nghe hoặc đọc qua. Chính lời Chúa mà người ấy chối bỏ sẽ trở nên sự xét đoán cho bản thân! Vì sao? Vì Lời được viết ra chỉ về Ngôi Lời sống, là Chúa Giê-xu (1:14).

Có nhiều người chối bỏ chân lý, đơn giản chỉ vì sợ con người (12:42-43). Trong số những kẻ bị quăng xuống địa ngục, cũng có “kẻ hèn nhát” (Kh 21:8). Thà kính sợ Đức Chúa Trời để được bước vào thiên đàng, còn hơn phải sợ con người để bị sa vào hoả ngục!

Từ “xét đoán” được lặp lại 4 lần ở cuối thông điệp của Chúa, và cũng là một từ “nghiêm túc”. Chúa Giê-xu đến thế gian không để xét đoán, nhưng để đem đến sự cứu rỗi (Gi

3:18 8:15). Nhưng nếu tội nhân không muốn tin nhận Ngài là Đấng Christ, Ngài phải trở thành Đấng xét đoán. Tội nhân đang tự chuốc lấy sự đoán xét cho mình!

Khi đọc qua 12 đoạn đầu của Phúc Âm Giăng, bạn đã nhìn thấy Chúa Giê-xu qua đời sống, chức vụ, phép lạ, sứ điệp và lòng khao khát của Ngài muốn cứu tội nhân hư mất.

Sau khi xem xét chứng cứ, bạn có tin rằng Chúa Giê-xu thật sự là Con Đức Chúa Trời, Cứu Chúa của thế gian không? Bạn có tin nhận Ngài để được hưởng sự sống đời đời không?

“Các người đương có sự sáng, hãy tin sự sáng, hầu cho trở nên con cái của sự sáng” (12:36).

13. NGƯỜI ĐẦY TỚ CAO TRỌNG (Gi 13:1-35)

Trong cuộc đời chức vụ, đã ba lần tôi phải rao “sứ điệp chia tay” với những hội chúng tôi đã phục vụ, việc này thật không dễ thực hiện. Có thể tôi đã không thành công, nhưng mục đích của tôi luôn nhằm trang bị họ cho tương lai, qua việc khuyên nhủ và chỉ dẫn họ. Họ sẽ mời một vị tân mục sư để bước vào một giai đoạn mới, và tôi muốn họ ở tình trạng khả quan nhất.

Gi 13:1-17:26 là “sứ điệp chia tay” của Chúa Giê-xu với những môn đệ yêu dấu của Ngài, đỉnh điểm là lời Chúa cầu thay cho họ và cho chúng ta hôm nay. Trong Kinh Thánh cũng có những lời chia tay của Môi-se (Phu 31:1-33:29), Giô-suê (Gio 23:1-24:33) và Phao-lô (Cong 20:1-37). Tuy nhiên Chúa Giê-xu hỗ trợ cho sứ điệp của Ngài qua một hành động đầy ý nghĩa khi rửa chân cho các môn đệ. Đây chính là bài học thực tiễn không bao giờ xoá nhoà trong tâm trí họ.

Ở đoạn Kinh Thánh này, chúng ta sẽ thấy Chúa Giê-xu qua bốn mối liên hệ của Ngài: với Cha trên trời (Gi 13:1-5), với Si-môn Phi-e-rơ (Gi 13:6-11), với các môn đệ (13:12-17) và với Giu-đa (13:18-35). Qua những phân đoạn này, bạn sẽ khám phá một sứ điệp đặc biệt, một chân lý thuộc linh giúp ích đời sống Cơ Đốc nhân của chính bạn.

1. Sự khiêm nhường - Chúa Giê-xu với Cha Trên Trời (Gi 13:1-5)

Chúa Giê-xu vào thành Giê-ru-sa-lem vào Chủ nhật và dọn dẹp đền thờ vào ngày thứ hai. Thứ ba là ngày xảy ra sự chống đối khi các lãnh đạo tôn giáo tìm cách bắt bẻ Chúa hầu có cơ bắt Ngài. Những sự kiện này cũng được chép ở Mat 21:1-25:46. Thứ tư có lẽ là ngày nghỉ ngơi, nhưng vào thứ 5, Chúa cùng các môn đệ nhóm tại phòng cao để dự lễ Vượt Qua.

Câu Gi 13:1-3 nhấn mạnh về những điều Chúa biết trước, và câu 13:4-5 nói về việc Chúa làm. Chúa biết “giờ Ngài đã đến”. Khác với các tác giả Phúc Âm khác, Giăng đặc biệt nhấn mạnh vấn đề Chúa Giê-xu luôn sống theo một “thời gian biểu từ trời” khi làm theo ý Cha Ngài. Bạn hãy chú ý đến tiến trình của chủ đề này:

- Gi 2:4 “Giờ ta chưa đến”
- 7:30 “Giờ Ngài chưa đến”
- 8:20 “Giờ Ngài chưa đến”
- 12:23 “Giờ đã đến, khi Con người sẽ được vinh hiển”
- 13:1 “Đức Chúa Giê-xu biết giờ mình... đến rồi”

- 17:1 “Thưa Cha, giờ đã đến”.

“Giờ” đã được Đức Chúa Trời định trước là “giờ” nào? Đó là thời điểm khi Chúa Giê-xu được vinh hiển bởi sự chết, sống lại và thăng thiên của Ngài. Theo quan điểm con người, đó là giờ “thương khó”, nhưng dưới mắt Đức Chúa Trời, đó là giờ của “sự vinh hiển”. Chúa Giê-xu sẽ lìa thế gian để về cùng Cha Ngài là Đấng đã sai Ngài đến để làm trọn công tác Cha giao trên đất (17:4). Khi tôi tớ Đức Chúa Trời sống theo ý muốn Ngài, người ấy sẽ chẳng chết trước khi làm trọn công tác được giao, khi thời điểm chưa đến, các lãnh đạo không thể bắt được Chúa Giê-xu hay tự ý giết Ngài!

Chúa Giê-xu cũng biết trước Giu-đa sẽ phản Ngài, Giu-đa được nhắc đến 8 lần trong Phúc Âm Giảng, nhiều hơn các Phúc Âm khác. Sa-tan đã ám vào Giu-đa (Lu 22:3) nên giờ đây nó khiến Giu-đa nghĩ đến việc bắt và đóng đinh Con Đức Chúa Trời. Động từ “để” dùng trong Gi 13:2 có nghĩa gốc là “phóng / ném”, nhắc ta nhớ đến “các tên lửa của kẻ dữ” (Eph 6:16). Giu-đa vốn là kẻ vô tín (Gi 6:64-71) nên không có “thuần đức tin” để chống trả sự tấn công của Sa-tan.

Sau cùng, Chúa Giê-xu biết Cha đã giao mọi sự trong tay Ngài (13:3). Câu Kinh Thánh trên có ý tương tự với Gi 3:35 và cũng nhắc ta nhớ đến Mat 11:27. Trong sự khiêm nhường của Chúa, Đức Chúa Trời đã ban cho Ngài mọi sự. Sống trong sự nghèo khó, nhưng Ngài vẫn là Đấng giàu có bởi Ngài biết địa vị của mình, nguồn gốc của mình, những điều Ngài có và nơi Ngài đến. Ngài hoàn toàn làm chủ được hoàn cảnh. Bạn và tôi cũng như mọi tín hữu đều biết rằng chúng ta được tái sinh bởi Đức Chúa Trời, ngày kia sẽ trở về cùng Ngài và trong Đấng Christ chúng ta có mọi sự. Vậy, chúng ta phải noi theo gương Chúa và phục vụ tha nhân.

Những điều Chúa biết quyết định cho hành động của Ngài (13:4,5). Chắc hẳn các môn đệ vô cùng xúc động khi chứng kiến Thầy họ rời khỏi bàn ăn, cởi áo ngoài ra, lấy khăn vắt ngang lưng mình, đem chậu nước đến rửa chân cho họ. Đây là công việc của đầy tớ, nhưng Chúa đã làm vậy! Để đánh dấu một tình cảm, chủ nhà có thể rửa chân cho khách, nhưng đa số trong các gia đình, đó không phải là mực thước hành động.

Chúa biết có một tư tưởng cạnh tranh đang len lỏi trong tâm trí các môn đệ. Chỉ trong vài phút, họ đã tranh cãi về việc ai sẽ là người cao trọng nhất (Lu 22:24-30)! Chúa dạy họ một bài học khó quên về sự khiêm nhường, chính những việc làm của Ngài đã lên án sự ích kỷ và kiêu ngạo của họ. Càng suy nghĩ về hình ảnh này, bạn sẽ thấy nó càng trở nên sâu sắc. Đây là một minh họa cho điều Phao-lô viết vào những năm sau đó trong thư tín Phi 2:1-16 Phi-e-rơ chắc đã nhớ lại sự kiện này khi ông viết thư tín đầu tiên, kêu gọi, độc giả hãy “trang sức bằng khiêm nhường” (IPhi 5:5).

Chúng ta cũng thường nhầm lẫn “lòng khó khăn” (Mat 5:3) với “sự nghèo nàn thuộc linh”, sự khiêm nhường thật với tính nhút nhát và sự tự ti. Một nhà văn người Anh Samuel Johnson được mời chuẩn bị một điệu văn cho một cô gái vừa mới chết, Johnson cũng hỏi về đức tính đặc biệt của cô gái. Người ta cho biết cô rất tử tế với những người có địa vị thấp hơn mình. Johnson đáp rằng đó là đức tính đáng khen, nhưng chúng ta khó khẳng định những người thấp hơn cô gái là ai!

Đức Chúa Trời đã giao mọi sự vào tay Con Ngài, nhưng Chúa Giê-xu đã chọn lấy chiếc khăn và chậu nước! Sự khiêm nhường của Ngài không phải xuất phát từ sự nghèo khó

nhưng vì Ngài vốn giàu có mà tự trở nên nghèo (II Co 8:9). Có một câu châm ngôn Mã-lai nói rằng: “Gié lúa càng nhiều hạt thì càng cong xuống thấp hơn!”

Đáng chú ý ở cách Phúc Âm Giảng bày tỏ tự khiêm nhường của Chúa dù khi đề cao thần tính Ngài, “Con chẳng tự mình làm việc gì được” (Gi 5:19,30). “Vì ta từ trên trời xuống, chẳng phải để làm theo ý ta” (6:38) “Đạo lý của ta chẳng phải bởi ta” (7:16). “Ta chẳng tìm sự vinh hiển ta” (8:50). “Lời các ngươi nghe đó, chẳng phải bởi ta...” (14:24). Hành động cuối cùng bày tỏ sự khiêm nhường của Chúa được thể hiện qua sự chết của Ngài trên thập tự giá.

Là Đấng Cao trọng, nhưng Chúa Giê-xu chọn lấy vị trí của một đầy tớ. Có mọi sự trong tay, Ngài vẫn chọn lấy chiếc khăn để phục vụ. Là Chúa, là Thầy, Ngài vẫn hầu việc môn đệ mình. Người ta thường nói rằng sự khiêm nhường không phải là sự suy nghĩ ích kỷ cho bản thân, đơn giản là chẳng nghĩ gì về chính mình cả. Sự khiêm nhường thật khởi phát từ mối liên hệ của chúng ta với Đức Chúa Trời. Nếu chúng ta khao khát được hiểu biết và làm theo ý Đức Chúa Trời hầu quy vinh hiển cho danh Ngài, chúng ta sẽ kinh nghiệm được niềm vui khi noi theo gương Chúa Giê-xu và phục vụ tha nhân.

Giống như các môn đệ Chúa trong buổi tối khi xưa, hôm nay chúng ta cũng rất cần biết bài học về sự khiêm nhường này. Hội Thánh Chúa đầy đầy tự tưởng thể gian: cạnh tranh và chỉ trích nhau để biết ai cao trọng nhất. Chúng ta chỉ muốn có thêm tri thức chứ không muốn tấn tới trong ân điển (II Phi 3:18). Andrew Murray nói rằng “Sự khiêm nhường là vùng đất duy nhất giúp cho ân điển đâm rễ còn sự vắng mặt của lòng khiêm nhường là lý do giải thích đầy đủ về mọi khiếm khuyết và thất bại.

Chúa Giê-xu hầu việc các môn đệ vì sự khiêm nhường và tình yêu của Ngài dành cho họ. Bạn hãy đối chiếu 13:1 với Gi 1:11 và 3:16 “Ngài đã đến trong xứ mình (thế gian), nhưng dân mình (con người) chẳng hề nhận lấy”. “Vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian...” Ngài yêu kẻ thuộc về mình trong thế gian “cho đến cuối cùng”. Hiện nay, Ngài vẫn không thay đổi!

2. Sự thánh khiết - Chúa Giê-xu với Phi-e-rơ (Gi 13:6-11)

Khi Phi-e-rơ theo dõi Chúa rửa chân cho đồng bạn mình, ông càng lúc bị xao động và không hiểu ý nghĩa của việc Ngài làm. Nếu đọc về cuộc đời của Chúa Giê-xu qua 4 Phúc Âm, bạn sẽ chú ý ngay cách Phi-e-rơ từng phát biểu bốc đồng vì thiếu hiểu biết và được Chúa sửa chữa lại. Phi-e-rơ từng ngăn trở Chúa bước lên thập tự giá (Mat 16:21-23), “dàn xếp” công việc Ngài tại Núi Hoá Hình (Mat 17:1-8). Ông mạnh mẽ tuyên bố đức tin của các môn đệ (Gi 6:66-71) mà không hề nhận biết có một kẻ phản bội!

Động từ “rửa” được dùng ở câu 13:5,6,8,12,14 (dịch từ nguyên gốc của “niptō”) nghĩa là rửa một phần nào đó của thân thể. Nhưng từ “tắm (rồi)” ở 13:10 (louō) có nghĩa là tắm cả thân thể. Cần phải phân biệt hai động từ trên, vì Chúa muốn dạy các môn đệ về tầm quan trọng của việc bước đi trong sự thánh khiết.

Khi tội nhân tin nhận Đấng Christ, người ấy đã được “tắm sạch toàn bộ”, mọi tội lỗi được tẩy sạch và tha thứ (ICo 6:9-11 Tit 3:3-7 Kh 1:5). *“Ta sẽ chẳng còn nhớ đến tội lỗi gian ác của chúng nó nữa”* (He 10:17). Tuy nhiên, khi bước đi trong thế gian người tin Chúa dễ bị ô uế. Người ấy không cần phải “tắm” lại toàn cơ thể, nhưng chỉ cần tẩy sạch vết ô uế kia. Đức Chúa Trời hứa làm “sạch” chúng ta khi chúng ta xưng tội mình trước mặt Ngài (IGi 1:9).

Nhưng vì sao việc giữ :chân mình cho sạch là rất quan trọng như vậy? Vì nếu bị ô uế, chúng ta không thể có mối liên hệ với Chúa mình được. “Nếu ta không rửa cho người, người chẳng có phần chi với ta hết” (13:8). Chữ “phần” được dịch từ “meros” có nghĩa là “sự dự phần” được chia sẻ trong một người hay một điều gì”. Khi Đức Chúa Trời gọi rửa chúng ta hoàn toàn trong sự cứu rỗi, Ngài đã đem chúng ta đến với Đấng Christ trong mối dây liên hiệp và là mối liên hệ vững không thể bị đổi dời. (Động từ “tắm” ở 13:10 được viết ở dạng hoàn thành. Đây là hành động được thực hiện một lần đủ cả). Tuy vậy, mối liên lạc của chúng ta với Đấng Christ còn tùy thuộc vào việc chúng ta “giữ mình cho khỏi sự ô uế của thế gian” (Gi 1:27). Nếu không xưng những tội lỗi trong đời sống mình ra, chúng ta sẽ ngăn trở hành trình của mình với Chúa, khi ấy, chúng ta cần phải “rửa sạch” chân mình.

Chân lý cơ bản về đời sống Cơ Đốc nhân được minh họa rõ nét trong giới các thầy tế lễ thời Cựu Ước. Khi thầy tế lễ nào được thụ phong người ấy sẽ được tắm rửa toàn thân (Xu 29:4) và hành động này sẽ không bao giờ lặp lại. Tuy nhiên, qua chức vụ thường nhật, thầy tế lễ ấy có thể bị ô uế, nên phải rửa tay và chân trong thùng nước bằng đồng để giữa hội mạc (Xu 30:18-21). Nếu làm vậy, thầy tế lễ mới có thể bước vào nơi thánh, xông hương nơi bàn thờ và ăn bánh thánh.

Chúa tẩy rửa chúng ta bằng chính huyết báu Ngài đã đổ ra trên thập tự giá (IGi 1:5-10) và bởi Lời Ngài được hành động trong đời sống chúng ta (Gi 15:3 Eph 5:25-26 Thi 119:9). Nước của Lời Chúa có thể giữ lòng và trí chúng ta tinh sạch hầu cho không bị nhiễm những ô uế của thế gian. Nếu phạm tội, chúng ta đã có Đấng Cầu Thay vinh hiển đầy lòng yêu thương luôn lắng nghe lời xưng tội và tha thứ cho chúng ta (IGi 2:1-2).

Do không hiểu điều Chúa làm, thay vì chờ một lời giải thích, Phi-e-rơ lại nông nổi bảo Chúa điều phải làm! Ở Gi 13:8 có hai lời phủ định mạnh mẽ. Nhà học giả Hy Lạp Kenneth Wuest đã dịch câu nói của Phi-e-rơ rằng “Dù thế nào Ngài sẽ chẳng rửa chân cho tôi, không, chẳng bao giờ”. Phi-e-rơ thật sự muốn nói vậy! Nhưng khi hiểu rằng chối từ Chúa nghĩa là đánh mất mối giao thông với Chúa, ông đổi ý ngay và xin được tắm toàn bộ!

Qua Phi-e-rơ ta có thể rút ra một bài học ý nghĩa: đừng nghi ngờ ý Chúa và công việc Ngài, cũng đừng cố thay đổi điều ấy. Chúa biết điều Ngài làm. Khó khăn lắm Phi-e-rơ mới hiểu việc Chúa làm cho mình vì ông vẫn chưa sẵn sàng để phục vụ những môn đệ khác. Cần có sự khiêm nhường và ơn để hầu việc người khác, nhưng cũng cần có sự khiêm nhường và ơn để người khác phục vụ mình. Vẻ đẹp của một tinh thần hạ mình được thể hiện qua việc nó có thể vừa ban cho vừa nhận lãnh để quy vinh hiển về Đức Chúa Trời.

Giăng thận trọng chứng minh rằng Phi-e-rơ và Giu-đa có mối liên hệ với Chúa Giê-xu hoàn toàn khác biệt. Vâng, Chúa đã rửa chân cho Giu-đa, nhưng điều đó chẳng ích gì cho anh ta, bởi Giu-đa chưa từng tắm cả thân thể. Một số người cho rằng Giu-đa đã được cứu nhưng do phạm tội nên không được cứu. Đó không phải là điều Chúa phán. Chúa nói rõ rằng Giu-đa chưa hề được tẩy sạch tội lỗi và là kẻ vô tín (Gi 6:64-71).

Khởi sâu mối giao thông của bạn với Chúa là điều rất kỳ diệu. Cần phải thành thật với Ngài, với chính mình và giữ “chân” bạn luôn tinh sạch!

3. Sự phước hạnh - Chúa Giê-Xu và các môn đệ (Gi 13:12-17)

Câu gốc ở phần này là 13:17 “ví bằng các người biết những sự này thì có phước, miễn là các người làm theo”. Sự khiêm nhường, sự thánh khiết và sau đó là hạnh phúc, là chuỗi mắc xích liên nhau. Aristote định nghĩa sự phước hạnh là “vận may kết hợp với phẩm chất đạo đức... một đời sống dễ chịu và yên ổn”. Điều đó có thể làm thoả mãn một nhà triết học, nhưng sẽ chẳng bao giờ làm Cơ Đốc nhân thoả lòng! Hạnh phúc thật là kết quả của một đời sống theo ý muốn Đức Chúa Trời. Khi chúng ta khiêm nhường phục vụ người khác, bước đi trong đường lối thánh khiết của Đức Chúa Trời, làm theo điều Ngài bảo, chúng ta sẽ hưởng được phước hạnh.

Chúa Giê-xu hỏi các môn đệ rằng họ có hiểu việc Ngài làm hay không, vì nó không giống như việc họ làm. Vì vậy Chúa giải thích rằng: Ngài muốn dạy họ một bài học về sự phục vụ khiêm nhường, một tấm gương họ phải noi theo. Người đời cho rằng hạnh phúc là kết quả người khác phục vụ mình, nhưng niềm vui thật chỉ có được khi chúng ta phục vụ cho tha nhân trong danh Đấng Christ. Thế gian luôn đeo đuổi “hạnh phúc” như đuổi theo một cái bóng luôn xa tầm tay với!

Với danh nghĩa là Thầy, là Chúa các môn đệ, Chúa Giê-xu có quyền ra lệnh họ hầu việc Ngài. Nhưng chính Ngài đã hầu việc họ! Ngài nêu tấm gương cho họ noi theo trong việc thi hành trọng trách của Cơ Đốc nhân. Trong suốt ba năm, nhiều lần Ngài dạy họ những bài học về sự khiêm nhường và tinh thần phục vụ, nhưng giờ là lúc Ngài thể hiện cho họ thấy rõ bài học ấy. Có lẽ các môn đệ nhớ đến bài học Chúa dạy về đũa trẻ (Mat 18:1-6), hay lời Chúa trách Gia-cơ và Giăng khi họ cầu xin được ngồi nơi vinh hiển (Mat 20:20-28). Giờ đây tất cả mọi việc đều ăn khớp với nhau.

Đầy tớ không lớn hơn chủ. Nếu chủ trở nên như đầy tớ, vậy vị trí của đầy tớ ở đâu? Ở mức ngang hàng với chủ! Khi trở nên một tôi tớ, Chúa không đẩy chúng ta xuống thấp hơn, nhưng Ngài “nâng” chúng ta lên! Ngài đánh giá cao lòng hy sinh và sự phục vụ. Bạn nên nhớ, dân La Mã chẳng hơi sức đâu để “khiêm nhường”, còn dân Hy Lạp lại khinh thường kẻ làm công chân lấm tay bùn. Chúa Giê-xu đã kết hợp hai điều đó khi rửa chân cho các môn đệ!

Người thế gian thường đặt câu hỏi “Có bao nhiêu người làm công cho anh?” Nhưng Chúa Giê-xu lại hỏi “Người đã phục vụ cho bao nhiêu người?” Khi tôi giảng luận tại một hội nghị ở Kenya, một tín hữu Châu Phi cho tôi biết một câu châm ngôn của họ: “Người làm đầu sẽ là đầy tớ của mọi người?” Thật thế, chúng ta cần những người lãnh đạo sẽ hầu việc và đầy tớ sẽ làm đầu. G. K. Chesterton nói rằng một người cao trọng thật là người khiến kẻ khác cảm thấy mình được tôn trọng, và đây là điều Chúa Giê-xu đã làm khi dạy các môn đệ về tinh thần phục vụ.

Tuy nhiên, biết lẽ thật này thôi, vẫn chưa đủ! Chúng ta phải áp dụng nó vào thực tiễn. Gia 1:22-27 cho thấy phước hạnh là kết quả từ việc “làm theo” lời Chúa chứ không phải bởi “nghe”. Wuest dịch phần cuối của Gia 1:25 như sau “Người ấy sẽ phát đạt về thuộc linh trong việc mình làm”. Dù nghiên cứu đoạn Phúc Âm này có thể làm khơi dậy trong chúng ta nguồn cảm xúc và soi sáng tâm trí ta, nhưng không thể khiến chúng ta được phước hạnh về tâm linh cho đến khi nào chúng ta làm theo điều Chúa dạy. Đây là con đường duy nhất dẫn đến nguồn hạnh phúc bất diệt!

Bạn hãy nắm vững ý nghĩa những bài học trên trong chuỗi liên hợp của nó: khiêm nhường, thánh khiết và phước hạnh. Hãy đầu phục Đức Chúa Trời giữ đời sống bạn tinh

sạch và phục vụ tha nhân. Đây là phương thức từ Đức Chúa Trời để có được niềm vui thật trong tâm linh.

4. Sự giả hình: Chúa Giê-xu và Giu-đa (Gi 13:18-35)

Bóng tối như kéo đến phủ xuống quang cảnh hiện tại khi Chúa nói đến kẻ phản bội: Giu-đa. Cần biết rằng Giu-đa không phải là môn đệ thật của Chúa, hắn là kẻ giả hình. Giu-đa chưa bao giờ tin Chúa Giê-xu (Gi 6:64-71), chưa được tẩy sạch (13:10-11) và không thuộc những người được chọn mà Cha đã giao cho Con (13:18-17:12). Thật vậy, con người đã đến rất gần sự cứu rỗi, vậy mà vẫn có thể là kẻ hư mất đời đời! Giu-đa vốn là kẻ giữ túi bạc trong nhóm (12:6) và hắn được các đồng bạn quan tâm thường xuyên.

Vào lúc này, Chúa Giê-xu có hai mối quan tâm lớn: làm trọn lời Đức Chúa Trời (13:18-30) và bày tỏ vinh hiển của Đức Chúa Trời (13:31-35).

Câu Kinh Thánh Chúa trích dẫn được chép ở Thi 41:9 “Đến đổi người bạn thân tôi, mà lòng tôi tin cậy, và đã ăn bánh tôi, cũng giơ gót lên nghịch cùng tôi”. Đa-vít viết Thi-thiên này, có lẽ chỉ về mưu sĩ của ông là A-hi-tô-phe, đã thông đồng với Áp-sa-lôm để phản nghịch (II Sa 17:23 Mat 27:3-10 Cong 1:18). Tuy nhiên, Giu-đa đã tự sát không phải để làm ứng nghiệm lời tiên tri trong Kinh Thánh, vì nếu vậy, Đức Chúa Trời sẽ là “tác giả” của tội lỗi Giu-đa! Giu-đa có trách nhiệm với những quyết định của bản thân, những quyết định ấy đã làm ứng nghiệm lời Đức Chúa Trời.

Chúa Giê-xu biết rằng sự phản bội của Giu-đa sẽ không làm nao núng đức tin các môn đệ Ngài. Ngài liên hệ đức tin ấy với Lời Đức Chúa Trời: khi các môn đệ chứng kiến mọi sự được ứng nghiệm, đức tin họ sẽ vững vàng hơn theo Ngài và làm công việc Ngài giao. Xét cho cùng, Ngài là Đức Chúa Con được Đức Chúa Cha sai đến. Các môn đệ là những người được chọn của Đấng Christ tiếp rước họ đồng nghĩa với tiếp rước Cha và Con Thật là một đặc quyền lớn lao khi được làm sứ giả của Vua!

Đáng lưu ý rằng: những người ngồi đồng bàn với Chúa Giê-xu không hề biết Giu-đa là kẻ vô tín và phản bội. Cho đến giờ phút Giu-đa làm phản, hắn vẫn được sự bảo vệ che chở của Đấng Christ là Đấng bị hắn phản bội! Nếu Chúa Giê-xu công khai bày tỏ những điều Ngài biết về Giu-đa chắc chắn các môn đệ sẽ không để ông ta yên. Hãy nhớ điều Phi-e-rơ đã làm cho Man-chu khi quân lính đến bắt Chúa Giê-xu!

Ngay từ đầu Chúa đã biết Giu-đa sẽ phản Ngài (Gi 6:64), nhưng Ngài không hề thúc ép Giu-đa làm điều đó. Giu-đa được ban cho những đặc quyền thuộc linh như bao môn đệ khác, nhưng những đặc quyền ấy đã khiến hắn ta hư hỏng. Cùng một mặt trời nhưng làm cho băng tan chảy, lại khiến đất sét cứng khô đi. Bất chấp mọi lời khuyên dạy của Chúa về tiền bạc, về sự tham lam, Giu-đa vẫn làm kẻ trộm cắp, lấy tiền trong túi bạc. Mặc cho Chúa cảnh cáo về sự vô tín, Giu-đa vẫn không đổi lòng về sự chống nghịch của mình. Chúa Giê-xu đã rửa chân Giu-đa, vậy mà tấm lòng cứng cõi của hắn vẫn không chịu đầu phục!

Chúa từng nói trước về kẻ phản bội, nhưng các môn đệ không để tâm đến. Giờ đây, họ vô cùng bối rối khi Ngài phán công khai về điều ấy tại bàn ăn. Phi-e-rơ ra hiệu cho Giăng là người ngồi gần Chúa nhất để hỏi Chúa về kẻ phản bội. Khi Chúa đáp với Giăng, hắn không phải mọi người đều nghe, vì thực tế họ đang bàn luận với nhau để biết kẻ phản bội (Lu 22:23). Khi Chúa trao bánh cho Giu-đa, đó là hành động của tình yêu và sự tôn trọng. Giu-đa thật

đang được ngồi nơi cao trọng, nên những hành động của Chúa được bày tỏ trong ánh sáng ấy: Ngài muốn dành cho Giu-đa một sự tôn trọng đặc biệt. Có thể sau khi Giu-đa rời phòng, là lúc các môn đệ bàn cãi về việc ai sẽ là người cao trọng nhất (Lu 22:24-30)!

Giăng hẳn rất sững sờ về sự bày tỏ này, nhưng trước khi ông có thể nói hoặc làm điều gì, Chúa đã sai Giu-đa ra đi. Dù Sa-tan ám vào lòng Giu-đa, Chúa Giê-xu vẫn là Đấng có trách nhiệm với Giu-đa. Ngài sống theo thời gian biểu Cha đã định, và Ngài muốn làm trọn những lời tiên tri đã được chép ra. Bởi Giu-đa là kẻ giữ túi bạc, nên các môn đệ rất có lý khi cho rằng hẳn được Chúa giao nhiệm vụ đặc biệt. Giu-đa đã giả dối bày tỏ “mối quan tâm” của mình đối với kẻ nghèo khó (Gi 12:4-6), nên có lẽ các môn đệ nghĩ rằng hẳn ra đi để lo việc giúp đỡ người thiếu thốn.

Hãy nhớ rằng Giu-đa biết điều mình làm nên hẳn đã thực hiện một cách tự do. Hẳn đã đi gặp các lãnh đạo tôn giáo và đồng ý dẫn họ đến bắt Chúa Giê-xu trong hoàn cảnh thuận tiện, không bị dân chúng cản trở (Lu 21:37-22:6). Giu-đa từng nghe Chúa phán “khốn nạn thay cho kẻ phản Con Người! Thà nó chẳng sinh ra thì hơn!” (Mat 26:24) nhưng hẳn vẫn giữ lòng vô tín và sự phản bội.

Câu viết đơn giản của Giăng “khi ấy đã tối” gây tác động mạnh mẽ khi chúng ta nhớ lại rằng sự sáng và sự tối tăm là những hình ảnh thuộc linh đầy ý nghĩa trong Phúc Âm Giăng. Chúa Giê-xu là Sự Sáng của thế gian (Gi 8:12), nhưng Giu-đa chối bỏ Chúa để lẩn vào trong tối tăm và đối với Giu-đa, trời vẫn luôn u tối! Kẻ làm ác luôn ghét sự sáng (Gi 3:18-21). Lời Chúa dạy ở Gi 12:25-26 đã bị Giu-đa để ngoài tai – và bị những tội nhân hôm nay không chú tâm đến. Họ sẽ đi đến nơi Giu-đa đã đến, trừ khi họ ăn năn tin nhận Đấng Christ.

Ngay khi Giu-đa ra đi, bầu không khí trở nên trong sáng. Chúa Giê-xu khởi sự dạy dỗ môn đệ, chuẩn bị cho họ tinh thần để chứng kiến việc Ngài bị đóng đinh và trở về thiên đàng. Sau khi Giu-đa rời khỏi Chúa Giê-xu đã thực hiện Lễ Tiệc Thánh điều mà Giu-đa một kẻ vô tín không thể dự phần được. Giờ đây, Giu-đa đang ở bên ngoài giữa đêm tối, bị sự điều khiển của Sa-tan là vua chốn mờ tối. Còn Chúa Giê-xu ở trong ánh sáng, chia sẻ tình yêu và chân lý với các môn đệ yêu dấu của Ngài. Quả là một tương phản!

Đến đây, chủ đề chuyển sang sự vinh hiển của Đức Chúa Trời (13:31-35). Theo quan điểm con người, sự chết của Đấng Christ là công việc thấp hèn đem đến nỗi đau đớn nhục nhã khôn tả. Nhưng dưới mắt Đức Chúa Trời, đây là cách bày tỏ vinh hiển Ngài: “Giờ đã đến, khi Con Người sẽ được vinh hiển (Mat 12:23). Danh hiệu “Con Người” xuất hiện 12 lần trong Phúc Âm Giăng và ở câu Gi 13:31 là lần cuối cùng. Dan 7:13 xem danh hiệu này như danh hiệu của Đấng Mê-si-a và đôi khi Chúa Giê-xu cũng sử dụng danh này theo cách ấy (Mat 26:64).

Làm vinh hiển danh Cha có ý nghĩa gì đối với Chúa Giê-xu? Ngài cho chúng ta biết qua lời cầu nguyện. “Con đã tôn vinh Cha trên đất, làm xong công việc Cha giao cho làm” (Gi 17:4). Đây là cách chúng ta làm vinh hiển Đức Chúa Trời trong việc trung tín làm theo điều Ngài bảo chúng ta. Trong hoàn cảnh của Chúa Giê-xu, ý muốn của Cha phải được thực hiện qua việc Con chịu chết cho tội nhân, sống từ cõi chết và thăng thiên. Con đã làm vinh hiển Cha và Cha cũng làm vinh hiển Con (17:1,5).

Rồi sẽ đến lúc Đức Chúa Con sẽ được vinh hiển qua các môn đệ Ngài (17:10), nhưng họ không thể theo Ngài vào thời gian đó. Phi-e-rơ đã từng khoe khoang sẽ theo Ngài cho dù

phải chết. Ông đã theo, nhưng thật bất hạnh sự theo Ngài này đã chấm dứt bằng việc chối Chúa ba lần.

Có hai lần Chúa nói với người Giu-đa rằng họ sẽ tìm Ngài nhưng không thể tìm được cũng không đi theo Ngài được (7:33-36 8:21-24). Bạn hãy nhớ rằng Chúa không nói với các môn đệ rằng họ sẽ không thể tìm được Ngài, nhưng Ngài muốn nói với dân Giu-đa vô tín. Ngày kia, các môn đệ sẽ đồng đi với Chúa (14:1-3) và cũng sẽ gặp Ngài sau khi Ngài phục sinh. Tuy nhiên, trong thời gian Ngài chịu thương khó và chết thì điều quan trọng là họ không cố theo Ngài

Tôi từng nghe những bài giảng hùng hồn về tội lỗi của Phi-e-rơ là người “theo Chúa xa xa” (Lu 22:54) và trọng tâm nói về vấn đề ông ta lẽ ra phải nên theo Chúa “gần hơn”. Nhưng thực tế đơn giản là ông ta không thể theo được! Câu Gi 13:33 là một minh chứng cụ thể, nếu bạn kết hợp Mat 26:31 (trích từ Xa 3:17) và lời Chúa ở Gi 18:8 chứng cứ ấy rất rõ ràng. Phi-e-rơ không để tâm đến lời khuyên trên, nên ông gặp phải sự rắc rối.

Trách nhiệm của các môn đệ là yêu thương lẫn nhau như Chúa Giê-xu đã yêu họ. Họ chắc sẽ cần có tình yêu ấy trong những giờ phút sắp tới khi Chúa họ bị bắt đi và “người phát ngôn can đảm” của họ là Phi-e-rơ sẽ chối bỏ Thầy và đồng bạn mình. Thật ra, họ thấy đều sa ngã nên điều duy nhất đem họ đến với nhau là bởi tình yêu của họ đối với Đấng Christ và đối với nhau.

Từ “yêu” được dùng 12 lần trong Gi 1:1-12:50 nhưng ở đoạn 13:1-21:25 được nhắc đến 44 lần. Đây là từ chính được dùng trong bài giảng tạm biệt của Chúa đối với các môn đệ, cũng là một gánh nặng trong lời cầu nguyện của Ngài như thầy tế lễ thượng phẩm (17:26). Từ “mới” không có nghĩa là “mới theo thời gian” vì tình yêu là điều rất ý nghĩa đối với dân sự của Đức Chúa Trời trải qua các thời đại Cựu Ước (Le 19:18). “Mới” có nghĩa như “mới trong từng trái, tươi mới”. Phản nghĩa với “sòn cũ, mệt mỏi”. Bởi sự chết của Chúa Giê-xu trên thập tự giá, tình yêu sẽ tạo nên một ý nghĩa và năng lực mới (Gi 15:13). Khi Đức Thánh Linh giáng lâm, tình yêu sẽ tạo năng lực mới trong đời sống các môn đệ.

Đoạn này khởi đầu và kết thúc đều nói về tình yêu: tình yêu Chúa Giê-xu dành cho những kẻ thuộc về Ngài (13:1), và tình yêu các môn đệ dành cho nhau. Bằng chứng thật của tình yêu thể hiện qua việc chúng ta thuộc về Đấng Christ. Người đứng đầu Hội Thánh Tertullian (năm 155-220 SC) đã lập lại lời những kẻ vô thần khi nói về Cơ Đốc nhân. “Hãy xem họ yêu thương nhau ra sao!” Còn chúng ta chứng minh cho tình yêu thương ấy ra sao? Hãy làm điều Chúa đã làm: phó sự sống mình vì bạn hữu (1Gi 3:16) và điểm xuất phát đó là: cúi xuống rửa chân cho người khác trong tinh thần phục vụ quên mình.

14. LÒNG BỐI RỐI (Gi 13:36-14:31)

Đoạn này mở đầu và kết thúc bằng lời khuyên đầy yêu thương của Chúa “Lòng các ngươi chớ hề bối rối” (Gi 14:1,27). Chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi các sứ đồ thấy đều bối rối tâm trí! Chúa cho biết trước sẽ có một kẻ phản Ngài, và sau đó Ngài báo cho Phi-e-rơ biết ông sẽ chối Ngài ba lần. Phi-e-rơ đầy tự tin kia không thể đi theo Chúa, đồng chết với Ngài hay chết cho Ngài. Ô! Phi-e-rơ không thể hiểu lòng mình và chúng ta cũng vậy, ngoại trừ một điều duy nhất: lòng chúng ta dễ bị bối rối!

Có lẽ một tin quan trọng nhất đối với mọi người là tin Chúa sắp lìa khỏi họ (13:39). Ngài sẽ đi đâu? Họ có thể đi cùng Ngài không? Làm sao để họ đến được nơi Ngài đến? Đó là những câu hỏi đầy hoang mang lo lắng cứ lẩn quẩn trong tâm trí các môn đệ và luôn là đề tài thảo luận tại bàn ăn.

Chúa Giê-xu trấn an lòng bối rối của họ ra sao? Ngài phán với họ về 6 lời hứa kỳ diệu, là những điều chúng ta hôm nay có thể khẳng định để có được sự bình an trong lòng. Nếu tin nơi Chúa Giê-xu, bạn có thể xác quyết bất cứ điều gì trong 6 lời hứa ấy dành cho mình.

1. Bạn sẽ đến thiên đàng (Gi 13:36-14:6)

(Gi 13:36-38). Tuy Chúa không trách Phi-e-rơ vì đã hỏi Ngài về nơi Ngài sẽ đến, nhưng câu trả lời của Ngài có phần ẩn ý. Sẽ có một ngày Phi-e-rơ theo bước Chúa Giê-xu đến thập tự giá (Gi 21:18-19 IIPhi 1:12-15) và theo Ngài đến thiên đàng. Lịch sử cho chúng ta biết Phi-e-rơ đã bị đóng đinh trên thập tự giá. Ông đề nghị “được” đóng đinh ở thế đầu cúi xuống đất vì cảm thấy mình không xứng đáng chết như Chúa.

Khi cảm giác của một “anh hùng” bắt đầu len lỏi trong Phi-e-rơ Chúa Giê-xu báo trước rằng Ngài sắp chịu thương khó. Sự điệp này không chỉ làm Phi-e-rơ bàng hoàng, nhưng cũng khiến các môn đệ khác hoảng hốt. Nếu Phi-e-rơ can đảm kia còn chối bỏ Chúa, vậy sẽ trông mong gì nơi các môn đệ khác? Đó chính là lúc Chúa dạy dỗ để xua tan cảm giác bối rối trong lòng họ.

(Gi 14:1-6). Theo lời Chúa phán, thiên đàng là một chốn thực hữu. Đây không phải là “sản phẩm của trí tưởng tượng” trong niềm tin tôn giáo hay kết quả của một trạng thái tâm lý bất ổn đang mong đợi “một chuyện viển vông sắp xảy ra! Thiên đàng là nơi Đức Chúa Trời hiện diện và là nơi Chúa Giê-xu hôm nay đang ngồi bên hữu Đức Chúa Cha. Thiên đàng được mô tả như một vương quốc (IIPhi 1:11), một di sản thừa kế (IIPhi 1:4), một quê hương (He 11:16) một thành (He 11:16b) và một nhà (Gi 14:2).

Danh từ “Cha” được sử dụng 50 lần trong Phúc Âm Gi 13:1-17:26 Thiên đàng là “Nhà Cha” theo lời của Con Đức Chúa Trời. Đó là “gia đình của con cái Đức Chúa Trời!” Vài năm trước, có một tờ báo Luân-đôn tổ chức cuộc thi chọn ra một định nghĩa hay nhất về “gia đình”. Câu định nghĩa được chọn là: “gia đình là nơi bạn được đối xử nồng hậu nhất và than thở nhiều nhất. Nhà thơ Robert Frost nói: “Gia đình là nơi mà khi bạn đến, người ta tiếp bạn vào”. Quả thật một định nghĩa hợp lý!

Trong tiếng Hy Lạp chữ “*nonē*” được dịch là nhà có nhiều chỗ ở” (14:23) và là nơi cư trú (14:23). Từ ấy có nghĩa đơn giản là “những phòng” những chỗ ở, vì vậy chúng ta không nên nghĩ nó như là những trang viên ! Tiếc thay, một số bài hát phản tinh thần Kinh Thánh cứ phạm sai lầm khi cho rằng những Cơ Đốc nhân trung tín sẽ ở trong những ngôi nhà xinh đẹp nơi vinh hiển, trong lúc các thánh đồ trần gian phải hài lòng ở trong những túp lều tranh, thậm chí là trong những cái lán đơn sơ! Giờ đây Chúa Giê-xu đang chuẩn bị chỗ ở cho mọi người tin Ngài, và mọi chỗ đều xinh đẹp! Khi ở trên đất, Ngài là người thợ mộc (Mac 6:3). Giờ đây, Ngài đã trở lại Nơi Vinh Hiển, đang xây dựng một Hội Thánh trên đất và một gia đình cho Hội Thánh trên thiên đàng.

Gi 14:3 là lời hứa rõ ràng về việc Chúa trở lại tiếp rước người thuộc về Ngài. Một số người sẽ đến thiên đàng sau khi vượt qua trùng bóng chết, nhưng ai còn sống lúc Chúa trở lại sẽ

chẳng trải qua sự chết (Gi 11:25-26). Họ sẽ được biến hoá trở nên giống Đấng Christ để đến thiên đàng (ITe 4:13-18).

Vì là Nhà Cha, nên thiên đàng là nơi dành cho tình yêu thương và sự vui mừng. Khi sứ đồ Giảng mô tả về thiên đàng, dường như ông đã dùng mọi biểu tượng và sự so sánh đến tận cùng đỉnh điểm (Kh 21:1-22:21). Sau cùng, ông liệt kê những điều không thể hiện diện nơi thiên đàng: sự chết, sự tối tăm, đau khổ, than vãn... Nơi ấy là một gia đình tuyệt vời và chúng ta sẽ vui sống ở đó đến mãi mãi!

Câu hỏi của Thô-ma bày tỏ lòng khao khát mãnh liệt được ở cùng Chúa Giê-xu (Gi 11:16). Ông muốn biết nơi Chúa mình sắp đến và cách ông có thể đến đó. Chúa giải thích rằng Ngài sẽ đến cùng Cha và Ngài cũng là con đường duy nhất dẫn đến nơi Cha. Thiên đàng là nơi thực hữu, một nơi của sự yêu thương và là một nơi đặc biệt. Không ai có thể đến thiên đàng, ngoại trừ những người tin nhận Chúa Giê-xu (Cong 4:12 ITi 2:4-6).

Chúa Giê-xu không chỉ dạy dỗ về “đạo” (đường đi) hay giới thiệu về đạo, Ngài chính là Đạo. Đạo là một trong những tên gọi trước đây chỉ về niềm tin của Cơ Đốc nhân (Cong 9:2 19:9,23 22:4 24:14,22). Lời Chúa phán “chẳng bởi ta thì không ai được đến cùng Cha” đánh bật bất cứ tư tưởng nào định rằng muốn đến thiên đàng phải đi qua cánh cổng “việc thiện”, “lễ nghi thờ phượng”, những “của dâng hiến đắt giá”, v.v... Chỉ có một con đường duy nhất, là Chúa Giê-xu.

Lời hứa được đến thiên đàng này trấn an lòng bối rối của các môn đệ ra sao? Tiến sĩ James M. Gray gói gắm tư tưởng ấy vào một bài hát ông viết vài năm trước “Ai là người ngại hành trình khi con đường dẫn về nhà?” Lời hứa về quê hương trên trời ở cuối “đường đời” giúp ta vui mừng đối diện với mọi trở lực và tranh chiến dọc đường. Đó cũng là điều khích lệ Chúa chúng ta, là “Đấng vì sự vui mừng đã đặt trước mặt mình, chịu lấy thập tự giá” (He 12:2). Phao-lô đã khắc ghi lẽ thật này khi ông viết: “Vả, tôi tưởng rằng những sự đau đớn bây giờ chẳng đáng so sánh với sự vinh hiển hầu đến, là sự sẽ được bày ra trong chúng ta” (Ro 8:18).

2. Bạn biết Cha ngay bây giờ (Gi 14:7-11)

Không phải chờ đến lúc bước vào thiên đàng chúng ta mới biết Cha. Ngay hôm nay chúng ta có thể biết Ngài và nhận từ Ngài nguồn tâm linh để vững vàng trong những ngày khó khăn.

Thế nào là “biết Cha”? Chữ “biết” được dùng đến 141 lần trong Phúc Âm Giảng, nhưng không phải luôn có cùng một ý nghĩa. Thật ra, theo tinh thần Phúc Âm Giảng, có 4 mức độ “biết” khác nhau. Mức độ thấp nhất chỉ đơn giản là “biết” một vấn đề. Mức độ thứ hai là hiểu chân lý ẩn sau một vấn đề. Tuy nhiên, bạn có thể vừa biết vấn đề vừa hiểu chân lý của nó, nhưng vẫn “chết trong tội lỗi” mình. Mức độ thứ ba nói về mối liên hệ: “biết” nghĩa là “tin nơi ai đó và có mối liên hệ với người ấy”. Đây là dạng “biết” được đề cập trong Gi 17:3 Thật ra, động từ “biết” trong Kinh Thánh nói về mối liên hệ thân thiết nhất giữa chồng và vợ (Sa 4:1).

Dạng “biết” thứ tư nghĩa là “có một mối liên hệ, một giao thông sâu đậm hơn với một người nào đó”. Đây là mức độ của sự nhận biết được Phao-lô nhắc đến khi ông viết “...cho

đến nỗi tôi được biết Ngài,...” (Phi 3:10). Chúa Giê-xu mô tả mối liên hệ sâu sắc này ở Gi 14:19-23 nên chúng ta sẽ dành phần giải thích kỹ hơn khi đọc đến phân đoạn trên.

Khi Chúa Giê-xu phán rằng biết và thấy Ngài đồng nghĩa với biết và thấy Cha, như vậy Ngài muốn tuyên bố Ngài là Đức Chúa Trời. Từ đây, các môn đệ sẽ hiểu nhiều hơn về Cha, dù Chúa Giê-xu sắp phải xa họ.

Tôi rất cảm kích lòng khao khát muốn biết Cha của Phi-líp. Ông đã có những bước tiến dài kể từ ngày Chúa tìm và kêu gọi ông (1:43-45). Được biết Đức Chúa Trời nhiều hơn phải là sự khao khát mãnh liệt của mỗi Cơ Đốc nhân. Chúng ta nên đọc và suy ngẫm Lời Đức Chúa Trời hầu có thể biết nhiều hơn về Đức Chúa Trời trong Kinh Thánh.

Cấu trúc của câu hỏi ở 14:10 theo tiếng Hy Lạp cho biết rằng Chúa Giê-xu mong đợi câu đáp “vâng” của Phi-líp, rằng ông tin Chúa Giê-xu ở trong Cha và Cha ở trong Ngài. Ở hoàn cảnh này, lẽ ra Phi-líp đã phải nhận biết rằng lời Chúa Giê-xu cũng như những việc làm của Ngài đều đến từ Cha và bày tỏ về Cha. Hôm nay, Cơ Đốc nhân dù chưa thấy Chúa Giê-xu bằng xác thịt (IPhi 1:8), nhưng thật đã thấy Ngài và công việc Ngài qua Kinh Thánh. Mục đích của Phúc Âm Giảng giúp bạn không tách rời lời Đấng Christ ra khỏi công việc Ngài, vì cả hai đều từ Cha đến và bày tỏ về Cha.

Động từ “tin” trong (Gi 14:10) theo bản gốc ở dạng số ít vì Chúa Giê-xu nói với một mình Phi-líp, nhưng ở 14:11 động từ ở dạng số nhiều vì Chúa Giê-xu nói với tất cả các môn đệ. Cả hai câu, động từ đều ở thì hiện tại tiếp diễn (“hãy cứ tin”). Hãy để đức tin bạn tăng trưởng!

Bốn trăm năm trước khi Chúa Giê-xu giáng sinh, nhà triết học Hy Lạp Plato đã viết: “Tìm biết Cha, là Đấng tạo dựng vũ trụ này là một việc khó, nhưng khi chúng ta đã tìm được Ngài thì việc nói về Ngài cho mọi người lại càng khó thực hiện!” Nhưng Plato đã lầm! Chúng ta có thể biết Cha là Đấng tạo dựng vũ trụ này vì Chúa Giê-xu đã bày tỏ về Cha cho chúng ta. Lẽ nào lòng chúng ta lại bối rối khi Đấng tạo dựng và cai trị vũ trụ này chính là Cha chúng ta?

Cha chúng ta chính là Chúa của trời đất (Lu 10:21). Chúng ta không có lý do gì để bối rối vì Ngài đang tế trị mọi sự. Dĩ nhiên người tin Chúa không tự mình làm được những “việc lớn hơn nữa”, nhưng do Đức Chúa Trời hành động trong và qua người ấy: “Chúa cùng làm với môn đệ” (Mac 16:20). “Vì ấy chính Đức Chúa Trời cảm động lòng anh em” (Phi 2:13). Đức tin và việc làm phải luôn đi đôi với nhau, bởi chính đức tin làm lay động quyền năng Đức Chúa Trời qua đời sống chúng ta.

Chúng ta phải cầu nguyện trong danh Đấng Christ (Gi 14:13). Đây không phải là “câu thần chú” được chúng ta “lắp vào” một cách máy móc sau những lời cầu xin nhằm “bảo đảm” cho việc nhậm lời của Đức Chúa Trời. Cầu xin Đức Chúa Trời điều gì trong danh Chúa Giê-xu nghĩa là chúng ta cầu xin điều Chúa Giê-xu muốn, điều khiến Ngài đẹp lòng và điều quy vinh hiển danh Ngài qua sự quan tâm đến công việc Ngài. Khi một người bạn nói với bạn rằng: “Bạn có thể sử dụng tên tôi”, người ấy muốn dành cho bạn một đặc quyền lớn cũng như giao cho bạn một trách nhiệm nặng nề.

Từ “điều chi” ở 14:13 chỉ về tất cả mọi điều Đức Chúa Trời đã bày tỏ qua lời Ngài về sự cầu nguyện: “điều chi” ở 14:14 cũng tương tự như vậy. Đức Chúa Trời không cho chúng ta “toàn quyền hành động” “nhân danh ta” là yếu tố mang tính “kiểm soát”. Biết danh Đức

Chúa Trời nghĩa là biết bản chất Ngài: Ngài là ai và Ngài muốn làm gì. Đức Chúa Trời nhậm lời cầu nguyện để quy vinh hiển danh Ngài, vì vậy lời cầu nguyện phải hợp ý Chúa (I Gi 5:14-15). Trong Bài cầu nguyện chung, câu đầu tiên là “Danh Cha được thánh” (Mat 6:9). Bất cứ lời cầu xin nào không quy vinh hiển danh Đức Chúa Trời đều không xứng đáng được cầu nguyện trong danh Ngài.

Chúng ta cần phải cầu nguyện trong tinh thần vâng phục đầy lòng yêu mến Chúa (Gi 14:15). Khi yêu mến ai, bạn trân trọng tên tuổi người ấy, và chẳng bao giờ dùng tên ấy với thái độ bất nhã. Tình yêu là chủ đề chính trong Phúc Âm Giảng, được sử dụng ở dạng động từ hoặc danh từ 56 lần.

3. Bạn có đặc quyền cầu nguyện (Gi 14:12-15)

Một trong những phương thuốc chữa trị lòng bối rối, đó là sự cầu nguyện như tinh thần của một bài Thánh ca viết rằng:

“Bao lần ta bối rối gặp sầu tư
Lắm lúc tâm hồn bỗng bồi hồi
Nguyên do chúng ta chẳng đem tâm sự
Trình ra trước Giê-xu mà thôi”

Tuy nhiên, nếu Đức Chúa Trời nhậm lời cầu nguyện và ban cho chúng ta lòng bình an, hẳn chúng ta phải đáp ứng những điều kiện nào đó. Thật ra, việc đáp ứng những điều kiện ấy tự nó đã trở thành một phúc hạnh!

Chúng ta phải cầu nguyện bằng đức tin (Gi 14:12). Chúng ta có thể tuyên bố lời hứa ấy và sự tuyên bố này đòi hỏi một đức tin. Điệp ngữ “quả thật” bảo đảm với chúng ta rằng đây là một lời tuyên bố nghiêm túc của Chúa. Sự kiện Ngài đi về cùng Cha là điều khích lệ chúng ta vì nơi ấy Ngài đang cầu thay cho chúng ta. Ngài sẽ còn phán về sự cầu thay này trong bài giảng tiếp theo.

“Những việc lớn hơn nữa” sẽ xảy đến trước trên với các sứ đồ là những người được ban cho quyền phép thực hiện những phép lạ đặc biệt như những “ủy nhiệm thư” của “cơ quan chủ quản” (He 2:3-4 Ro 15:18-19). Những phép lạ này không “lớn hơn” về bản chất vì “đầy tớ chẳng lớn hơn chủ mình” (Gi 13:16) nhưng “lớn hơn” về phạm vi và số lượng. Phi-e-rơ trong một ngày giảng đạo đã khiến 3.000 người tin Chúa. Những con người bình thường nhưng làm được những phép lạ khiến người ta ngạc nhiên và danh Đức Chúa Trời được vinh hiển (Cong 5:13-16).

Cả sự yêu mến và lòng vâng phục đều góp phần cho lời cầu nguyện được hiệu nghiệm. “Nếu lòng tôi có chú về tội ác, ắt Chúa chẳng nghe tôi” (Thi 66:18). Chúng ta vâng phục Chúa không phải vì muốn lời cầu nguyện mình được nhậm, giống như thái độ của một đứa trẻ trước lễ Giáng sinh! Chúng ta vâng lời Ngài vì yêu mến Ngài, và càng yêu mến Ngài chúng ta càng kinh nghiệm nhiều hơn về tình yêu của Ngài. “Giữ” những điều răn của Chúa nghĩa là trân trọng, giữ gìn và làm theo những điều răn ấy. *“Tôi chẳng hề lìa bỏ các điều răn của môi Ngài, vẫn vâng theo lời của miệng Ngài hơn là ý muốn lòng tôi”* (Giop 23:12).

Lời cầu nguyện bằng đức tin chính là phương thuốc kỳ diệu rịt lành tấm lòng bối rối. Bạn hãy suy ngẫm Phi 4:6-7 và áp dụng vào thực tiễn!

4. Chúng ta có Đức Thánh Linh ngự cùng (Gi 14:16-18)

Chúa Giê-xu đã dạy dỗ rất nhiều về Đức Thánh Linh tại phòng cao. Nếu không có sự giúp sức của Thánh Linh Đức Chúa Trời, chúng ta không thể sống một đời sống Cơ Đốc nhân như Đức Chúa Trời mong muốn. Chúng ta phải biết rõ về Đức Thánh Linh, công việc Đức Thánh Linh và cách Đức Thánh Linh hành động.

Chúa Giê-xu gọi Đức Thánh Linh bằng hai danh hiệu đặc biệt: “Đấng Yên Ủi” và “Thần Lẽ Thật”. Theo tiếng Hy Lạp, “Đấng Yên Ủi” được gọi là “paraklêtos” và chỉ được Giảng sử dụng (Gi 14:16,26 15:26 16:7 1Gi 2:1), nghĩa là Đấng được kêu cầu, khi cần Đức Thánh Linh không hành động thay chúng ta hay chẳng quan tâm gì đến chúng ta, nhưng hành động trong chúng ta và qua chúng ta. Nguồn yên ủi thật sẽ thêm sức cho chúng ta hầu có thể vững vàng đối đầu với cuộc sống hiện tại. Sự yên ủi không tước khỏi chúng ta trách nhiệm hay khiến ta dễ dàng nản lòng. Có một số bản dịch gọi Đức Thánh Linh là Đấng Khích Lệ (The Encourager), đó cũng là cách chọn từ thích hợp. Từ “paraklêtos” cũng được dịch là “Đấng Cầu Thay” ở 1Gi 2:1 là người đứng bên bạn nơi tòa phán xét để biện hộ cho bạn.

Là Thần Lẽ Thật, Đức Thánh Linh có mối liên hệ với Chúa Giê-xu. Chân lý và Lời Đức Chúa Trời. Lời Đức Chúa Trời tức là chân lý (Gi 14:6 17:17). Đức Thánh Linh hà hơi và soi sáng Lời Đức Chúa Trời, giúp chúng ta có thể hiểu được Lời Ngài. Chúa sẽ giải thích về sự dạy dỗ của Đức Thánh Linh ở phần sau. Là Thần Chân Lý, Đức Thánh Linh không thể thất tín, cũng không hiệp với sự giả dối, Ngài không bao giờ khiến chúng ta làm điều gì mâu thuẫn với Lời Đức Chúa Trời vì Lời Đức Chúa Trời là chân lý.

Nếu muốn Đức Thánh Linh hành động qua đời sống mình, chúng ta phải tìm sự vinh hiển cho Đấng Christ và quý trọng Lời Đức Chúa Trời. Khi bạn so sánh Eph 5:18-6:9 với Co 3:16-4:1 bạn sẽ thấy cả hai đoạn đều mô tả một nếp sống Cơ Đốc nhân: vui mừng, tạ ơn và vâng phục. Được đầy đầy Đức Thánh Linh cũng đồng nghĩa với việc được Lời Đức Chúa Trời dẫn dắt, Thần chân lý sẽ dùng Lời của chân lý để dẫn chúng ta vào ý muốn và công việc Đức Chúa Trời.

Đức Thánh Linh sống trong người tin Chúa. Ngài là sự ban cho của Cha trên trời khi nhậm lời cầu nguyện của Con. Khi thi hành chức vụ trên đất, Chúa Giê-xu đã hướng dẫn, chăm sóc và dạy dỗ môn đệ Ngài. Nhưng giờ là lúc Ngài sắp phải xa họ. Thánh Linh Đức Chúa Trời sẽ đến ngự trong họ thay chỗ cho Chúa Giê-xu. Chúa gọi Thánh Linh là “Đấng Yên Ủi khác”. Chữ “khác” theo tiếng Hy Lạp nghĩa là “một dạng khác của cùng một bản chất”. Thánh Linh Đức Chúa Trời không khác với Con Đức Chúa Trời, vì cả hai đều chính là Đức Chúa Trời. Thánh Linh Đức Chúa Trời đã ở cùng các môn đệ trong thân vị Chúa Giê-xu Christ. Giờ đây, Đức Thánh Linh sẽ ngự trong lòng họ.

Dĩ nhiên Thánh Linh Đức Chúa Trời đã hiện hữu trên đất từ trước, Ngài ban quyền năng cho một số người (nam và nữ) thời Cựu Ước để thực hiện công việc Đức Chúa Trời. Tuy nhiên trong thời ấy, Đức Thánh Linh chỉ ngự đến rồi lại rời khỏi con người. Thánh Linh Đức Chúa Trời đã rời khỏi vua Sau-lơ (1Sa 16:14 18:12), và khi Đa-vít xưng tội mình, ông cầu xin Thánh Linh Đức Chúa Trời đừng rời khỏi ông (Thi 51:11). Vào lễ Ngũ Tuần đầu nhất, Đức

Thánh Linh đã giáng xuống, ngự trên con cái Đức Chúa Trời và ở trong họ mãi mãi. Dù chúng ta làm buồn lòng Đức Thánh Linh, Ngài vẫn không lìa bỏ chúng ta.

Thái độ của chúng ta đối với Đức Thánh Linh chính là thái độ của chúng ta đối với Chúa Giê-xu. Thân thể của người tin Chúa là đền thờ của Đức Thánh Linh (1Co 6:19-20), vì vậy những điều chúng ta làm cho thân thể mình ảnh hưởng đến sự ngự trị của Đức Thánh Linh. Đức Thánh Linh bày tỏ ra lời Đức Chúa Trời nên thái độ chúng ta đối với Kinh Thánh phản ánh thái độ chúng ta đối với Thánh Linh Đức Chúa Trời và Con Đức Chúa Trời.

Thế gian không thể nhận lãnh Đức Thánh Linh vì thế gian chỉ sống bởi ảo ảnh bên ngoài chứ không bởi đức tin. Hơn nữa, thế gian không nhìn biết Chúa Giê-xu, vì vậy sự hiểu biết của bạn về Đức Thánh Linh không thể tách rời khỏi Chúa Giê-xu. Sự hiện diện của Đức Thánh Linh ở thế gian này thật sự là sự phán xét thế gian, bởi thế gian đã chối bỏ Chúa Giê-xu.

Chúa phán “Ta không để cho các ngươi mồ côi đâu” (Gi 14:18). Chúng ta sẽ không đơn độc, bơ vơ, cô thế hay vô vọng! Dù đến nơi đâu, chúng ta vẫn được Đức Thánh Linh ở cùng, vậy lẽ nào chúng ta lại cảm thấy mình “mồ côi” Chẳng có gì đáng bối rối khi bạn luôn có Thánh Linh Đức Chúa Trời ngự trong lòng!

5. Chúng ta được ở trong tình yêu của Cha (Gi 14:19-24)

“Sự yêu thương của Đức Chúa Trời rải khắp trong lòng chúng ta bởi Đức Thánh Linh đã được ban cho chúng ta” (Ro 5:5). Những kẻ mồ côi cảm thấy mình bị bỏ rơi và hất hủi, nhưng Cha trên trời luôn bày tỏ tình yêu Ngài đối với chúng ta. Chúa Giê-xu giải thích sự bày tỏ tình yêu của Đức Chúa Trời ở ba góc độ.

- Thứ nhất, tình yêu Đức Chúa Trời được bày tỏ cho các môn đệ khi xưa (Gi 14:19-20). Câu 19 tập trung vào sự sống lại và hiện ra của Chúa Giê-xu cho các môn đệ và nhiều kẻ tin theo. Lần sau cùng khi thế gian nhìn thấy Chúa Giê-xu là lúc Giô-sép và Ni-cô-đem đem xác Ngài xuống thập tự để tẩm liệm. Trong tương lai, thế gian sẽ thấy Ngài ngự đến trong quyền phép và vinh hiển rực rỡ để xét đoán tội nhân.

Câu 20 đặc biệt nói đến sự giáng lâm của Đức Thánh Linh trong lễ Ngũ Tuần và sự hiệp nhất của các tín hữu trong Chúa. Chúa Giê-xu đã trở về trời để làm Đầu Hội Thánh (Eph 1:19-23). Sau đó Ngài ban Đức Thánh Linh xuống để các “chi thể” trong “thân” được liên kết với “Đầu” trong một thực thể sống. Dĩ nhiên Cơ Đốc nhân hôm nay không được nhìn thấy Chúa Giê-xu khi Ngài phục sinh hoặc thăng thiên, nhưng chúng ta được liên kết với Ngài trong sự ngự trị của Đức Thánh Linh.

-Thứ hai, Chúa bày tỏ về chính Ngài trong hiện tại cho những người tin để bạn và tôi có thể nhận được tình yêu Đức Chúa Trời ngay hôm nay (Gi 14:21,23-24). Bạn hãy chú ý đến động từ “yêu” được lặp đi lặp lại. Nếu chúng ta gìn giữ và vâng theo Lời Chúa, Cha và Con sẽ yêu chúng ta và ngự trong chúng ta. Động từ “ở trong” (14:23) theo nguyên gốc nghĩa là “xây nhà cho mình” có liên hệ với “nhà” ở câu hai.

Khi một tội nhân tin nhận Chúa Giê-xu, người ấy được tái sinh, lời Đức Chúa Trời sẽ ngự vào thân thể người ấy hầu minh chứng rằng người ấy là con cái Đức Chúa Trời. Đức Thánh Linh ngự trị trong lòng Cơ Đốc nhân và sẽ không hề lìa xa họ. Nhưng khi người tin

Chúa đầu phục Cha trên trời, yêu mến Lời Ngài, cầu nguyện và vâng lời, người ấy sẽ có một mối liên hệ sâu đậm với Cha, Con, và Đức Thánh Linh. Sự cứu rỗi đồng nghĩa với việc chúng ta đến thiên đàng, nhưng sự đầu phục nghĩa là thiên đàng đến với chúng ta!

Chân lý trên được minh họa qua từng trải của Áp-ra-ham và Lót ở Sa 18:1-19:38 Chúa Giê-xu cùng hai thiên sứ đã viếng thăm trại Áp-ra-ham và cảm giác như ở trong gia đình. Tất cả cùng dùng bữa với nhau. Chúa Giê-xu đã nói chuyện riêng với Áp-ra-ham. Tuy nhiên, Chúa chúng ta không đến Sô-đôm thăm Lót vì Ngài không xem nơi ấy như gia đình, nên đã sai hai thiên sứ ra đi.

Kinh nghiệm của chúng ta với Chúa phải trở nên sâu sắc hơn. Điều ấy sẽ xảy ra khi chúng ta đầu phục Thần Chân lý và để Ngài dạy dỗ, hướng dẫn mình. Nếu chúng ta yêu mến và vâng lời Đức Chúa Trời, Ngài sẽ bày tỏ tình yêu Ngài cho chúng ta mỗi ngày càng sâu sắc hơn.

- Thứ ba tình yêu Đức Chúa Trời cũng được bày tỏ trong tương lai khi Chúa Giê-xu tái lâm (Gi 14:19). Giu-đa (không phải Ích-ca-ri-ốt nhớ lại lời Chúa phán rằng Ngài sẽ không tỏ mình cho thế gian (14:22). Nhưng điều đó dường như mâu thuẫn với những lời Ngài phán, chẳng hạn như ở Mat 24:30 Giu-đa muốn hỏi rằng: “Điều gì đã xảy ra khiến Ngài không tỏ mình cho thế gian?” Phải chăng đã có sự thay đổi trong kế hoạch Đức Chúa Trời?

Chúa Giê-xu đã bị dân Ngài chối bỏ, nên Ngài không thể tỏ mình cho họ được. Đây thật là hành động thương xót của Ngài, vì nếu Ngài tỏ mình cho thế gian, cũng đồng nghĩa với sự đoán xét, Ngài tỏ mình cho Hội Thánh và đặt để Hội Thánh Ngài trên đất làm chứng về tình yêu Đức Chúa Trời. Ngài kiên nhẫn chờ đợi, luôn tạo cơ hội cho tội nhân ăn năn để được cứu rỗi (II Phi 3:1-10). Sẽ có một ngày trong tương lai Ngài tái lâm (Kh 1:7) và thế gian sẽ xem thấy Ngài.

Một trong những phương cách hữu hiệu nhất để xua tan lòng bối rối, đó là bạn hãy để lòng bối rối ấy được “dắm mình” trong tình yêu Đức Chúa Trời. Khi bạn cảm thấy mình như một đứa trẻ “mồ côi”, hãy để Thánh Linh Đức Chúa Trời bày tỏ tình yêu Ngài cho bạn một cách sâu sắc. Charles Spurgeon nói rằng: “Một đức tin bé nhỏ có thể đưa linh hồn bạn đến thiên đàng, nhưng đức tin mạnh mẽ sẽ đem cả thiên đàng đến với linh hồn bạn!” Lòng bạn có thể trở thành một “thiên đàng trên đất” khi bạn giữ mối giao thông với Chúa và thờ phượng Ngài.

6. Bạn nhận được sự bình an từ nơi Ngài (Gi 14:25-31)

Đối với dân Do Thái, “Shalom” (sự bình an) là từ ngữ rất đáng quý. Ý nghĩa của nó rất phong phú, chứ không giới hạn ở mức độ “không có chiến tranh, tai họa”. “Shalom” có nghĩa như sự nguyên vẹn, hoàn hảo, khoẻ mạnh, an ninh, và cả sự thịnh vượng ở nghĩa tuyệt vời nhất.

- Thật vậy, sự bình an của Đức Chúa Trời không giống với “sự bình an” của thế gian. Khi bạn hưởng sự bình an của Đức Chúa Trời, bạn sẽ có sự vui mừng và thoải lòng.

Thế gian đặt sự bình an trên nền tảng của nguồn vật chất, nhưng sự bình an của Đức Chúa Trời tùy thuộc nơi mối tương giao. Biết Đức Chúa Trời đồng nghĩa với sự bình an của Ngài. Thế gian cậy nơi khả năng của con người, nhưng Cơ Đốc nhân cậy nơi sự thoải lòng của

tâm linh trong Đấng Christ. Đối với thế gian, sự bình an là điều gì đó mà người ta khao khát muốn có hoặc làm mọi cách để đạt được, nhưng đối với Cơ Đốc nhân, sự bình an là món quà tuyệt vời Đức Chúa Trời ban cho và được đón nhận bằng đức tin. Kẻ không tin Chúa chỉ nếm trải sự bình an khi khó khăn tạm thời qua đi nhưng Cơ Đốc nhân hưởng sự bình an dù ở trong thử thách khó khăn bởi sự hiện hữu của quyền năng Đức Thánh Linh.

Người thế gian bước đi trong tầm nhìn hạn hẹp và bị lệ thuộc vào bối cảnh bên ngoài, nhưng Cơ Đốc nhân bước đi bằng đức tin và trông cậy vào những điều vĩnh cửu. Thánh Linh Đức Chúa Trời dạy chúng ta Lời Ngài và dẫn ta vào chân lý. Ngài cũng nhắc nhở ta về những điều chúng ta đã học hầu có thể nhờ Lời Ngài đương đầu với những lúc khó khăn trong cuộc sống. Thánh Linh dùng lời Đức Chúa Trời để ban cho chúng ta sự bình an (Gi 14:27), tình yêu Ngài (15:9-10) và sự vui mừng từ nơi Ngài (15:11). Nếu lời Đức Chúa Trời không làm cho lòng bối rối được bình an, vậy sẽ không có giải pháp nào hữu hiệu!

Chúa Giê-xu lại bảo đảm với các môn đệ rằng họ sẽ gặp lại Ngài (14:28). Vì sao phải vui mừng khi Ngài trở về cùng Cha? Bởi sự trở về cùng Cha khiến Ngài có thể thực hiện việc cầu thay chúng ta và làm Thầy tế lễ thượng phẩm cao trọng nơi thiên đàng (He 2:17-18 4:14-16). Chúng ta có Thánh Linh ngự trong lòng, có Đấng Christ cầu thay nơi thiên đàng và Lời Đức Chúa Trời ở trước mặt! Quả là nguồn bình an kỳ diệu!

Trong Gi 14:30,31 Chúa nêu ra hai kẻ thù thuộc linh lớn: thế gian và ma quỷ. Chúa Giê-xu đã thắng thế gian và ma quỷ (Gi 12:31), vì vậy ma quỷ phải ngậm miệng trước mặt Ngài. Trong Chúa Giê-xu, ma quỷ không có chỗ đứng của nó. Vì chúng ta ở trong Đấng Christ, nên Sa-tan chẳng có chỗ đặt chân trong đời sống chúng ta, trừ khi chúng ta “cho phép” nó! Nếu đời sống chúng ta dành chỗ cho “sự bình an của Đức Chúa Trời” qua Đức Thánh Linh, Sa-tan và thế gian không thể làm cho lòng ta bối rối được.

Khi Chúa nói rằng “Cha tôn trọng hơn ta” (Gi 14:28), Ngài không phủ nhận Thần tính Ngài hay sự bình đẳng mình với Đức Chúa Trời vì nếu vậy Ngài đã mâu thuẫn với chính mình (10:30). Khi sống trên đất, Chúa bị giới hạn trong thân thể con người. Ngài vui lòng từ bỏ những thuộc tính thiêng liêng của mình để đầu phục Cha trên trời. Theo ý nghĩa đó, Cha tôn trọng hơn Con. Dĩ nhiên khi Con trở về trời, mọi sự Con đã từ bỏ được phục hồi trở lại (17:1,5).

Chúa Giê-xu bày tỏ tình yêu Ngài đối với Cha và đối với thế gian khi vui lòng bước lên thập tự giá. Ngài không lẩn tránh hay chạy trốn. Ngài sẵn sàng phó sự sống mình. Lúc này, có lẽ Chúa và các môn đệ rời khỏi Phòng Cao (Gi 14:31) và Chúa tiếp tục giảng dạy trên đường đến vườn. Cũng có thể các môn đệ đã đứng dậy và ra khỏi bàn ăn nhưng còn nấn ná khi Chúa dạy dỗ họ. Chúng ta có thể dễ dàng hình dung ra ví dụ về cây nho được Chúa mô tả khi các môn đệ đi ngang qua vườn nho trong đêm ấy.

Sự bình an trọn vẹn của Chúa bảo đảm với chúng ta rằng chỉ có Ngài là Đấng duy nhất có thể ban cho con người sự bình an thật. Chúa luôn là Đấng tế trị mọi hoàn cảnh, giúp chúng ta làm chủ đời sống mình khi chúng ta đầu phục Ngài và tiếp nhận nơi Ngài di sản của sự bình an.

15. MỐI LIÊN HỆ VÀ TRÁCH NHIỆM (Gi 15:1-17)

Đây là lời phán thứ 7 và cuối cùng với mở đầu “TA LÀ...” của Chúa Giê-xu được chép trong Phúc Âm Giăng. Tuy nhiên, Chúa không dừng lại ở hình ảnh này, nhưng Ngài lại sử dụng bức tranh về người người “bạn hữu”. Hai hình ảnh nói về người tin Chúa là: “nhánh” và “bạn hữu”, bày tỏ những đặc quyền và trách nhiệm của chúng ta. Là nhánh nho, chúng ta có đặc quyền và trách nhiệm của chúng ta. Là nhánh nho, chúng ta có đặc quyền hưởng sự sống của Chúa và có trách nhiệm sống trong sự sống ấy. Là bạn hữu, chúng ta có đặc ân được biết ý muốn Ngài và trách nhiệm vâng theo ý muốn ấy.

1. Là nhánh nho - Chúng ta phải ở trong Ngài (Gi 15:1-11)

Công việc tĩa sửa vườn nho rất ý nghĩa cho đời sống và kinh tế của dân Y-sơ-ra-ên. Có một dây nho bằng vàng đã được trang trí cho đền vua Hê-rốt. Khi dùng hình ảnh cây nho, Chúa không nói điều gì mới mẻ, bởi nó rất quen thuộc đối với người Do Thái. Nếu muốn được gây dựng từ sự dạy dỗ này, chúng ta cần phải hiểu 4 yếu tố trong hình ảnh minh hoạ Chúa sử dụng:

a) Cây nho: Thật ra có ba cây nho khác nhau được mô tả trong Kinh Thánh. Cây nho trong quá khứ là dân Y-sơ-ra-ên (Thi 80:8-19 Es 5:1-7 Gie 2:21 Exe 19:10-14 Os 10:1). Bởi hành động kỳ diệu của ân điển, Đức Chúa Trời “dời” Y-sơ-ra-ên vào vùng đất Ca-na-an và ban cho dân sự mọi nguồn lợi trong tầm tay – Đức Chúa Trời phán: “Có điều chi nên làm cho vườn nho ta mà ta không làm cho nó chăng?” (Es 5:4). Y-sơ-ra-ên là dân tộc từng hưởng mọi điều thịnh vượng như họ mong muốn.

Tuy nhiên, cây nho này đã sinh trái nho hoang (thay vì làm theo lẽ phải, nó lại hành động bạo ngược. Thay vì kết quả trong sự công bình, nó sinh ra điều bất nghĩa cùng tiếng kêu la của kẻ khốn khổ. Đức Chúa Trời phải “tĩa sửa” dân Y-sơ-ra-ên mặc dù nó không đem lại kết quả cuối cùng. Khi con Đức Chúa Trời đến vườn nho, dân sự xua đuổi và giết Ngài (Mat 21:33-46)!

Có một cây nho trong tương lai, đó là Cây nho “dưới đất” được mô tả trong Kh 14:14-20 Đó là kỳ mọi kẻ vô tín ở thế gian phải chịu sự xét đoán của Đức Chúa Trời. Những người tin Chúa là nhánh của cây nho “trên trời”, nhưng kẻ vô tín là nhánh của cây nho “dưới đất”. Kẻ vô tín cậy nơi thế gian để hưởng thụ và thoả mãn, nhưng Cơ Đốc nhân nương nhờ nơi Chúa Giê-xu. Cây nho dưới đất sẽ bị đốn bỏ và huỷ diệt khi Chúa Giê-xu tái lâm.

Cây nho trong hiện tại chính là Chúa Giê-xu của chúng ta, và tất nhiên bao gồm cả nhánh nữa. Ngài là “gốc nho thật” mà từ đó, mọi cây nho khác đều là “bản sao”. Là Cơ Đốc nhân, chúng ta không sống bằng sự thay thế của người khác. Biểu tượng về gốc nho và nhánh cũng giống với biểu tượng về Đầu và thân: chúng ta có mối liên hệ sống động với Đấng Christ và thuộc về Ngài.

Khi sống ở Chicago, chúng tôi có trồng một cây nho nhỏ sau vườn nhà. Nhưng cách chúng tôi chăm sóc chẳng giống với cách người ta chăm sóc cây nho ở vùng đất thánh hôm nay. Cây nho chúng tôi quá yếu ớt nên dễ dàng khiến nó bị gãy cành. Những cây nho tôi thấy ở vùng đất thánh rất lớn và chắc chắn. Không thể có chuyện tách nhánh nho lớn mà không làm tổn thương chính cây nho. Mối liên kết của chúng ta với Đấng Christ là mối liên kết sống, nên chúng ta có thể sinh quả. Đó cũng là mối liên kết yêu thương nên chúng ta được thoả mãn trong Ngài và đây là mối liên kết bền vững nên chúng ta không có gì đáng sợ hãi.

b) Nhánh nho: Nhánh nho vốn rất yếu ớt và vô dụng. Nó chỉ đang được dùng để khiêng hoặc làm chất đốt, chứ không thể dùng trong xây dựng (Exe 15:1-8). Nhánh nho tự nó không có sự sống, phải hút nhựa sống từ gốc nho. Nhờ mối giao thông với Đấng Christ trong Đức Thánh Linh khiến chúng ta có thể kết quả cho Ngài.

Có nhiều hình ảnh nói về Đấng Christ và những người tin Ngài được đề cập trong Kinh Thánh, tập trung vào khái niệm đầy ý nghĩa về mối liên hệ này: thân và chi thể (ICo 12:1-30), chồng và vợ (Eph 5:25-33), Người Chăn Chiên và bầy chiên (Gi 10:1-42). Chi thể nào không liên hệ với thân sẽ chết. Hôn nhân tạo nên mối liên kết, nhưng để duy trì mối liên kết ấy, cần phải có tình yêu và sự hy sinh mỗi ngày, Người chăn chiên dẫn chiên về chuồng, nhưng chiên phải đi theo người chăn để được bảo vệ và chăm sóc.

Là Cơ Đốc nhân, bao lâu chúng ta nhận ra mình chỉ là “nhánh” chúng ta sẽ càng có mối liên hệ mật thiết hơn với Chúa vì chúng ta biết sự yếu đuối của mình và thừa nhận nhu cầu mình nơi sức mạnh của Ngài. Động từ “(cứ) ở trong” được lặp lại 11 lần trong câu 1-11. “Ở trong” nghĩa là gì? Nghĩa là giữ mối liên hệ với Đấng Christ hầu sự sống Ngài có thể hành động trong chúng ta và qua chúng ta để kết quả cho Chúa. Hẳn sự “ở trong” này có liên quan đến Lời Đức Chúa Trời và sự xưng tội hầu cho không điều gì cản trở mối liên hệ của chúng ta với Ngài (Gi 15:3). Sự “ở trong” ấy cũng liên quan với sự vâng lời của chúng ta vì chúng ta yêu mến Ngài (15:9-10).

Chúng ta sẽ nói gì khi “ở trong Đấng Christ”? Có một cảm giác đặc biệt? Không phải vậy, nhưng có những chứng cứ đặc biệt không thể lờ đi được. Khi chúng ta ở trong Đấng Christ, chúng ta sẽ kết quả (15:2). “Quả” ấy là gì? Vấn đề này sẽ được bình luận sau. Bạn sẽ kinh nghiệm sự “tía sữa” của Đức Chúa Trời để sinh trái nhiều hơn (15:2). Nhưng ai cứ trong Ngài, lời cầu nguyện của người ấy sẽ được nhậm (15:7). Người ấy kinh nghiệm được một tình yêu sâu đậm đối với Đấng Christ và những tín hữu khác (15:9,12,13) cũng như kinh nghiệm sự vui mừng (15:11).

Mối liên hệ “ở trong” này là mối liên hệ tự nhiên đối với nhánh và cây nho, nhưng phải được tía sữa trong đời sống Cơ Đốc nhân. Mối liên hệ này không tự nhiên có được. Ở trong Đấng Christ đòi hỏi tinh thần thờ phượng, học hỏi lời Chúa, cầu nguyện, dâng mình và hầu việc – nhưng đây thật là một kinh nghiệm vui mừng! Một khi bạn tía sữa vun đầy cho mối giao thông mật thiết với Đấng Christ, bạn sẽ không mong trở lại cuộc sống hời hợt của một Cơ Đốc nhân vô tâm.

c) Người chăm sóc vườn nho: Người làm vườn nho có nhiệm vụ gìn giữ chăm sóc các cây nho, và Chúa phán rằng đây là công việc của Cha trên trời, Ngài là Đấng tía sữa các “nhánh” để chúng kết quả. Bạn hãy để ý tiến trình ở đây: không kết quả (Gi 15:2), kết quả, sinh ra lắm trái và được kết nhiều quả (15:5,8). Nhiều Cơ Đốc nhân cầu xin Đức Chúa Trời cho họ được kết quả nhiều hơn, nhưng lại không muốn được “tía sữa” theo tiến trình ấy!

Người làm vườn tía sữa cái nhánh nho theo hai phương cách: cắt bỏ nhánh khô bị hư hoặc bị sâu bọ cắn, và cắt bỏ mô sống thừa để sự sống của cây nho không bị uống phí cũng như mùa màng không bị thất thu. Thật ra, người làm vườn thậm chí sẽ cắt đi cả những chùm nho để phần còn lại của mùa thu hoạch sẽ có chất lượng cao hơn. Đức Chúa Trời yêu cầu cả số lượng lẫn chất lượng.

Tiến trình tía sửa này là giai đoạn quan trọng nhất của toàn bộ công việc làm vườn. Người làm việc này phải được huấn luyện kỹ lưỡng để không làm hư hại mùa thu hoạch. Một số vườn nho đầu tư hai đến ba năm để huấn luyện người tía sửa, sao cho họ biết phải cắt ở đâu, cắt như thế nào hoặc ở góc độ nào.

Sự xét đoán gay gắt nhất Đức Chúa Trời thực hành trên một người tin nhận là bỏ mặc người ấy để người ấy làm theo ý riêng. Vì yêu chúng ta, Đức Chúa Trời “tía sửa” và khích lệ chúng ta kết quả nhiều hơn cho vinh hiển Ngài. Nếu các nhánh nho kia biết nói, chắc chúng sẽ thừa nhận rằng tiến trình tía sửa tuy làm chúng đau nhưng cũng khiến chúng vui mừng vì có thể sinh ra lắm trái hơn.

Cha trên trời sẽ gần bạn hơn bao giờ hết khi Ngài muốn tía sửa bạn. Đôi khi Ngài cắt bỏ nhánh khô gãy cản trở, nhưng cũng cắt đi mô sống nào làm giảm sức mạnh thuộc linh bạn. Công việc tía sửa không chỉ đơn giản có nghĩa như cuộc “giải phẫu thuộc linh” nhằm loại bỏ cái xấu. Nó cũng có nghĩa là cắt đi phần tốt hoặc tốt hơn để chúng ta được kết quả “tốt nhất”. Vâng, tía sửa làm “đau” nhưng cũng làm ích lợi. Chúng ta không muốn bị “đau”, nhưng cần phải như vậy.

Cha trên trời tía sửa chúng ta ra sao? Đôi lúc Ngài chỉ dùng lời Kinh Thánh để cáo trách và khiến ta được tinh sạch (Eph 5:26-27 Gi 13:10). Cũng có khi Ngài phải phạt chúng ta (He 12:1-11), là lúc Ngài cắt khỏi chúng ta những điều dường như quý giá nhưng khi mùa thu hoạch thuộc linh được trọn, chúng ta sẽ hiểu rằng Cha trên trời biết điều Ngài phải thực hiện.

Càng ở trong Đấng Christ, chúng ta càng kết quả. Và khi ta kết quả, Đức Chúa Trời càng tía sửa chúng ta để chất lượng luôn đi đôi với số lượng. Nếu không nhánh có thể sinh ra nhiều nhánh nhỏ khác nhưng thấp kém hơn về chất lượng. Đức Chúa Trời được vinh hiển qua một vụ mùa lớn hơn, cũng là vụ mùa có chất lượng cao hơn.

d) Trái nho: Thuật ngữ “kết quả” thường được nhắc đến giữa vòng những người hầu việc Chúa. Cái máy có thể tạo ra thành phẩm và một rô-bô cũng làm được như vậy, nhưng cần phải có một thực thể sống mới sinh “trái” được. Cần có thời gian và sự chăm sóc tía sửa mới kết trái.

Ta phải biết rằng nhánh không “ăn” trái, nhưng người khác sẽ ăn. Chúng ta kết quả không phải để hài lòng với chính mình nhưng để phục vụ người khác. Chúng ta phải là mẫu người “nuôi” năng người khác qua lời nói và việc làm mình. “Môi miệng người công bình nuôi dạy nhiều người” (Ch 10:21).

Có nhiều dạng trái thuộc linh khác nhau được nhắc đến trong Kinh Thánh. Chúng ta kết quả khi đem người khác đến với Đấng Christ (Rô 1:13). Chúng ta là một phần của mùa gặt (Gi 4:35-38). Khi tăng trưởng trong sự nên thánh và vâng phục, là lúc chúng ta đang kết quả (Rô 6:22). Với Phao-lô, Cơ Đốc nhân được kết quả trong đời sống hầu việc (Rô 15:28). “Trái của Thánh Linh” (Ga 5:22-23) là phẩm chất mà Cơ Đốc nhân làm vinh hiển danh Đức Chúa Trời và cho người khác nhận biết Đấng Christ. Cả việc lành và sự phục vụ của chúng ta cũng xuất phát từ sự sống “ở trong Chúa” (Col 1:10). Sự ngợi khen Đức Chúa Trời từ môi miệng và tấm lòng chúng ta thật sự là bông trái cho vinh hiển danh Ngài (He 13:15).

Có nhiều hành động được thực hiện bởi sự giả dối của xác thịt, nhưng sự giả dối ấy cuối cùng sẽ bị phát hiện, vì trái thuộc linh thật tiềm ẩn trong chính nó những hạt giống tốt. Những kết quả do con người tự tạo là “quả chết”, không thể tự nó tái tạo nhưng quả của Thánh Linh sẽ tiếp tục tái tạo từ sự sống này sang sự sống khác, trái này sang nhiều trái khác.

Nhánh thật khi liên kết với cây nho sẽ luôn sinh trái. Không phải mọi nhánh đều sinh nhiều trái, cũng như không phải mọi cánh đồng đều đem đến một vụ mùa bội thu (Mat 13:8,23). Nhưng nơi nào có sự sống, nơi ấy luôn kết trái. Nếu không có trái, nhánh trở nên vô dụng, phải bị cắt bỏ hoặc làm củi đốt. Tôi không cho rằng điều Chúa muốn dạy ở đây là Cơ Đốc nhân thật có thể đánh mất sự cứu rỗi. Nếu vậy, điều này sẽ mâu thuẫn lời Ngài dạy ở Gi 6:37 10:27-30.

Thật đại dột nếu lập một triết lý thần học dựa trên một truyện ngụ ngôn hay một ví dụ minh họa. Chúa Giê-xu muốn dạy một lẽ thật cơ bản, đó là: sự sống kết quả của Cơ Đốc nhân, nên chúng ta không nên đề cập đến quá nhiều chi tiết. Như một nhánh cây không kết trái trở nên vô dụng, vậy một Cơ Đốc nhân không kết quả cũng là kẻ vô dụng. Cả hai đều bị xử lý. Thật đáng buồn khi một Cơ Đốc nhân từng kết quả lại sa ngã, đánh mất đặc quyền được ở trong Chúa và hầu việc Ngài! Dù sao, câu Gi 15:6 mô tả quy luật của Đức Chúa Trời chứ không phải nói về số phận đời đời. “Cũng có tội đến nỗi chết” (IGi 5:16).

Chúa đã nói về sự bình an (Gi 14:27) giờ đây, Ngài đề cập đến sự yêu thương và vui mừng (Gi 15:9-11). Lòng “yêu thương, vui mừng, bình an” là ba trái Thánh Linh đầu tiên được đề cập ở Ga 5:22-23. Sự sống trong Đấng Christ của chúng ta sẽ khiến lòng chúng ta đầy dẫy sự vui mừng và tình yêu của Chúa. Vì yêu mến Chúa, chúng ta phải giữ điều răn Ngài. Khi làm theo điều răn Ngài, chúng ta được “ở trong” tình yêu Ngài và kinh nghiệm tình yêu ấy sâu sắc hơn.

Có nhiều chỗ trong Phúc Âm Giảng, bạn sẽ thấy Chúa Giê-xu nói về tình yêu của Cha đối với Ngài. Chúng ta luôn tập trung vào tình yêu Đức Chúa Trời đối với thế gian và Hội Thánh, nhưng quên nghĩ về tình yêu Đức Chúa Trời dành cho Con Ngài. Vì Cha yêu Con, nên giao mọi sự vào tay Con (Gi 3:35) và bày tỏ mọi điều cho Con biết (5:20). Cha đã yêu Con từ trước buổi sáng thế (17:24). Ngài cũng yêu Con khi Con chết trên thập tự giá (10:17). Thật kỳ diệu thay, tín hữu hôm nay có thể kinh nghiệm tình yêu ấy! Chúa Giê-xu đã cầu nguyện “để cho tình yêu thương của Cha dùng yêu thương Con ở trong họ (các môn đệ và những người tin nhận hôm nay)” (17:26).

Là nhánh của Gốc nho, chúng ta được đặc quyền ở trong Chúa và có trách nhiệm kết quả. Đến đây, chúng ta sẽ xem xét hình ảnh thứ hai: bạn hữu.

2. Bạn hữu - Chúng ta phải vâng lời (Gi 15:12-17)

Chúng ta thường quen biết nhiều người nhưng có rất ít bạn hữu, đôi khi một số người bạn lại trở nên xa lạ thậm chí bất nghĩa nữa. Còn Giu-đa thì sao? “Đến đối người bạn thân tôi, mà lòng tôi tin cậy, và đã ăn bánh tôi, cũng giơ gót lên nghịch cùng tôi (Thi 4:9). Bạn tâm phúc của chúng ta có thể quay lưng đi khi ta cần họ nhất. Phi-e-rơ, Gia-cơ Giảng ngủ say giữa vườn trong lúc họ cần phải cầu nguyện hơn hết. Phi-e-rơ đã chối Chúa ba lần. Tình bạn

của chúng ta đối với nhau và đối với Chúa không thể toàn hảo, nhưng tình bạn hữu của Chúa đối với chúng ta rất trọn vẹn.

Tuy nhiên, ta không nên giải nghĩa từ “bạn” trong quan điểm hạn hẹp, bởi vì theo tiếng Hy Lạp từ ấy có nghĩa là “luật sư tại tòa án”. Nó còn nói về những người tâm phúc hầu việc Vua (ở Gi 3:29 chỉ về bạn thân nhất tại tiệc cưới). Bạn hữu của Vua luôn kề cận vua nên biết mọi việc riêng tư của vua, nhưng họ cũng đầu phục vua và vâng theo lệnh người. Vì vậy, không hề có mâu thuẫn giữa địa vị tôi tớ và bạn hữu. Trong Kinh Thánh, Áp-ra-ham là một điển hình về người “bạn Đức Chúa Trời” (Hsu 20:7 Es 41:8 Gia 2:23), cũng là tôi tớ Đức Chúa Trời (Sa 26:24). Ở Sa 18:1-33 Chúa cùng hai thiên sứ viếng thăm, thu xếp nơi nghỉ ngơi và dọn bàn cho các vị ấy một cách chu đáo. Trong 15 câu đầu của Sa 18:1-5 Áp-ra-ham luôn trong tư thế hành động và hai lần ông xem mình là đầy tớ (c.3,5). Hãy để ý rằng người cao tuổi này đã “chạy”, “lật đật” và giục giã người khác làm việc tích cực. Đây thật là một gương về đầy tớ thật sự, ông đứng cạnh để sẵn sàng làm theo mệnh lệnh các đấng ấy. Ở phần cuối đoạn, Áp-ra-ham vẫn đứng yên để tiếp chuyện với Chúa. Ông là tôi tớ và cũng là bạn Chúa. “Lẽ nào ta giấu Áp-ra-ham điều chi ta sẽ làm sao?” (Sa 18:17). Là bạn Đức Chúa Trời, Áp-ra-ham được chia sẻ những công việc của Chúa.

Đây là mối liên hệ Chúa muốn nói đến khi Ngài gọi các môn đệ là “bạn hữu”. Đây cũng thật là mối liên hệ của tình yêu thương đối với Chúa và mỗi người. “Bạn của Vua” không thể ganh đua với nhau về danh vọng hay địa vị. Họ đều là “quần thần” của Vua nên không thể tự cất nhắc mình mà chỉ hầu việc vua mà thôi. Các môn đệ thật đáng trách vì đã ích kỷ khi tranh luận ai là kẻ cao trọng nhất!

Bằng cách nào Chúa có thể truyền cho chúng ta mệnh lệnh phải yêu kẻ khác? Tình yêu thật có thể nào chịu sự sai khiến? Bạn phải nhớ rằng tình yêu thương của Cơ Đốc nhân không phải chỉ là “cảm xúc”, nhưng đó là một hành động của ý chí. Bằng chứng tình yêu trong chúng ta không thể hiện ở cảm xúc nhưng thể hiện qua hành động, thậm chí có thể phó sự sống mình vì Đấng Christ và vì người khác (Gi 3:16). Chúa Giê-xu đã phó sự sống mình vì bạn hữu và cả kẻ thù! (Rô 5:10). Cảm xúc hẳn phải có, nhưng tình yêu thương chân thật của Cơ Đốc nhân là hành động của ý chí. Điều này có nghĩa là chúng ta phải đối xử với tha nhân theo cách Chúa đối xử chúng ta.

Vì lẽ ấy, tình bằng hữu giữa chúng ta với Đấng Christ hàm chứa sự yêu mến và lòng vâng phục, nhưng cũng có sự hiểu biết rằng Ngài đã đặt để chúng ta trong chương trình Ngài.

Thật vậy, dù là Chúa chúng ta (Gi 13:13,16) nhưng Ngài không đối xử với chúng ta như kẻ tôi tớ, Ngài xem chúng ta là bạn hữu nếu chúng ta vâng theo mệnh lệnh Ngài. Áp-ra-ham là bạn Đức Chúa Trời ông đã vâng lời Đức Chúa Trời (Sa 18:19). Nếu làm bạn với thế gian, hẳn chúng ta sẽ trở nên thù nghịch cùng Đức Chúa Trời (Gia 4:1-4). Ở Sô-đôm dù được giải cứu nhưng Lót vẫn không được gọi là bạn Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời cho Áp-ra-ham biết chương trình hành động của Ngài đối với các thành ở vùng đồng bằng, vì vậy Áp-ra-ham đã có thể cầu thay cho Lót và gia đình Lót.

Đáng chú ý là trong Phúc Âm Giăng, các đầy tớ là những người biết rõ mọi điều xảy ra. Các đầy tớ phục vụ đám cưới tại Ca-na biết xuất xứ của rượu (Gi 2:9), còn các đầy tớ quan thị vệ biết rõ thời gian đưa con trai được chữa lành (4:51-53).

Là bạn hữu của Chúa, một trong những đặc quyền lớn lao nhất của chúng ta là được biết Đức Chúa Trời nhiều hơn và dự phần vào chương trình của Ngài. Tôi không bao giờ quên ấn tượng trong lòng khi nghe Tấn sĩ Oswald Sanders nói với chúng tôi rằng: “Mỗi chúng ta phải gần Chúa như lòng mình đã quyết định”. Là bạn hữu Chúa, ta phải đến gần Ngôi Ngài, lắng nghe lời Ngài, ở trong sự yêu thương Ngài và vâng theo mệnh lệnh Ngài.

Trong thời gian lẩn trốn kẻ thù, có một ngày kia Đa-vít ở gần thành Bết-lê-hem là nơi ông sinh ra, ông ao ước được uống nước bên giếng gần cửa thành. Ba vị tướng gan dạ của Đa-vít ở gần ông nên nghe được tiếng thở than ấy và đã liều mình đem nước về cho vua họ (II Sa 23:15-17). Hành động đó thể hiện tinh thần của bạn hữu vua.

Trong Gi 15:16 Chúa Giê-xu nhắc nhở các môn đệ rằng họ được ở địa vị cao quý này chỉ bởi ân điển Ngài. Không phải họ đã chọn Ngài, nhưng chính Ngài đã chỉ chọn họ! Ngài biệt riêng họ ra giữa thế gian (15:19) để họ làm theo ý muốn Ngài. Một lần nữa, chúng ta gặp lại từ ý nghĩa “kết quả”. Là nhánh nho, chúng ta hưởng sự sống Ngài nên kết quả. Là bạn hữu, chúng ta dự phần trong tình yêu Ngài nên sinh lắm trái. Là nhánh nho, ta được Đức Chúa Trời tưới sửa. Là bạn hữu, ta được sự dẫn dắt của Con Ngài và được Lời Ngài điều khiển đời sống mình.

Từ “lập” có nghĩa như “chỉ định”, biệt riêng một người nào đó để làm công việc đặc biệt. Thật phước hạnh khi chúng ta được Chúa chọn và biệt riêng ra giữa thế gian để kết quả cho Ngài. Ngài sai chúng ta làm khâm sai cho Ngài giữa thế gian (Gi 17:18) để rao cho kẻ khác biết về Vua Chí Cao và sự cứu rỗi vĩ đại của Ngài. Khi làm chứng cho kẻ khác và đưa họ đến với Đấng Christ, nghĩa là chúng ta đã kết quả cho vinh hiển Đức Chúa Trời.

Như đã đề cập ở trên, “quả” chính là bằng chứng về địa vị làm con cái, môn đệ (c.8) và bạn hữu (Gi 15:15). “Ấy vậy, các ngươi nhờ những trái nó mà nhận biết được” (Mat 7:20). Nơi đâu có trái thật, nó sẽ tồn tại, nhưng “kết quả” do con người tạo ra cuối cùng rồi sẽ tan biến. “Quả” tự nó đã chứa hạt giống kết trái, vì vậy tiến trình vẫn cứ diễn ra. Bất cứ điều gì sinh bởi Thánh Linh Đức Chúa Trời đều mang dấu hiệu của sự vĩnh cửu trên đó và sẽ tồn tại mãi mãi.

Một lần nữa, Chúa nêu lên đặc quyền của sự cầu nguyện. Bạn hữu vua có thể nói chuyện với vua mình, chia sẻ cùng vua mọi gánh nặng và nhu cầu. Trong thời quân chủ, được mời nói chuyện với vua hoặc nữ hoàng là một vinh dự đặc biệt. Nhưng bạn hữu của Chúa Giê-xu có thể nói chuyện với Ngài bất cứ lúc nào. Ngài ơn phước luôn ở gần họ!

Câu 16 tóm tắt cho ta biết ý nghĩa của địa vị làm bạn hữu. Vị Vua muôn vua. Từng trải này khiến chúng ta phải hạ mình, vì Ngài chọn chúng ta chớ không phải chúng ta chọn Ngài. Chúng ta phải ghi nhớ điều này, nếu không sẽ dễ dàng trở nên kiêu ngạo và tự mãn. Điều này có nghĩa là chúng ta hãy lắng nghe lời Ngài phán với chính mình. “Chớ chi ông có nghe điều bàn định trong ý niệm của Đức Chúa Trời sao?” (Giop 15:8). “Đức Giê-hô-va kết bạn thiết cùng người kính sợ Ngài, tỏ cho người ấy biết giao ước của Ngài” (Thi 25:14). Chúng ta hãy chú tâm và tỉnh thức!

Trên hết mọi sự, mục đích của chúng ta là vâng lời Chúa và để công việc Ngài được thực hiện. Vua có những công tác phải được hoàn thành. Vì vậy, nếu thật sự yêu mến Ngài, chúng ta sẽ vâng theo mệnh lệnh Ngài, kết quả để làm đẹp lòng Chúa và quy vinh hiển Đức Chúa Trời. Làm Chúa hài lòng phải là niềm vui của chúng ta!

Chúa Giê-xu kết thúc phần sứ điệp này bằng lời nhắc nhở các môn đệ (và cả chúng ta) về mệnh lệnh quan trọng nhất: “Yêu mến lẫn nhau”. Có rất nhiều câu Kinh Thánh trong Tân Ước nói đến chữ “lẫn nhau”, nhưng ý nghĩa vẫn gồm tóm trong “yêu mến lẫn nhau”. Chúa đã phán điều răn này cho 11 sứ đồ (Gi 13:34-35) và giờ đây Ngài lập lại một lần nữa (15:12-17). Điều răn này được nhắc đến nhiều lần trong các thư tín, đặc biệt ở thư Giăng thứ nhất. Bạn hữu của Vua không những phải yêu mến vua nhưng cũng phải yêu mến lẫn nhau. Vua sẽ vui mừng biết bao khi thấy bạn hữu mình yêu thương lẫn nhau và đồng công trong việc thực hiện những mệnh lệnh Ngài.

Bài học này được Chúa dạy trong vườn nho và bài học kế tiếp sẽ đưa chúng ta vào trận chiến nơi chúng ta từng trải sự thù địch của thế gian hư mất. Nếu không ở trong Chúa như những nhánh nho và vâng lời Ngài như bạn hữu, chúng ta sẽ chẳng bao giờ có thể đương đầu nổi với sự chống đối của thế gian. Nếu không yêu mến lẫn nhau, làm sao chúng ta yêu được những kẻ hư mất trong thế gian? Nếu không đồng hành như những bạn hữu của Vua, chúng ta sẽ không thể cho kẻ thù thấy sự hợp nhất của mình được.

“...ngoài ta, các người chẳng làm chi được” (Gi 15:5)

Chúng ta không chỉ là kẻ “tật nguyên” mà còn là kẻ “bại liệt” vô phương cứu chữa. Chúng ta “chẳng làm chi được”!

Nhưng, nếu chúng ta “ở trong” Ngài, đến gần ngôi Ngài, chúng ta sẽ làm được bất cứ điều gì Ngài sai khiến (cho) mình!

Đây quả là một đặc ân, cũng là một trách nhiệm!

16. THÁNH LINH ĐANG LÀM GÌ GIỮA THẾ GIAN (Gi 15:18-16:16)

Đoạn Kinh Thánh này (15:18-16:16) liên kết nhau với hai chủ đề chính: sự bắt bớ của thế gian đối với Hội Thánh và công tác của Đức Thánh Linh qua Hội Thánh. Chúa đã dạy về sự yêu thương (15:9-13,17) và giờ đây Ngài nói về sự ghen ghét và Ngài sử dụng từ này 7 lần. Dường như khó tin rằng người đời sẽ ghét Chúa Giê-xu và các môn đệ, nhưng đây chính là hoàn cảnh của hôm nay, một số ghen ghét này phát sinh từ những con người tôn giáo. Chỉ còn vài giờ nữa, các lãnh đạo Do Thái sẽ bắt Đấng Mê-si-a của họ và vui mừng khi huyết Ngài đổ ra!

Chúa công khai cho các môn đệ biết rằng sự bắt bớ sẽ xảy đến. Ngài nói điều này ở Bài Giảng Trên Núi (Mat 5:10-12,44) và lời dặn dò các môn đệ khi sai họ đi (Mat 10:16-23). Trong bài giảng lên án người Pha-ri-si, Chúa Giê-xu báo trước rằng họ sẽ bắt bớ các tông đồ Đức Chúa Trời (Mat 23:34-35) và Ngài cũng phán về điều này trong bài giảng trên núi Ô-li-ve (Mac 13:9-13).

Suốt Phúc Âm Giăng, rõ ràng là hội đồng các lãnh đạo không chỉ chống đối Chúa Giê-xu mà còn tìm phương giết Ngài (Gi 5:16 7:19-25 8:37,59 9:22 11:8). Khi Chúa tiếp tục thi hành chức vụ, có một xu thế phản nộ, thù địch và công khai chống lại Chúa. Vì vậy. Các môn đệ lẽ ra không nên ngạc nhiên khi Chúa là đối tượng của sự bắt bớ, vì họ từng nghe Ngài phán trước về điều này, cũng như chứng kiến Ngài phải đối đầu với sự ghen ghét của loài người trong thời gian thi hành chức vụ.

Chúng ta phải sống giữa thế giới thù địch này và đối diện với sự chống đối thường nhật cho đến khi Chúa tái lâm hoặc chúng ta qua đời. Vậy, làm sao chúng ta chịu đựng nổi? Đây là

bí quyết đắc thắng? Đó chính là sự hiện hữu và Quyền phép của Thánh Linh Đức Chúa Trời trong đời sống chúng ta. Đây là phần quan trọng trong sứ điệp của Chúa về Đức Thánh Linh và nhiệm vụ Ngài.

Trước khi suy ngẫm đoạn Kinh Thánh này để hiểu về ba nhiệm vụ của Đức Thánh Linh đối với Hội Thánh trên đất, chúng ta phải lắng lòng nhắc nhở chính mình và tự hỏi Đức Thánh Linh là ai. Thánh Linh Đức Chúa Trời là một thân vị có tư duy (Rô 8:27), ý chí (Icô 12:11) và cảm xúc (Ga 5:22-23).

Ở Gi 15:26 nhắc đến ba ngôi Đức Chúa Trời: Chúa Giê-xu là Con, sẽ sai Đức Thánh Linh đến từ Cha. Vì Đức Thánh Linh là một ngôi vị và là Đức Chúa Trời, nên Cơ Đốc nhân có Đức Chúa Trời ngự trong lòng mình. Nếu chúng ta không có Đức Thánh Linh hiện diện trong mình, chúng ta không thể hầu việc Chúa giữa thế giới gian ác này, chúng ta phải bước đi theo Thánh Linh (Ga 5:16), thờ phượng Đức Chúa Trời trong Thánh Linh (Phi 3:3) và chứng đạo bởi Thánh Linh (Cong 1:8).

Cơ Đốc nhân có thể vững vàng và không rung động giữa sự thù địch của thế gian vì những nhiệm vụ đặc biệt của Đức Thánh Linh.

1. Thánh Linh là Đấng Yên Ủi khích lệ Hội Thánh (Gi 15:18-16:4)

(Gi 15:18-27). Chúng ta hãy bắt đầu từ điều Chúa muốn nói khi dùng từ “thế gian”, vì thuật ngữ này được sử dụng trong Kinh Thánh ít nhất theo ba phương diện khác nhau. Nó có nghĩa như thế giới được tạo dựng này (“thế gian đã làm nên bởi Ngài” Gi 1:10), thế giới loài người (“vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian” 3:16) hoặc là cộng đồng xa cách với Đức Chúa Trời và nghịch cùng Ngài. Đôi khi chúng ta cũng dùng từ “người đời” để xác định ý nghĩa đặc biệt này.

Chẳng hạn, khi nghe radio, chúng ta có thể nghe phát thanh viên nói rằng “và bây giờ là điểm tin từ thế giới thể thao”. Rõ ràng đây không phải là một quốc gia hay một hành tinh nào nơi tất cả mọi người trong một phương diện nào đó có liên hệ đến thế giới thể thao. “Thế giới thể thao” ám chỉ tất cả mọi tổ chức, con người, kế hoạch, hoạt động, triết lý v.v.. có liên hệ đến thể thao. Đối với quan điểm của Cơ Đốc nhân, “thế giới bao gồm con người, kế hoạch, tổ chức, hoạt động, triết học, những giá trị, v.v... một xã hội không có Đức Chúa Trời. Một số điều có thể rất “văn hoá”, một số khác rất “sa đọa”, nhưng tất cả đều xuất phát từ tâm trí của con người tội lỗi, đề cao những gì con người tội lỗi hài lòng, và muốn thực hiện. Là Cơ Đốc nhân, chúng ta chớ yêu thế gian (IGi 2:15-17) hoặc làm theo đời này (Rô 2:1-2).

Chúa Giê-xu không phải không có dụng ý khi cho các môn đệ biết rằng họ sẽ gặp khó khăn hoạn nạn trong thế gian. Hãy chú ý tiến trình của sự chống đối ở thế gian, ghen ghét (Gi 15:18-19), bắt bớ (15:20), xua đuổi, thậm chí giết hại (Gi 16:2). Bạn có thể theo dõi những giai đoạn chống đối này ở sách Công vụ.

Vì sao thế gian và cả những người trong giáo hội ghen ghét Cơ Đốc nhân là người tin nơi Chúa Giê-xu và bước đi theo Ngài? Chúa Giê-xu đưa ra nhiều lý do.

Thứ nhất, chúng ta giống như Đấng Christ (15:18,20). Nếu người đời ghét Ngài, họ cũng sẽ ghét những ai giống Ngài. Trong câu 20, Chúa lập lại lời Ngài đã phán từ trước (13:16) và đó là điều hợp lý. Ngài là Chủ, chúng ta là tôi tớ, Ngài cao trọng hơn chúng ta nên Ngài đáng

nhận được sự ngợi khen và tôn vinh. Còn thế gian sẽ không ngợi khen và tôn vinh Ngài, ngược lại, họ ghét Ngài nên cũng ghét chúng ta. Nếu Chúa Giê-xu cao trọng và toàn vẹn như thế mà không thể tránh được sự bắt bớ, huống chi bất toàn như chúng ta liệu có hy vọng gì?

Nguyên tắc này cũng được bày tỏ ở một số hình ảnh nói về mối liên hệ giữa Đấng Christ và những người thuộc về Ngài. Ngài là Đấng Chấn chiên và chúng ta là bầy chiên, nên khi Người chăn bị tấn công, bầy chiên cũng chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh ấy (Mat 26:31). Ngài là Chúa (là Thầy), còn chúng ta là môn đệ (người học việc). Tuy nhiên, thật là điều yên ủi khích lệ khi biết rằng người thuộc về Đức Chúa Trời nếu bị bắt bớ thì đó cũng là lúc Chúa dự phần trong sự hoạn nạn của người ấy, bởi Ngài là Đầu thân thể và chúng ta là các chi thể. “Hỡi Sau-lơ, Sau-lơ, sao ngươi bắt bớ ta?” (Cong 9:4). Bất cứ điều gì kẻ thù làm cho chúng ta cũng có nghĩa là đã làm cho Chúa Giê-xu và Ngài đồng công với chúng ta trong sự hoạn nạn.

Thứ hai, chúng ta không thuộc về thế gian (Gi 15:19). Khi tin nhận Đấng Christ, chúng ta đã bước qua một vị trí thuộc linh mới: từ nay được “ở trong” Đấng Christ và “không thuộc về thế gian”. Dĩ nhiên, chúng ta đang ở giữa thế giới vật chất, chớ không phải thế giới tâm linh. Nhưng giờ đây chúng ta là những “kẻ dự phần ơn trên trời gọi” (He 3:1), không còn quan tâm về vật chất lẫn thú vui tội lỗi ở thế gian nữa. Điều đó không có nghĩa là chúng ta xa rời thực tế và cách ly với những nhu cầu ở thế gian, nhưng chúng ta phải nhìn những điều thuộc về đất theo quan điểm trên trời!

Thế gian hành động trên cơ sở của sự “rập khuôn”. Bao lâu con người còn chiều theo những ham muốn nhất thời và coi trọng những giá trị ở thế gian, người ấy sẽ đi theo thế gian. Nhưng Cơ Đốc nhân thật không “làm theo đời này” (Ro 12:2). Người tin Chúa là “người được dựng nên mới” (II Co 5:17), không còn thiết tha với cuộc sống “ngày trước” (I Phi 4:1-4). Chúng ta là sự sáng của thế gian và muối của đất (Mat 5:13-16), nhưng thế gian tăm tối không cần sự sáng và một thế giới hư hoại không cần muối! Nói cách khác, người tin Chúa không chỉ là người “lạc điệu” với thế gian mà còn là người không thuộc về nơi ấy (Gi 17:14,16 I Gi 4:5).

Lý do thứ ba, thế gian ghét người tin Chúa: vì thế gian dốt nát và mù loà về tâm linh (c.21). Nếu bạn hỏi các lãnh đạo tôn giáo ở Giê-ru-sa-lem rằng họ có biết Đức Chúa Trời Đấng họ tôn thờ không, họ sẽ đáp: “Dĩ nhiên chúng tôi biết Ngài! Dân Y-sơ-ra-ên đã biết Đức Chúa Trời thật từ bao thế kỷ qua!” Nhưng Chúa Giê-xu phán rằng họ không biết Cha, cũng không biết Con (16:3). Các lãnh đạo Do Thái biết nhiều về Giê-hô-va Đức Chúa Trời, thậm chí có thể dẫn chứng đoạn Kinh Thánh hoặc câu Kinh Thánh để bảo vệ những lý thuyết của họ, nhưng cá nhân họ không hề biết Đức Chúa Trời!

Đây không phải là một chủ đề bàn luận mới đối với Chúa Giê-xu, vì Ngài đã đề cập điều này với các quan trưởng. “Các ngươi chẳng biết ta và cũng chẳng biết Cha ta. Nếu các ngươi biết ta, thì cũng biết Cha ta nữa” (8:19). “Các ngươi chưa biết Ngài đâu, còn ta thì biết” (8:55). Chúa Giê-xu từng dạy họ về Lời Đức Chúa Trời, bày tỏ thần tính Ngài qua các phép lạ kỳ diệu và Đạo Đức Chúa Trời, nhưng các lãnh đạo tôn giáo này mù loà đến nỗi không nhận biết Ngài: “Thế gian chẳng từng nhìn biết Ngài” (1:10).

Những người đứng đầu giáo hội hôm nay cũng tự xưng mình biết Đức Chúa Trời, nhưng không muốn hạ mình trước Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời, Đấng Christ duy nhất của thế gian. Sa-tan đã làm mù lòng họ (II Co 4:3-4) và tội lỗi đã khiến trí khôn họ tăm tối (Eph 4:17-19). Giống như Sau-lơ ở Tạt-sơ họ cho rằng “niềm tin tôn giáo” và “sự công bình” của họ

là tiêu chuẩn mẫu mực, đến nỗi dùng uy quyền giáo hội để bắt bớ người thuộc về Đức Chúa Trời!

Lý do thứ tư: thế gian không muốn nhìn nhận tội lỗi mình (Gi 15:22-24). Một lần nữa, Chúa Giê-xu nhắc lại lời Ngài và công việc Ngài. Chúng ta đã xem vấn đề này ở Phúc Âm Giăng (Gi 3:2 5:36-38 10:24-27 14:10-11). Dân sự không có cơ gì bào chữa tội lỗi mình. Họ đã từng chứng kiến việc Chúa làm, nghe lời Ngài phán, nhưng không muốn tiếp nhận chân lý. Mọi chứng cứ đã được bày tỏ, nhưng họ không có lòng thành thật để tiếp nhận và làm theo.

Gi 15:22 đồng nghĩa với điều Chúa nói cùng người Pha-ri-si sau khi Ngài chữa lành người mù (9:39-41). Họ đã phải thừa nhận phép lạ chữa lành người mù bẩm sinh, nhưng không muốn tin nơi Ngài. Chúa phán rằng họ là kẻ mù loà! Vì họ công nhận mình đã thấy phép lạ nên tình trạng tội lỗi họ càng trở nên tệ hại hơn. Họ không phạm tội về sự dốt nát, nhưng phạm tội nghịch cùng sự sáng. Vì sao? Vì sự sáng bày tỏ tội lỗi họ nên họ không muốn thành tâm đối diện với tội lỗi mình. Thái độ của họ giống với điều được mô tả ở IPhi 3:5 “Chúng có ý quên lửng...”

Đức Thánh Linh khích lệ và yên ủi người tin Chúa ra sao khi họ nếm trải sự ghen ghét và chống đối của thế gian? Đơn giản là bởi lời Đức Chúa Trời. Trước hết, Đức Chúa Trời nhắc ta biết rằng sự chống đối này được các nhà viết Kinh Thánh đề cập cách rõ ràng. Ở Gi 15:25, Chúa Giê-xu trích dẫn Thi 35:19 và 69:4 Lời Đức Chúa Trời yên ủi Chúa Giê-xu rằng sự ghen ghét của thế gian không do bất cứ việc làm nào của Ngài hầu gây nên sự chống đối này. Hôm nay, chúng ta có thể xem lại những câu Kinh Thánh như Phi 1:28-30 IITi 2:9-12 He 12:3-4 IPhi 4:12 Chúng ta cũng có những lời yên ủi của Chúa trong các sách Phúc Âm.

Đức Thánh Linh cũng làm chứng cho chúng ta và qua chúng ta trong kỳ bắt bớ (Gi 15:26-27). Ngài nhắc nhở chúng ta rằng những điều chúng ta trải qua là “sự thông công thương khó của Ngài (Đấng Christ)” (Phi 3:10) và đó là một đặc ân được “chịu khổ” vì danh Chúa (đọc kỹ IPhi 4:12-19).

Thời kỳ bắt bớ đối với Hội Thánh luôn là cơ hội để rao truyền về Chúa và làm chứng cho Ngài. Chúng ta phải “sẵn sàng trả lời” khi bị kẻ vô tín tấn công (IPhi 3:15). Đức Thánh Linh sẽ làm chứng cho chúng ta hầu chúng ta có thể bày tỏ chứng cứ cho thế gian (Mac 13:11). Không bởi quyền phép của Thánh Linh Đức Chúa Trời, chúng ta không thể làm chứng mạnh mẽ cho Đấng Christ (Cong 1:8).

(Gi 16:1-4). Người tin Chúa không có lý do gì để vấp phạm (Gi 16:1) khi thế gian chuẩn bị sẵn một lò bắt bớ. Cơ Đốc nhân phải lường trước về sự bắt bớ, nếu Chúa đã cho người ấy biết trước “nó sẽ xảy đến” (13:19 14:29). Hơn nữa, người tin Chúa không nên vấp ngã khi sự bắt bớ ấy xảy đến do những người trong giáo hội, là những kẻ cho rằng mình đang hầu việc Đức Chúa Trời. Từ “hầu việc” ở 16:2 nghĩa là hầu việc Chúa trong cương vị thầy tế lễ. Câu này hằn mô tả về tình trạng của Sau-lơ ở Tạt-sơ là người nghĩ rằng phá hoại Hội Thánh đồng nghĩa với hầu việc Đức Chúa Trời! (Cong 7:57-8:3 22:3-4 26:9-12).

Thật thâm thay khi những kẻ đội lốt tôn giáo bắt bớ và giết người, lại còn mượn danh Đức Chúa Trời! Thật hữu lý khi nói rằng “máu của những người tử đạo là hạt giống của Hội Thánh” (Tertullian). Nhưng máu của họ cũng là một vết nhơ trên các trang lịch sử của giáo hội.

2. Đức Thánh Linh là Đấng Xét Đoán (Gi 16:5-11)

Trong suốt ba năm, Chúa Giê-xu đã ở cùng các môn đệ để bảo vệ họ nhưng giờ là lúc Ngài sắp xa họ. Ngài đã cho họ biết trước điều này vào phần đầu của buổi tối (Gi 13:33) và Phi-e-rơ hỏi Ngài đi đâu (13:36). Tuy nhiên, câu hỏi của Phi-e-rơ bày tỏ sự lo lắng cho bản thân nhiều hơn là nghĩ đến Chúa Giê-xu! Câu hỏi ấy cũng tập trung vào những sự việc nhất thời chứ không phải những điều bất nguồn từ nguyên nhân sâu xa Chúa phải giải thích lý do vì sao Ngài trở về cùng Cha là điều ích lợi cho các môn đệ.

Dĩ nhiên, lý do chính là vì Đức Thánh Linh có thể ngự đến ban quyền năng cho Hội Thánh để làm chứng cho Đức Chúa Trời. Đấng Christ thắng thiên để cầu thay cho dân sự Ngài tại ngôi ƠN PHƯỚC trên trời. Các môn đệ rất yêu Chúa nhưng không hiểu những lẽ thật Ngài muốn nói.

Cần biết rằng Đức Thánh Linh ngự đến với Hội Thánh, chứ không đến với thế gian. Điều này có nghĩa là Ngài hành động qua Hội Thánh. Đức Thánh Linh không hành động giữa “khoảng không”. Như Con Đức Chúa Trời cần có một thân thể để thi hành chức vụ Ngài trên đất, vậy Thánh Linh Đức Chúa Trời cũng cần một thân thể để thực hiện những công tác Ngài, thân thể ấy chính là Hội Thánh. Thân thể chúng ta là những dụng cụ và đền thờ của Chúa Thánh Linh Ngài sử dụng chúng ta để quy vinh hiển cho Đấng Christ và để làm chứng cho thế gian hư mất.

Đôi lúc chúng ta nghe người khác cầu nguyện rằng: “Lạy Chúa, xin hãy sai Thánh Linh Ngài nói với những kẻ hư mất! Nguyện Thánh Linh đến với từng tấm lòng!” Lời cầu nguyện như vậy dĩ nhiên rất thành tâm, nhưng có hợp với tinh thần Kinh Thánh không? Thánh Linh không “bềnh bồng” như bóng ma lên xuống giữa các hàng ghế nhà thờ để tìm kẻ hư mất. Thánh Linh hành động qua những con người Ngài ngự vào đời sống. Khi Thánh Linh ngự đến trong Lễ Ngũ Tuần, Ngài ban quyền năng rao giảng cho Phi-e-rơ và lời rao giảng ấy kết án, cáo trách những kẻ lắng nghe.

Từ chính được đề cập ở đây là “tự cáo” (Gi 16:8). Đây là từ mang tính luật pháp, có nghĩa như đem đến sự sáng, phơi bày, quở trách, kết án và thuyết phục. Từ này cũng có thể được hiểu là “tuyên án”. Người đời nghĩ rằng mình đang “kết tội”. Cơ Đốc nhân nhưng chính Cơ Đốc nhân mới là những người công bố bản án đối với thế gian khi họ làm chứng cho Chúa Giê-xu Christ. Cơ Đốc nhân là chứng nhân, Đức Thánh Linh là uỷ viên công bố, còn những người chưa được cứu là phạm nhân. Tuy nhiên, mục đích của bản cáo trạng này không phải để kết án nhưng đem đến sự cứu rỗi.

Đức Thánh Linh kết án thế gian về một tội lỗi đặc biệt: đó là tội vô tín. Luật pháp Đức Chúa Trời và lương tâm con người sẽ kết án tội nhân về tội lỗi họ. Qua sự làm chứng của Cơ Đốc nhân, công việc của Đức Thánh Linh là phơi bày sự vô tín của thế gian hư mất. Sau cùng, chinh sự vô tín kết án tội nhân (Gi 3:18-21) chứ không phải hành động tội lỗi của cá nhân. Một người có thể làm lại cuộc đời, bỏ đi những thói quen xấu, nhưng vẫn là tội nhân hư mất nơi hoả ngục.

Thánh Linh cũng kết án tội nhân về sự công bình, chứ không phải sự bất công. Sự công bình của ai? Đó là sự công bình của Chúa Giê-xu, Chiên Con toàn vẹn của Đức Chúa Trời. Thế gian không nhìn biết Con Đức Chúa Trời (Gi 1:10) nên Ngài phải trở về cùng Cha trên trời. Khi

sống trên đất, Chúa bị con người kết tội lộng ngôn, phạm luật, lừa dối, thậm chí bị quỉ ám. Thánh Linh Đức Chúa Trời bày tỏ Đấng Christ qua Lời Kinh Thánh và qua cách làm sáng sanh Ngài (16:13-14). Thánh Linh cũng bày tỏ Đấng Christ qua đời sống của các Cơ Đốc nhân. Thế gian không tiếp nhận hoặc biết về Thánh Linh Đức Chúa Trời, nhưng thế gian có thể biết những việc Ngài làm khi nhìn xem đời sống của những Cơ Đốc nhân tin kính.

Đức Thánh Linh kết án tội nhân về sự xét đoán. Đừng lầm lẫn điều này với Cong 24:25) (“về sự công bình sự tiết độ và sự phán xét ngày sau”). Chúa muốn nói đến sự xét đoán của Ngài dành cho Sa-tan đã có hiệu lực bởi sự chết của Ngài trên thập tự (Gi 12:31). Sa-tan là vua chúa thế gian này nhưng là vua bại trận. Nó đã bị xét đoán và kết tội. Mọi sự phải xảy đến khi Chúa tái lâm.

Khi tội nhân bị kết án, người ấy sẽ hiểu được sự ngu xuẩn và sai trái của lòng vô tín. Người ấy sẽ thừa nhận mình không đạt đến sự công bình của Đấng Christ, biết mình bị kết án vì thuộc về thế gian và ma quỉ (Eph 2:1-3). Đấng duy nhất có thể cứu người ấy khỏi tình trạng kinh khiếp này không ai ngoài Chúa Giê-xu Con Đức Chúa Trời. Không thể có sự đổi mới mà không có sự kết tội và không thể có sự kết tội nào mà trong đó Thánh Linh Đức Chúa Trời lại không dùng lời Ngài qua sự làm chứng của một con cái trung tín của Đức Chúa Trời.

Làm chứng cho Đấng Christ là một đặc ân to lớn, cũng là một trách nhiệm quan trọng. Đó là vấn đề về sự sống hoặc sự chết! Thật vậy, chúng ta cần nhờ cậy sức Đức Thánh Linh hướng dẫn mình đến với đúng đối tượng, giúp chúng ta biết nói những lời cần thiết hầu chúng ta có thể quy vinh hiển cho danh Chúa Giê-xu.

3. Đức Thánh Linh là Giáo Sư dẫn dắt Hội Thánh (Gi 16:12-15)

Chúa chúng ta luôn thận trọng dạy các môn đệ những chân lý phù hợp với hoàn cảnh để họ có thể tiếp nhận được. Điều này luôn là đặc điểm của một giáo sư xuất sắc. Ngày nay Đức Thánh Linh là giáo sư của chúng ta, Ngài hành động theo nguyên tắc trên: dạy chúng ta những chân lý cần thiết khi chúng ta có nhu cầu và lúc chúng ta có thể sẵn sàng tiếp nhận.

Khi bạn đối chiếu 14:26 với 16:13, bạn sẽ hiểu phương cách kỳ diệu khi Đức Chúa Trời sắp đặt để viết ra Kinh Thánh Tân Ước. Đức Thánh Linh nhắc nhở các môn đệ về điều Chúa Giê-xu đã dạy họ, nên chúng ta có bốn sách Phúc Âm. Thánh Linh cũng dắt họ vào mọi chân lý, kết quả được thể hiện qua các thư tín. “Ngài sẽ tỏ bày cho các ngươi những sự sẽ đến” câu này nói về những lời tiên tri, đặc biệt ở sách Khải huyền.

Chúng ta cần phải hiểu rằng công việc của Thánh Linh Đức Chúa Trời không bao giờ tách biệt với Chúa Giê-xu hoặc Lời Đức Chúa Trời. “Ngài sẽ làm chứng về ta” (15:26) “Ngài sẽ làm sáng danh ta” (16:11). Những ai tuyên bố rằng Thánh Linh Đức Chúa Trời đã hướng dẫn mình làm những việc trái ngược với mẫu mực của Chúa Giê-xu, hoặc sự dạy dỗ của Lời Đức Chúa Trời, những kẻ ấy đã sai lầm và bị Sa-tan dẫn dụ. Chúa Giê-xu là chân lý (14:6) và lời Đức Chúa Trời cũng là chân lý (17:17), và Đức Thánh Linh là “Thần chân lý”. Nơi đâu Đức Thánh Linh hành động, nơi ấy phải có sự hiện diện của chân lý!

Câu “Ngài không nói tự mình” không có nghĩa là Đức Thánh Linh chẳng bao giờ đề cập đến chính Ngài, vì khi viết Kinh Thánh, Đức Thánh Linh đã chú ý đến chính Ngài. Nhưng câu ấy nghĩa là Ngài không nói điều gì tách biệt với Cha và Con. Ngài cũng không “tạo ra” một sứ

điệp nào khác. Bạn có một Đức Chúa Trời toàn vẹn ở câu Gi 16:13, vì Thánh Linh Đức Chúa Trời không tách biệt với Cha và Con. Cả ba ngôi hành động hiệp nhất.

Sự dạy dỗ của Thánh Linh qua các sứ đồ không khác với sự dạy dỗ của Thánh Linh qua Chúa Giê-xu. Có một số nhà thần học thích so sánh “đạo Cơ Đốc của Đấng Christ” với “Đạo Cơ Đốc của Phao-lô”. Họ tuyên bố rằng Phao-lô đã “phá hỏng” Đạo Cơ Đốc của Chúa khi làm cho Đạo ấy trở nên quá “thần học” và biến “sứ điệp giản đơn” của Chúa Giê-xu Christ ra phức tạp. Thật là lời giải thích đáng buồn! Những điều Chúa phán ở 14:26 và 16:13 bác bỏ hoàn toàn lời giải thích sai lệch trên. Thánh Linh đã bày tỏ những chân lý được chép trong bốn sách Phúc Âm, các thư tín và sách Khải huyền. Ngài cũng ghi lại lịch sử Hội Thánh và giáo lý Ngài qua sách Công vụ.

Công việc của Thánh Linh là khiến chúng ta giàu có bởi của cải chân lý của Đức Chúa Trời. Ngài soi sáng chúng ta bằng chân lý của Đức Chúa Trời và cho chúng ta được giàu có về của cải nơi Đức Chúa Trời. Lời Đức Chúa Trời như một mỏ vàng, bạc, châu báu quý hiếm (Ch 3:13-15 8:10-21). Thật vui mừng thay khi chúng ta để Thánh Linh soi sáng Lời Đức Chúa Trời và bày tỏ Chúa Giê-xu cho chúng ta!

Chúng ta đừng học Lời Đức Chúa Trời với mục đích “tranh cãi về tôn giáo” với kẻ khác hay để “phô trương” sự hiểu biết thuộc linh của mình. Chúng ta hãy học Lời Đức Chúa Trời để thấy Chúa Giê-xu, biết nhiều hơn về Đức Chúa Trời và làm sáng danh Ngài trong đời sống mình. Khi chúng ta chứng đạo giữa thế gian thù địch này, Đức Thánh Linh sẽ dùng lời Kinh Thánh Ngài từng dạy chúng ta, hầu cho chúng ta có thể nói về Chúa Giê-xu cho tội nhân hư mất. Chứng đạo là công việc của chúng ta và cáo trách tội lỗi là công việc của Thánh Linh. Có lẽ một vài người trong chúng ta cần từ bỏ hành động như một uỷ viên công tố để Thánh Linh có thể dùng chúng ta như những chứng nhân trung tín.

17. HÃY VUI MỪNG (Gi 16:16-33)

Đoạn Gi 16:16-33 là phần kết thúc bài giảng của Chúa tại Phòng Cao liên hệ chủ yếu đến những cảm xúc của các môn đệ. Họ đều buồn rầu, bối rối, về lời dạy của Chúa và sợ hãi. Thật là một sự khích lệ khi biết rằng các môn đệ là những con người thật với những nan đề thật, nhưng Chúa vẫn có thể sử dụng họ. Đôi lúc, chúng ta thường có ý nghĩ lầm lẫn khi cho rằng các môn đệ Chúa là những con người khác biệt với chúng ta, được phú cho sự hiểu biết thuộc linh và lòng can đảm phi thường! Nhưng sự thật khác hẳn, họ chỉ là con người bình thường!

Một trong những chủ đề tái hiện ở đoạn này là sự vui mừng (c.20-22,24,33). Mười một sứ đồ hẳn chẳng vui vẻ gì trong đêm ấy! Dầu vậy, Lời Chúa phán với họ đã thay đổi cuộc đời họ sau đó, cũng như lời Ngài đã thay đổi đời sống bạn hôm nay vậy. Bằng sự dịu dàng và ôn tồn, Chúa Giê-xu giải thích cho các sứ đồ phương cách để có sự vui mừng trong đời sống.

1. Một nguyên tắc cần biết (Gi 16:16-22)

Nguyên tắc này đơn giản là: Đức Chúa Trời đem sự vui mừng đến cho đời sống chúng ta, không bởi sự thay thế hay đổi mới nào. Ngài đưa ra ví dụ về người đàn bà sinh con rất rõ ràng. Đứa bé ra đời là nguyên nhân gây đau đớn, cũng là cớ để vui mừng. Qua sự sinh con, Đức Chúa Trời không thay thế điều gì khác để giảm đi cơn đau của người mẹ, nhưng Ngài sử dụng những gì hoàn cảnh đã sẵn có để khiến người mẹ vui mừng.

Cha mẹ nào cũng biết rằng con mình buồn bã khi có một món đồ chơi bị gãy vỡ hoặc bạn của nó bỏ về nhà. Cha mẹ có thể hành động một trong hai cách: thay thế một món đồ khác lấp vào chỗ món đồ chơi bị gãy hay đưa bạn vắng mặt hoặc biến đổi hoàn cảnh ấy thành một kinh nghiệm mới cho đứa con buồn bã của mình. Nếu người mẹ luôn mua một món đồ chơi mới cho đứa trẻ khi đồ chơi cũ của nó bị gãy, đứa trẻ sẽ muốn mọi nan đề của nó phải được giải quyết bằng “sự thay thế”. Nếu người mẹ kêu một đứa trẻ khác đến chơi với con mình, đứa bé sẽ mong muốn người khác phải đến với nó những khi nó gặp khủng hoảng. Cả hai hành động trên đều làm hư đứa bé, khiến nó không thể thích ứng với thực tế.

Phương cách “thay thế” để giải quyết vấn đề là cách hành động thiếu chính chắn. Cách biến đổi là phương cách của đức tin và sự trưởng thành. Chúng ta không thể trưởng thành về tâm linh hoặc cảm xúc mình nếu có ai đó cứ luôn thay thế “những món đồ chơi gãy vỡ” của chúng ta!

Chúa Giê-xu không nói rằng sự đau đớn của người mẹ được thay thế “bằng sự vui mừng, nhưng Ngài muốn nói rằng sự đau đớn ấy được “biến đổi” thành sự vui mừng. Đứa bé ra đời là nguyên nhân gây đau đớn, cũng là cơ để vui mừng! Đây là điều xảy đến trong đời sống Cơ Đốc nhân: Đức Chúa Trời sử dụng những hoàn cảnh dường như bế tắc để ban sự màu nhiệm và ơn phước Ngài, hầu biến đổi thử thách ra đắc thắng, buồn rầu thành vui mừng. “Giê-hô-va Đức Chúa Trời... đổi sự rủa sả ra sự chúc phước cho người” (Phu 23:5 Ne 13:2).

Giô-sép bị các anh bán làm nô lệ, bị quan thị vệ Phô-ti-pha cầm tù như kẻ phạm tội, nhưng Đức Chúa Trời đã biến đổi hoàn cảnh vô vọng của sự thất bại ấy ra sự thành công. Sự bắt bớ dân Y-sơ-ra-ên của người Ai Cập càng khiến dân Y-sơ-ra-ên sinh sản nhiều và thịnh vượng hơn. Mưu giết hại Đa-vít của Sau-lơ khiến Đa-vít càng gần Đức Chúa Trời hơn, giúp cho những vần thơ trong Thi-thiên được viết ra, khích lệ biết bao tấm lòng hôm nay. Thậm chí khi Chúa Giê-xu mang lấy thập tự giá một dấu hiệu của sự thất bại và nhục nhã, Ngài đã đổi hình ảnh thập tự thành một biểu tượng của sự đắc thắng và vinh hiển.

Giờ đây, khi đã hiểu nguyên tắc nêu trên, chúng ta có thể hiểu rõ hơn những nan đề và thách mắc của các môn đệ Chúa.

Trong Gi 16:16, Chúa Giê-xu cho các môn đệ biết rằng ít lâu nữa họ sẽ không thấy Ngài và ít lâu nữa họ sẽ gặp lại Ngài. Đây là câu nói khiến các môn đệ bối rối và không sao hiểu được. Điều này khích lệ tôi những khi tôi học Kinh Thánh mà không hiểu một số câu. Ngay cả môn đệ Chúa cũng đã trải qua những ngày tháng không có sự hiểu biết về thuộc linh!

Chúa Giê-xu muốn nói gì? Có lẽ Ngài nói về những sự kiện sắp xảy ra có liên quan đến sự chết và sống lại của Ngài. Sau khi Ngài chết, các môn đệ sẽ không thấy Ngài ít lâu và sau khi Ngài từ cõi chết sống lại, họ sẽ gặp Ngài. Với những cơ hội quý báu này, Ngài cho họ biết trước rằng Ngài sẽ sống lại từ cõi chết sau ba ngày, nhưng lời Ngài phán chẳng đi vào tâm trí họ!

Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng Chúa trước tiên nói về việc Ngài sẽ trở về cùng Cha (“vì ta đi về cùng Cha” – Gi 16:16). Điều này được nói ở 16:10, “vì ta đi đến cùng Cha, và các ngươi chẳng thấy ta nữa”). Các môn đệ không thể sống cho đến ngày Chúa tái lâm, nhưng họ đã chết và gặp Ngài khi bước vào sự vinh hiển. So với sự vĩnh cửu thời gian Hội Thánh chờ đợi Chúa tái lâm thật sự chỉ là “ít lâu” (IICo 4:16-18). Thật vậy, nhóm từ “ít lâu” được sử dụng theo đúng

nghĩa này ở He 10:37 “Còn ít lâu, thật ít lâu nữa, thì Đấng đến sẽ đến, Ngài không chậm trễ đâu”.

Thay vì xin Chúa giải thích lời Ngài, các môn đệ lại bắt đầu bàn luận với nhau, như thể họ không muốn thừa nhận sự thiếu hiểu biết của mình. Còn bạn cũng đừng mất thời gian tranh luận về sự thiếu hiểu biết của mình! Ngay khi chúng ta đến với Chúa và xin Ngài giúp đỡ, đó là lúc ta học được những bài học ý nghĩa cho đời sống mình.

Ai Cập rất “vui mừng” khi dân Y-sơ-ra-ên ra đi (Thi 105:38) và thế gian cũng “đắc ý” khi Chúa Giê-xu không còn hiện diện trên đất. Cả các nhà lãnh đạo tôn giáo và chính trị thời bấy giờ rất muốn những tín hữu đầu tiên phải chết, hầu phong trào Cơ Đốc giáo” sẽ bị dập tắt. Nhưng tình hình không như họ muốn. Chúa Giê-xu đã sai Thánh Linh Ngài đến với Hội Thánh, và Hội Thánh đã rao lời Ngài khắp đất. Các tín hữu ban đầu rất vui mừng dù bị bắt bớ (Cong 5:41).

Đối với sự đau đớn của người mẹ khi sinh con, một phút “dài” như một giờ! Ý niệm của chúng ta về thời gian cũng hay đổi theo cảm xúc của bản thân. 30 phút ngồi trên ghế nha sĩ khác nào như “mấy tiếng đồng hồ”, nhưng vài giờ đi câu hoặc dự tiệc với bạn bè dường như chỉ là “giây lát”. Người mẹ cảm thấy thời gian sinh con thật dài, nhưng thật sự đó chỉ là “ít lâu”. Lúc đứa bé ra đời, nỗi đau đớn kia tan biến khi niềm vui tràn ngập lòng mẹ.

Hôm nay thế gian không cần đến Chúa Giê-xu hoặc Hội Thánh Ngài. Họ vui mừng khi chúng ta chịu khổ để chờ Chúa tái lâm. Thật vậy, muôn vật đều “thở than” vì tội lỗi và trông mong sự trở lại của Chúa (Ro 8:22). Khi chàng rể ra đi, nàng dâu vô cùng buồn bã (Mat 9:15). Nhưng chỉ “ít lâu nữa” Chúa sẽ trở lại và chúng ta sẽ đồng đi với Ngài đến thiên quốc để vui sống trong nhà Cha.

Trong lúc áp dụng tức thời có thể được dành cho các môn đệ đang đau buồn thì áp dụng cơ bản được dành cho tất cả con dân Chúa trong lúc chờ đợi sự hồi lai của Chúa Giê-xu Christ. Đối với chúng ta, sự chờ đợi dường như quá dài, nhưng Đức Chúa Trời không tính thời gian theo cách chúng ta (II Phi 3:1-22). Trong khi chờ đợi, chúng ta phải xem những thử thách đau đớn trên nền tảng của sự “biến đổi” chứ không phải “thay thế” nếu chúng ta thật sự mong muốn được trưởng thành trong đời sống Cơ Đốc nhân.

2. Một lời hứa đáng tin (Gi 16:23-28)

Chủ đề trọng tâm ở đoạn này là sự cầu nguyện: *“Hãy cầu xin đi, các ngươi sẽ được, hầu cho sự vui mừng các ngươi được trọn vẹn”* (Gi 16:24)

Trong 16:23 thời điểm Chúa muốn nói “trong ngày đó” là khi nào tôi cho rằng Ngài nói đến thời điểm sau khi Đức Thánh Linh giáng lâm. Trong 16:22, Ngài hứa với các môn đệ rằng Ngài sẽ gặp lại họ và Ngài đã thành tín với Lời phán ấy. Lúc ở cùng môn đệ suốt 40 ngày sau khi phục sinh, Chúa dạy họ tường tận những lẽ thật quan trọng để họ có thể thay Ngài thi hành chức vụ trên đất (Cong 1:3). “Trong ngày đó” không thể là ngày Chúa tái lâm tiếp rước Hội Thánh, vì không có chứng cứ nào trong Kinh Thánh cho thấy chúng ta cầu nguyện với Chúa sau khi đến thiên đàng.

Chúa biết các môn đệ muốn hỏi Ngài một vấn đề (Gi 16:19). Ngài yên ủi họ rằng chẳng bao lâu họ sẽ chẳng hỏi Ngài điều chi. Nhưng họ sẽ cầu nguyện với Cha trên trời và Ngài đáp

ứng mọi nhu cầu cho họ. Đây là lời hứa họ phải hết lòng tin cậy: Cha yêu họ, nên lắng nghe mọi lời họ cầu xin và thoả đáp nhu cầu họ. Khi sống trên đất, Chúa Giê-xu đã đáp ứng mọi nhu cầu của các môn đệ. Giờ đây, dù Ngài trở về cùng Cha, nhưng Cha sẽ đáp ứng nhu cầu họ. Đây là lời hứa kỳ diệu và một đặc ân lớn lao của sự cầu nguyện.

Chúa chúng ta đề cập nhiều lần về sự cầu nguyện trong lời giảng dạy của Ngài. Ngài đã làm gương về tinh thần cầu nguyện qua đời sống của chính Ngài. Ngài thật sự là Con người chuyên tâm cầu nguyện. Trong bài giảng tại Phòng Cao, Ngài đặc biệt nhấn mạnh về sự cầu nguyện (Gi 14:12-14 15:7,16 16:23-26). Ngài giải thích rằng sự cầu nguyện với lòng tin cậy là một trong những bí quyết của đời sống Cơ Đốc nhân kết quả.

Trong Gi 16:25-27, Chúa cho biết do sự phục sinh và thăng thiên của Ngài cũng như sự giáng lâm của Đức Thánh Linh, một hoàn cảnh mới sẽ xảy đến. Ngài sẽ không còn nói với các môn đệ rằng những thuật ngữ đòi hỏi sự khôn ngoan về tâm linh mới có thể hiểu. Nhưng Ngài sẽ phán trực tiếp với họ để bày tỏ về Cha cho họ. Tại Phòng Cao, Ngài sử dụng một số hình ảnh tượng trưng để gợi cảm sứ điệp Ngài trong đó: hành động rửa chân các môn đệ, Nhà Cha, gốc nho và nhánh, sự sinh con. Trong những ngày kế tiếp, những hình ảnh ấy sẽ rõ ràng hơn đối với họ khi được Thánh Linh Đức Chúa Trời dạy dỗ.

Mục đích của việc học Kinh Thánh không chỉ đơn giản là hiểu biết những chân lý thêm sâu, nhưng nhằm biết rõ hơn về Cha trên trời. “Ta sẽ nói rõ ràng về Cha cho các ngươi” (Gi 16:25). Nếu việc đọc và học Kinh Thánh của chúng ta không có mục đích này, việc học ấy chẳng đem lại ích lợi gì.

Không những sẽ có một hoàn cảnh mới trong sự dạy dỗ, nhưng cũng có hoàn cảnh mới trong sự cầu nguyện của các các môn đệ. Chúa đã bày tỏ điều này ở Gi 16:23. Ngài sẽ trở về cùng Cha trên trời, ở đó Ngài thi hành chức vụ như thầy tế lễ Thượng phẩm của chúng ta để cầu thay cho chúng ta (Ro 8:34 He 7:25), vì Ngài cũng là Đấng Cầu Thay (1Gi 2:1). Là Thầy Tế lễ Thượng phẩm, Chúa Giê-xu ban ơn cho chúng ta và giúp chúng ta lánh xa tội lỗi. Là Đấng Cầu Thay, Ngài phục hồi địa vị chúng ta khi chúng ta xưng nhận tội lỗi mình. Công việc Ngài nơi thiên đàng giúp ta có thể làm chứng cho Đức Chúa Trời trên đất này bởi quyền năng Đức Thánh Linh.

Khi đọc sách Công vụ, bạn sẽ khám phá rằng Hội Thánh ban đầu đã sống bằng sự cầu nguyện. Họ tin nơi mọi lời hứa Đức Chúa Trời nên cầu xin Ngài những điều họ cần. Nếu đều đặn tra xem lại những lời Chúa Giê-xu dạy dỗ về sự cầu nguyện qua bài giảng tại Phòng Cao này, hẳn sẽ rất ích lợi cho mọi con cái Đức Chúa Trời. Niềm vui mừng thật sự được bày tỏ qua sự cầu nguyện và sự nhậm lời của Chúa. Niềm vui mừng cũng hiện diện trong việc đáp ứng những yêu cầu Chúa đặt ra cho lời cầu nguyện có hiệu lực. Tôi nhớ George Muller đã nói “Lời cầu nguyện chân thật không thắng được sự miễn cưỡng của Đức Chúa Trời, nhưng khiến Đức Chúa Trời hài lòng”.

Sự vui mừng hiện diện trong sự cầu nguyện và trong việc nhận biết nguyên tắc về “sự biến đổi”. Chúa Giê-xu cũng nói về một dạng vui mừng thứ ba, đó là niềm vui được dự phần trong sự đắc thắng của Chúa Giê-xu đối với thế gian.

3. Một địa vị cần tuyên bố (Gi 16:29-33)

Trong câu Gi 16:29-30 các môn đệ bất ngờ thoát ra khỏi sự “ngớ ngẩn” thuộc linh và tuyên bố một lời mạnh mẽ về đức tin. Trước hết họ khẳng định rằng họ hiểu những điều Chúa đã dạy, mặc dù lời tuyên bố của họ dường như “táo bạo” cũng như những hành động kế tiếp của họ vậy. Dường như họ không hiểu ý nghĩa về sự sống lại Chúa đã báo trước. Họ cũng bối rối về tương lai của Y-sơ-ra-ên sau khi Chúa phục sinh (Cong 1:6). Tôi không có ý chỉ trích họ, vì hôm nay chúng ta cũng có nhiều khiếm khuyết khi hiểu Lời Chúa. Tôi chỉ muốn nêu lên rằng sự tuyên bố của các môn đệ có phần hơi táo bạo.

Họ không chỉ khẳng định sự hiểu biết của mình mà còn tuyên bố về đức tin và sự biết chắc của họ. “Chúng tôi biết... chúng tôi tin...” Đây hoàn toàn là câu nói của đức tin, và tôi tin rằng Chúa cũng hài lòng với câu nói ấy. Trong lời cầu nguyện của Chúa được chép ở đoạn kế tiếp, Chúa trình với Cha về các môn đệ Ngài và về tình trạng thuộc linh của họ (Gi 17:6-8). Chúa hẳn biết rõ sự yếu đuối của họ, nhưng Ngài cũng thừa nhận ngay những bằng cớ về sự tăng trưởng của họ trong đức tin và sự hiểu biết. Nhưng con người có thể có đức tin, sự thông hiểu, sự trông cậy nhưng vẫn làm Chúa buồn lòng. Nếu chúng ta không đem đức tin vào thực tiễn, ứng dụng sự hiểu biết và yên nghỉ nơi sự trông cậy, chúng ta sẽ thất bại khi gặp thử thách. Đó là điều đã xảy đến với các môn đệ, và Chúa cho họ biết rằng hoàn cảnh ấy sẽ đến với họ.

Trước đó, Chúa cho Phi-e-rơ biết ông sẽ chối Ngài, nhưng giờ đây Ngài cho tất cả các môn đệ biết họ sẽ lìa bỏ Ngài. Ở đây Giăng không trích dẫn lời tiên tri trong Kinh Thánh Cựu Ước (Xa 13:7) được chép lại ở Mat 26:31 Câu nói này của Chúa có lẽ là lời khuyên Phi-e-rơ đừng đi theo Ngài khi Ngài bị bắt. “Hãy để cho những kẻ này đi” là lời Chúa nói trong vườn (Gi 18:8), khi Ngài biết việc các môn đệ nấn ná lại sẽ không an toàn cho họ.

Chúa hứa Ngài sẽ chẳng bao giờ lìa bỏ chúng ta (Mat 28:20 He 13:5), vậy mà các môn đệ lại lìa bỏ Ngài. Phi-e-rơ, Gia-cơ, Giăng cùng Chúa đi vào vườn nhưng sau đó họ ngủ say. Chúa biết Ngài được Cha ở cùng. “Ta không ở một mình, nhưng Cha là Đấng đã sai ta đến vẫn ở cùng ta” (Gi 8:16). “Đấng đã sai ta đến vẫn ở cùng ta chẳng để ta ở một mình” (8:29). Con được yên ủi biết bao khi biết mình đang làm theo ý muốn Cha và có thể cậy nơi sự giúp sức của Cha.

Tuy nhiên, đã có lúc, Chúa thật sự cảm nhận sự thiếu vắng của Cha: “Đức Chúa Trời tôi ơi, sao Ngài lìa bỏ tôi?” (Mat 27:46 Thi 22:1). Khi Chúa gánh tội thay chúng ta, Ngài bị phân cách với Đức Chúa Trời. Ngài chịu sự cô đơn hầu chúng ta chẳng bao giờ ở một mình. Ngài bị lìa bỏ để chúng ta chẳng bao giờ bị bỏ ra ngoài.

Câu 33 là lời tóm tắt, cũng là đỉnh điểm của bài giảng tại Phòng Cao. Vì sao Chúa rao sứ điệp này? Hầu cho các môn đệ có sự bình an giữa thế gian đầy khốn khổ này. Bạn hãy so sánh giữa “ở trong ta” với “ở trong thế gian”. Ở trong Đấng Christ, có sự bình an nhưng ở trong thế gian có sự hoạn nạn. Đây là vị trí ta cần tuyên bố ra: Chúng ta là người ở trong Đấng Christ nên có thể thắng thế gian và mọi sự thù địch của nó.

George Morrison định nghĩa sự bình an là “chủ hữu nguồn tài nguyên thoả đáng”. Trong Chúa Giê-xu, chúng ta có mọi sự mình cần. Nhưng sự bình an cũng phụ thuộc nơi mối liên hệ đúng đắn, vì của cải thuộc linh tùy thuộc vào mối liên hệ thuộc linh. Chìa khoá chính là “ở trong ta”. Trong chính bản thân, chúng ta chẳng có gì, nhưng “trong Đấng Christ”, chúng ta có mọi sự mình cần.

Mỗi Cơ Đốc nhân đều là người đắc thắng: “sự thắng hơn thế gian ấy là đức tin của chúng ta” (IGi 5:4). Thế gian muốn thắng hơn chúng ta và đó là lý do Sa-tan “mượn tay” thế gian để bắt bớ và đàn áp Cơ Đốc nhân. Thế gian chỉ muốn chúng ta “rập khuôn” theo nó, chứ không muốn chúng ta khác biệt. Khi chúng ta đầu phục Đấng Christ và tin cậy nơi Ngài, Ngài sẽ giúp chúng ta đắc thắng. Chúng ta phải xác nhận địa vị thuộc linh của mình trong Đấng Christ và tin Ngài để được đắc thắng.

“Hãy vững lòng” là lời yên ủi của Chúa được lập lại nhiều lần, nghĩa là “hãy vui mừng!”. Cũng có câu “hãy vững lòng” nói về sự tha tội của Chúa (Mat 9:1-8), về quyền năng Ngài (Mat 9:18-22) và về sự hiện diện của Ngài (Mat 14:22-27). Trong Gi 16:33 này Chúa rao ra niềm vui về sự đắc thắng của Ngài đối với thế gian. Chúng ta cũng là kẻ đắc thắng vì Chúa trước hết đã chiến thắng thay chúng ta.

Khi xem lại đoạn Kinh Thánh này, chúng ta có thể thấy rằng ba cách giải thích của Chúa hợp nhất với nhau. Ngài bày tỏ một nguyên tắc kỳ diệu: Đức Chúa Trời biến đổi sự buồn rầu ra vui mừng. Tuy nhiên, nguyên tắc này chỉ hành động trên đời sống chúng ta khi chúng ta cầu nguyện và tin nơi lời hứa Ngài. Đức Chúa Trời đã định rằng công việc Ngài phải được thực hiện qua sự cầu nguyện với lòng tin cậy. Chúng ta sẽ không thể cầu nguyện có hiệu quả nếu không xác nhận ra địa vị đắc thắng của mình trong Đấng Christ.

Câu 33 cũng là câu mở đầu cho lời cầu nguyện của Chúa như Thầy tế lễ thượng phẩm cao trọng. Ngài từng dạy dỗ về Lời Đức Chúa Trời cho các môn đệ và giờ đây Ngài cầu nguyện cho họ. Lời Đức Chúa Trời và sự cầu nguyện phải luôn đi đôi với nhau (Cong 6:4). Chúa dùng từ “thế gian” 17 lần trong lời cầu nguyện này, vì qua đó Ngài bày tỏ cho chúng ta biết cách đắc thắng thế gian. Chính Ngài đã đương đầu với sự ghen ghét của thế gian và ma quỷ, nhưng Ngài có thể chịu đựng sự thương khó ấy và đắc thắng.

Có sự vui mừng khi chúng ta bằng lòng để Đức Chúa Trời biến đổi sự buồn rầu thành vui mừng. Có sự vui mừng khi chúng ta được Đức Chúa Trời nhậm lời cầu nguyện. Và cũng có sự vui mừng khi chúng ta đắc thắng thế gian.

Hãy vui mừng!

18. LỜI CẦU NGUYỆN CỦA Đấng ĐẮC THẮNG (Gi 17:1-26)

Hầu hết các học giả Kinh Thánh đều muốn bốn sách Phúc Âm được hài hoà với lời cầu nguyện của Chúa (được chép trong Gi 17:1-26) tại Phòng Cao sau khi chấm dứt lời giảng dạy cho các môn đệ. Sau đó, Ngài cùng môn đệ hát thánh thơ về lễ Vượt Qua của dân Y-sơ-ra-ên, rời phòng cao, đến vườn Ghết-sê-ma-nê nơi Chúa thường gặp các môn đệ, và Ngài cầu nguyện (Mat 26:30-46 Mac 14:26-42).

Dù Chúa cầu nguyện nơi Phòng Cao hay trong vườn Ghết-sê-ma-nê, đó vẫn là lời cầu nguyện vĩ đại nhất trên đất và cũng là lời cầu nguyện vĩ đại nhất được chép trong Kinh Thánh. Giăng 17 hẳn là đoạn thiêng liêng nhất trong cả Phúc Âm. Chúng ta phải xem đoạn Kinh Thánh này trong tinh thần khiêm cung và thờ phượng. Chúng ta được đặc ân lắng nghe Con Đức Chúa Trời thưa chuyện cùng Cha Ngài trước khi Ngài sắp phó mạng sống mình làm giá cứu chuộc tội nhân.

Cho dù hoàn cảnh nào đã xảy đến vào đêm ấy, lời cầu nguyện của Chúa chứng tỏ Ngài đã và đang là Đấng chiến thắng, Ngài không phải là một “nạn nhân, Ngài là Đấng đắc thắng! Ngài khích lệ các môn đệ rằng: *“Hãy cứ vững lòng, ta đã thắng thế gian rồi!”* (Gi 16:33). Từ thế gian được sử dụng 17 lần trong lời cầu nguyện này, vì vậy rất dễ thấy sự liên hệ giữa lời cầu nguyện của Chúa với Gi 16:33. Nếu bạn với tôi hiểu và áp dụng những chân lý bày tỏ qua lời cầu nguyện sâu sắc này, chúng ta cũng sẽ đắc thắng mọi sự.

Tiến trình của tư tưởng trong lời cầu nguyện này không khó hiểu lắm. Chúa Giê-xu trước hết đã cầu nguyện cho chính Ngài và trình cho Cha biết công việc trên đất của Ngài đã hoàn tất (Gi 17:1-5). Sau đó Ngài cầu thay cho các môn đệ, cầu xin Cha gìn giữ và thánh hóa họ (17:6-19). Ngài kết thúc lời cầu nguyện khi cầu thay cho bạn, cho tôi và cả Hội Thánh, hầu cho chúng ta có thể hiệp một trong Ngài và dự phần vinh hiển của Ngài trong tương lai (17:20-26).

Vì sao Chúa cầu nguyện những lời này? Chắc hẳn Ngài muốn chuẩn bị cho chính mình để chịu sự thương khó sắp đến. Khi Ngài nghĩ đến sự vinh hiển Cha đã hứa, Ngài nhận được sức mới để chịu sự thương khó (He 12:1-3). Ngài cũng nhớ đến các môn đệ (Gi 17:13). Lời cầu nguyện này yên ủi các môn đệ biết bao! Ngài cầu xin cho các môn đệ để họ được bình an, vui mừng, hiệp một và được vinh hiển trong tương lai. Ngài cũng cầu nguyện cho chúng ta hôm nay, hầu cho chúng ta có thể biết mọi điều Ngài làm cho chúng ta và ban cho chúng ta, cũng như mọi điều Ngài sẽ làm cho chúng ta khi chúng ta đến thiên đàng.

Trong lời cầu nguyện này, Chúa bày tỏ bốn đặc ân kỳ diệu chúng ta có trong địa vị con cái Ngài, những đặc ân giúp chúng ta đắc thắng.

1. Chúng ta dự phần sự sống của Chúa (Gi 17:1-5)

Mở đầu bài cầu nguyện Chúa cầu xin cho chính Ngài, nhưng trong sự cầu xin cho bản thân, Chúa cũng cầu thay cho chúng ta. Tiến sĩ R. A. Torrey nói rằng: “Một lời cầu nguyện cho bản thân chưa hẳn là lời cầu nguyện ích kỷ”. Khi xem xét những lời cầu nguyện trong Kinh Thánh, ta sẽ thấy rằng câu nói trên rất hợp lý. Gánh nặng của Chúa là sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, và sự vinh hiển ấy được bày tỏ qua công việc Chúa hoàn tất trên cây thập tự. Vì đầy tớ của Đức Chúa Trời có toàn quyền cầu xin Cha Ngài giúp đỡ để làm vinh hiển danh Cha. “Danh Cha được nên thánh” là lời đầu tiên trong bài cầu nguyện chung (Mat 6:9) và đó cũng là vấn đề Chúa trình bày đầu tiên trong lời cầu nguyện của Ngài.

Câu “Thưa Cha, giờ đã đến” nhắc ta nhớ rằng nhiều lần trong Phúc Âm Giăng đề cập đến từ “giờ” bắt đầu ở Gi 2:4 (xem đoạn 1 của Phúc Âm Giăng) Chúa Giê-xu đã sống theo một thời gian biểu từ trời khi Ngài hiện diện trên đất và Ngài biết Ngài đang làm theo ý Cha. “Kỳ mạng tôi ở nơi tay Chúa” (Thi 31:15).

Từ quan trọng “vinh hiển” được sử dụng bốn lần trong phân đoạn này, nên chúng ta phải phân biệt cẩn thận những lần Chúa đề cập đến từ “vinh hiển” với ý khác nhau. Trong 17:5 Ngài nhắc đến sự vinh hiển Ngài vốn có từ trước nơi Cha, là sự vinh hiển Ngài vui lòng từ bỏ khi giáng sinh nơi thế gian để hầu việc, chịu thương khó và chết. Trong Gi 17:4, Ngài thưa với Cha rằng đời sống và chức vụ trên đất của Ngài đã làm vinh hiển danh Cha, vì Ngài đã hoàn thành công việc Cha giao cho. Trong 17:1,5, Chúa cầu xin Cha ban lại cho Ngài sự vinh hiển vốn có của Ngài, hầu cho Con Đức Chúa Trời có thể làm vinh hiển Cha khi trở về thiên đàng.

Từ “vinh hiển” được sử dụng 7 lần trong lời cầu nguyện này, vì vậy sự vinh hiển là chủ đề chính. Chúa đã làm vinh hiển Cha qua những phép lạ Ngài làm (Gi 2:11-11:40) nhưng chắc hẳn sự vinh hiển vĩ đại nhất Ngài dành cho Cha được thể hiện qua sự thương khó và sự chết của Ngài (12:23-25 13:31-32). Theo quan điểm con người, Gô-gô-tha là nơi phô bày tội lỗi kinh khiếp của loài người, nhưng đối với Đức Chúa Trời, thập tự giá đã bày tỏ và tôn cao ân phước cũng như sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Chúa Giê-xu biết trước về việc Ngài sẽ trở về trời khi nói rằng “Con... làm xong công việc Cha giao cho làm” (17:4). “Công việc” này bao gồm những sứ điệp và phép lạ Ngài thực hiện trên đất (5:17-19), việc huấn luyện dạy dỗ các môn đệ để chuẩn bị cho chức vụ của họ trong tương lai, và quan trọng nhất là sự hy sinh của Ngài trên thập tự giá (He 9:24-28 10:11-18).

Trên nền tảng của “công việc” đã được hoàn tất này, tín hữu chúng ta được ban cho sự sống đời đời (17:2-3). Từ “ban cho” được sử dụng nhiều lần trong lời cầu nguyện của Chúa. Có 6 lần Ngài nói rằng những người tin nhận là tặng phẩm của Cha cho Con (Gi 17:2,6,9,11,12,24). Chúng ta thường nghĩ về Chúa Giê-xu như tặng phẩm của Đức Chúa Trời cho chúng ta (3:16), còn Chúa lại xác định rằng những kẻ tin nhận là món quà tình yêu Cha ban cho Con yêu dấu của mình!

“Sự sống đời đời” là một chủ đề quan trọng trong Phúc Âm Giăng được nhắc đến ít nhất 17 lần. Sự sống ấy là “món quà vô điều kiện” Đức Chúa Trời ban cho những ai tin nơi Con Ngài (3:15-16 6:47 10:28). Cha cũng cho Con quyền ban sự sống đời đời trên những kẻ Cha giao cho Con. Đối với con người, chúng ta nhận được món quà của sự sống đời đời khi tin nhận Chúa Giê-xu. Nhưng theo quan điểm Đức Chúa Trời, chúng ta là những người được Đức Chúa Trời chọn lựa và giao cho Con Ngài (Chúa Giê-xu). Đây là một sự mầu nhiệm mà trí tuệ con người không thể hiểu đầy đủ hoặc giải thích được. Chúng ta phải tiếp nhận điều ấy bằng đức tin!

Nhưng “sự sống đời đời” là gì? Đó là việc nhìn biết Đức Chúa Trời của mỗi cá nhân. Không chỉ biết Ngài, con người còn phải có mối liên hệ mật thiết với Ngài bởi đức tin nơi Chúa Giê-xu. Chúng ta không thể biết Cha mà không biết Con (14:6-11). “Tin Đức Chúa Trời” chưa đủ, vì điều đó không bao giờ cứu được tội nhân hư mất khỏi hoả ngục đời đời. “Ma quỷ cũng tin như vậy và run sợ” (Gia 2:19). Lời bàn luận của Chúa Giê-xu trước các quan Do Thái cho thấy rõ con người có thể rất mộ đạo nhưng vẫn không biết Đức Chúa Trời. Sự sống đời đời không phải là điều chúng ta tạo ra được bởi phẩm cách hay đạo đức của riêng mình. Đó là món quà chúng ta đón nhận khi nhìn biết mình là tội nhân, ăn năn và tin cậy nơi một mình Chúa Giê-xu mà thôi.

Cha nhận lời cầu xin của Con và ban sự vinh hiển cho Con. Hôm nay, nơi thiên đàng có sự hiện diện của một Con người vinh hiển, Con người ra từ Đức Chúa Trời, đó là Chúa Giê-xu! Bởi Ngài được vinh hiển nơi thiên đàng, nên tội nhân trên đất có thể được cứu rỗi. Bất cứ ai tin cậy Chúa Giê-xu sẽ đón nhận món quà của sự sống đời đời.

Vì chúng ta có sự sống của Chúa, nên luôn đắc thắng. Chúng ta cũng sự phần sự đắc thắng của Ngài! “Hễ sự gì sinh bởi Đức Chúa Trời, thì thắng hơn thế gian và sự thắng hơn thế gian, ấy là đức tin của chúng ta” (1Gi 5:4). Khi được sinh ra lần đầu tiên, bạn thuộc dòng dõi “A-đam” và là kẻ hư mất. Khi bạn được tái sinh bởi đức tin nơi Đấng Christ, bạn là người đắc thắng! Sa-tan luôn tìm cách che khuất chân lý quý báu về công việc được làm trọn của

Đấng Christ, vì nó biết rằng đây là nền tảng cho sự đắc thắng thuộc linh. “Chúng đã thắng nó (Sa-tan) bởi huyết Chiên Con” (Kh 12:11). Đừng để Sa-tan tước mất nơi bạn quyền năng đắc thắng bởi công việc Chúa Giê-xu đã làm trọn!

2. Chúng ta biết danh Ngài (Gi 17:6-12)

Chúa Giê-xu được ban cho sự sống đời đời của chính Ngài (Gi 17:2). Nhưng Ngài cũng bày tỏ cho các môn đệ về danh Cha Ngài (17:6). Dân Do Thái thời Cựu Ước từng biết danh Đức Chúa Trời của họ là “Giê-hô-va”, (Exe 3:11-14). Chúa Giê-xu từng phán về Ngài khi sử dụng những chữ “TA LÀ...” để các môn đệ hiểu ý nghĩa của Lời Ngài: “*Ta là bánh của sự sống*” (Gi 6:35) “*Ta là sự sáng của thế gian*” (8:12) “*Ta là người chăn chiên hiền lành*” (10:11) v.v.. Nói cách khác, Chúa đã bày tỏ danh vinh hiển của Cha Ngài khi cho các môn đệ biết Ngài là tất cả những gì họ cần.

Nhưng danh Cha không chỉ bao hàm có thể, vì Chúa Giê-xu cũng cho môn đệ biết Đức Chúa Trời là Cha trên trời của họ. Từ “Cha” được sử dụng 53 lần trong Gi 13:1-17:26 và 122 lần trong toàn sách Phúc Âm Giăng. Qua những sứ điệp Chúa rao cho dân Do Thái, Ngài giải thích rằng Cha đã sai Ngài đến, Ngài là một với Cha, Lời Ngài từ Cha mà đến. Đó là lời tuyên bố rõ ràng về thần tính Chúa, nhưng dân sự không muốn tin Ngài.

Trong Kinh Thánh, “danh” thường chỉ về “bản tính”, vì đa số các tên gọi đều được dùng để bày tỏ, bản tính đặc biệt của người mang tên ấy. Gia-cốp là người “muru mô” nên tên của ông theo tên gốc Do Thái nghĩa là “chiếm vị”, gài bẫy” hoặc “lừa dối” (Sa 25:26). Tên của Y-sác nghĩa là “vui cười” (Sa 21:6) vì ông đã khiến cho Áp-ra-ham và Sa-ra vui mừng. Tên của Chúa Giê-xu cũng bày tỏ rằng Ngài là Đấng Christ (Mat 1:21).

“Con đã tỏ danh Cha ra” có nghĩa là “Con đã bày tỏ bản tính của Cha”. Giải bày “về Cha là một trong những công việc của Con (Gi 1:18). Theo tiếng Hy Lạp “giải bày” có nghĩa như “bộc lộ, dẫn dắt, chỉ đường. Chúa Giê-xu không bày tỏ Cha một cách bất ngờ trong ánh sáng rực rỡ của sự vinh hiển, vì các môn đệ không thể “chịu nổi” kinh nghiệm này. Dần dần, qua lời Ngài và việc Ngài làm, Ngài bày tỏ cho họ biết bản tính Đức Chúa Trời khi họ có thể tiếp nhận được (16:12).

Trọng tâm của phân đoạn này nói về sự bình an của người tin Chúa Đức Chúa Trời luôn gìn giữ những người thuộc về Ngài (Gi 17:11-12). Sự bình an chúng ta có không tùy thuộc nơi phẩm cách hay đạo đức của bản thân chúng ta, nhưng do nơi bản tính Đức Chúa Trời. Khi sống trên đất, Chúa Giê-xu đã gìn giữ các môn đệ để họ có thể nhờ cậy nơi Ngài. “Con gìn giữ họ trong danh Cha” (17:12). Nếu Đấng Christ bị hạn chế trong thân vị con người, còn có thể gìn giữ các môn đệ khi Ngài sống trên đất, vậy Ngài há không thể giữ họ ngay hôm nay khi Ngài được vinh hiển nơi thiên đàng hay sao? Cha, Con và Đức Thánh Linh hẳn có thể bảo vệ và ban sự bình an cho mọi kẻ thuộc về Đức Chúa Trời!

Hơn thế, những người thuộc về Đức Chúa Trời là tặng phẩm của Cha cho Con. Lễ nào Cha lại ban cho Con món quà không có giá trị bền lâu? Các môn đệ đã thuộc về Cha qua sự thọ tạo và giao ước Ngài (vì họ là người Do Thái), nhưng giờ đây họ cũng thuộc về Con. Trước mặt Chúa, chúng ta có giá trị biết bao! Ngài không những gìn giữ chúng ta mà còn cầu thay chúng ta nữa! Khi nào bạn cảm thấy Chúa “quên” bạn, hay tình yêu Ngài dường như “quá xa”, hãy đọc Ro 8:28-29 để có sự vui mừng!

Sự bình an của chúng ta cũng thể hiện ở phương diện khác: chúng ta phải tôn vinh Chúa (Gi 17:10). Qua mọi thất bại và lầm lỗi, các môn đệ vẫn được đề cao: “Con nhân họ được tôn vinh”. Liệu Đức Chúa Trời có được vinh hiển khi một người nào đó thuộc về Ngài, tin nơi Chúa Giê-xu, nhưng không thể đến được thiên đàng? Hẳn là không! Khi dân Y-sơ-ra-ên phạm tội, Môi-se luận rằng: “Sao để cho người Ê-díp-tô nói rằng: Ngài đưa chúng nó ra khỏi xứ đặng làm hại cho, giết đi tại trong núi, cùng diệt chúng nó khỏi mặt đất?” (Xu 32:12). Đức Chúa Trời dĩ nhiên biết rõ mọi sự, vậy sao Ngài cứu họ khi biết họ sẽ sa ngã trên đường? Điều gì Đức Chúa Trời đã bắt đầu thực hiện, Ngài sẽ làm cho trọn (Phi 1:6).

Đức Chúa Trời chu cấp cho chúng ta mọi nguồn tài nguyên thiêng liêng để tôn vinh Ngài và giữ lòng trung tín. Chúng ta có Lời Ngài (Gi 17:7-8) và Lời ấy bày tỏ cho chúng ta mọi điều mình có trong Chúa Giê-xu, giúp ta được trung tín và vững lòng. Chúng ta cũng có Con Đức Chúa Trời là Đấng cầu thay cho mình (Gi 17:9 Ro 8:34 He 4:14-16). Vì Cha luôn nhậm lời Con (Gi 11:41-42) nên sự cầu thay này giúp chúng ta có sự bình an và lòng vững vàng.

Chúng ta cũng có mối thông công với Hội Thánh “để họ cũng hiệp làm một như chúng ta vậy” (17:11). Kinh Thánh Tân Ước không nói đến những tín đồ sống biệt lập! Bất cứ nơi đâu bạn thấy có sự hiện diện của các thánh đồ, họ đều ở trong mối thông công với nhau. Vì sao? Vì con cái Đức Chúa Trời luôn cần đến nhau. Mở đầu bài giảng tại Phòng Cao, Chúa Giê-xu đã rửa chân các môn đệ dạy họ tinh thần phục vụ lẫn nhau. Trong những giờ phút sắp tới, họ (trong đó có cả Phi-e-rơ “đầy tự tin”) sẽ khám phá sự yếu đuối của mình và cần đến sự yên ủi của nhau.

Vậy, người tin Chúa được vững lòng trong Đấng Christ vì nhiều lý do: bản chất Đức Chúa Trời, bản chất sự cứu rỗi, vinh hiển Đức Chúa Trời, sự cầu thay của Chúa Giê-xu. Vậy còn Giu-đa thì sao? Anh ta có vững lòng chăng? Anh ta vấp ngã ra sao? Vì sao Chúa Giê-xu không giữ Giu-đa trong sự bình an? Vì một lý do đơn giản: Giu-đa chưa từng thuộc về Đấng Christ. Chúa Giê-xu luôn trung tín gìn giữ mọi kẻ Cha giao cho Ngài, nhưng Giu-đa không phải là kẻ Cha đã ban cho Con (18:8-9). Giu-đa không phải là người tin Chúa (6:64-71), chưa từng được tinh sạch (13:11), không thuộc trong số người được chọn (13:18).

Giu-đa không phải là điển hình về một tín đồ đã “đánh mất sự cứu rỗi” dành cho mình. Anh ta là mẫu người vô tín, khoe khoang sự cứu rỗi nhưng cuối cùng để lộ ra bộ mặt của kẻ giả dối. Chúa Giê-xu luôn gìn giữ mọi kẻ Cha giao cho Ngài (10:26-30)!

Chúng ta đắc thắng vì có sự sống của Chúa. Chúng ta cũng có một đặc quyền thứ ba để đắc thắng:

3. Chúng ta có Lời Chúa (Gi 17:13-19)

“Con đã truyền lời Cha cho họ” (Gi 17:14 17:8). Lời Chúa là tặng phẩm của Đức Chúa Trời cho chúng ta. Cha đã truyền cho Con Lời Ngài (17:8) để Con phán với các môn đệ sau đó các môn đệ loan báo cho chúng ta khi được sự hà hơi của Đức Thánh Linh (IIPhi 1:20-22 IITi 3:16). Chúng ta đừng xem nhẹ Lời Đức Chúa Trời, vì những ai đắc thắng đều có Lời Đức Chúa Trời và biết cách sử dụng nó trong đời sống hằng ngày.

Lời Đức Chúa Trời giúp chúng ta đắc thắng thế gian ra sao? Trước hết, Lời Ngài ban cho chúng ta sự vui mừng (Gi 17:13) và sự vui mừng đầy dẫy trong lòng sẽ giúp ta có sức mạnh để đắc thắng (Ne 8:10). Chúng ta thường nghĩ về Chúa Giê-xu ở phương diện là “người

từng trải sự buồn bực” (Es 53:3), và đúng như vậy. Nhưng Ngài cũng là con người nắm biết sự vui mừng sâu sắc, sự vui mừng vĩnh cửu. Gi 17:13 chính là trọng tâm của lời cầu nguyện này và chủ đề của nó là sự vui mừng!

Chúa Giê-xu đã nói đến sự vui mừng của Ngài trước đó (15:11) và giải thích rằng sự vui mừng xuất phát từ sự biến đổi chứ không phải sự thay thế (16:20-22). Sự vui mừng cũng đến từ lời cầu nguyện được nhậm (16:23-24). Giờ đây Ngài bày tỏ rằng niềm vui cũng đến từ Lời Đức Chúa Trời. Người tin Chúa sẽ không tìm thấy sự vui mừng trong thế gian nhưng nơi Lời Đức Chúa Trời. Giống như Giảng Báp-tít, chúng ta hãy vui mừng hân hoan khi nghe tiếng của Chàng Rể(3:29)!

Chúng ta đừng phác họa một Chúa Giê-xu đi tới lui với vẻ mặt buồn bã! Ngài là Con người đầy dẫy sự vui mừng nên Ngài bày tỏ sự vui mừng cho kẻ khác. Niềm vui của Ngài không phải là sự khinh suất thoáng qua đối với một thế giới tội lỗi nhưng là sự vui mừng bất tận nơi Cha trên trời và Lời Ngài. Chúa Giê-xu không bị lệ thuộc vào những hoàn cảnh bên ngoài nhưng cậy nơi những nguồn tâm linh ẩn chứa trong Lời Đức Chúa Trời. Đây là sự vui mừng Ngài muốn chúng ta có, nên chúng ta có thể tìm được sự vui mừng ấy qua Lời Ngài “Lời Ngài là sự vui mừng hớn hỏ của lòng tôi vậy” (Gie 15:16). “Tôi vui mừng về đường chứng có Chúa, như thể vui mừng về của cải hiếm hiệm” (Thi 119:11). “Tôi vui về về lời Chúa, khác nào kẻ tìm được mối lớn” (Thi 119:162).

Lời Đức Chúa Trời không chỉ truyền đạt niềm vui của Chúa Giê-xu, nhưng cũng đảm bảo cho chúng ta về tình yêu của Ngài (Gi 17:14). Thế gian ghen ghét chúng ta, nhưng chúng ta có thể đối diện với sự ghen ghét ấy bằng chính tình yêu của Đức Chúa Trời, một tình yêu được truyền đạt cho chúng ta bởi Đức Thánh Linh qua Lời Đức Chúa Trời. Thế gian ghen ghét chúng ta vì chúng ta không thuộc về thế gian (Gi 15:18-19), không rập khuôn theo những việc làm và tiêu chuẩn của nó (Ro 12:2). Lời Đức Chúa Trời cho chúng ta hiểu rõ về thế gian, phơi trần những dối trá và mưu kế hiểm độc của nó.

Thế gian luôn tranh chiến với tình yêu của Đức Chúa Trời (IGi 2:15-17) nhưng Lời Đức Chúa Trời giúp ta nhận được tình yêu của Ngài. Bước đi đầu tiên khiến con người hướng về lối sống thế gian, đó là xao lãng Lời Đức Chúa Trời. Moody đã viết ở bìa trước cuốn Kinh Thánh của ông: “Quyển sách này sẽ giữ bạn cách xa tội lỗi, nếu không, tội lỗi sẽ giữ bạn xa cách với sách này”. Đối với dân Ai Cập trụ lửa giống như bóng tối nhưng đó lại là ánh sáng soi đường dân Do Thái. Vì vậy, lời Đức Chúa Trời là sự sáng cho chúng ta giữa thế giới tối tăm này nhưng thế gian không hiểu gì về những điều thuộc về Đức Chúa Trời (Xu 14:20 ICo 2:12-16).

Lời Đức Chúa Trời không chỉ đem đến tình yêu và sự vui mừng cho chúng ta, nhưng lời Ngài cũng truyền đạt quyền năng Đức Chúa Trời để chúng ta có một đời sống thánh khiết (Gi 17:15-17). Những gánh nặng Chúa dâng lên Cha trong lời cầu nguyện của Ngài (Gi 17:6-12) là sự yên ủi, cũng là sự thánh khiết được ứng dụng qua đời sống tin kính để làm sáng danh Đức Chúa Trời. Chúng ta sống giữa thế gian nhưng không thuộc về thế gian, nên chúng ta đừng rập khuôn theo thế gian. Đôi khi chúng ta cho rằng “sống cách biệt với thế gian” để chịu hơn sống ở thế gian, nhưng sự thật không phải thế. Dù đi đâu, bản ngã tội lỗi vẫn “đồng hành” với chúng ta, và quyền của sự tối tăm cứ bèn gót theo chúng ta. Tôi từng chứng kiến một số

người sống trong sự “cách biệt” để trở nên thánh khiết hơn, nhưng chỉ khám phá ra rằng điều ấy chẳng có tác dụng gì.

Sự thánh hoá thật (nghĩa là được biệt riêng ra cho Đức Chúa Trời) là kết quả của việc rao truyền lời Đức Chúa Trời. “Các ngươi đã được trong sạch, vì lời ta đã bảo cho” (15:3). Khi được cứu, đó là lúc bạn được Đức Chúa Trời biệt riêng ra. Khi trưởng thành trong đức tin, bạn sẽ càng kinh nghiệm nhiều hơn về sự thánh hoá. Bạn sẽ yêu mến Đức Chúa Trời nhiều hơn tội lỗi, muốn hầu việc Ngài để đem phước hạnh đến cho tha nhân. Mọi sự đều đến từ Lời Đức Chúa Trời.

Chân lý của Đức Chúa Trời được bày tỏ cho chúng ta qua ba hình thức: Lời Ngài là chân lý (Gi 17:17) Con Ngài là chân lý (14:6) và Thánh Linh Ngài là chân lý (1Gi 5:6). Chúng ta cần cả ba trên để kinh nghiệm được sự thánh hoá thật, một sự thánh hoá tác động đến cả con người bên trong chúng ta. Bằng trí tuệ chúng ta học biết lẽ thật của Đức Chúa Trời qua lời Kinh Thánh. Bằng tấm lòng, chúng ta yêu mến chân lý của Đức Chúa Trời, tức là Con Ngài. Bằng ý chí, chúng ta đầu phục Thánh Linh và sống theo chân lý của Đức Chúa Trời mỗi ngày. Cần có tất cả ba để kinh nghiệm sự thánh hoá một cách trọn vẹn.

Nếu chỉ học Kinh Thánh để biết “một mớ” giáo lý vẫn chưa đủ. Chúng ta phải yêu mến Chúa Giê-xu nhiều hơn khi biết về Ngài và những điều Ngài làm cho chúng ta. Việc hiểu biết và yêu mến Chúa phải dẫn đến cách sống, để Thánh Linh Đức Chúa Trời giúp chúng ta vâng theo lời Ngài. Đây là cách chúng ta làm vinh hiển danh Chúa giữa thế giới tội lỗi hôm nay.

Lời Đức Chúa Trời ban cho chúng ta niềm vui, tình yêu và quyền năng sống một đời sống thánh khiết. Lời Ngài cũng chu cấp cho chúng ta mọi sự cần thiết để chúng ta có thể hầu việc và làm chứng về Ngài giữa thế gian này (Gi 17:18-19). Sự thánh hoá không nhằm mục đích hưởng thụ hay khoe khoang về chính mình, nhưng để chúng ta có thể bày tỏ về Đấng Christ giữa thế gian và dẫn dắt kẻ khác đến với Ngài. Chúa Giê-xu đã biệt riêng chính Ngài cho chúng ta, giờ đây Ngài biệt riêng chúng ta cho Ngài. Cha trên trời đã sai Ngài đến thế gian, giờ đây Ngài cũng sai chúng ta giữa thế gian vậy. Chúng ta là những người “nhận chỉ thị” nên phải vâng lời! Chúa Giê-xu “được biệt riêng” nơi thiên đàng để cầu thay cho chúng ta, hầu sự chứng đạo của chúng ta đem lại kết quả tốt đẹp khi nhiều người ăn năn tội và trở về cùng Chúa.

Làm sao thế gian có thể thắng hơn chúng ta khi chúng ta có Lời Đức Chúa Trời soi sáng, giúp sức và khích lệ mình?

4. Chúng ta được dự phần sự vinh hiển của Ngài (Gi 17:20-26)

Ở đây, Chúa hướng sự quan tâm của Ngài về tương lai, Ngài bắt đầu cầu nguyện cho chúng ta hôm nay, cho cả Hội Thánh trải qua các thời đại. Ngài đã cầu thay về sự vững lòng và thánh hoá, giờ đây mỗi ưu tư của Ngài là sự hiệp một. Ngài mong những kẻ thuộc về Ngài kinh nghiệm sự hiệp một thuộc linh, giống như sự hiệp một của Cha và con. Các Cơ Đốc nhân có thể có những mối thông công khác nhau, nhưng đều thuộc về Chúa và hiệp một với nhau.

Các môn đệ thường có tinh thần ích kỷ, cạnh tranh và chia rẽ. Điều này đã làm buồn lòng Đấng Christ. Tôi tự hỏi Chúa sẽ nghĩ gì khi chứng kiến tình trạng của Hội Thánh hôm nay. Nhà truyền giáo Thomas Brooks viết: “Sự bất hoà và chia rẽ không khiến người ta trở

thành Cơ Đốc nhân. Chó sói quan tâm đến chiên con là điều dĩ nhiên, nhưng chiên con quan tâm lẫn nhau mới là điều kỳ diệu!”

Nền tảng cho sự hiệp một của Cơ Đốc nhân thật là gì? Đó là con người Chúa Giê-xu, công việc và sự vinh hiển của Ngài (Gi 17:2-5). Ngài đã ban cho chúng ta sự vinh hiển của Ngài, Ngài hứa rằng chúng ta sẽ kinh nghiệm nhiều hơn về sự vinh hiển ấy khi chúng ta đến được thiên đàng! Mọi Cơ Đốc nhân thật đều có sự vinh hiển của Đức Chúa Trời trong đời sống mình. Sự hài hoà của Cơ Đốc nhân không dựa trên những điều thuộc bên ngoài nhưng thuộc về những điều bên trong, những điều thuộc về sự vĩnh cửu của Thánh Linh trong con người. Chúng ta phải nhìn xa hơn những yếu tố về sự ra đời đầu tiên của mình (như chủng tộc, màu da, tài năng...) để xây dựng mối thông công của chúng ta dựa trên những yếu tố thiết thực cho sự tái sinh của mình.

Chúng ta đang có sự vinh hiển của Đức Chúa Trời trong mình (Gi 17:22 Ro 8:29) và ngày kia chúng ta sẽ “ngắm xem sự vinh hiển” ấy tại thiên đàng (Gi 17:24). Khi chúng ta tăng trưởng trong Chúa, sự vinh hiển cũng bắt đầu lớn dần và bày tỏ chính nó qua những điều chúng ta nói và làm, cũng thể hiện qua cách chúng ta nói và làm nữa. Người đời sẽ không thấy và ngợi khen chúng ta, nhưng họ sẽ thấy Chúa và ngợi khen Ngài (Mat 5:16 ICo 6:19-20).

Một trong những điều gây ấn tượng mạnh mẽ nhất cho thế gian, đó là cách các Cơ Đốc nhân yêu mến nhau và sống hoà thuận với nhau. Đây là chứng cớ Chúa chúng ta muốn được bày tỏ trong thế gian, “đặt thế gian tin rằng chính Cha đã sai Con đến” (17:21). Thế gian hư mất không thể nhìn biết Đức Chúa Trời, nhưng họ có thể nhìn thấy Cơ Đốc nhân, và những gì họ thấy nơi chúng ta sẽ quyết định mức độ niềm tin của họ về Đức Chúa Trời. Nếu nhìn thấy tình yêu thương và sự hiệp một, họ sẽ tin rằng Đức Chúa Trời là tình yêu. Nhưng nếu chúng kiến sự ghen ghét và chia rẽ, họ sẽ khước từ sứ điệp của Phúc Âm.

Chúa Giê-xu yên ủi chúng ta rằng một số người sẽ tin nhận bởi sự làm chứng của chúng ta (Gi 17:20), tuy nhiên chúng ta phải biết chắc rằng sự làm chứng của mình có mang tính chân thật và xuất phát từ lòng yêu thương hay không. Nếu không phải như vậy, chúng ta chỉ càng làm cho tội nhân hư mất cách xa với Đấng Christ hơn nữa!

Có mọi lý do cho thấy tại sao Cơ Đốc nhân phải yêu mến và hiệp một với nhau. Chúng ta cùng tin nơi một Đấng Christ và cùng dự phần một sự vinh hiển. Ngày kia, chúng ta cũng sẽ chung hưởng một thiên đàng! Chúng ta thuộc về một Cha, muốn thực hiện cùng một công việc làm chứng cho thế giới hư mất rằng chỉ có Chúa Giê-xu mới có thể cứu họ khỏi tội lỗi. Chúng ta tin nơi một chân lý dù có thể nhìn theo những quan điểm khác nhau về một số vấn đề giáo lý thứ yếu, nhưng chúng ta có nhiều quan điểm chung và điều này đáng phải khích lệ chúng ta yêu mến nhau để gây dựng sự hiệp một thuộc linh chân thật.

Tôi thường sử dụng Gi 17:24 cho bài giảng luận trong tang lễ. Bạn có biết Cơ Đốc nhân đến thiên đàng bằng cách nào không? Chính bởi cái giá Chúa Giê-xu đã trả (3:14-16), lời hứa Ngài đã phán (14:1-6) và lời cầu nguyện Ngài đã trình dâng Cha (17:24). Cha luôn nhậm lời cầu xin của Con Ngài để chúng ta biết rằng những Cơ Đốc nhân qua đời sẽ đi đến thiên đàng và ngắm xem sự vinh hiển của Đức Chúa Trời.

Trong Gi 17:24,25, Chúa Giê-xu không cầu xin Cha điều gì nữa. Ngài chỉ trình cho Cha biết về công việc của Ngài nơi thế gian và đưa ra những lời tuyên bố quan trọng đối với chúng ta. Ngài cho biết rằng thế gian không nhìn biết Đức Chúa Trời nhưng chúng ta biết Ngài qua

sự bày tỏ của Con đối với chúng ta. Thế gian chắc hẳn đã có nhiều cơ hội để biết Cha, nhưng thế gian vẫn cứ chọn con đường tối tăm để đi trong sự mù loà và cứng lòng. Là Cơ Đốc nhân, chúng ta có nhiệm vụ làm chứng cho thế gian hư mất này và rao truyền sứ điệp cứu rỗi của Đức Chúa Trời.

Chúa Giê-xu cũng rao ra tầm quan trọng của chân lý và tình yêu thương trong Hội Thánh. Cơ Đốc nhân được biết danh Đức Chúa Trời (bản tính Ngài) và cũng được dự phần vào bản tính thiêng liêng ấy. Chúa Giê-xu nói rõ rằng chân lý và tình yêu thương phải đồng hành với nhau (Eph 4:15). Thật hữu lý khi người ta có câu “chân lý không có tình yêu thương sẽ là sự tàn bạo, nhưng tình yêu thương không có chân lý sẽ là sự giả hình”. Trí tuệ con người tăng trưởng khi tiếp nhận lẽ thật, nhưng tấm lòng con người sẽ rộng mở khi ban phát tình yêu. Chỉ có sự hiểu biết thôi sẽ dẫn đến lòng kiêu ngạo (ICo 8:1) và nếu chỉ có tình yêu thương, con người sẽ đi đến những quyết định sai lầm (Phi 1:9-10). Tình yêu của Cơ Đốc nhân không nên là một thứ tình yêu mù quáng!

Khi xem lại bài cầu nguyện này, bạn sẽ thấy có những ưu tiên thuộc linh trong lòng Đấng Christ: sự vinh hiển của Đức Chúa Trời sự thánh hoá của những người thuộc về Đức Chúa Trời, sự hiệp một của Hội Thánh, công tác rao truyền Phúc Âm cho thế gian hư mất. Ngày nay, chúng ta hãy có sự khôn ngoan để tập trung vào những ưu tiên kể trên.

Sẽ có một ngày, mỗi người trong chúng ta đều phải báo cáo lại công tác của mình. Chúng ta sẽ đứng trước ngai phán xét của Đấng Christ và trình dâng “bản báo cáo tổng kết” của chính mình.

Tôi mong rằng chúng ta sẽ có thể thưa với Chúa: “Con đã tôn vinh Cha trên đất, làm xong công việc Cha giao cho làm” (Gi 17:4).

19. TỘI LỖI VÀ ÂN ĐIỂN NƠI VƯỜN GHẾT-SÊ-MA-NÊ (Gi 18:1-27)

Chức vụ đặc biệt của Chúa đối với các môn đệ giờ đây đã chấm dứt, và công tác cứu chuộc nhân loại sắp bắt đầu. Con người đã làm điều xấu xa nhất, nhưng Đức Chúa Trời sẽ đáp lại bằng điều tốt đẹp nhất. “... Nhưng nơi nào tội lỗi đã gia thêm, thì ân điển lại càng dư dật hơn nữa” (Ro 5:20).

Để hiểu những chân lý trong Gi 18:1-27 và nắm vững những bài học ẩn chứa trong đó, cách tốt nhất là chúng ta hãy chú ý đến những biểu tượng có liên quan trong đoạn Kinh Thánh này. Phúc Âm Giăng đầy đầy các biểu tượng, trong đó có một số biểu tượng rất rõ nét. Những biểu tượng ấy mang những lẽ thật thuộc linh quan trọng. Qua phân đoạn này, có năm biểu tượng đầy ý nghĩa:

1. Vườn Ghết-sê-ma-nê - Sự vâng phục (Gi 18:1)

Khe Xết-rôn nằm ở phía đông Giê-ru-sa-lem, giữa bức tường thành và núi Ô-li-ve, còn vườn Ghết-sê-ma-nê trên sườn phía tây núi Ô-li-ve. Chúa Giê-xu thường đến vườn này cùng với các môn đệ để nghỉ ngơi và cầu nguyện (Lu 22:39). Thành Giê-ru-sa-lem tập trung khách thập phương đến dự lễ Vượt Qua, nên Chúa Giê-xu muốn lánh xa chốn nhộn nhịp kia để tìm một nơi yên tĩnh. Ngài biết Giu-đa sẽ đến tìm Ngài và Ngài đã sẵn sàng.

Lịch sử loài người khởi điểm tại một khu vườn (Sa 2:8) và tại đó lần đầu tiên con người đã phạm tội. A-đam đầu tiên bất tuân mạng lệnh Đức Chúa Trời bị đuổi khỏi vườn. Nhưng

“A-đam sau hết” (Icô 15:45) vâng phục khi bước vào vườn Ghết-sê-ma-nê. A-đam đầu tiên đã đem tội lỗi và sự chết đến cho nhân loại tại khu vườn, nhưng bởi sự vâng phục, Chúa Giê-xu đã đem sự công bình và sự sống đến cho mọi kẻ tin nhận Ngài. Ngài là Con người “vâng phục cho đến chết, thậm chí chết trên cây thập tự” (Phi 2:8).

Tên gọi “Ghết-sê-ma-nê” có nghĩa là “máy ép dầu”. Hôm nay vẫn có những cây ô-liu già nơi vườn Ghết-sê-ma-nê, dù đó không phải là những cây ô-li-ve trong thời Chúa Giê-xu. Người ta sẽ hái trái ô-liu để ép lấy dầu. Thật là một hình ảnh của sự thương khó! Vì vậy, Chúa Giê-xu sẽ đi qua cái “máy ép dầu” và “bàn ép rượu – Es 63:3) để nếm sự xét đoán thay chúng ta.

Khe Xét-rôn cũng là hình ảnh có ý nghĩa. Xét-rôn nghĩa là “mò tối”, nói đến dòng nước sẫm bị nhuộm bởi huyết của con sinh tể trong đền thờ. Chúa cùng các môn đệ sắp vượt qua dòng nước sẫm ấy. Chúa sẽ nếm trái “các lượn sóng và nước lớn” do cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời (Thi 42:7 Gion 2:3).

Khe Xét-rôn mang ý nghĩa lịch sử đặc biệt. Đây là nơi vua Đa-vít đã vượt qua khi bị dân tộc mình chối từ và bị con trai là Áp-sa-lôn mưu phản (II Sa 15:1-37 Gi 18:23). Chúa Giê-xu cũng bị dân sự Ngài khước từ và bị một môn đệ phản bội! Đáng chú ý là A-hi-tô-phe mưu sĩ phản bội Đa-vít đã treo cổ (II Sa 17:23), còn Áp-sa-lôn con trai bất hiếu của Đa-vít bị vướng vào nhánh cây và bị giết trong tình trạng lơ lửng ấy (II Sa 18:9-17). Dĩ nhiên, Giu-đa đã ra ngoài và treo cổ (Mat 27:3-10).

Chúa Giê-xu biết rõ mọi điều sẽ xảy đến cho Ngài, nhưng Ngài vẫn đi đến vườn Ghết-sê-ma-nê trong tinh thần vâng phục ý Cha. Ngài để 8 môn đệ ở lại gần cổng vườn, rồi cùng Phi-e-rơ, Gia-cơ với Giăng đến một nơi trong vườn để cầu nguyện (Mat 26:36-46 Mac 14:32-42). Trong giờ khủng hoảng này, tâm thần Ngài ao ước được sự khích lệ và đồng công của các môn đệ, thế mà họ lại đi ngủ! Con người thật dễ dàng khoe khoang sự tận tụy của mình đối với Đấng Christ, nhưng khi sự thử nghiệm xảy đến, họ lại thất bại thảm hại. Tuy nhiên, trước khi xét đoán họ gay gắt, chúng ta nên xét lại lòng mình.

2. Cái hôn - Sự phản bội (Gi 18:2-9)

Giu-đa đã sống với Chúa có lẽ gần 3 năm, được nghe Ngài dạy dỗ rất nhiều nhưng vẫn không biết nhiều về Ngài. Kẻ phản bội này thật sự đã dẫn những quân lính canh đền thờ với gươm giáo và gậy gộc trang bị đầy đủ! (Mat 26:55). Giu-đa đã khinh thường những đặc ân Chúa ban cho và đánh mất những cơ hội quý báu. Từ “cơ binh” ở 18:3 có nghĩa là một đội lính La Mã khoảng 600 người! Dường như không phải Giu-đa đã đem một đám đông như thế đến vườn, nhưng chắc hẳn đám lính này đã được tập hợp sẵn cho Giu-đa theo yêu cầu của hắn. Lẽ nào Giu-đa không biết rằng Chúa Con Đức Chúa Trời sẽ vui lòng phó mình mà chẳng cần có xô xát nào?

Chúa Giê-xu ở tình trạng hoàn toàn tự chủ, Ngài biết mọi điều sắp xảy đến (Gi 13:1,3,11 16:19). Giu-đa sợ có sự nhầm lẫn, nên tìm cách nhận diện Chúa bằng một cái hôn (Mat 26:48-49). Chúa Giê-xu khiến Giu-đa và những kẻ bắt Ngài đều sửng sốt bởi sự bày tỏ đầy can đảm của Ngài trước mặt họ. Ngài chẳng có lý do gì để sợ hãi hay lẫn trốn, nhưng vui lòng phó sự sống mình vì bầy chiên. Hơn thế, khi phó mình vào tay kẻ thù, Chúa đã bảo vệ được

các môn đệ. Ngài giữ họ trong sự bình an không chỉ về phương diện tâm linh (Gi 17:11-12) mà còn về mặt thể xác nữa.

Vì sao quân lính bắt Chúa đều thối lui và té xuống đất khi nghe Ngài phán “Chính ta đây”? Những người Do Thái hiện diện ở đó đến giết mình vì lời phán “Ta là” của Ngài, đó là lời xác nhận thần tính Chúa. Lính La Mã giết mình vì thái độ của Ngài, cho thấy rõ ràng Ngài là Đấng đang nắm quyền điều khiển. Đây thật là một tình huống căng thẳng và chúng ta không biết Giu-đa đã nói gì với họ về Chúa Giê-xu hầu giúp họ đối phó với tình huống này. Các lãnh đạo Do Thái đã bao lần tìm phương bắt Chúa Giê-xu, nhưng đều thất bại. Họ trang bị cả một cơ binh cho sự chống nghịch này, nhưng đã bị áp đảo tinh thần khi chứng kiến sự phó mình và sự bình tĩnh của Chúa. Có lẽ đây là biểu hiện về quyền năng hoặc sự oai nghiêm của Chúa Giê-xu. *“Khi kẻ làm ác, kẻ cừu địch và thù nghịch tôi, xông vào tôi, đừng ăn nuốt thịt tôi, thì chúng nó đều vấp ngã”* (Thi 27:2).

Nụ hôn Giu-đa dành cho Chúa chắc hẳn là một trong những hành động lừa dối bất nghĩa nhất trong lịch sử con người hoặc lịch sử Hội Thánh. Thời đó, nụ hôn biểu hiện cho tình cảm và lòng tận tụy. Những thành viên trong gia đình thường hôn nhau khi hợp mặt hoặc lúc chia tay, nhưng Giu-đa không phải là người trong gia đình Đức Chúa Trời. Các môn đệ chào thầy họ bằng cái hôn bày tỏ sự tận tụy và vâng lời. Nhưng Giu-đa thật sự không phải là môn đệ Chúa Giê-xu dù hẳn thuộc nhóm môn đệ Ngài. Tại vườn Ghết-sê-ma-nê, Giu-đa đã đứng về phía kẻ thù, chứ không thuộc về những bạn hữu của Chúa Giê-xu!

Ngày nay khi con người “giả vờ” hiểu biết và yêu mến Chúa Giê-xu họ cũng phạm tội giống như Giu-đa vậy. Phản bội Đấng Christ cũng đủ là một hành động tồi tệ, nhưng thực hiện điều này bằng cái hôn (một dấu hiệu tình cảm) là sự lừa dối hèn hạ nhất, sinh ra từ ma quỷ.

3. Thanh gươm - Sự chống nghịch (Gi 18:10)

Tất cả các môn đệ trước đây từng xác quyết mạnh mẽ về lòng trung tín của họ đối với Đấng Christ (Mat 26:35). Phi-e-rơ muốn bày tỏ điều đó nên đã nhanh nhẹn rút gươm khiêu chiến! Rõ ràng, ông hiểu sai điều Chúa muốn nói về những thanh gươm trong buổi tối hôm đó (Lu 22:35-38). Ngài cho các môn đệ biết trước rằng hoàn cảnh sẽ thay đổi và họ sẽ bị đối xử như kẻ có tội. Ngài không có ý nói rằng họ phải dùng gươm hữu hình chống trả trong trận chiến thuộc linh này. Ngài muốn họ sẵn sàng đương đầu với sự chống đối và hoạn nạn. Ngài lo lắng và bảo vệ họ suốt những năm tháng trên đất, nhưng giờ là lúc Ngài sẽ trở về cùng Cha. Họ sẽ sống nhờ Đức Thánh Linh để có sự khôn ngoan. Phi-e-rơ chỉ tiếp nhận Lời Chúa theo nghĩa đen nên cho rằng mình có nhiệm vụ phải tuyên chiến!

Thanh gươm của Phi-e-rơ tượng trưng cho sự chống nghịch ý muốn Đức Chúa Trời. Phi-e-rơ lẽ ra nên biết rằng Chúa Giê-xu sẽ bị bắt và Ngài vui lòng phó mình trong tay kẻ thù địch (Mat 16:21 17:22-23 20:17-19). Phi-e-rơ dễ dàng sai phạm biết bao! Ông đã chiến đấu không đúng kẻ thù, sử dụng vũ khí bất hợp lý với động cơ sai lầm và gặt kết quả thất bại! Phi-e-rơ công khai chống lại ý muốn Đức Chúa Trời và ngăn trở công tác Chúa Giê-xu sắp hoàn tất! Dù chúng ta thừa nhận rằng Phi-e-rơ can đảm và thành thật, nhưng đây là sự bày tỏ lòng sốt sắng thiếu hiểu biết.

Tại sao Phi-e-rơ thất bại thảm hại như vậy? Vì ông đã tranh luận với Chúa khi Ngài cho ông biết rằng ông sẽ chối Ngài vào đêm đó. Phi-e-rơ đã ngủ thay vì phải cầu nguyện, đã lý luận thay vì phải lắng nghe. Ông bắt chước kẻ thù khi trang bị gươm đao! Phi-e-rơ phải khám phá ra rằng gươm Thánh Linh chính là vũ khí tối tở Đức Chúa Trời sử dụng trong trận chiến thuộc linh (He 4:12 Eph 6:17). Phi-e-rơ sẽ dùng đến gươm ấy trong lễ Ngũ Tuần và thu phục được 3.000 linh hồn!

Chúa Giê-xu không cần sự bảo vệ của Phi-e-rơ. Ngài có thể triệu tập một đoàn thiên binh nếu Ngài muốn được giải cứu (Mat 26:52-54). Lu-ca cho chúng ta biết Chúa đã chữa lành tai của Man-chu (Lu 22:51), một hành động bày tỏ sự nhân từ Ngài. Đối với Phi-e-rơ, nếu Chúa không chữa lành tai Man-chu, có lẽ Phi-e-rơ đã bị bắt và bị đóng đinh! Phi-e-rơ hành động như một người Do Thái cực đoan, chớ không giống một môn đệ của Chúa Giê-xu.

Đây cũng là một hành động nhân từ đối với Man-chu. Xét cho cùng, Man-chu chỉ là một đầy tớ, vậy tại sao phải quan tâm những gì xảy đến với một kẻ tội tở. Anh ta cũng là một kẻ thù, đứng chung với bọn bắt Chúa, vậy anh ta phải trả giá! Cũng có thể Man-chu đã thật sự bắt Chúa? Chúng ta không rõ nhưng nếu vậy, anh ta đã tra tay trên Con thánh của Đức Chúa Trời. Dầu vậy, Chúa không xét đoán Man-chu dù anh ta là tội nhân đáng chịu sự thanh nộ của Đức Chúa Trời. Ngược lại, Ngài đã chữa lành cho anh ta! Đó là phép lạ sau cùng của Chúa trước mọi người trước khi Ngài bước lên thập giá.

Bạn hãy nhớ rằng phép lạ này cũng bày tỏ sự nhân từ của Chúa đối với chúng ta. Nếu Chúa Giê-xu có quyền năng khiến đám người kia sống sót và chữa lành tai Man-chu, vậy Ngài đã có thể tự cứu mình khỏi sự bắt bớ, thương khó và chết. Nhưng Ngài đã vui lòng phó mình! Ngài làm điều ấy vì chúng ta!

Thật đáng buồn cho những tín hữu có thiện ý nhưng thiếu hiểu biết, chỉ muốn dùng gươm để bảo vệ Chúa Giê-xu. Phi-e-rơ đâm thương Man-chu, đó là hành động người tin Chúa thật không nên làm. Phi-e-rơ đã gây tác hại cho chứng cứ về Đấng Christ cũng như suy nghĩ lệch lạc rằng môn đệ Chúa phải ghét kẻ thù và tiêu diệt chúng (xem lời Chúa nói trước Phi-lát trong Gi 18:36).

4. Chén - Sự đầu phục (Gi 18:11-14).

Phi-e-rơ mang trong tay thanh gươm, nhưng Chúa chúng ta có trong tay một chén đắng. Phi-e-rơ chống lại ý muốn Đức Chúa Trời nhưng Đấng Christ làm theo ý Cha Ngài. Trước đó, Chúa cầu nguyện rằng: “Cha ơi! Nếu có thể được, xin cho chén này lìa khỏi con! Nhưng không theo ý muốn Con, mà theo ý muốn Cha” (Mat 26:39). “Chén” bày tỏ sự thương khó Chúa sẽ chịu và sự phân cách với Cha mà Ngài sẽ nếm trải trên thập tự giá. Ngài cầu nguyện điều này ba lần, chứng tỏ Ngài cảm nhận được cái giá Ngài sẽ trả cho sự cứu rỗi chúng ta. Tâm thần Ngài hân hoan bởi rồi đến cao độ khi nghĩ đến việc thế tội cho con người.

Việc uống chén thường được sử dụng trong Kinh Thánh để minh họa sự từng trải thương khó và khổ khổ? Khi dân Ba-by-lôn chiếm thành Giê-ru-sa-lem, thành này đã bị “uống cạn chén thanh nộ” (Es 51:17). Giê-rê-mi bày tỏ sự thanh nộ của Đức Chúa Trời nghịch cùng các nước khi nói về chén rượu được đổ ra (Gie 25:15-28). Cũng có một “chén chia buồn” (Gie 16:7) và chén đầy tràn” về sự vui mừng (Thi 23:5). Chúa so sánh sự thương khó của Ngài với việc uống chén và làm phép báp-tem (Mat 20:22-23). Khi lập Tiệc Thánh, Ngài so sánh

“chén” với huyết Ngài, là huyết đã đổ ra để chuộc tội con người (Mat 26:27-28). Hình ảnh này rất quen thuộc đối với các môn đệ khi xưa và hôm nay cũng vậy. “Uống chén” có nghĩa là vượt qua một từng trải đầy thử thách. Thật ra một vài giải thưởng được tạo dáng như một chiếc cốc cho thấy rằng người thắng cuộc đã trải qua những thử nghiệm khắc khe và đã chịu đựng được tất cả.

Chúa Giê-xu chấp nhận uống chén này vì nó được chính Cha trên trời chuẩn bị sẵn và ban cho Ngài. Chúa không chống lại muốn của Cha, bởi Ngài đã đến thế gian để làm trọn ý Cha và hoàn thành công tác Cha giao cho”. Hỡi Đức Chúa Trời, tôi lấy làm vui mừng làm theo ý muốn Chúa” (Thi 40:8). “Chén” này đã được Cha chuẩn bị và kiểm tra “hàm lượng” chứa trong đó, nên Chúa Giê-xu không có gì để sợ hãi cả!

Đây là một bài học bổ ích cho chúng ta: đừng bao giờ sợ hãi khi nhận “chén” Cha ban cho chúng ta. Đấng Christ đã uống chén trước chúng ta nên chúng ta chỉ việc noi dấu chân Ngài. Chúng ta cũng đừng sợ những gì chứa đựng trong “chén” vì Cha đã chuẩn bị chén ấy cho chúng ta bằng tình yêu. Nếu chúng ta xin “bánh”, Ngài chẳng bao giờ cho chúng ta “đá”. “Chén” mà Ngài dành sẵn sẽ không chứa đựng điều gì bất lợi cho chúng ta cả. Chúng ta có thể chịu khổ và ngã lòng, nhưng Ngài sẽ biến đổi nghịch cảnh ấy thành sự vinh hiển!

Chúa Giê-xu sẵn sàng phó mình vào tay kẻ thù. Họ trói Ngài và điệu Ngài đến nhà An-ne gần đó. An-ne vốn là thầy tế lễ thượng phẩm đương niên (cho đến khi bị người La Mã truất phế). Giờ đây Cai-phe con rể ông cũng là thầy tế lễ thượng phẩm. Đức Chúa Trời đã định rằng thầy tế lễ phải hầu việc Đức Chúa Trời trọn đời mình, vì vậy có thể thấy rằng Do Thái giáo bấy giờ đang ở trong tình trạng đáng buồn. Người ta đều biết rằng gia đình thầy tế lễ thượng phẩm này từng “hầu việc” trong đền thờ. Vì vậy, việc Chúa Giê-xu dọn dẹp đền thờ hai lần có lẽ đã khơi dậy lòng ghen ghét của gia đình họ đối với Ngài.

Cuộc thẩm tra trước mặt An-ne chẳng khác nào một cuộc xét không chính thức. Đây là một cuộc xét xử bất hợp pháp và đầy tính hung bạo. Bạn hãy hình dung xem, một tên lính được phép đánh bị cáo! Một kẻ không còn đương nhiệm lại có quyền thẩm tra bị cáo!

Dĩ nhiên, An-ne cố “moi” chứng cứ buộc tội Chúa, nhằm đi đến một sự tuyên án có lợi cho bản thân ông ta Chúa Giê-xu đã dạy dỗ điều gì? Điều đó có mang tính chất phá hoại không? Chúa Giê-xu bảo ông ta hãy hỏi những người đã nghe Ngài giảng dạy vì Ngài không nói điều gì bí mật cả. An-ne cũng có thể đã đích thân đến nghe Chúa giảng dạy rồi!

Còn các môn đệ Chúa thì sao? Phải chăng họ muốn lật đổ nhà cầm quyền? Một người trong số họ chẳng phải đã dùng đến gươm giáo giữa vườn Ghết-sê-ma-nê đó sao? Chúa Giê-xu cẩn trọng không nói điều gì về các môn đệ. Bạn hãy nghĩ xem: Khi Phi-e-rơ ở trong sân thầy tế lễ thượng phẩm đang chối Chúa, đó cũng là lúc Chúa bị tra hỏi nhưng vẫn bảo vệ Phi-e-rơ!

Theo luật pháp Do Thái, những nhân chứng phải được gọi đến trước bị cáo bị hỏi cung. An-ne đã coi thường luật pháp, và sau đó hội đồng các thầy tế lễ đã mướn những nhân chứng giả. Chúa Giê-xu biết quyền lợi của Ngài (đưa ra bằng chứng sai trái của chúng – Gi 18:23) nhưng Ngài không chống lại. Ngài đã nêu một tấm gương hầu chúng ta có thể chịu đựng sự oan ức xảy đến cho mình (IPhi 2:19-24 4:12-19).

5. Đồng lửa - Sự chối bỏ (Gi 18:15-27)

Chúa Giê-xu đã bảo trước cho Phi-e-rơ rằng ông sẽ chối Ngài ba lần (Gi 13:38 Mat 26:34) nhưng Ngài sẽ phục hồi ông trong mỗi giao thông và hầu việc Ngài (Lu 22:32). Phi-e-rơ đi theo đám đông chớ không lánh đi (Gi 18:8 Mat 26:30-32). Nếu Phi-e-rơ lánh khỏi nơi đó, có lẽ ông đã không rơi vào tình trạng chối Chúa. Mặc dù khâm phục tình yêu và lòng can đảm của Phi-e-rơ, chúng ta cũng không thể đồng tình với hành động của ông bởi ông đã bước ngay vào chỗ đầy sự cám dỗ. Đây là điều Chúa đã cho ông biết trong vườn (Mat 26:41).

Chúng ta không biết “một môn đệ khác” đi với Phi-e-rơ vào sân thầy tế lễ thượng phẩm là ai. Người đó có thể là Giăng, mặc dù thật khó hiểu vì sao một người đánh cá lại quen biết một thầy tế lễ thượng phẩm cùng gia đình người. Người đó có thể là Ni-cô-đem hay Giô-sép ở A-ri-ma-thê? Chắc hẳn họ có quyền đến đây.

Khi theo dõi Phi-e-rơ, bạn sẽ thấy ông dần dần đi vào chỗ bị cám dỗ và phạm tội. Hành động của Phi-e-rơ giống với lời mô tả ở Thi 1:1. Trước hết, Phi-e-rơ đã đứng chung với những kẻ vô tín khi theo Chúa vào trong sân thầy tế lễ thượng phẩm. Lẽ ra, ông phải vâng theo lời Chúa khuyên và lánh khỏi nơi này. Kế đó Phi-e-rơ đứng chung với kẻ thù gần đồng lứa (18:16,18) và trước đó rất lâu ông cũng đã ngồi chung với họ (Lu 22:55). Lúc này đã quá trễ, và chỉ trong khoảnh khắc ngắn ngủi ông đã chối Chúa đến ba lần!

Lần thứ nhất, một đầy tớ gái hỏi Phi-e-rơ: “Còn người, cũng là môn đệ của người đó, phải chăng?” Theo ngôn ngữ Hy Lạp, câu hỏi này cho biết đầy tớ gái đó chờ đợi một câu trả lời phủ định và đó là điều cô ta đã nhận được! Phi-e-rơ chối Chúa khi không thừa nhận mình là môn đệ Ngài.

Phi-e-rơ luôn ở gần đồng lứa, nên dĩ nhiên bị tiếp cận một lần nữa. Một đầy tớ gái khác cũng hỏi một câu tương tự và chờ đợi câu trả lời phủ nhận (Gi 18:25).

Câu hỏi thứ ba do một người bà con của Man-chu đặt ra!. Theo ngôn ngữ Hy Lạp, cấu trúc của câu hỏi này cho biết anh ta chờ đợi một lời đáp khẳng định: “Ta há chẳng từng thấy người ở trong vườn với người sao?” (18:26). Người này chăm chú nhìn Phi-e-rơ có lẽ vì anh ta đứng gần Man-chu trong lúc Chúa Giê-xu bị bắt. Một số người chứng kiến cũng bàn luận về điều này (Mat 26:73 Mac 14:70), vì vậy Phi-e-rơ bị vây chặt bởi những kẻ thách đố kia!

Lúc này, sự kháng cự của Phi-e-rơ hoàn toàn bị khống chế. Ông bắt đầu “rửa sả mà thề” (Mat 26:74). Điều này không có nghĩa là ông lộng ngôn, nhưng có nghĩa là ông đặt mình dưới sự rửa sả để khẳng định lời nói mình. Trong cuộc thử nghiệm này, Phi-e-rơ dùng bản thân để thề nhằm mục đích thuyết phục những kẻ tố cáo ông tin rằng ông đã nói “thật”.

Chính vào giờ đó: gà bắt đầu gáy (18:27) đúng như lời Chúa đã báo trước (Mat 26:34). Có bốn canh: chiều tối (6-9 giờ tối) giữa đêm (9-12 giờ khuya), gà gáy (12-3 giờ sáng) và sáng (3-6 giờ sáng) (Mac 13:35). Tiếng gà gáy nhắc Phi-e-rơ nhớ lại lời Chúa, nên ông đi ra ngoài khóc lóc đắng cay.

Tiếng gà gáy là một đảm bảo cho Phi-e-rơ biết rằng Chúa Giê-xu hoàn toàn làm chủ hoàn cảnh dù Ngài bị trói và bị các chức sắc quấy rối. Bởi kiểm soát một con gà Chúa cho thấy quyền tể trị của Ngài. Trong Sa 1:26 Đức Chúa Trời đã ban cho con người quyền quản trị loài cá biển, chim trời, súc vật và mọi loài khắp đất. Phi-e-rơ đã chứng kiến Chúa Giê-xu bày tỏ quyền năng Ngài trên loài cá biển (Lu 5:1-11 Mat 17:24-27) và loài súc vật (Mat 21:1-11). Nhưng giờ đây ông nhận biết quyền tể trị của Ngài trên loài chim nữa.

Tiếng gà gáy cũng là lời kêu gọi sự ăn năn. “Đến khi người đã hối cải, hãy làm cho vững chí anh em mình” (Lu 22:32) Lu-ca cho chúng ta biết rằng Chúa đã quay lại nhìn Phi-e-rơ (Lu 22:61), cái nhìn đầy yêu thương làm tan vỡ lòng Phi-e-rơ. Phi-e-rơ là người chứng kiến sự thương khó của Chúa Giê-xu (IPhi 5:1) và chính ông đã góp phần vào sự thương khó của Ngài bằng những lời chối Chúa của mình.

Bạn hãy nhớ rằng tiếng gà gáy là âm thanh báo hiệu buổi bình minh của một ngày mới! “Sự khóc lóc đến trọ ban đêm nhưng buổi sáng bên có sự vui mừng” (Thi 30:5). Thật đáng để so sánh Phi-e-rơ với Giu-đa. Phi-e-rơ khóc than về tội lỗi mình và ăn năn, còn Giu-đa thừa nhận tội lỗi mình nhưng chẳng bao giờ thật sự ăn năn. Giu-đa chỉ “hối hận” chứ không hề ăn năn. Khi Giu-đa bước ra ngoài, trời đã tối (Gi 13:30), nhưng lúc Phi-e-rơ đi ra khóc lóc đắng cay, bình minh của một ngày mới mở ra. Có một sự khác biệt rõ rệt giữa sự buồn rầu dẫn đến sự ăn năn thật và sự buồn rầu theo thể gian (tiếc nuối và hối hận) dẫn đến sự chết (IICo 7:9-10). Chúng ta sẽ thấy Chúa Giê-xu phục hồi lại địa vị của Phi-e-rơ (Gi 21:1-25), giúp ông hầu việc Ngài bằng quyền năng và ơn phước lớn lao.

Giữa vườn Ghết-sê-ma-nê đêm ấy, bạn sẽ thấy sự hiện diện của tội lỗi và ân điển. Phi-e-rơ phạm tội nghịch cùng ý muốn Đức Chúa Trời. Giu-đa phạm tội lừa dối tệ hại nhất. Đám đông phạm tội khước từ Con Đức Chúa Trời và đối xử với Ngài như loại tội phạm thấp hèn nhất.

Dầu vậy, Chúa thật nhân từ biết bao! Giống như vua Đa-vít, Ngài đã đi qua khe Xết-rôn, biết rõ Giu-đa sẽ phản bội Ngài. Ngài bước vào vườn Ghết-sê-ma-nê trong sự vâng phục ý muốn Cha trên trời. Ngài còn chữa lành tai Man-chu cũng như bảo vệ cho các môn đệ. Ngài phó mình vào tay những kẻ tội lỗi hầu có thể chịu thương khó và chết thay chúng ta.

“Kỳ diệu thay ái tình Chúa thăm tươi

Xui tôi vui dâng hồn, thân, cả rày...” (TC 95)

Hôm nay, trong tay bạn có gì? Thanh gươm hay chén đắng?

20. CHỊU THƯƠNG KHÓ DƯỚI TAY BÔN-XƠ-PHI-LÁT (Gi 18:28-19:16)

Trước khi cho người bắt Chúa Giê-xu các lãnh đạo Do Thái đã có ý định giết Ngài (Gi 11:47-54). Tuy nhiên, hội đồng lãnh đạo Do Thái không có quyền thi hành án đối với phạm nhân, vì vậy họ cần có sự “hợp tác” và chấp thuận của Rô-ma, nghĩa là họ phải tìm đến quan tổng đốc Rô-ma: Bôn-xơ Phi-lát.

“Cuộc xét xử” của người Do Thái và của người Rô-ma đều trải qua ba giai đoạn. Sau khi bị bắt Chúa Giê-xu bị giải đến nhà An-ne và ở đó Ngài bị xét hỏi một cách vô luật pháp (18:12-14,19-23). An-ne mong “mọi” được chi tiết chứng minh Chúa Giê-xu là kẻ thù của dân Do Thái. Ông ta muốn công bố rằng Đạo lý của Chúa và các môn đệ Ngài đã chống lại Rô-ma, như vậy Ngài “đáng” bị xử chết!

Giai đoạn hai của cuộc xét xử được chuyển giao cho Cai-phe và trong đêm ấy các thành viên trong toà Công Luận tìm mọi cách làm chứng dối về Ngài (Mat 26:57-68 Mac 14:53-65). Khi Chúa Giê-xu thẳng thắn thừa nhận Ngài là Đấng Christ, cả hội đồng buộc tội lộng ngôn cho Ngài. Với tội ấy, theo luật pháp của họ thì Ngài phải bị xử tử. Tuy nhiên, hội đồng các lãnh

đạo phải họp lại vào sáng hôm sau để đưa ra lời tuyên án vì xử kiện giữa ban đêm là trái luật. Giai đoạn xét xử lần thứ ba phải được thực hiện “càng sớm càng tốt” để họ có thể xử tội chết cho Chúa Giê-xu! (Mat 27:1 Lu 22:66-71) và họ đã làm như vậy!

Cuộc xét xử của người Rô-ma cũng trải qua ba giai đoạn: trước mặt quan tổng đốc Phi-lát (Gi 18:28-38), trước mặt vua Hê-rốt (Lu 23:6-12) và một lần nữa việc xét xử được giao lại cho Phi-lát (18:39-19:16 Mat 27:15-26 Mac 15:6-15 Lu 23:13-25). Phúc Âm Giăng chỉ ghi lại những câu hỏi của An-ne và Phi-lát Cai-phe được đề cập thoáng qua. Giăng chủ yếu tập trung vào cuộc xét xử của người Rô-ma. Giăng viết Phúc Âm trong hoàn cảnh dân tộc Do Thái bị người Rô-ma chia cắt, Giê-ru-sa-lem bị tàn phá, quyền lực Rô-ma bao trùm khắp nơi.

Bôn-xơ Phi-lát nhậm chức từ năm 26-36 SC và chẳng lấy được lòng dân Do Thái cho lắm. Ông ta sẵn sàng tàn bạo khi cần (Lu 13:1-2), nhưng cũng hiểu quyền hạn của người Do Thái và biết cách lợi dụng nó. Cách ông ta xét xử Chúa cho thấy ông là con người không dứt khoát, yếu mềm và dễ thoả hiệp. Người Rô-ma có câu châm ngôn: “Hãy để sự công bình được hành động cho dù các tầng trời sập xuống!” Phi-lát chẳng quan tâm gì đến sự công bình, chỉ nghĩ đến bản thân, địa vị mình và lợi ích của Rô-ma. Tuy nhiên, ông ta đã không đạt được ba điều trên!

Khi đọc Phúc Âm Giăng, bạn sẽ thấy Phi-lát cố tìm “cách thoái thác” để làm vừa lòng hai phía. Ông ta sợ đoàn dân, nhưng cũng sợ “phạm nhân”! Có ít nhất ba lần Phi-lát tuyên bố Chúa Giê-xu không phạm tội lỗi nào (Lu 23:14 Gi 19:4 Lu 23:22 Gi 19:6), thế nhưng ông lại không phóng thích Ngài!

Cuộc xét xử của người Rô-ma do Phi-lát chủ trì xoay quanh bốn câu hỏi chính:

1. “Các người kiện người này về khoản gì?” (Gi 18:28-32)

Ngay khi toà Công Luận biểu quyết xử án Chúa Giê-xu, Ngài bị điệu đến dinh thự nơi quan tổng đốc Phi-lát ở trong mùa lễ Vượt Qua. Nhà cầm quyền La Mã thường cho người đến Giê-ru-sa-lem trong kỳ lễ Vượt Qua để ngăn chặn những cuộc bạo động và nổi dậy của những người nhóm chủ nghĩa dân tộc Do Thái. Các lãnh đạo tôn giáo chẳng ngại chỉ khi vu cáo người vô tội, nhưng rất “thận trọng” giữ mình khỏi sự ô uế khi bước trên đất người ngoại! Thật là thảm họa nếu bị ô uế về mặt nghi thức trong bảy ngày lễ Vượt Qua!

Phi-lát đã đặt một câu hỏi hợp lý về sự vu cáo. Thay vì xác định tội một cách rõ ràng, các quan trưởng Do Thái chỉ nói lòng vòng. Ở Lu 23:2 họ vu cáo Chúa ba tội: 1. Xúi dân làm loạn. 2. Chống lại việc nộp thuế cho Sê-sa và 3. Xưng mình là Đấng Christ là Vua.

Phi-lát chẳng thiết tha quan tâm đến một vụ kiện nào của người Do Thái, đặc biệt là vào kỳ lễ Vượt Qua, nên ông muốn né tránh vấn đề. Xét cho cùng, nếu phạm nhân kia gây rối cho dân Do Thái vậy hãy để dân Do Thái xử theo luật pháp họ. Rô-ma đã chấp thuận cho dân Do Thái sử dụng pháp quyền của mình đặc biệt trong những vấn đề có liên quan đến tập quán và luật lệ tôn giáo Do Thái (Cong 18:12-16).

Khi xem xét ba lời tố cáo nghịch cùng Chúa Giê-xu, bạn sẽ thấy rằng những lời tố cáo ấy không thể chấp nhận được. Bởi vì, Ngài không hề “lật đổ” nhà cầm quyền, hay giáo hội. Dĩ nhiên Ngài từng lên án người Pha-ri-si và sự giả hình của họ, nhưng Ngài không phải là người đầu tiên hay duy nhất làm điều đó. Chúa đã chúc phước cho dân tộc Do Thái và đem

đến cho họ sự trông cậy. Việc một số người Do Thái bạo động muốn tôn Ngài làm vua (Gi 6:15), đó không phải là lỗi của Ngài. Bởi Ngài đã lánh đi khỏi những cuộc ủng hộ về mặt chính trị này.

Nói về việc chống đối nộp thuế cho Sê-sa, Chúa Giê-xu đã dạy điều ngược lại! Ngài phán: *“Hãy trả cho Sê-sa vật gì của Sê-sa và trả cho Đức Chúa Trời vật gì của Đức Chúa Trời”* (Mat 22:21).

Ngài tuyên bố mình là Vua nhưng không theo ý nghĩa chính trị. Ngay cả môn đệ Chúa cũng không hiểu hoàn toàn những chân lý thuộc linh cho đến lúc Chúa Phục sinh (Cong 1:1-8). Dân chúng đôi lúc cũng không hiểu Ngài (Lu 19:11). Dĩ nhiên, các lãnh đạo Do Thái muốn tìm bất cứ chứng cứ nào có thể được để tố cáo Chúa và bảo vệ lời chứng đối đó!

2. “Chính ngươi là Vua dân Giu-đa, phải chăng?” (Gi 18:33-38)

Câu hỏi Chúa Giê-xu có phải là Vua dân Giu-đa (Do Thái) hay không, đều được chép trong bốn sách Phúc Âm. Là một quan chức La Mã, Phi-lát hẳn sẽ quan tâm nhiều về những lời tuyên bố của bất cứ vua nào. Sự trông mong về Đấng Mê-si-a luôn bùng dậy cao độ trong mùa lễ Vượt Qua, cũng là cơ hội thuận lợi cho những người Do Thái cực đoan xui giục dân chúng làm loạn hoặc chống lại Rô-ma. Dĩ nhiên, Phi-lát thấy mình có cơ sở khi đặt câu hỏi về vương quyền của Đấng Christ.

Tuy nhiên, Phi-lát không lường trước câu trả lời của Chúa: “Thật như lời” (Mat 27:11). Nhưng khi Chúa đặt lại một câu hỏi. “Ngươi nói điều đó tự ý mình, hay là có người đã nói điều đó với ngươi về ta? (Gi 18:34), Ngài thật sự muốn hỏi điều gì? “Ngươi đang nghĩ về vua nào? Vua Rô-ma hay Vua Do Thái? Vua thế gian hay Vua thiên đàng?” Chúa Giê-xu không lẩn tránh vấn đề, Ngài buộc Phi-lát phải làm sáng tỏ vấn đề theo suy nghĩ của ông ta. Tóm lại, người bị xét xử không phải là Chúa Giê-xu, nhưng chính là Phi-lát!

Nếu Phi-lát nghĩ về vua Rô-ma, vậy Chúa Giê-xu có thể bị xem là kẻ chống nghịch. Nếu ông ta nghĩ về vua Do Thái, vậy những vấn đề chính trị có thể được thông qua, đáng chú ý rằng Phi-lát đã gọi Chúa Giê-xu bằng danh hiệu “Vua” ít nhất bốn lần suốt cuộc xử án, thậm chí còn ghi danh ấy vào tấm bảng treo trên thập tự giá (Gi 18:39 19:3,14,15,19).

Câu trả lời của Phi-lát trước mặt Chúa Giê-xu bày tỏ suy nghĩ của dân Rô-ma về dân Do Thái. Giọng nói ông ta hẳn đã biểu hiện sự khinh thường và mỉa mai: “Nào có phải ta là người Do Thái đâu?” Chúa Giê-xu không phải là phạm nhân do bị Phi-lát bắt, nhưng bởi các quan trưởng trong dân Ngài! Không có lửa sao có khói? Vì vậy, Phi-lát đã hỏi: “Ngươi đã làm điều gì?”

Bằng thái độ khoan dung, Chúa vui lòng giải thích về chính Ngài và Vương quốc Ngài. Vâng, Ngài thừa nhận mình là Vua, nhưng Vương quốc Ngài không đến từ quyền lực thế gian. Dân Do Thái ở dưới quyền La Mã, Phi-lát ở dưới quyền Sê-sa. Nhưng Chúa Giê-xu nhận được quyền năng từ Đức Chúa Trời. Vương quốc Ngài là Vương quốc thuộc linh, ngự trị trong lòng những người theo Ngài và Ngài không dựa vào phương tiện thế tục hay con người để đạt được mục đích mình. Nếu vương quốc Ngài thuộc về thế gian, vậy lúc này những người theo Ngài đã có thể tập hợp thành một quân đội sẵn sàng chống trả để giải thoát cho Ngài!

Chúa Giê-xu không nói rằng Ngài không có Vương quốc ở thế gian, cũng không nói rằng Ngài sẽ không bao giờ cai trị trên đất. Ngài thật sự có một Vương quốc ở thế gian này, vương quốc ấy hiện diện bất cứ nơi đâu có những con người tin cậy và đầu phục sự tể trị của Ngài. Ngày kia, Ngài sẽ tái lâm để thiết lập Vương quốc công bình của Ngài trên đất (Dan 7:13-28). Mỗi quan tâm của Phi-lát chính là nguồn cội của Vương quốc này: Chúa Giê-xu nhận thẩm quyền từ đâu?

Trong Gi 18:37 Chúa cho biết Ngài là ai và Vương quốc nào thuộc về Ngài. Có lẽ Phi-lát không hiểu được ý nghĩa của những lời sâu sắc này, nhưng chúng ta hôm nay có thể hiểu rõ ý nghĩa Chúa muốn nói. Ngài đã được “sinh” ra, điều đó bày tỏ nhân tính Ngài. Nhưng Ngài đã “giáng thế” cho thấy thần tính Ngài. Sự kiện Ngài “giáng thế” có nghĩa là Ngài đã hiện hữu từ trước khi sinh ra tại Bết-lê-hem. Đây là một chân lý quan trọng được lặp lại nhiều lần trong Phúc Âm Giảng (1:9-10 3:17,19 9:39 10:36 12:46 16:28 17:18).

Chúa không những chỉ cho Phi-lát biết về nguồn gốc Ngài, mà còn giải thích về chức vụ Ngài: làm chứng cho chân lý. Vương quốc Ngài là Vương quốc của chân lý thuộc linh, vì vậy Ngài thu phục dân sự không bởi bạo quyền nhưng bởi sự cáo trách và thuyết phục. Ngài nói chân lý về Lời Đức Chúa Trời nên những ai thuộc về Ngài đều hưởng ứng theo lời kêu gọi của Ngài (8:47 10:27). Vũ khí của người Rô-ma là gươm giáo, nhưng vũ khí của Chúa là lẽ thật của Đức Chúa Trời, là Gươm Thánh Linh (Eph 6:17).

Chúng ta thật không thể biết Phi-lát đã đặt câu hỏi “nổi tiếng” kia với thái độ nào: “Chân lý là gì?” Francis Bacon đã viết: “Lẽ thật là gì? Phi-lát hỏi một cách bốn cột chớ không muốn biết lời giải đáp”. Tuy nhiên, chúng ta không biết chắc Phi-lát có bốn cột thật sự hay không. Có lẽ ông đã hỏi thật lòng. Từ bao thế kỷ qua, các triết gia Rô-ma và Hy Lạp đã bàn cãi về chính câu hỏi này, nhưng không đi đến kết luận nào hợp lý cả, chúng ta không biết Phi-lát đã cười nhạo hay thờ dài khi hỏi câu ấy. Vì vậy thật không khôn ngoan khi đưa ra kết luận về vấn đề này.

Ít ra, Phi-lát cũng can đảm đối đầu với đám đông và tuyên phán: “Ta chẳng thấy người có tội lỗi gì cả”. Nhưng ông không nhận được sự hưởng ứng như lòng mình mong muốn, bởi các thầy tế lễ cả và các trưởng lão càng tố cáo Chúa nhiều hơn nữa! (Mat 27:12-14). Chúa Giê-xu chỉ lặng thinh trước những kẻ vu cáo, sự yên lặng ấy đã làm Phi-lát kinh ngạc. Lẽ nào vị Vua này không thể tự bảo vệ mình sao? Nếu Ngài không nói gì, làm sao kẻ khác có thể bảo vệ được chứng cớ của họ? Phi-lát phải đương đầu với một tình huống nan giải!

Các thầy tế lễ thượng phẩm và các trưởng lão giải quyết nan đề thay Phi-lát khi la lên rằng Chúa Giê-xu đã xui dân làm loạn từ xứ Ga-li-lê (Lu 23:5). Ga-li-lê! Đó là lãnh địa thuộc trách nhiệm chủ quản của vua Hê-rốt, vậy tại sao lại không giao phạm nhân này cho Hê-rốt là người cũng đến Giê-ru-sa-lem dự lễ? Giữa Gi 18:39 đã xảy ra sự kiện được chép ở Lu 23:6-12 kế hoạch của Phi-lát không giải quyết được nan đề của ông, vì vua Hê-rốt lại giao Chúa Giê-xu về cho Phi-lát! Nhưng dù sao kết quả nhận được cũng là sự hàn gắn vết vỡ trong quan hệ thân hữu giữa hai vị lãnh đạo này. Phi-lát vẫn phải đương đầu với Chúa Giê-xu và những người Do Thái.

3. “Các người có muốn ta tha Vua dân Giu-đa cho chăng?” (Gi

18:39-19:7)

(Gi 18:29-30). Việc vua Hê-rốt không tìm thấy tội lỗi nào đáng chết nơi Chúa Giê-xu đã khích lệ Phi-lát đương đầu với các lãnh đạo Do Thái để tìm cách phóng thích Chúa. Ông giải thích cho thầy tế lễ và các lãnh đạo rằng vua Hê-rốt đã không tìm thấy tội lỗi nơi Chúa và ông cũng thấy điều đó. Vậy chỉ nên đánh đòn Chúa rồi thả ra. Người Do Thái vẫn muốn Chúa Giê-xu phải chết (Gi 18:31) nhưng Phi-lát gắng gượng với ý muốn làm một điều tốt đẹp.

Hy vọng lời đề nghị của mình được thắng thế, Phi-lát mặc cả với các lãnh đạo Do Thái. Nhà cầm quyền có lệ phóng thích một phạm nhân để lấy lòng dân Do Thái. Vì vậy, tại sao lại không thả Chúa Giê-xu? Nếu không, cũng có thể thả Ba-ra-ba. Nhưng tại sao dân Do Thái muốn thả Ba-ra-ba? Đúng ra, hẳn chỉ là một tên trộm cướp (18:40), một tội phạm nổi tiếng (Mat 27:16), một kẻ dấy loạn và giết người (Lu 23:19). Ai lại muốn phóng thích một loại tội phạm như thế?

Thật không thể ngờ rằng đám đông xin tha cho Ba-ra-ba! Dân chúng đã bị các thầy tế lễ cả và các trưởng lão dỗ dành (Mat 27:20). Những niềm tin tôn giáo không thúc đẩy họ về công lý và công bằng. Tự ái dân tộc luôn gia tăng trong kỳ lễ Vượt Qua, nên ủng hộ Ba-ra-ba là tư tưởng nghịch lại Rô-ma. Dù Chúa Giê-xu là một nhân vật nổi tiếng trong dân sự, nhưng nhiều người thất vọng vì Ngài đã không lãnh đạo được “cuộc tổng khởi nghĩa” lật đổ Rô-ma. Có lẽ, họ hy vọng rằng việc tiến vào Giê-ru-sa-lem của Chúa vài ngày trước đó là khởi điểm của cuộc cách mạng dân tộc Do Thái.

Không thể lý giải về cách đám đông chọn lựa người hùng của họ ra sao. Chắc hẳn có nhiều người Do Thái khâm phục Ba-ra-ba về sự can đảm và mưu mô của anh ta. Họ cũng vui mừng khi Ba-ra-ba chống lại Rô-ma. Nếu họ thật lòng so sánh hai “ứng cử viên” họ sẽ phải chọn Chúa Giê-xu. Nhưng khi đám đông bị những lãnh đạo xảo quyệt dụ dỗ lôi kéo trong bầu nhiệt huyết ái quốc họ sẽ đánh mất chính mình và bắt đầu suy nghĩ theo tình cảm chứ không theo lý trí. Lời biểu quyết kết án của họ không có ý nghĩa gì đối với Con Đức Chúa Trời, nhưng có ý nghĩa rất lớn đối với chính họ.

(Gi 19:1-7). Chẳng bao giờ để lỡ cơ hội, Phi-lát áp dụng chiến thuật mới: cảm thông! Đám đông gào thét. “Hãy đóng đinh nó lên thập tự giá!” (Mac 15:14). Nhưng có lẽ họ đã lắng lòng thù hận xuống khi Chúa Giê-xu bị đánh đòn. Làm sao con người có thể nhìn xem một phạm nhân bị đánh đập mà vẫn muốn người ấy bị đóng đinh? Roi để đánh Chúa là một đoạn dây bằng da (được gắn vào một tay cầm) có gắn những mảnh kim loại. Nhiều phạm nhân không thể sống sót khi bị đánh đập bằng roi da ấy. Chúng ta sẽ thật đau lòng khi nghĩ đến Con Đức Chúa Trời vô tội lại bị xử phạt tàn bạo đến như vậy. Ngài vốn là Đấng thánh khiết, nhưng bị đối xử như kẻ có tội, và Ngài làm điều đó vì chúng ta. Ngài bị vả trước mặt An-ne (Gi 18:22), bị nhổ nước miếng và bị đánh trước mặt Cai-phe cùng hội đồng các lãnh đạo (Mat 26:13). Trước khi giải Ngài đến đồn Gô-gô-tha quân lính còn chế nhạo vì đánh Ngài bằng cây sậy (Mac 15:19). Vì chúng ta, Ngài phải chịu thương khó dường ấy!

Phi-lát gọi Chúa là “Vua dân Giu-đa” (Gi 18:39) nên quân lính cho rằng “vua” phải có vương miện và áo choàng. Dân Do Thái trước đây cười nhạo khi Chúa phán về Ngài như một tiên tri (Mat 26:67-68), và giờ đây dân ngoại cũng chế nhạo Ngài khi Ngài xưng mình là Vua. Thì của động từ Hy Lạp trong 19:3 cho biết quân lính nhiều lần đến với Ngài, chế nhạo Ngài và đánh Ngài. Quyền lực âm phủ đã hưởng một ngày “hoàng kim” trong toà án Phi-lát!

Tội lỗi đã đem vào thế gian mọi thứ gai góc (Sa 3:17-19). Vì vậy, Đấng Tạo Hoá phải mang mào gai khi gánh tội lỗi thế gian trên thập tự giá. Chính nguồn kim loại Ngài tạo ra và đặt dưới lòng đất, giờ được sử dụng làm những chiếc đinh đóng xuyên qua tay chân Ngài!

Lần thứ ba, Phi-lát bước ra trước dân chúng, dẫn theo Chúa Giê-xu (Gi 18:29,38 19:4). Chắc hẳn hình ảnh một người khiêm nhường chịu đánh đòn như vậy sẽ khơi dậy lòng thương hại của một số người nhưng không phải vậy, lần thứ hai, Phi-lát tuyên bố ông không tìm thấy tội nào nơi Chúa Giê-xu, nhưng lời ông nói càng làm trỗi dậy lòng căm ghét của họ. “Đây này!...” có nghĩa là “Hãy xem kẻ tội nghiệp này! Ông ta chịu đựng như vậy chưa đủ sao? Hãy thương xót và tha cho ông ta”. Phi-lát đã cố gắng hết khả năng, nhưng ông vẫn thất bại!

Sự thất bại trong kế hoạch của Phi-lát dạy chúng ta một bài học có ý nghĩa: tình cảm con người chưa đủ để đem tội nhân hư mất đến sự cứu rỗi. Có một quan điểm về sự cứu chuộc, được gọi là thuyết ảnh hưởng đạo đức, thích hợp với cách thức của Phi-lát. Quan điểm này cho rằng sự nhận biết về nỗi thống khổ của Chúa Giê-xu có thể cảm động lòng tội nhân để họ lánh xa tội lỗi và bắt đầu yêu mến Đức Chúa Trời. Quan điểm này hoàn toàn chủ quan, không liên quan đến sự thánh khiết của Đức Chúa Trời hay tầm quan trọng của thoả mãn công lý thiên thượng.

Nếu có đám đông nào phải mũi lòng thương hại, đó chính là dân Do Thái đang chờ đợi Phi-lát. Liệu có dân tộc nào từng chịu đau khổ như Do Thái? Trước mặt họ là một tiên tri Do Thái chịu thương khó bất công dưới tay người Rô-ma, nhưng họ vẫn không hối hận hay tỏ lòng thương hại chút nào! Nếu tội nhân đã trông thấy Chúa Giê-xu trong sự thương khó mà còn không chịu ăn năn, vậy sẽ trông mong gì nơi những con người của 20 thế kỷ tiếp nối, là những người chỉ đọc về chuyện thương khó của Ngài?

Thập tự giá có liên quan đến nhiều điều, chứ không chỉ là sự thương khó. Trên thập tự giá, Con Đức Chúa Trời đã trả giá cho tội lỗi của thế gian. Vì vậy, thập tự giá công bố tình yêu Đức Chúa Trời, đề cao sự thánh khiết và công bình của Ngài. Chúng ta được cứu không phải do cảm xúc thương hại Chúa Giê-xu, Đấng chuộc tội thánh khiết. Tấn sĩ Leon Morris viết rằng “Nếu Đấng Christ không hành động gì bởi sự chết của Ngài, vậy chúng ta phải đương đầu với lòng tự cao của con người, chứ không có điều gì khác hơn!”.

Điều này không có nghĩa rằng, ngắm xem thập tự giá và suy ngẫm về sự thương khó của Đấng Christ là điều sai trái! Bài Thánh ca “Giờ được chiêm ngưỡng thập giá:” (TC 95) giúp ta nhận biết cái giá Chúa đã trả cho mình, nhưng cũng đừng nhầm lẫn “tính đa cảm” với cảm xúc thuộc linh thật. Những giọt lệ rơi xuống suốt buổi thờ phượng trong Hội Thánh là một vấn đề, nhưng quyết định dâng hiến, đầu phục và việc sau buổi thờ phượng lại là một vấn đề khác. Chúng ta không chỉ chiêm ngưỡng thập tự giá, mà còn phải mang lấy nó!

Lần thứ ba, Phi-lát công bố: “Ta không tìm thấy người có sự gì đáng chết”. Có lẽ đám đông đã hét lớn: “Tại sao ông cho người đánh đòn Giê-xu?” Hành động của Phi-lát đã mâu thuẫn với lời nói của ông. Giống như nhiều chính trị gia khác, ông là con người hèn nhát, chỉ mong tìm một giải pháp “hoà hợp” hầu làm vui lòng mọi người. Khổng Tử đã định nghĩa sự hèn nhát là “biết điều thiện nhưng không làm theo”.

Các lãnh đạo tôn giáo cũng không bỏ lỡ cơ hội hưởng ứng mạnh mẽ “Chúng tôi có luật, chiếu luật đó hẳn phải chết, vì hẳn tự xưng là Con Đức Chúa Trời” (Gi 19:7). Câu nói này

không được ghi lại ở những Phúc Âm khác (Mat 26:63-64). Tuy nhiên, câu nói ấy thích hợp với mục đích viết Phúc Âm của Giảng (Gi 20:31).

4. “Người từ đâu?” (Gi 19:8-16)

Người La Mã và người Hy Lạp có rất nhiều huyền thoại về các vị thần lấy hình loài người để đến thế gian (Cong 14:8-13) vì vậy có lẽ Phi-lát rất nhạy bén khi nghe danh hiệu “Con Đức Chúa Trời” do đã biết những câu chuyện trên. Lời nói và thái độ của Chúa Giê-xu gây ấn tượng mạnh mẽ trong lòng Phi-lát. Từ trước đến nay, ông chưa hề gặp một phạm nhân nào như Ngài. Ngài có phải là một vị thần đến thế gian? Ngài có quyền năng siêu nhiên chăng? Dĩ nhiên, Phi-lát bắt đầu lo sợ! Vợ của Phi-lát cũng sai người đến khuyên ông một lời kỳ lạ: đừng làm gì đụng đến Chúa Giê-xu (Mac 27:19). Chúa Giê-xu đã hiện diện trong cả giấc mơ của bà!

Vì sao Chúa Giê-xu không trả lời câu hỏi của Phi-lát? Vì Ngài đã trả lời trước đó (Gi 18:36-37). Một nguyên tắc thuộc linh cơ bản cho thấy: Đức Chúa Trời sẽ không bày tỏ cho chúng ta chân lý nào khác nếu chúng ta không hành động theo chân lý mình đã biết. Hơn nữa Phi-lát rõ ràng đã tỏ ra không quan tâm đến chân lý thuộc linh. Tất cả những gì ông quan tâm là làm sao duy trì được yên ổn ở Giê-ru-sa-lem khi xúc tiến việc xét xử Chúa Giê-xu Na-xa-rét. Phi-lát không xứng đáng nhận câu trả lời!

Sự sợ hãi và tức giận thường đồng hành với nhau. Khi chúng ta sợ chúng ta trở nên yếu đuối, từ đó rơi vào một thái cực khác là cố “tỏ ra mạnh mẽ. Đây chính là điều Phi-lát hành động khi ông nhắc Chúa Giê-xu về quyền hạn của một quan chức La Mã như ông. Tuy nhiên lời nói của ông không bày tỏ quyền lực, chỉ càng biểu lộ sự yếu đuối nhu nhược mà thôi. Nếu ông có quyền phóng thích Chúa, vậy sao ông không thể làm điều ấy? Ông đã lên án bản thân bằng những lời khoe khoang của chính mình.

Sự yên lặng của Chúa chúng ta trước mặt Hê-rốt và Phi-lát đã làm ứng nghiệm lời tiên tri Es 53:7 Sau này, Phi-e-rơ đã dùng hình ảnh ấy làm tấm gương về sự nhịn nhục để các Cơ Đốc nhân noi theo (IPhi 2:18-23).

Gi 19:11 ghi lại những lời sau cùng của Chúa Giê-xu trước mặt Phi-lát, bày tỏ đức tin Ngài nơi Đức Chúa Trời và sự đầu phục theo ý muốn Đức Chúa Trời (IPhi 2:23 4:19). Mọi quyền đều từ Đức Chúa Trời mà đến (Ro 13:1). Chúa Giê-xu vui lòng phó mình vào tay người La Mã và người Do Thái vì trên hết Ngài muốn đầu phục Đức Chúa Trời. Phi-lát khoe khoang về quyền hạn của mình (19:10), nhưng Chúa Giê-xu cho ông biết rằng điều mà ông gọi là “quyền” chỉ bởi Đức Chúa Trời định cho ông mà thôi. Một ngày nào đó, Đức Chúa Trời sẽ gọi ông đến khai trình về cách ông đã sử dụng những đặc quyền và trách nhiệm mình có ra sao.

Chúa Giê-xu muốn nói về ai khi Ngài phán “...kẻ đã nộp ta cho người...”? Chắc chắn không phải Đức Chúa Trời, vì Đức Chúa Trời là Đấng thánh khiết, chẳng hề có tội lỗi. Chúa muốn nói về Cai-phe một thầy tế lễ thượng phẩm vô lương, là người từ lâu đã muốn Chúa Giê-xu phải chết (Gi 11:47-54). Cai-phe hiểu biết Kinh Thánh và có nhiều cơ hội tra xem chứng cứ, nhưng ông vẫn cố tình bịt mắt và đóng cửa lòng. Ông cho rằng Chúa Giê-xu đã không bị xét xử công bằng! Chính các cộng sự của ông xúi giục dân chúng gào lên: “Đóng đinh hắn trên cây thập tự đi!” Phi-lát là một kẻ vô thần bị mù loà về tâm linh, nhưng Cai-phe là người

Do Thái hiểu biết về Kinh Thánh. Vì vậy, chính Cai-phe (chớ không phải Phi-lát) mới là kẻ có trọng tội hơn!

Phi-lát rơi vào tình huống nan giải biết bao! Làm sao ông có thể tiếp tục tra xét lời Chúa Giê-xu tuyên bố Ngài là “Con Đức Chúa Trời”? Không có chứng cứ nào tỏ ra Ngài là người gây rối hoặc xui dân làm loạn. Cố gắng can đảm cuối cùng của Phi-lát là tìm cách tha Chúa Giê-xu. Giăng không nói cho chúng ta Phi-lát xử lý như thế nào (theo nguyên văn Hy Lạp thì nói “ông tiếp tục tìm cách thả Ngài”) nhưng tất cả đều thất bại. Thật ra, dân chúng bắt đầu cáo Phi-lát là người nghịch lại Sê-sa! Điều này quá nặng nề cho Phi-lát, nên ông đã tuyên án và giao Chúa Giê-xu cho người ta đóng đinh Ngài. Ma-thi-ơ cho biết Phi-lát đã rửa tay trước dân chúng (Mat 27:4), nhưng hành động ấy không tẩy sạch được tấm lòng ông. Chính Phi-lát đang bị xét xử chớ không phải Chúa Giê-xu!

Dường như Giăng sử dụng giờ của Rô-ma, vì vậy “giờ thứ 6” có thể là 6 giờ sáng. Mắc lại cho chúng ta biết rằng Chúa Giê-xu bị đóng đinh vào “giờ thứ ba”, theo cách tính giờ của Do Thái là 9 giờ sáng. Vì Giăng viết “độ chừng giờ thứ 6” nên chúng ta không cần suy tính lý do vì sao phải mất 3 giờ đồng hồ để giải Chúa Giê-xu từ toà Phi-lát đến đồi Gô-gô-tha.

“Ngày sắm sửa” chỉ về sự chuẩn bị cho lễ Sa-bát (Gi 19:31), sẽ bắt đầu lúc mặt trời lặn của ngày hôm ấy (thứ sáu). Vì đây là lễ Sa-bát, nên đó là ngày lễ rất trọng thể. Các lãnh đạo tôn giáo quan tâm rất nhiều về truyền thống chớ không muốn tìm biết chân lý và vâng theo ý muốn Đức Chúa Trời. Vào ngày lễ trọng thể ấy, họ đã đóng đinh Đấng Mê-si-a của mình, là Chúa Giê-xu Con Đức Chúa Trời!

Lời cuối cùng dân Do Thái nói rằng: “Chúng tôi không có vua khác chỉ Sê-sa mà thôi!” (“Chúng tôi không muốn người này cai trị chúng tôi” – Lu 19:14). Có một số nhà truyền đạo sốt sắng nhưng đã lầm lẫn khi nói rằng đám đông trong ngày Lễ Lá đã hô lớn “Hô-sa-na”, nhưng sau đó đổi lòng khi gào thét “Hãy đóng đinh hắn trên cây thập tự đi!” Tuy nhiên, đó hoàn toàn là hai đám đông khác nhau. Đám đông trong ngày Lễ Lá đến từ xứ Ga-li-lê nơi Chúa được mọi người biết. Đám đông tại toà Phi-lát từ xứ Giu-đê và thành Giê-ru-sa-lem nơi các lãnh đạo tôn giáo nắm mọi quyền hành. Nếu các môn đệ Ga-li-lê có mặt, có lẽ họ đã chống lại để giải thoát cho Chúa Giê-xu!

Theo quan điểm con người, việc xét xử Chúa Giê-xu là tội lỗi và bị kịch lớn nhất trong lịch sử. Nhưng theo quan điểm Đức Chúa Trời, đây là sự ứng nghiệm lời tiên tri và sự hoàn thành ý muốn Đức Chúa Trời. Việc Đức Chúa Trời đã sắp đặt mọi sự vẫn không miễn trách được trách nhiệm của những kẻ dự phần. Thực tế là vào lễ Ngũ Tuần, Phi-e-rơ đã kết hợp hai ý niệm này trong một câu nói! (được chép ở Cong 2:23).

Khi dân Y-sơ-ra-ên cầu xin một vị vua, Đức Chúa Trời đã ban Sau-lơ cho họ và dân tộc này chối bỏ Con Đức Chúa Cha. Khi xin tha cho Ba-ra-ba, họ đã chối bỏ Đức Chúa Con. Ngày nay họ chối bỏ sự dẫn dắt của Đức Chúa Thánh Linh (Cong 7:51 Ro 10:21). Nhưng một ngày nào đó họ sẽ nhìn thấy Vua mình! (Kh 1:7 Mat 24:30 Xa 12:10-11).

Dân tộc này và người cai trị họ đã bị xét đoán, họ thất bại một cách thảm hại.

Mong rằng chúng ta sẽ không rơi vào tình trạng ấy!

21 CHỊU CHẾT TRÊN THẬP TỰ GIÁ (Gi 19:17-42)

Bài tín điều các sứ đồ xác định rằng: “Ngài... bị đóng đinh trên thập tự giá, chịu chết và chôn...” Ba sự kiện này được mô tả trong Gi 19:17-42 là những sự kiện quan trọng mà chúng ta không chỉ nên hiểu theo quan điểm lịch sử mà còn theo quan điểm của giáo lý nữa.

1. Bị đóng đinh (Gi 19:17-27)

Phi-lát giao Chúa Giê-xu cho các thầy tế lễ cả. Cùng với sự giúp sức của quân lính La Mã, họ đã đem Chúa đi đóng đinh. Cicero nhà triết học kiêm chính trị gia người Rô-ma nói rằng: “Đây là một trong những hình phạt nhục nhã và kinh khủng nhất. Đừng bao giờ để nó xảy đến với thân thể công dân Rô-ma, cũng đừng để nó lãng vãng trong tâm trí, trong mắt thấy hay tai nghe của họ”.

Hình phạt đóng đinh trên thập tự có lẽ xuất xứ từ Ba-tư và xứ Phê-ni-xi, nhưng người Rô-ma lại sử dụng nó một cách đặc biệt. Không một người Rô-ma nào có thể bị hình phạt ấy, vì đây là hình phạt dành cho loại tội phạm nguy hiểm nhất, đặc biệt là những kẻ khởi xướng một cuộc nổi dậy. Hôm nay, chúng ta nhìn xem thập tự giá như một biểu tượng của sự vinh hiển và đắc thắng, nhưng vào thời Phi-lát, thập tự giá bày tỏ tình trạng tệ hại nhất của sự bị chối bỏ, nhục nhã và đau đớn. Chính Chúa Giê-xu là Đấng đã làm cho mọi sự thay đổi.

Phạm nhân theo luật phải vác thập tự giá của mình, hay ít nhất cũng phải vác xà ngang, đi từ toà xử án đến trường án. Chúa Giê-xu bắt đầu một chặng đường dài phải mang thập tự giá của Ngài, nhưng Ngài được phần nào nhẹ gánh khi quân lính bắt Si-môn quê ở Sy-ren vác thập tự thay Ngài. Chúng ta không biết vì sao Chúa Giê-xu được miễn vác gánh nặng ấy, Kinh Thánh không nói về lý do này. Phải chăng Chúa quá yếu sức do bị đòn nhiều nên không thể vác nặng? Hay sự yếu sức của Ngài làm trì trệ thời gian của cả đoàn người trong lúc người Do Thái nóng lòng muốn mọi sự qua sớm để họ có thể kỷ niệm lễ Vượt Qua vào ngày Sa-bát. Một điều luật rõ ràng: mang thập tự giá là dấu hiệu của sự phạm tội, nhưng Chúa Giê-xu chẳng có tội lỗi nào (Mac 15:20-21).

Phạm nhân buộc phải mang một tấm bảng nêu tội trạng của mình. Tội trạng duy nhất được công bố trong bốn sách Phúc Âm là lời Phi-lát viết rằng: “Giê-xu người Na-xa-rét, là Vua dân Giu-đa? Các thầy tế lễ cả phủ nhận danh hiệu này, nhưng Phi-lát không muốn thay đổi. Đây là thái độ công kích cuối cùng của ông đối với tổ chức Do Thái giáo. Ông thừa biết các thầy tế lễ cả ghen ghét Chúa Giê-xu và muốn tiêu diệt Ngài (Mat 27:18). Một chính trị gia khôn ngoan như Phi-lát hiểu rõ những âm mưu của hội đồng các thầy tế lễ. Ông biết rằng bảng tội trạng kia đã làm nhục họ và khiến họ bối rối. Đó chính là điều Phi-lát muốn!

Thật ý nghĩa khi danh hiệu này được viết bằng chữ Hê-bơ-rơ, Gờ-réc là La-tinh. Trước tiên, điều này cho thấy Chúa chúng ta bị đóng đinh ở một nơi có nhiều người và nhiều dân tộc biết đến. Tiếng Hê-bơ-rơ là ngôn ngữ tôn giáo, tiếng Gờ-réc dành cho triết học và tiếng La-tinh dùng trong luật pháp. Ba ngôn ngữ này được sử dụng khi Con Đức Chúa Trời bị đóng đinh trên thập tự giá. Tuy nhiên Ngài đã chết trên thập tự vì cả thế gian! Trong Phúc Âm, Giăng nhấn mạnh công việc của Đấng Christ ở quy mô rộng lớn dành cho cả thế gian. Không hề nhận biết điều này, nhưng Phi-lát đã viết một truyền đạo đơn Phúc Âm khi ông nêu lên danh hiệu này, vì một trong những tên trộm cướp đã khám phá ra Ngài là Vua và xin được vào Vương quốc Ngài.

Chúa Giê-xu bị đóng đinh ngoài cửa thành (He 13:11-13) giữa hai phạm nhân, có lẽ là đồng bọn của Ba-ra-ba. Chúng ta không biết rõ nơi thập tự giá của Chúa được dựng lên ở đâu. Đã có biết bao thay đổi về địa hình ở Giê-ru-sa-lem kể từ năm 70 SC khi Titus và người Rô-ma phá huỷ thành. Vì vậy thật khó xác định con đường Chúa đi đến nơi đóng đinh hoặc nơi dựng thập tự. Ngày nay khách hành hương đến Đất Thánh đều nhìn thấy ngôi nhà thờ nơi có ngôi mộ Chúa Giê-xu và đồi Gô-gô-tha gần ngôi mộ trong vườn.

Theo tiếng Hê-bơ-rơ, Gô-gô-tha có nghĩa là “Cái Sọ” (tiếng La-tinh là Calvary). Chúng ta cũng không biết vì sao nơi đây có cái tên đặc biệt như vậy. Chắc chắn người Do Thái không cho phép những chiếc sọ người ô uế vứt nơi thi hành án. Vì vậy, thi thể (có đầu nguyên vẹn) được giải quyết bằng cách chôn (nếu phạm nhân có thân hữu - hoặc bị ném vào bãi rác. Thật ra, Gô-gô-tha có hình dạng giống sọ người, nhưng hiện địa hình của nó vẫn giữ nguyên như vậy cách đây 2.000 năm không?

Việc đóng đinh Chúa Giê-xu chung với hai tên cướp khét tiếng chỉ làm gia tăng sự sỉ nhục. Điều này làm ứng nghiệm lời tiên tri Es 53:12 “Người đã bị kể vào hàng kẻ dữ”. Ngài bị đối xử như một tội phạm nguy hiểm!

Những cuộc xử án ngày nay thường được thực hiện kín đáo, gần như ít người biết. Nhưng Chúa Giê-xu đã bị đóng đinh vào thập tự giá, bị treo lên cho mọi người đều thấy. Thời điểm này là lễ Vượt Qua nên hàng ngàn người từ các nơi đổ về Giê-ru-sa-lem. Nơi thi hành án ở ngoài cửa thành là nơi nhiều người sẽ đi qua. Chúa Giê-xu là nhân vật nổi tiếng nên việc Ngài bị bắt và bị xử án là những đề tài để nhiều người bàn luận. Đương nhiên, mọi người đều tụ tập lại để chứng kiến cảnh tượng thương tâm này!

Quân lính chắc hẳn cũng có mặt ở đó để làm nhiệm vụ ở mọi cuộc xử án của người Rô-ma, một đội trưởng sẽ được bốn lính theo hỗ trợ. Vì Chúa Giê-xu là một giáo sư được nhiều người biết đến nên Phi-lát có thể đã phái nhiều lính canh đến Gô-gô-tha. Quân lính có đặc quyền chia mọi thứ của phạm nhân. Vì vậy họ chia những gì Chúa Giê-xu có. Có lẽ Chúa có một khăn choàng, một đôi dép, quần áo trong, áo ngoài và dây lưng. Bốn tên giữ mỗi người một món đồ, và chúng cũng bắt thăm để lấy áo không đường nối của Ngài. Điều này ứng nghiệm lời tiên tri ở Thi 22:18

Các sách Phúc Âm khác cho chúng ta biết rằng nhiều người đi qua đã sỉ vả Chúa Giê-xu, do sự xui giục của các thầy tế lễ cả và các thầy thông giáo (Mac 15:29-32). Khi đọc Thi 22:1-31 bạn sẽ thấy Đa-vít dùng hình ảnh của loài vật để mô tả những con người bắt bớ Chúa chúng ta: bò đực (c.12), sư tử (c.13,21), và chó (c.16,20). Khi con người chối bỏ Chúa mình, họ trở nên khác nào loài cầm thú!

Có mấy người phụ nữ cùng sứ đồ Giăng đứng gần thập tự giá (sau đó có lẽ họ đã lùi xa hơn để đứng chung với những người bạn khác của Chúa Giê-xu (Mat 27:55-56 Mac 15:40-41) Giăng kể tên bốn người đàn bà là Ma-ri: mẹ Chúa, Sa-lô-mê: chị của mẹ Ngài, Ma-ri: vợ của Co-lê-ô-ba, và Ma-ri Ma-đơ-len. Họ thật can đảm khi đứng giữa những kẻ ghen ghét và nhạo báng, nhưng sự hiện diện của họ hẳn khích lệ Chúa rất nhiều.

Lần đầu tiên chúng ta gặp Ma-ri trong Phúc Âm Giăng lúc bà dự lễ cưới (Gi 2:1-11) giờ đây bà sắp chuẩn bị một lễ chôn cất. Giờ đã đến! Bà kinh nghiệm được “thanh gươm” đã nói đến những năm về trước (Lu 2:35). Sự yên lặng của bà thật ý nghĩa! Vì nếu có ai bảo vệ cho Chúa Giê-xu, ấy chính là mẹ Ngài! Những gì bà phải làm là cho mọi người biết lời tuyên bố

của Chúa Giê-xu hoàn toàn sai – nhưng bà không nói gì! Đây quả là một chứng cứ về thần tính của Đấng Christ.

Để bày tỏ cho Ma-ri lòng yêu mến tôn trọng của Chúa đối với bà, Ngài đã giao trách nhiệm cho Giăng, môn đệ Ngài yêu, người đã dựa trên ngực Ngài. Giăng sẽ làm con trai của Ma-ri để chăm sóc bà. Chúng ta không biết lúc ấy Giăng có dẫn Ma-ri về nhà hay không, nhưng chắc rằng Giăng đã chăm sóc bà, và bà là một trong những người có mặt tại Phòng Cao vào lễ Ngũ Tuần (Cong 1:14). Dù khi thi hành công tác cứu chuộc, Chúa vẫn trung tín với trách nhiệm làm con của Ngài. Thật vinh dự cho Giăng khi được thay thế nhiệm vụ của Chúa trong đời sống Ma-ri!

Đừng lầm lẫn Ma-ri Ma-đơ-len với “người đàn bà có tội” ở Lu 7:36 Chúa Giê-xu đã đuổi các quỷ ra khỏi Ma-ri Ma-đơ-len (Lu 8:2 Mac 16:9), vì vậy bà sử dụng nguồn tài chính mình có để giúp đỡ Chúa thi hành chức vụ. Sa-lô-mê là người đã xin Chúa ban “ngôi vinh hiển” cho hai con trai mình (Mat 20:20-29) và Chúa đã từ chối lời cầu xin ấy. Có lẽ bạn không biết bà nghĩ gì khi đứng nhìn Chúa Giê-xu chết trên thập tự giá. Cảnh tượng này hẳn đã cáo trách sự ích kỷ của bà.

2. Chịu chết (Gi 19:28-30)

Chúa biết mọi điều sắp xảy đến, nên Ngài bình tĩnh khi vâng phục ý muốn Cha trên trời. Ngài chối từ uống rượu làm giảm đau được ban cho những kẻ sắp bị đóng đinh (Mat 27:34). Để được ứng nghiệm lời Kinh Thánh (Thi 69:21) Ngài phán “Ta khát”. Ngài phải chịu đựng sự đau đớn thật của thể chất vì Ngài có một thân thể con người bằng xương thịt. Ngài bị chìm đắm trong sự tối tăm suốt ba giờ đồng hồ, nếm trải cơn thịnh nộ và sự xa cách với Đức Chúa Trời (Mat 27:45-49). Khi bạn kết hợp những yếu tố: sự tối tăm, cơn khát và sự cô đơn bạn sẽ thấy một địa ngục ở trước mặt! Có những lý do về thể chất khiến Chúa khát (Thi 22:15), nhưng cũng có những lý do thuộc linh nữa (Thi 42:1-2).

Một tên lính đã thương hại Chúa nên thấm môi Ngài bằng loại rượu giấm rẻ tiền mà bọn lính vẫn thường uống. Chúng ta không nên nghĩ rằng Chúa bị treo quá cao ở trên khoảng không, nên không thể đựng tới được. Chân Ngài có lẽ chỉ cách mặt đất khoảng 3-4 feet (trên dưới 1m) nên tên lính dễ dàng buộc miếng bông đá vào đầu cây sậy và cho Chúa uống. Hôm nay, bạn và tôi cũng có thể “cho Chúa uống” bằng cách san sẻ những gì mình có cho những kẻ khốn khó (Mat 25:34-40).

Thi 69:1-36 có những ngụ ý rất rõ ràng về Đấng Mê-si-a. Câu 3 nói rằng: “Cuống họng tôi khô” Câu 4 là lời Chúa muốn nói ở Gi 15:25 Câu 8 có liên hệ với Gi 7:3-5 Câu 9 được trích dẫn ở Gi 2:17 và câu 21 được đề cập trong Gi 19:28-29. Hãy chú ý sự nhấn mạnh về nỗi “sỉ nhục” (c.7-10,19-20) và hình ảnh “dòng nước sâu” (c.14-15 Lu 12:50).

Có 7 câu nói Chúa đã thốt ra khi Ngài bị treo trên thập tự giá. Ba lời nói đầu tiên, Ngài nghĩ đến kẻ khác: là những kẻ đã đóng đinh Ngài (Lu 23:34), tên cướp tin nhận Ngài (Lu 23:39-43), mẹ Ngài (Gi 19:25-27) lời nói thứ 4 có liên quan đến mối liên hệ của Ngài với Đức Chúa Trời (Mat 27:45-49). Ba lời nói sau cùng tập trung vào bản thân Ngài: thể chất Ngài (Gi 19:28-29), linh hồn Ngài (Gi 19:30 Es 53:10) và tâm linh Ngài (Lu 23:46).

Rượu giấm không làm thỏa mãn hoàn toàn cơn khát của Chúa, nhưng giúp Ngài đủ sức thốt lên những lời đắc thắng mạnh mẽ và lớn tiếng: “Mọi việc đã được trọn”. Theo tiếng Hy-

lap, lời nói ấy được viết là “tetelestai” nghĩa là “Mọi việc đã được hoàn tất, vẫn đang hoàn tất và luôn luôn hoàn tất”. Thật vậy, sự thương khó của Chúa chúng ta giờ đây đã được hoàn tất và nhiều ý nghĩa được hàm chứa trong lời nói đầy kịch tính ấy. Mọi điều trong luật pháp và lời tiên tri thời Cựu Ước đã được làm trọn. Giờ đây, Ngài đã hoàn thành công tác chuộc tội “một lần đủ cả”.

Đối với chúng ta hôm nay, từ “tetelestai” thật xa lạ nhưng vào thời ấy nó được nhiều người dùng đến trong đời sống thường nhật. Người đầy tớ dùng từ ấy để báo lại cho chủ “tôi đã hoàn tất công việc được giao phó” (Gi 17:4). Khi thầy tế lễ xem xét con sinh tế và không thấy nó có tí vết. Khi ông ta sẽ dùng đến từ ấy. Chúa Giê-xu thật là Chiên Con Đức Chúa Trời không tí không vết khi một họa sĩ hoàn tất bức họa hay một nhà văn viết xong tác phẩm của mình, họ có thể nói “mọi việc đã xong”. Sự chết của Chúa Giê-xu trên thập tự giá đã hoàn tất “bức tranh” Đức Chúa Trời đang vẽ và câu chuyện Ngài đang viết từ bao thế kỷ qua. Bởi thập tự giá, chúng ta có thể hiểu được những nghi lễ và lời tiên tri trong Cựu Ước.

Có lẽ, ý nghĩa thâm thúy nhất của từ “tetelestai” đã được các thương gia sử dụng: “Mọi nợ nần đã được trả đủ!” Khi Chúa Giê-xu phó mạng sống trên thập tự giá, Ngài đã đáp ứng đầy đủ những yêu cầu chính đáng của một luật lệ thánh khiết, Ngài đã gánh hết mọi nợ tội của chúng ta. Không một con sinh tế nào trong thời Cựu Ước có thể xoá sạch tội lỗi. Huyết của chúng chỉ có thể khoả lấp tội mà thôi. Nhưng Chiên Con Đức Chúa Trời đã đổ huyết ra và huyết Ngài có thể xoá sạch tội lỗi của cả thế gian (Gi 1:29 He 9:24-28).

Trước đây, có một nhà truyền đạo hơi “lập dị” tên là Alenxander Wooten được một thanh niên hoang đàng tìm đến hỏi rằng: “Tôi phải làm gì để được cứu?” Wooten đáp “Đã quá trễ!” rồi bắt đầu làm việc. Chàng thanh niên vô cùng lo lắng: “Có phải ông muốn nói rằng đã quá trễ để tôi có thể được cứu? Tôi không thể làm được gì sao?” Wooten nói: “Đã quá trễ! Vì mọi việc đã được làm trọn rồi! Điều duy nhất cậu có thể làm là: tin nhận!”

Sự chết của Chúa Giê-xu là một chủ đề chính trong Phúc Âm Giảng. Điều này đã được Giảng Báp-tít rao báo trước khi Chúa Giê-xu bắt đầu chức vụ Ngài (Gi 1:29,35-36). Chúa đề cập đến điều này đầu tiên trong Gi 3:14, chắc hẳn là hình ảnh về sự đóng đinh trên thập tự giá (Gi 8:28 12:32). Chúa thường nói về việc “vác thập tự giá” (Mat 10:38 16:24). Sau khi Phi-e-rơ xưng nhận đức tin, Chúa cho biết rõ rằng Ngài sẽ phải bị giết (Mat 16:21), sau đó Ngài cho các môn đệ biết Ngài sẽ bị đóng đinh trên thập giá (Mat 20:17-19).

Trong Phúc Âm Giảng, bạn sẽ tìm thấy nhiều hình ảnh nói về sự chết của Chúa: chiên con bị giết (Gi 1:29), đền thờ bị phá huỷ (2:19), con rắn bị treo lên (3:14), người Chăn phó mạng sống mình vì bầy chiên (10:11-18) và hạt giống bị gieo xuống đất (12:20-25). Những hình ảnh này cho biết rõ về sự chết của Chúa Giê-xu: đó không phải là một sự cố hay một tai nạn, nhưng là sự chỉ định từ Đức Chúa Trời. Chúa bị giết không theo ý nghĩa của việc bức tử, nhưng Ngài vui lòng phó sự sống mình vì chúng ta. Sự chết của Ngài không chỉ là một tấm gương, nhưng còn là một sự chuộc tội, Ngài thật sự đã hoàn tất công tác cứu chuộc trên thập tự giá!

Những kẻ vô tín đã bịa đặt rằng Chúa Giê-xu không thật sự chết, Ngài chỉ “ngất đi” trên thập tự giá và sau đó đã “tỉnh lại” trong ngôi mộ lạnh lẽo kia! Nhưng có rất nhiều chứng cứ cho thấy Chúa Giê-xu thật sự đã chết trên thập tự giá: thầy đội (Mac 15:44-45), những người viết sách Phúc Âm, các thiên sứ (Mat 28:5,7) người Giu-đa (Cong 5:28) chính Chúa Giê-xu (Lu

24:46 Kh 1:18), và cả muôn vàn thiên sứ thờ phượng Chúa trên trời (Kh 5:9,12). Phao-lô, Phi-e-rơ và Giăng cũng đề cập đến sự chết của Đấng Christ trong các thư tín.

Sự chết của Chúa mang tính tự nguyện: Ngài vui lòng trút linh hồn mình (Gi 19:30 10:17-18) và phó chính mình (Ga 2:20) Ngài dâng mình như một giá chuộc nhiều người (Mac 10:45), như một của lễ lễ cho Đức Chúa Trời (Eph 5:2) và của lễ chuộc tội (IGi 2:2). Ở (Lu 9:31 sự chết của Chúa được gọi là sự “qua đời”), tiếng Hy Lạp gọi là “exodus” (cuộc ra đi) chỉ về Chiên con của lễ Vượt Qua và sự giải phóng khỏi ách nô lệ. Để bày tỏ mọi điều đã xảy ra khi Chúa Giê-xu chịu chết trên thập tự giá, hẳn sẽ phải mất một khoảng thời gian vô tận!

3. Bị chôn (Gi 19:31-42)

Có hai nhóm người liên quan đến việc chôn Chúa: quân lính La Mã (19:31-37) và các tín hữu Do Thái (19:38-42). Các phạm nhân thường ở trong tình trạng chết treo trên thập tự giá quá lâu, nên các lãnh đạo tôn giáo muốn kết thúc nhanh chóng cái chết của Chúa Giê-xu và hai tên cướp. Tuy nhiên, Chúa chúng ta vẫn hoàn toàn chủ động. Ngài trút linh hồn vào “giờ thứ chín” nghĩa là 3 giờ chiều (Mat 27:45-50). Ba lời nói cuối cùng được Chúa thốt ra trong khoảng thời gian ngắn trước khi Ngài phó sự sống mình.

Đáng chú ý là lính La Mã đã không thực hiện mệnh lệnh được giao cho họ: phải đánh gãy chân các phạm nhân. Nhưng họ đã làm việc mà họ không hề được giao: đâm vào sườn Đấng Christ! Trong cả hai sự việc, họ đã làm ứng nghiệm lời Đức Chúa Trời! Chẳng một cái xương nào của Chiên Con lễ Vượt Qua bị gãy (Xu 12:46 Dan 9:12 Thi 34:20) như vậy chính Chúa đã bảo vệ những cái xương của Ngài. Sườn Ngài phải bị đâm (Xa 12:10 Kh 1:7), vì vậy điều này đã được quân lính La Mã thực hiện.

Giăng nhìn thấy một ý nghĩa đặc biệt về huyết và nước đã chảy ra từ hông Chúa. Trước tiên, nó chứng tỏ Chúa Giê-xu có một thân thể con người thật (IGi 1:1-4) nên đã trải qua một sự chết thật. Vào thời điểm Giăng viết thư tín này, có những giáo sư giả trong Hội Thánh tuyên bố rằng Chúa Giê-xu thật sự không mang thân thể con người! Ngoài ra, còn có một ý nghĩa tượng trưng: huyết Chúa bày tỏ việc chúng ta được xưng công bình, nước từ hông Ngài bày tỏ rằng chúng ta được thánh hoá và tinh sạch. Huyết Chúa bôi xoá tội lỗi và nước từ Ngài giải quyết ô nhiễm của tội lỗi. Một số người học Kinh Thánh đã kết hợp (Gi 19:34 IGi 5:6) nhưng có lẽ sự kết hợp này không đủ sức thuyết phục. Trong IGi 5:1-21 Giăng đưa ra chứng cứ Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời đã đến thế gian trong thể xác và ông trình bày ba chứng cứ: Thánh Linh, nước và huyết (5:6,8). Thánh Linh có liên quan đến lễ Ngũ Tuần và nước có liên hệ với phép báp-tem. Còn huyết chỉ về sự hy sinh của Chúa trên thập tự giá. Trong mỗi sự kiện ấy, Đức Chúa Trời chứng minh rằng Chúa Giê-xu chính là Đấng đại diện cho những gì Ngài tuyên bố, là Đức Chúa Trời đã đến trong xác thịt. Thật vậy, qua Gi 19:35 sứ đồ Giăng cho thấy rõ nước và huyết giúp người đọc Kinh Thánh tin rằng Chúa Giê-xu là Đấng Christ (20:31).

Khi quân lính đã thực hiện xong công việc dã man của họ, bạn hữu của Chúa bắt đầu làm nhiệm vụ. Theo Kinh Thánh, từ đây không có kẻ vô tín nào sờ được thân thể Chúa Giê-xu. Đức Chúa Trời đã chuẩn bị trước hai con người ở tầng lớp thượng lưu để lo việc chôn cất xác Chúa và đặt Ngài vào một ngôi mộ xứng đáng. Nếu như Giô-sép và Ni-cô-đem không có mặt tại đó, có lẽ xác Chúa sẽ bị vứt vào một hố tắm tối nào đó và không ai biết đến, theo như lời của James Stalker đã viết trong cuốn sách “Vụ án và Sự chết của Chúa Giê-xu” (The

Trial & Death of Jesus Christ). Nếu bạn hữu của nạn nhân có mặt, lính La Mã sẽ rất vui mừng giao xác chết cho bạn hữu người và không còn trách nhiệm nữa.

Nếu bạn thu thập những tư liệu sẵn có về Giô-sép người A-ri-ma-thê, bạn sẽ biết rằng: ông rất giàu (Mat 27:57), một nghị viên toà Công Luận có danh vọng (Mac 15:43), một người chánh trực công bình, không đồng ý với những việc toà Công Luận đã làm (Lu 23:50-51) một người thuộc nhóm thiểu số trong dân Do Thái có lòng tin và trông đợi Nước Đức Chúa Trời (Mac 15:43 chú ý Lu 2:25-38) và cũng là một môn đệ của Chúa Giê-xu (Gi 19:38). Chính ông là người xin xác Chúa Giê-xu và cùng với bạn mình là Ni-cô-đem đã chôn cất Chúa tử tế.

Tuy nhiên có một số chi tiết về Giô-sép khiến chúng ta khó hiểu và cần nghiên cứu kỹ hơn. Tại sao ông cho xây ngôi mộ rất gần nơi xử án? Hầu hết những người Do Thái mộ đạo đều muốn mình được chôn cất trong thành Giê-ru-sa-lem, vậy mà một người giàu có như Giô-sép lẽ nào lại không đủ khả năng mua một mảnh đất tốt hơn cho nơi an nghỉ cuối cùng của mình? Bạn tưởng tượng xem những người bà con của ông đến để thăm mộ ông sẽ phải nghe tiếng nguyện rửa gào thét của những tử tội trên thập tự giá gần đó! (Gi 19:41).

Ma-thi-ơ, Lu-ca và Giăng cho chúng ta biết rằng ngôi mộ ấy chưa từng chôn ai. Đó là ngôi mộ mới xây của Giô-sép (Mat 27:60) để dành cho chính ông. Cũng có thể ông chuẩn bị ngôi mộ ấy cho Chúa Giê-xu chẳng?

Giăng cũng cho biết Giô-sép là “môn đệ kín giấu” của Chúa Giê-xu vì ‘sợ dân Giu-đa’. Theo tiếng Hy Lạp, “kín giấu” nghĩa là “được giữ bí mật”, giống như từ “kín nhiệm” ở Mat 13:35 vậy. Nói cách khác, Giô-sép là “một nhân viên mật của Đức Chúa Trời” trong toà Công Luận! Theo quan điểm con người, Giô-sép giữ bí mật vì sợ dân Do Thái (Gi 7:13 9:22 12:42), nhưng dưới mắt Đức Chúa Trời ông là người được bảo vệ để chuẩn bị sẵn sàng cho việc chôn xác Chúa Giê-xu.

Chúng ta để ý rằng mỗi lần Ni-cô-đem được nhắc đến, người đọc đều biết ông là người gặp Chúa Giê-xu vào ban đêm (Gi 3:1 7:50-53). Nhưng con người này từ chỗ mơ hồ vào ban đêm (Gi 3:1-36) đã có sự xưng nhận vào ban ngày! Ni-cô-đem đã từ hai bóng tối bước ra ánh sáng, và cùng với Giô-sép ông chẳng hề xấu hổ khi nhận Chúa Giê-xu trước mặt mọi người. Dĩ nhiên khi hai người này chạm đến xác Chúa Giê-xu họ đã bị ô uế và không thể dưng lễ Vượt Qua được. Nhưng điều này đã tạo khác biệt gì? Họ đã gặp được Chiên Con của Đức Chúa Trời!

Rõ ràng Giô-sép và Ni-cô-đem đã vạch kế hoạch chu đáo cho công việc của họ tại Gô-gô-tha. Chắc hẳn họ không thể chuẩn bị ngôi mộ vào giây phút cuối cùng, cũng không thể mua được hương liệu trị giá 65 nén bạc quá nhanh chóng như vậy trong kỳ lễ Vượt Qua khi các thương buôn không hoạt động. Chúa Giê-xu không chết trước khi Giô-sép đến gặp Phi-lát để xin xác Ngài. Ni-cô-đem đã có mặt tại thập tự giá để canh chừng xác Chúa. Hai người này có lẽ đã chờ nhau tại ngôi mộ mới, mang theo hương liệu và vải liệm, chuẩn bị cho giây phút Đấng Christ tắt hơi.

Sự khẩn trương là điều cần thiết nên hai người đàn ông này bắt tay vào làm việc nhanh nhẹn. Họ không thể tắm rửa toàn bộ thân thể Chúa theo tục lệ, nhưng họ đã cố gắng hết khả năng mình. Điều quan trọng là phải giữ xác Ngài được an toàn, tránh khỏi sự chú ý của người La Mã và các lãnh đạo Do Thái. Dĩ nhiên Ma-ri ở Bê-tha-ni đã xức dầu thơm để chôn

xác Chúa từ trước (Gi 12:1-8 Mac 14:8). Họ sẽ trở lại sau ngày Sa-bát để hoàn tất việc chôn xác Chúa (Lu 23:55-24:1).

Câu hỏi được nêu ra ở đây là “Làm sao Giô-sép và Ni-cô-đem biết trước để chuẩn bị việc chôn Chúa?” Tiến trình sau đây chỉ là sự phỏng đoán của riêng tôi, nhưng có lẽ đây là điều hợp lý.

Khi Ni-cô-đem đến gặp Chúa lần đầu tiên, ông rất cảm kích trước phép lạ và lời giáo huấn của Chúa, nhưng không hiểu “tái sinh” nghĩa là gì. Chắc hẳn sau cuộc nói chuyện ấy, Ni-cô-đem đã tra xem Kinh Thánh và cầu xin Đức Chúa Trời dẫn dắt ông về những vấn đề thuộc linh quan trọng này.

Tại cuộc họp của toà Công Luận ở Gi 7:45-53 Ni-cô-đem dạn dĩ bảo vệ cho Đấng Christ! Các cộng sự ông cười nhạo khi ông nghĩ rằng một tiên tri có thể xuất thân từ Ga-li-lê. Họ nói rằng: “Hãy tra xét, sẽ thấy...” và đó là điều Ni-cô-đem đã thực hiện. Dường như Giô-sép cũng yên lặng đồng tình với Ni-cô-đem và bày tỏ rằng ông đã tin chắc Chúa Giê-xu Na-xa-rét đích thực là Đấng Mê-si-a của Y-sơ-ra-ên, Con Đức Chúa Trời.

Khi Ni-cô-đem và Giô-sép tra xem Kinh Thánh, họ đã tìm thấy những lời tiên tri nói về Đấng Mê-si-a, cũng như khám phá rằng có nhiều lời tiên tri được ứng nghiệm qua Chúa Giê-xu. Chưa hẳn họ đã nhìn biết Ngài là Chiên Con Đức Chúa Trời và biết trước Ngài sẽ hy sinh tại lễ Vượt Qua. Chúa Giê-xu cũng cho Ni-cô-đem biết trước Ngài sẽ “bị treo lên” (Gi 3:14) nghĩa là bị đóng đinh trên thập tự giá. Vì các chiên con của lễ Vượt Qua bị giết khoảng 3 giờ chiều, nên hai người này đều biết chính xác thời điểm Chiên Con Đức Chúa Trời chịu chết trên thập tự giá! Có lẽ họ đã đọc Es 53:1-12 và chú ý đến câu 9: “Người ta đã đặt mồ người với những kẻ ác, nhưng khi chết, người được chôn với kẻ giàu”. Chúa Giê-xu sẽ phải được chôn trong mộ của người giàu!

Giô-sép đã chuẩn bị ngôi mộ từ trước và giờ đây ông cùng Ni-cô-đem đem đến vải liệm và thuốc thơm cho việc chôn xác Chúa. Có lẽ họ đã ẩn nấp trong ngôi mộ này suốt 6 tiếng đồng hồ Chúa chịu đau đớn trên thập tự giá. Khi họ nghe lời phán “Mọi việc đã được trọn! Hỡi Cha, tôi giao linh hồn lại trong tay Cha!”, họ biết Ngài đã tắt hơi nên bắt tay vào công việc. Họ dạn dĩ nhận xác Chúa Giê-xu trong thời điểm dường như Ngài đã thất bại một cách vô vọng. Như chúng ta đã biết, trong số các môn đệ Chúa, chỉ có Giăng ở cùng họ tại thập tự giá.

Ngày Sa-bát sắp bắt đầu, Chúa Giê-xu đã hoàn tất công tác “sáng tạo mới” của Ngài (IICo 5:17) và giờ đây Ngài yên nghỉ.

22. BÌNH MINH CỦA MỘT NGÀY MỚI (Gi 20:1-18)

Nếu Phúc Âm Giăng là một cuốn sách tiểu sử bình thường, vậy có lẽ sẽ không có đoạn 20. Tôi vốn là người thường đọc các tiểu sử, thấy rằng hầu hết đều nói đến sự chết và chôn của nhân vật. Tuy nhiên, tôi chưa đọc một cuốn sách nào mô tả sự sống lại từ cõi chết của một nhân vật! Việc Giăng tiếp tục viết phần cuối sách và chia sẻ niềm hân hoan về phép lạ phục sinh, đủ chứng minh rằng Chúa Giê-xu không giống những nhân vật bình thường khác. Ngài thật sự là Con Đức Chúa Trời!

Sự sống lại là phần cốt lõi trong sứ điệp của Phúc Âm (ICo 15:1-8) và là một giáo lý quan trọng trong Cơ Đốc giáo, chứng minh rằng: Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời (Cong 2:32-36 Ro 1:4) công tác cứu chuộc của Ngài trên thập tự giá đã được hoàn tất và có hiệu nghiệm (Ro 4:24-25). Thập tự giá “không người” và ngôi mộ “trống” chính là những “chứng từ” của Đức Chúa Trời cho chúng ta biết mọi khoản nợ đã được trả hết. Chúa Giê-xu không chỉ là Đấng Christ, Ngài còn là Đấng Thánh hoá (Ro 6:4-10) và Đấng Cầu Thay (Ro 8:34). Ngày kia, Ngài sẽ tái lâm để làm Đấng xét đoán (Cong 17:30-31).

Ngay từ trước, kẻ thù của Chúa đã muốn chối bỏ sự kiện lịch sử về sự phục sinh. Các lãnh đạo Do Thái tuyên bố rằng xác Chúa đã bị đánh cắp khỏi ngôi mộ.

Lời tuyên bố ấy thật vô lý, vì nếu xác Chúa bị môn đệ đánh cắp thì làm sao họ có thể thực hiện được? Ngôi mộ được quân lính La Mã canh gác cẩn mật và được lấp bằng tảng đá lớn có dấu niêm phong của nhà chức trách La Mã. Hơn nữa, các môn đệ Chúa không tin rằng Ngài có thể sống lại từ cõi chết, chính những kẻ thù Chúa là những người ghi nhớ những lời Ngài từng phán (Mat 27:62-66). Chắc chắn họ cũng không phải là kẻ lấy xác Chúa đi. Mục đích cuối cùng của họ là sẽ không còn ai tin rằng Chúa Giê-xu đã từ kẻ chết sống lại. Nếu bạn hữu Chúa không thể lấy xác Ngài và kẻ thù Chúa cũng không làm vậy, thế ai đã làm điều này?

Có thể các môn đệ đã có những “khải tượng” về Chúa phục sinh và cắt nghĩa chúng như những chứng cứ về sự phục sinh? Nhưng họ không hề mong được thấy Chúa và đó cũng không phải là trạng thái tâm lý do ảo giác tạo ra. Làm sao hơn 500 người có chung một ảo giác tại cùng một thời điểm? (ICo 15:6).

Các môn đệ Chúa đã đến nhằm mộ chằng? Không phải vậy. Họ đã xem xét cẩn thận vị trí ngôi mộ của Chúa (Mat 27:61 Mac 15:47 Lu 23:55-56). Họ yêu mến Thầy mình nên không thể lầm lẫn nơi yên nghỉ của Ngài. Thực tế, khi những phụ nữ đi đến mộ, họ rất lo lắng vì không biết ai sẽ lăn hòn đá nặng nề kia (Mac 16:1-3). Vì vậy, họ rất quen thuộc với địa điểm này.

Không cần phải nói gì về lý luận ngớ ngẩn cho rằng Chúa Giê-xu đã không chết nhưng chỉ ngất đi trên thập tự giá và sau đó tỉnh lại! Biết bao chứng cứ cho thấy Chúa Giê-xu đã chết khi thân thể Ngài được đem xuống khỏi thập tự giá. Sau đó, Ngài đã phục sinh có sự chứng kiến của những nhân chứng đáng tin cậy. Một kết luận hữu lý duy nhất, đó là Ngài đã thành tín với lời hứa và sống lại từ cõi chết!

Tuy nhiên, lúc bấy giờ các môn đệ thân cận nhất của Chúa cũng không hiểu chân lý vinh hiển về sự Phục sinh. Chân lý ấy dần dần hiển hiện và bày tỏ cho những con người khốn khổ biết rằng Chúa của họ không chết nhưng vẫn sống! Thật là một đổi thay bất ngờ khi họ nhận biết trọn vẹn về sự phục sinh! Đối với Ma-ri, Ma-đơ-len, đổi thay ấy đã đưa bà từ chỗ khóc lóc đến vui mừng (Gi 20:1-18). Đối với 10 môn đệ, họ từ chỗ sợ hãi đã trở nên dạn dĩ (20:19-23). Đối với Tô-ma, nỗi nghi ngờ của ông đã nhường chỗ cho sự biết chắc (20:24-31). Với Ma-ri, bà kinh nghiệm được tình yêu của Chúa. Với 10 môn đệ, họ kinh nghiệm về hi vọng, và với Tô-ma, ông kinh nghiệm về đức tin.

Khi xem xét từng trải của Ma-ri Ma-đơ-len trong ngày phục sinh của Chúa, chúng ta có thể thấy ba giai đoạn trong sự hiểu biết của bà về chân lý của sự phục sinh. Phi-e-rơ và Giăng cũng dự phần trong từng trải này:

1. Đức tin lu mờ (Gi 20:1-2)

Ma-ri Ma-đơ-len cùng những phụ nữ khác hẹn nhau đến mộ Chúa vào sáng sớm ngày đầu tuần để bày tỏ lòng yêu mến của họ đối với Chúa Giê-xu qua việc hoàn tất thủ tục chôn cất. Giô-sép người A-ri-ma-thê và Ni-cô-đem đã tranh thủ khâm liệm xác Chúa và bây giờ những người đàn bà muốn hoàn tất công việc này. Mối quan tâm lớn của họ là làm sao để vào được ngôi mộ. Có lẽ họ hy vọng lính La Mã sẽ thương hại họ và giúp họ một tay.

Có một điều họ không biết một cơn động đất đã xảy ra và hòn đá trước cửa mộ được thiên sứ lăn ra! Đường như Ma-ri Ma-đơ-len là người đến mộ trước những phụ nữ khác. Khi nhìn thấy hòn đá được lăn ra khỏi cửa mộ, bà cho rằng có ai đó đã đột nhập vào mộ và đánh cắp xác Chúa. Có thể, chúng ta sẽ chỉ trích Ma-ri về những kết luận vội vàng của bà. Nhưng nếu xem xét hoàn cảnh lúc ấy, chúng ta sẽ thấy bà khó lòng có một kết luận nào khác hơn thế. Trời hãy còn mờ tối, bà chỉ có mặt một mình tại ngôi mộ. Và cũng như bao môn đệ khác của Chúa, bà không tin rằng Chúa sẽ sống lại từ cõi chết.

Bà đã chạy đi báo tin cho Phi-e-rơ và Giăng, là những người có lẽ đã sống chung với nhau tại một nơi quen thuộc với các môn đệ. Nơi ấy có lẽ là Phòng Cao, chỗ họ đã gặp mặt Chúa Giê-xu. Thật thú vị khi Ma-ri dùng đại danh từ “chúng ta” vì nó bao gồm cả những phụ nữ khác những người vào thời điểm đó đã khám phá ra Chúa Giê-xu đã sống (Mac 16:1-8 Lu 24:1-8)! Họ rời ngôi mộ và loan báo sứ điệp của các thiên sứ cho những môn đệ khác.

Ý nghĩa thay khi những nhân chứng đầu tiên về sự phục sinh của Đấng Christ là những người nữ tin kính. Giữa vòng dân Do Thái thời bấy giờ, lời làm chứng của phụ nữ thường không được coi trọng. Các thầy dạy luật từng nói rằng: “Thà để lời luật pháp bị thiêu cháy còn hơn là chuyển đạt nó cho phụ nữ? Tuy vậy, những phụ nữ tin kính này đã rao ra một sứ điệp vĩ đại hơn lời của luật pháp vì họ biết rằng Đấng Christ của họ là Đấng sống!

Tuy đức tin của Ma-ri không nguội lạnh, nhưng vẫn còn rất lu mờ. Sự sáng vẫn hiện diện ở đó, nhưng bị che khuất Phi-e-rơ và Giăng cũng ở trong tình trạng thuộc linh tương tự, nhưng chẳng bao lâu ba người ấy sẽ bước ra khỏi bóng tối để đi vào sự sáng!

2. Đức tin đã lộ dạng (Gi 20:3-10)

Gi 20:3 cho thấy Phi-e-rơ khởi hành trước để đến mồ, nhưng ở 20:24 cho biết Giăng đến nơi trước. Có lẽ Giăng là người trẻ tuổi có thể lực khỏe hơn hoặc có thể Giăng là người chạy giỏi hơn. Có người đã thử “thuộc linh hoá” cuộc chạy đua này và liên hệ nó với Es 10:31 và He 12:1-2. Khi một Cơ Đốc nhân xa rời mối liên hệ với Chúa, thật khó lòng tham dự cuộc đua của đức tin. Tuy vậy, hai người này xứng đáng được tin cậy vì can đảm chạy vào địa phận kẻ thù, không cần biết việc gì sẽ xảy đến cho mình. Đây có lẽ là một cái bẫy thuận lợi để bắt cóc môn đệ.

Khi Giăng đến ngôi mộ, ông cẩn thận ở bên ngoài nhìn vào. Có lẽ ông muốn cùng Phi-e-rơ vào bên trong. Giăng nhìn thấy gì? Những tấm khăn hiện nằm trên phiến đá không có dấu vết của cuộc bạo động hay tội ác nào. Nhưng những lớp vải liệm trống rỗng! Chúng nằm đó như một cái vỏ rỗng vẫn mang hình dáng của thân thể Chúa Giê-xu.

Phi-e-rơ đến nơi và hấp tấp bước vào ngôi mộ đúng như điều chúng ta đoán trước. Ông cũng thấy những tấm vải liệm nằm chơ vơ ở đó và chiếc khăn trùm đầu được quăn cẩn thận đặt ở một vị trí khác. Những tên trộm mồ mả không thể mở thi thể người chết cách cẩn thận và rồi để những tấm vải liệm một cách ngăn nắp như vậy. Thật ra, khi có thuốc thơm được

gấp theo vải liệm thì việc mở xác chết ra mà không làm xáo trộn vải liệm là một việc bất khả. Cách duy nhất để những tấm vải liệm kia có thể được giữ trong tình trạng này, đó là Chúa Giê-xu đã thoát khỏi lớp vải liệm khi Ngài sống lại!

Sau đó Giăng đã bước vào ngôi mộ và xem xét chứng cứ. Ông đã “thấy và tin” (Gi 20:8).

Khi Giăng viết đoạn Kinh Thánh này, ông đã sử dụng ba từ Hy Lạp khác nhau nói về hành động “thấy”. Ở 20:5 động từ đơn giản có nghĩa là “nhìn vào”. Ở 20:6 từ “thấy” có nghĩa là xem xét cẩn thận hoặc quan sát. Ở 20:8 “thấy” nghĩa là nhận biết một cách sâu sắc và minh mẫn. Niềm tin về sự phục sinh của họ giờ đây đang lộ dạng!

Thật không ngờ rằng môn đệ Chúa Giê-xu không hề trông mong Chúa sống lại và bước ra khỏi phần mộ. Ngài đã nhiều lần cho họ biết trước rằng Ngài sẽ sống lại từ cõi chết. Ngay từ lúc khởi đầu chức vụ, Chúa đã phán: “Hãy phá đền thờ này đi, trong ba ngày ta sẽ dựng lại!” (Gi 2:19). Sau khi Chúa phục sinh, các môn đệ Ngài nhớ lại lời Ngài phán về điều này (2:22). Kẻ thù của Chúa cũng nhớ lời Ngài phán nữa (Mat 27:40,63-64).

Chúa từng so sánh Ngài với tiên tri Giô-na (Mat 12:40) và hai lần Ngài công khai cho biết Ngài sẽ sống lại sau ba ngày chịu chết (Mat 16:21 20:19). Vào ngày thứ năm của tuần lễ chức vụ cuối cùng, Chúa hứa cùng các môn đệ rằng Ngài sẽ sống lại và gặp họ tại Ga-li-lê (Mat 26:32 Lu 24:6-7).

Đức tin của Phi-e-rơ và Giăng ra sao trong giai đoạn từng trải thuộc linh này? Đức tin của họ là đức tin dựa trên chứng cứ. Nhìn thấy những tấm vải liệm, họ biết thân xác Chúa không có ở phần mộ. Tuy nhiên, chứng cứ xác thực chỉ giúp cho việc thuyết phục tâm trí con người chớ không bao giờ có thể đổi thay được đời sống. Chúng ta là những người sống trong thế kỷ hiện tại nên không thể xem xét chứng cứ vì chứng cứ có thể xem thấy như ngôi mộ, những tấm vải liệm chẳng hạn không còn ở đó để chúng ta xem xét. Tuy vậy, chúng ta có lời Đức Chúa Trời (Gi 20:9), và lời ấy là thật (Gi 19:35 21:24). Thật vậy, đức tin nơi lời Đức Chúa Trời là điều Chúa Giê-xu muốn nhìn thấy nơi các môn đệ (2:22 12:16 14:26). Phi-e-rơ bày tỏ rằng lời Đức Chúa Trời phải là nền tảng của đức tin trong chúng ta chớ không phải những kinh nghiệm của con người (IPhi 1:12-21).

Các môn đệ lúc bấy giờ chỉ có Kinh Thánh Cựu Ước (20:9). Hội Thánh ban đầu đã dùng Kinh Thánh Cựu Ước để minh chứng cho dân Do Thái và người ngoại biết rằng Chúa Giê-xu là Đấng Christ, Ngài đã chết thay tội nhân và sống lại (Cong 9:22 13:16 17:1-4) Sứ điệp Phúc Âm gồm tóm “Ngài đã bị chôn, đến ngày thứ ba, Ngài sống lại theo lời Kinh Thánh” (ICo 15:4). Phao-lô và Giăng nhớ đến những lời Kinh Thánh nào trong Cựu Ước?

Phao-lô nhìn thấy sự phục sinh qua Thi 2:7 Cong 13:33. Phi-e-rơ nhớ đến Thi 16:8-11 (Cong 2:23-26 13:35). Phi-e-rơ cũng đề cập đến Thi 110:1 (Cong 2:34-35). Câu nói “những ngày người sẽ thêm dài ra” Es 53:10 cũng được giải nghĩa như một lời tiên tri về sự phục sinh của Đấng Christ. Chúa Giê-xu đã dùng tiên tri Giô-na để minh họa cho sự chết, chôn và sống lại của Ngài (Mat 12:38-40) sứ điệp này chứa đựng một khoảng thời gian “ba ngày”. Phao-lô nhìn thấy lễ dâng trái đầu mùa như một hình ảnh về sự phục sinh của Đấng Christ (Le 23:9-14 ICo 15:20-23) và hình ảnh này cũng liên hệ với “ngày thứ ba”. Một số học viên Kinh Thánh nhìn thấy sự phục sinh và “ngày thứ ba” ở sách Os 6:2

Sau khi phục sinh, Chúa Giê-xu không bày tỏ chính Ngài cho mọi người, nhưng chỉ tỏ cho những nhân chứng Ngài chọn để rao Phúc Âm ra cho người khác (Cong 10:39-43). Chứng cứ này được chép trong Thánh Kinh Tân Ước và cả trọn bộ Kinh Thánh Tân Ước đều có chung một chứng cứ ấy. Sách luật pháp, các đoạn Thi Thiên, các tiên tri và các sứ đồ đều cùng làm chứng rằng Chúa Giê-xu là Đấng Sống.

Phi-e-rơ và Giăng nhìn thấy chứng cứ nên tin. Sau đó, Đức Thánh Linh đã khiến đức tin họ được vững vàng qua những lời Kinh Thánh Cựu Ước. Tối hôm ấy, họ đã gặp được Chúa mình một cách rõ ràng! Đức tin của họ từ chỗ lu mờ giờ đã bắt đầu lộ dạng!

3. Đức tin chiếu sáng ra (Gi 20:11-18)

Khi nghĩ đến Ma-ri Ma-đơ-len đang thơ thẩn một mình giữa vườn, tôi nhớ câu Ch 8:17 “Ta yêu mến những người yêu mến ta, phàm ai tìm kiếm ta sẽ gặp ta”. Ma-ri yêu mến Chúa nên đến vườn thật sớm để bày tỏ tấm lòng bà. Phi-e-rơ và Giăng trở về nhà đúng vào lúc Ma-ri trở lại ngôi mộ, nên họ không thể cho bà biết rằng họ đã nhìn thấy chứng cứ: Ma-ri vẫn cho rằng Chúa Giê-xu đã chết. Tôi chợt nhớ câu Thánh Kinh ở Thi 30:5 “Sự khóc lóc đến trọn ban đêm, nhưng buổi sáng bèn có sự vui mừng”.

Tiếng khóc của Ma-ri là sự sầu não thống thiết, bày tỏ tính cách của người Do Thái khi biểu lộ sự buồn rầu. (Gi 11:31-33). Lòng buồn rầu thật tâm không có gì là sai trái cả, vì Đức Chúa Trời đã khiến chúng ta có thể rơi lệ, và tiếng khóc là phương thuốc hữu hiệu cho những tấm lòng tan vỡ. Tuy nhiên, sự buồn rầu của Cơ Đốc nhân phải khác biệt với nỗi thất vọng của thế gian (ITe 4:13-18) vì chúng ta đã được tái sinh “nhờ sự Đức Chúa Giê-xu sống lại từ trong kẻ chết mà có sự trông cậy sống” (IPhi 1:3). Chúng ta khóc không phải vì những người thân yêu tin kính của chúng ta đã đến Nước Trời, nhưng vì họ đã tạm biệt chúng ta và khiến chúng ta nhớ họ

Khi Ma-ri nhìn vào mộ, bà thấy có hai người nam mặc áo trắng. Họ ngồi ở hai đầu phiến đá nơi Chúa đã nằm. Vị trí này khiến chúng ta nhớ đến các chê-ru-bin trên nắp thi ân (Xu 25:17-19). Dường như Đức Chúa Trời muốn phán rằng: “Giờ đây đã có một nắp thi ân mới. Con Ta đã trả giá cho tội lỗi và con đường đang mở ra dẫn đến nơi hiện diện của Đức Chúa Trời”. Rõ ràng, Ma-ri không hề bối rối khi nhìn hai người nam này. Không có chứng cứ biểu hiện rằng bà biết họ là thiên sứ. Cuộc nói chuyện ngắn kia cũng không làm rơi những giọt lệ hay trấn tĩnh tâm trí bà. Bà quyết định đi tìm xác Chúa Giê-xu.

Vì sao Ma-ri quay lại mà không tiếp tục nói chuyện với hai vị khách lạ kia? Phải chăng bà nghe một tiếng nói phía sau? Hay là các thiên sứ đứng dậy khi nhận ra sự hiện diện của Chúa họ? Hai suy đoán trên có thể đúng, cũng có thể cả hai điều sai. Ma-ri biết chắc xác Chúa không có trong mộ, vậy tại sao bà lại nấn ná nơi đây?

Tại sao Ma-ri không nhận ra Đấng mà bà đang nôn nóng tìm kiếm! Có thể Chúa Giê-xu có ý không cho bà biết Ngài, vì Ngài cũng làm vậy khi đi với hai môn đệ ở Em-ma-út (Lu 24:13-32). Trời vẫn còn sớm và có lẽ trong vườn tối. Thêm vào đó mắt Ma-ri có thể bị nhòa bởi những giọt lệ.

Chúa Giê-xu hỏi bà câu hỏi tương tự như các thiên sứ: “Sao ngươi khóc?” Đáng tiếc rằng bà đã khóc thay vì có thể vui mừng ngợi khen Chúa khi nhận biết Ngài đã sống! Chúa hỏi tiếp: “Ngươi tìm ai?” (Đây cũng là câu hỏi Ngài nói với đám đông trong vườn – Gi 18:4).

Chúng ta được khích lệ khi biết rằng Chúa Giê-xu hiểu thấu mọi nỗi đau buồn của chúng ta. Đấng Christ biết tấm lòng tan vỡ của Ma-ri và tâm trí bối rối của bà. Ngài không quở trách bà nhưng dịu dàng tỏ chính Ngài cho bà.

Chúa chỉ kêu tên Ma-ri, lập tức bà nhận ra Ngài. Chiên Ngài nghe tiếng Ngài khi Ngài gọi tên chúng (10:3). Khi Chúa gọi tên Ma-ri, bà quay lại nhìn Ngài. Thật là một nỗi ngạc nhiên đầy phước hạnh khi Ma-ri nhìn thấy gương mặt yêu dấu của Chúa mình! Bà chỉ có thể thốt lên: “Ra-bu-ni (Chúa tôi, Thầy tôi)”. Danh hiệu Ra-bu-ni được sử dụng ở một hoàn cảnh khác trong Mac 10:51 Theo bản văn Hy Lạp, Ra-bu-ni là Chúa). Ra-bi và Ra-bu-ni đều được dùng theo nghĩa kính trọng. Trong những năm sau này, dân Do Thái có sự phân biệt giữa ba cấp bậc về “thầy”: rab (thấp nhất), ra-bi và Ra-bu-ni (cao nhất).

Ma-ri không chỉ nói với Ngài, nhưng còn ôm chặt chân Ngài. Đây là một sự bày tỏ tự nhiên: Bây giờ đã gặp được Chúa, bà không muốn mất Ngài. Bà và những người tin khác vẫn còn vô số điều để học về trạng thái vinh hiển mới của Ngài. Họ vẫn muốn liên hệ với Ngài như cách họ đã làm trong suốt ba năm chức vụ trước khi lên thập tự.

Chúa Giê-xu đã cho phép những phụ nữ khác ôm chân Ngài và không ngăn cấm họ (Mat 28:9). Vì sao Ngài lại phán với Ma-ri rằng “Chớ rời đến ta?” Một lý do là bà đã gặp lại Chúa vì Ngài chưa về cùng Cha. Sau khi phục sinh Ngài còn ở trần gian 40 ngày và thường xuất hiện trước nhiều môn đệ để dạy dỗ họ những chân lý thuộc linh (Cong 1:1-9). Ma-ri không cần phải ngạc nhiên vì đây không phải là lần cuối cùng bà gặp Chúa.

Lý do thứ hai cho thấy Ma-ri có một việc phải làm, đó là đi nói cho các anh em Chúa biết rằng Ngài đang sống và sẽ trở về cùng Cha. “Ngài không thẹn mà gọi những kẻ đó là anh em” (He 2:11) “Tôi sẽ rao truyền danh Chúa cho anh em tôi” (Thi 22:22). Ngài đã gọi những kẻ thuộc về Ngài là “đầy tớ” (Gi 13:16) và “bạn hữu” (15:15) nhưng giờ đây Ngài gọi họ là “anh em”. Điều này có nghĩa là Ngài muốn chia sẻ với họ quyền năng phục sinh và sự vinh hiển của Ngài.

Một số học viên Kinh Thánh cho rằng Chúa Giê-xu đã về cùng Cha vào sáng hôm ấy và đó là sự trở về mà Ngài muốn nói đến. Nhưng không có đoạn Kinh Thánh nào trong Tân Ước chứng thực lời giải thích ấy. Tôi nghĩ nếu nói rằng Chúa muốn làm trọn biểu tượng về Ngày Chuộc Tội và trình dâng huyết mình cho Cha, như vậy vấn đề đã bị kéo đi quá xa (Le 16:1-34). Về phương diện này, Chúa chẳng có huyết nào để dâng nữa. Ngài đã bày tỏ huyết ấy nơi thập tự giá khi gánh tội thay chúng ta. Trong sự vinh hiển phục sinh của Ngài Ngài là Đấng có “thịt xương” (Lu 24:39), chớ không phải “thịt và huyết”. Chính sự phục sinh đã chứng minh rằng công tác cứu chuộc đã được hoàn tất (“Ngài...sống lại vì sự xưng công bình của chúng ta” Ro 4:24-25). Vậy Ngài còn phải làm điều gì hơn thế?

Chúa Giê-xu không bao giờ dùng nhóm từ “Cha chúng ta” hay “Đức Chúa Trời chúng ta”. Mỗi liên hệ của Ngài với Cha khác với mỗi liên hệ của các môn đệ nên Ngài có sự phân biệt rất thận trọng. Chúng ta nói “Cha chúng ta” và “Đức Chúa Trời chúng ta” vì mọi Cơ Đốc nhân đều thuộc một gia đình và có một vị trí bình đẳng trước mặt Đức Chúa Trời. Chúa nhắc nhở bà Ma-ri và các môn đệ khác rằng Đức Chúa Trời là Cha họ và Ngài sẽ ở với Cha nơi thiên đàng sau khi thăng thiên. Trong bài giảng tại Phòng Cao, Ngài dạy họ rằng Ngài sẽ trở về cùng Cha để Đức Thánh Linh có thể đến với họ.

Dù Ngài là Chúa Giê-xu không hề thay đổi, trong một thân thể vinh hiển, nhưng mối liên hệ giờ đây đã khác. Chúng ta phải cẩn thận, đừng nhận biết Đấng Christ “theo xác thịt” (II Co 5:16) có nghĩa là đừng có cách tiếp cận Ngài như thể Ngài vẫn ở trong tình trạng khiêm ti. Hôm nay Ngài là Con Đức Chúa Trời đáng được ngợi khen trong sự vinh hiển và chúng ta phải tôn kính Ngài theo cách ấy. Một số người muốn phô trương sự hiểu biết non nớt của họ khi làm chứng, cầu nguyện hay tôn vinh, đôi lúc càng cho thấy họ chẳng hiểu gì về lời Phaolô nói ở (II Co 5:16). Khi Giảng ngồi cạnh Chúa tại bàn ăn, ông đã dựa vào ngực Ngài (Gi 13:23), nhưng khi ông thấy Chúa ở giữa những chân đèn vàng, ông đã ngã xuống chân Ngài như người chết (Kh 1:17).

Có lẽ đối với Ma-ri, thật ích kỷ và bất tuân nếu bà cứ giữ Chúa lại cho riêng mình. Bà đứng dậy đi đến nơi nhóm họp của các môn đệ để báo cho họ tin mừng rằng Chúa Giê-xu vẫn sống! “Tôi đã thấy Chúa” (chú ý Gi 20:14,18,20,25,29). Mác thuật rằng những tín hữu này đang khóc lóc than vãn nên không tin lời bà (Mac 16:9-11). Chính Ma-ri cũng từng than khóc nhưng nay đã được Chúa Giê-xu biến đổi từ chỗ buồn rầu sang vui mừng. Nếu họ tin, sự buồn bã của họ cũng sẽ đổi thành vui mừng. Chính sự vô tín đã khiến con người không còn nhận biết điều gì đúng hay sai. Vì vậy Đức Chúa Trời khuyên chúng ta cẩn thận đừng để mình “có lòng dữ và chẳng tin” (He 3:12).

Ma-ri không chỉ rao sự sống lại của Chúa được cá nhân bà chứng kiến, mà còn thuật lại những lời Chúa phán với bà. Một lần nữa, chúng ta thấy rõ tầm quan trọng của lời Đức Chúa Trời. Ma-ri không thể truyền đạt kinh nghiệm của bà cho họ, nhưng chỉ có thể chia sẻ lời Chúa, đó chính là lời đem đến đức tin (Ro 10:17), Đấng Christ hằng sống đã rao ra lời hằng sống của Ngài (I Phi 1:23-25).

Đức tin dựa trên chứng có xác thực là điều cần thiết, nhưng chứng có ấy phải dẫn chúng ta đến với lời Chúa. Lời Ngài phải đưa chúng ta đến với Đấng Christ. Tiếp nhận một giáo lý và tuân thủ nó là một vấn đề, nhưng có một mối liên hệ cá nhân với Chúa hằng sống là một vấn đề hoàn toàn khác. Mãi đến khi gặp Chúa phục sinh có sự chứng kiến của các môn đệ khác, Phi-e-rơ và Giảng mới tin chắc rằng Chúa đang sống (Chúa Giê-xu cũng hiện ra cho Phi-e-rơ chiều hôm ấy, (ICo 15:5 Lu 24:34). Chứng có không đem lại kinh nghiệm thì đó chỉ là một giáo lý chết. Bí quyết ở đây chính là đức tin nơi Lời Đức Chúa Trời.

Tiến sĩ Robert W. Dale, một trong những nhà thần học và là mục sư nổi tiếng ở Anh quốc. Lần nọ, khi ông chuẩn bị cho bài giảng trong lễ Phục Sinh, sự nhận biết về Chúa Phục Sinh đã khiến ông có một năng lực mới. Ông nói với bản thân: “Đấng Christ đang sống! Ngài thật đang sống”. Nghỉ một chút đoạn ông nói: “Thật vậy sao? Chúa vẫn sống như tôi đang có mặt ở đây à?” ông rời khỏi bàn và đi tới lui lẩm bẩm: “Đấng Christ đang sống! Đấng Christ đang sống!”

Tiến sĩ Dale đã biết và tin nơi giáo lý này từ nhiều năm qua, nhưng trong ngày ấy sự thực hữu của giáo lý ấy đã chiếm hữu ông. Từ đó trở đi, “Đấng Christ hằng sống” luôn là đề tài truyền giảng của ông. Ông mời ca đoàn tôn vinh bài thánh ca về sự phục sinh của Chúa mỗi sáng Chủ nhật hàng tuần. Ông nói: “Tôi muốn dân tộc tôi tin nơi một sự thật vinh hiển rằng Đấng Christ đang sống để có sự vui mừng. Anh biết đấy, Chủ nhật là ngày Đấng Christ từ cõi chết sống lại mà!”

Niềm tin có tính chất lịch sử bày tỏ “Đấng Christ sống!” Nhưng người có đức tin nơi sự cứu rỗi nói rằng “Đấng Christ sống trong tôi”. Bạn có tin rằng Đấng Christ sống trong mình không?

23. QUYỀN NĂNG PHỤC SINH (Gi 20:19-31)

Tin tức về sự sống lại của Chúa Giê-xu bắt đầu loan ra trong vòng các môn đệ, từ chỗ dè dặt đến lúc đầy nhiệt huyết. Cả các môn đệ cũng không tin những lời kể lại lúc ban đầu, còn Tô-ma lại đòi nhìn xem chứng cứ. Tuy nhiên, bất cứ nơi đâu người ta đối diện với chân lý về Chúa phục sinh, đời sống họ đều được thay đổi. Thật vậy, hôm nay điều đó vẫn là kinh nghiệm biến đổi của chính bạn. Khi xem những đổi thay xảy ra trong đời sống của các môn đệ (Gi 20:19-31), bạn hãy hỏi chính mình: “Bản thân tôi đã gặp Đấng Christ phục sinh chưa? Ngài đã thay đổi đời sống tôi chưa?”

1. Từ sợ hãi đến dạn dĩ (Gi 20:19-25)

Chúa chúng ta yên nghỉ trong phần mộ vào ngày Sa-bát và sống lại từ cõi chết vào ngày đầu tuần. Nhiều người đã gọi Chúa nhật là ngày Sa-bát của Cơ Đốc nhân, nhưng Chúa nhật không phải là ngày Sa-bát. Ngày Sa-bát là ngày thứ bảy trong tuần kỷ niệm công việc sáng tạo đã hoàn tất của Đức Chúa Trời (Sa 2:1-3). Chúa nhật là ngày kỷ niệm công tác cứu chuộc đã được trọn của Đấng Christ, là “sự sáng tạo mới”. Đức Chúa Trời đã làm việc trong 6 ngày, sau đó Ngài nghỉ ngơi. Con Đức Chúa Trời đã làm việc trong 6 ngày, sau đó Ngài nghỉ ngơi. Con Đức Chúa Trời đã chịu thương khó trên thập tự giá suốt 6 giờ đồng hồ và Ngài cũng yên nghỉ.

Đức Chúa Trời đã ban ngày Sa-bát cho dân Y-sơ-ra-ên như một “dấu” đặc biệt bày tỏ họ thuộc về Ngài (Ne 9:14 Xu 20:8-11 31:13-17). Dân tộc này phải dùng ngày Sa-bát để nghỉ ngơi và tịnh dưỡng cho cả người và súc vật nuôi. Nhưng đối với dân Y-sơ-ra-ên, đây không nhất thiết là một ngày đặc biệt để nhóm họp và thờ phượng. Tiếc thay các thầy thông giáo và người Pha-ri-si đã áp đặt nhiều lề luật khắt khe đối với ngày Sa-bát, đến nỗi ngày ấy trở thành một ngày “nô lệ” chứ không phải là ngày phước hạnh! Chính Chúa Giê-xu đã từng lên án những lề nghi ấy dù Ngài cũng rất coi trọng ngày Sa-bát.

Phục sinh vào ngày đầu tuần, Chúa Giê-xu đã hiện ra ít nhất 5 lần với Ma-ri Ma-đơ-len (20:11-18), những phụ nữ khác (Mat 28:9-10), Phi-e-rơ (ICo 15:5 Lu 24:34), hai môn đệ ở Em-ma-út (Lu 24:13-32). Dường như các môn đệ từ lâu thường nhóm họp vào chiều tối Chúa nhật gọi là “ngày của Chúa” (Kh 1:10). Có lẽ Hội Thánh ban đầu đã nhóm lại vào ngày đầu tuần để thờ phượng Chúa cũng như kỷ niệm sự chết và sống lại của Ngài (Cong 20:7 ICo 16:1-2).

Ngày Sa-bát đi qua, cũng là lúc Chúa sống lại từ cõi chết (Mac 16:1) vào ngày đầu tuần (Mat 28:1 Lu 24:1 Gi 20:1). Sự thay đổi từ ngày thứ bảy sang ngày đầu tuần không do ảnh hưởng của các điều luật trong Hội Thánh, nhưng xuất phát từ đức tin và sự làm chứng của các tín hữu ban đầu. Bao thế kỷ qua, ngày Sa-bát của dân Do Thái có liên hệ với luật pháp: 6 ngày làm việc, và rồi nghỉ ngơi. Nhưng ngày của Chúa là ngày đầu tuần có liên hệ với ân điển: trước hết có đức tin trong Đấng Christ, và rồi là việc làm.

Không có chứng cứ nào cho thấy Đức Chúa Trời từng ban luật Sa-bát cho dân ngoại, hay Hội Thánh phải vâng theo luật Sa-bát. Trong Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời, có điều răn được truyền đặt lại trong những thư tín gửi các Hội Thánh, nhưng điều răn về ngày Sa-

bát không được nhắc đến. Tuy vậy, Phao-lô giải thích rằng chúng ta là những Cơ Đốc nhân không nên tạo ra xem những ngày đặc biệt như một cuộc thử nghiệm về thuộc linh và mối thông công (Rô 14:5 Co 2:16-23).

Chúa đã biến đổi các môn đệ từ chỗ sợ hãi trở nên dạn dĩ ra sao? Trước hết, Ngài đến với họ. Chúng ta không biết 10 con người sợ hãi này nhóm họp ở đâu phía sau những cánh cửa đóng chặt, nhưng Chúa Giê-xu đã đến với họ và yên ủi họ. Với thân thể phục sinh, Ngài có thể bước vào phòng mà không cần mở cửa! Đây thật đúng là một thân thể thực hữu vì Ngài yêu cầu họ sờ Ngài, thậm chí Ngài còn ăn với họ (Lu 24:41-43). Tuy nhiên thân thể Ngài giờ đây đã khác trước, vì không bị giới hạn bởi cái người ta gọi là “luật tự nhiên”.

Đáng chú ý là những con người này rất sợ hãi. Những phụ nữ đã cho họ biết Chúa sống lại và hai môn đệ ở Em-ma-út cũng làm chứng như vậy (Lu 24:33-35). Dường như Chúa hiện ra cho Phi-e-rơ vào chiều hôm ấy (1Co 15:5 Lu 24:34 Mac 16:7) và sau đó ông mới được phục hồi lại mối liên hệ với Chúa (Gi 21:1-25). Chúa đã đến với các môn đệ đúng vào lúc họ “không tin và lòng cứng cổ” (Mac 16:14).

Lời đầu tiên Ngài nói với họ là lời chào hỏi theo phong tục Do Thái “Shalom – Bình an cho các ngươi!” Ngài có quyền quở trách sự vô tín và ngã lòng của họ vào những ngày trước đó, nhưng Ngài không làm vậy. “Ngài không đả chúng tôi theo tội lỗi chúng tôi, cũng không báo trả chúng tôi tùy sự gian ác của chúng tôi” (Thi 103:10). Công tác Ngài đã thực hiện trên thập tự giá chính là sự bình an (Eph 2:14-17 Rô 5:1) và sứ điệp họ rao truyền sẽ là Phúc Âm về sự bình an (Rô 10:15). Con người từng “tuyên chiến” với Đức Chúa Trời (Thi 2:1-12 Cong 4:23-30) nhưng Đức Chúa Trời lại phán với những ai tin Ngài rằng: “Bình an cho các ngươi!”.

Chúa Giê-xu không chỉ đến với các môn đệ, Ngài còn yên ủi khích lệ họ. Ngài cho họ thấy vết đinh nơi bàn tay Ngài, vết giáo đâm nơi hông Ngài, Ngài tạo cơ hội để họ nhận biết Ngài thật sự là Chúa họ, chứ không phải là một “bóng ma”. (Các sách Phúc Âm không ghi lại những vết thương ở chân Chúa, nhưng Thi 22:16 bày tỏ rằng chân Ngài cũng bị đóng vào thập tự giá).

Những vết thương trên thân Chúa mang ý nghĩa vượt khỏi phạm vi của sự nhận diện. Chúng chứng minh rằng giá chuộc tội đã được trả xong và con người đã được “hoà thuận với Đức Chúa Trời”. Nền tảng cho sự bình an của chúng ta được bày tỏ qua Con người và công việc của Chúa Giê-xu. Ngài chết thay chúng ta, sống lại trong sự vinh hiển và đang sống vì chúng ta. Trong sự sợ hãi chúng ta không thể giữ Ngài ở bên ngoài. Ngài đến với chúng ta bằng ân điển và khích lệ ta qua lời Ngài. “Bạn hữu làm cho thương tích, ấy bởi lòng thành tín” (Ch 27:6).

Chúa phán với các môn đệ rằng: “Cha đã sai ta thế nào, ta cũng sai các ngươi thế ấy” (20:21). Hãy nhớ rằng các môn đệ theo Chúa đầu tiên không phải là những người hiện diện trong phòng lúc này, nhưng có một số người khác, trong đó có cả hai môn đệ ở Em-ma-út. Đây không phải là một “nghỉ lễ thụ phong” theo luật lệ Hội Thánh, nhưng là lời rao truyền cho các môn đệ về công tác giảng Phúc Âm khắp thế gian. Chúng ta phải thay thế cộng việc của Chúa trên thế gian này (Gi 17:18). Đây thật là một đặc quyền lớn lao và cũng là một trách nhiệm quan trọng? Chúng ta phải hạ mình xuống để thấy rằng: Chúa rất yêu chúng ta như Cha đã yêu Ngài vậy (15:6,17,26), chúng ta được ở trong Cha cũng như Chúa Giê-xu ở trong Cha (17:21-22). Cũng hãy khiêm nhường để biết rằng Ngài đã sai chúng ta trong thế gian như

Cha đã từng sai Ngài. Trước khi thăng thiên, Chúa nhắc nhở họ về nhiệm vụ rao giảng Phúc Âm khắp đất (Mat 28:18-20).

Các môn đệ hẳn rất vui mừng khi nhận biết rằng dẫu họ có nhiều khiếm khuyết thất bại, nhưng Chúa vẫn giao phó cho họ, công việc Ngài và rao truyền Lời Ngài. Họ từng khước từ Ngài và lẩn trốn, nhưng giờ đây Ngài muốn sai họ đi trong danh Ngài. Phi-e-rơ chối Chúa ba lần nhưng chỉ vài ngày sau ông rao giảng lời Chúa (và lên án dân Do Thái về tội chối bỏ Chúa – Cong 3:13-14) kết quả cho thấy: hàng ngàn người đã được cứu.

Chúa Giê-xu không chỉ đến với các môn đệ và khích lệ họ, Ngài còn giúp đỡ họ qua Đức thánh Linh. (Gi 20:22 nhắc chúng ta nhớ đến Sa 2:7 khi Đức Chúa Trời hà sinh khí vào con người đầu tiên). Theo tiếng Hy Lạp và Hê-bơ-rơ, từ “hơi thở” cũng có nghĩa là Thánh Linh. Hơi thở của Đức Chúa Trời trong sự sáng tạo đầu tiên mang ý nghĩa về sự sống của thể chất, còn hơi thở của Chúa Giê-xu Christ trong sự sáng tạo mới mang ý nghĩa về sự sống thuộc linh. Các môn đệ đã chịu phép báp-têm của Thánh Linh trong ngày lễ Ngũ Tuần và được ban quyền phép để thi hành chức vụ (Cong 1:4-5 2:1-4), Nếu không được đầy dẫy Đức Thánh Linh, chúng ta không thể ra đi làm chứng một cách hiệu quả được. Đức Thánh Linh từng ở với các môn đệ trong thân vị Chúa Giê-xu, nhưng giờ đây chính Đức Thánh Linh sẽ ở trong lòng họ (Gi 14:17).

Gi 20:23 không có nghĩa là Chúa ban cho cá nhân con người quyền hạn tha tội hay cho phép kẻ khác lên thiên đàng! Chúa cũng phán những lời tương tự trước đó (Mat 16:19), nhưng Ngài không muốn đặt các môn đệ (cũng như những người kế tục họ) qua một thành phần được ưu đãi thuộc linh để đối diện với tội lỗi của thế gian. Hãy nhớ rằng ngoài các môn đệ ra, trong phòng còn có những người khác, còn Tô-ma vắng mặt!

Cách đây vài năm, tôi có trao đổi thư từ với một học giả Hy Lạp nổi tiếng và Tiến sĩ Julius R. Mantey (nay đã qua đời) về câu Kinh Thánh trên. Ông đoán chắc với tôi rằng cả Gi 20:3 và Mat 16:19 đều dịch đúng “Bất cứ ai phạm tội mà các người miễn xá, (tha tội cho) người ấy sẽ được tha tội. Còn ai phạm tội mà các người cầm tội lại, người ấy sẽ không được tha tội”. Nói cách khác, các môn đệ không có quyền ban sự tha tội, họ chỉ có thể rao ra sự tha thứ trên nền tảng của sứ điệp Phúc Âm. Một học giả Hy Lạp khác là tiến sĩ Kenneth Wuest giải thích rằng “họ đã được tha thứ trước”.

Khi các tín hữu ban đầu ra đi, họ đã rao truyền về Phúc Âm của sự cứu rỗi: Nếu tội nhân ăn năn và tin nhận Chúa Giê-xu, tội lỗi họ sẽ được tha.”Ngoài một mình Đức Chúa Trời, còn có ai tha tội được chăng?” (Mac 2:7). Cơ Đốc nhân chỉ có thể làm một điều duy nhất: rao ra sứ điệp của sự tha thứ, còn Đức Chúa Trời sẽ thực hiện phép lạ của sự tha thứ. Nếu tội nhân tin nơi Chúa Giê-xu, chúng ta có đủ cơ sở cho họ biết rằng tội lỗi họ đã được tha, chớ chúng ta không phải là những người có quyền tha tội.

Giờ đây, nỗi sợ hãi của các môn đệ đã tan biến. Họ biết chắc Chúa là Đấng Sống đang chăm sóc bảo vệ họ. Họ có sự hoà thuận với Đức Chúa Trời” và “sự bình an của Đức Chúa Trời” (Phi 4:6-7). Họ được giao một nhiệm vụ quan trọng và được ban cho quyền năng để thực hiện trọng trách. Họ cũng được ban cho đặc ân lớn lao để đem Phúc Âm về sự tha thứ cho cả thế giới. Công việc họ phải làm lúc này là ở lại Giê-ru-sa-lem cho đến khi nhận quyền năng từ Đức Thánh Linh.

2. Từ vô tín đến tin nhận (Gi 20:26-28)

Tại sao Tô-ma không có mặt cùng với các môn đệ khác khi họ nhóm lại vào buổi chiều ngày Chúa phục sinh? Phải chăng Tô-ma quá thất vọng đến nỗi không thiết tha nhóm lại với bạn hữu mình? Nhưng lúc chúng ta chán nản ngã lòng là lúc chúng ta cần bạn hữu hơn hết! Tự cô lập bản thân chỉ càng làm cho sự chán nản gia tăng, nuôi dưỡng lòng tự ti mặc cảm, khiến tâm trạng càng tệ hại hơn.

Có lẽ Tô-ma rất sợ hãi. Nhưng Gi 11:16 dường như cho thấy ông vốn là con người can đảm, sẵn sàng đến xứ Giu-đê để cùng chết với Chúa! Trong Gi 14:5, Tô-ma tỏ ra là người có tư duy thuộc linh, muốn biết chân lý và không ngại đặt câu hỏi. Dường như ở Tô-ma có một cái nhìn đầy bi quan. Chúng ta thường gọi ông là “Tô-ma hay nghi ngờ”, nhưng Chúa Giê-xu không trách cứ sự nghi ngờ của ông. Ngài chỉ quở trách lòng vô tín của ông, “chớ cứng lòng, nhưng hãy tin!” Sự nghi ngờ thường là một vấn đề thuộc lý trí: chúng ta muốn tin, nhưng niềm tin bị lấn át bởi những nan đề và thắc mắc. Còn sự vô tín là vấn đề thuộc đạo đức con người tự nhiên không muốn tin!

Phải chăng Tô-ma không muốn tin? Các môn đệ khác đều kể lại rằng Chúa Giê-xu Christ đã sống lại (Gi 20:25). Chấn hấn những phụ nữ và các môn đệ ở Em-ma-út cũng hỗ trợ cho chúng có này. Mặt khác, chúng ta khâm phục Tô-ma vì ông muốn có một kinh nghiệm bản thân. Nhưng chúng ta cũng trách ông vì đã đặt điều kiện với Chúa.

Cũng như nhiều người thời đó, Tô-ma có hai tên “Tô-ma” bằng tiếng Aramaic và “Đi-đim” theo tiếng Hy Lạp cả hai đều có nghĩa là “sinh đôi”. Ai là anh em sinh đôi của Tô-ma? Chúng ta không biết rõ, nhưng đôi lúc tôi có cảm giác chúng ta là anh em sinh đôi của Tô-ma! Bao lần chúng ta đã không muốn tin và nại Chúa phải tỏ chính Ngài cho mình!

Tô-ma là một điển hình khuyên chúng ta không nên bỏ qua sự nhóm lại với con cái Đức Chúa Trời trong ngày Chủ nhật (He 10:22-25). Vì vắng mặt, nên Tô-ma đã không gặp Chúa Giê-xu để có thể nghe những lời phán bình an của Ngài, nhận trọng trách Ngài giao cũng như hưởng sự ban cho thuộc linh từ nơi Ngài. Lẽ ra có thể kinh nghiệm được sự vui mừng và bình an, Tô-ma đã phải chịu đựng suốt một tuần với lòng sợ hãi và vô tín! Những khi bạn bị cám dỗ ở nhà thay vì phải đi nhà thờ, hãy nhớ đến tình trạng của Tô-ma! Bạn sẽ chẳng bao giờ biết được những phước hạnh kỳ diệu mà mình đã đánh mất!

Mười môn đệ cho Tô-ma biết họ đã thấy tay và sườn Chúa (Gi 20:20), vì vậy Tô-ma muốn “kiểm tra chứng cứ”. Ông đã có mặt khi Chúa gọi La-xa-rơ sống lại, vậy tại sao ông lại thắc mắc về sự sống lại của chính Ngài? Dù sao, ông vẫn muốn nhìn thấy bằng chứng: thấy mới tin!

Những lời Tô-ma nói giúp chúng ta hiểu sự khác nhau giữa tính nghi ngờ và lòng vô tín. Kẻ nghi ngờ nói rằng: “Tôi không thể tin được! Có quá nhiều vấn đề ở đây!” Kẻ vô tín lại nói “Tôi không tin trừ khi anh cho tôi thấy bằng chứng tôi muốn”. Theo tiếng Hy Lạp có một dạng phủ định kép trong câu: “Tôi tuyệt đối không tin”.

Chúa Giê-xu đã nghe mọi lời Tô-ma nói, không cần ai thuật lại cho Ngài. Vì vậy vào Chủ nhật kế tiếp, Ngài xuất hiện trong phòng (một lần nữa mọi cửa đều đóng) và đối diện cách cá nhân với Tô-ma và sự vô tín của ông. Ngài vẫn chào các môn đệ bằng câu nói

“Shalom. Bình an cho các ngươi!” Lòng vô tín của Tô-ma không thể tước đi khỏi các môn đệ sự bình an và vui mừng của họ trong Chúa.

Chúa thật nhân từ biết bao khi hạ mình đến với chúng ta để nâng chúng ta lên một vị trí cần thiết. Ngài cho phép Ghê-đê-ôn được thoả mãn với những thử nghiệm đức tin mà ông đề nghị (Cac 6:36-40), cũng như đáp ứng yêu cầu của Tô-ma. Không có lời nào trong Kinh Thánh cho biết Tô-ma có tiếp nhận lời mời của Chúa hay không. Khi đến lúc phải bày tỏ đức tin, Tô-ma không cần một chứng cứ nào khác nữa!

Lời kêu gọi của Chúa được hiểu rằng “Đừng tiếp tục nghi ngờ nữa, nhưng hãy tin” Chúa đã nhìn thấy nơi lòng Tô-ma những tư tưởng tai hại nên Ngài khuyên ông hãy chấm dứt những suy nghĩ ấy. He 3:1-19 sẽ giải thích rõ ràng về vấn đề trên, là đoạn Kinh Thánh Đức Chúa Trời khuyên chúng ta đừng “có lòng dữ và chẳng tin” (c.12).

Thật không dễ gì hiểu nổi tâm lý của kẻ nghi ngờ và vô tín. Có lẽ nó có liên quan đến cá tính. Một số người này có lòng tin mạnh mẽ hơn một số người khác. Có thể là Tô-ma đã quá thất vọng đến nỗi sẵn sàng buông xuôi tất cả, nên ông thốt ra “lời thách thức” và nghĩ rằng Chúa sẽ không đáp ứng nổi. Ở mức độ nào đi nữa Tô-ma vẫn phải đối diện với những lời đã nói và phải có một quyết định.

Gi 20:29 cho thấy lời làm chứng của Tô-ma không xuất phát từ hành động “rò” Chúa nhưng từ việc “thấy” Chúa. “Lạy Chúa tôi và Đức Chúa Trời tôi!” là lời chứng cuối cùng được Giảng ghi lại, bày tỏ Thần tính của Chúa Giê-xu. Những lời chứng khác xuất phát từ Giảng Báp-tít (1:34), Na-tha-na-ên (1:49) Chúa Giê-xu (5:25 10:36) Phi-e-rơ (6:69) người mù được chữa lành (9:35) Ma-thê (11:27) và dĩ nhiên là Giảng (20:30-31).

Chúng ta được khích lệ khi biết rằng Chúa vẫn quan tâm lo lắng cho một Tô-ma hay nghi ngờ. Ngài muốn nâng đỡ đức tin Tô-ma và đưa ông đến nguồn phước hạnh dành sẵn cho những người theo Ngài. Nghi vấn những điều Chúa làm mới nghe có vẻ “tinh tế” và tri thức nhưng những nghi vấn ấy là bằng chứng của tấm lòng cứng cỏi, không phải là tấm lòng muốn tìm kiếm Chúa. Tô-ma trình bày “lý luận khoa học” về sự sống nhưng chẳng có hiệu quả gì! Tóm lại khi kẻ hoài nghi nói rằng: “Tôi không tin trừ khi...” kẻ ấy đã thừa nhận rằng mình không tin! Người ấy chỉ tin nơi “tính logic” của sự thử nghiệm hoặc kinh nghiệm mà bản thân nghĩ ra. Nếu người ấy có thể tin nơi “lý luận khoa học” của mình, vậy tại sao không tin nơi những điều Đức Chúa Trời bày tỏ?

Chúng ta cần nhắc nhở mình phải sống bằng đức tin. Sự khác nhau chính là đối tượng của niềm tin. Cơ Đốc nhân tin nơi Đức Chúa Trời và lời Ngài, còn kẻ vô tín chỉ tin nơi bản thân.

3. Từ sự chết đến sự sống (Gi 20:29-31)

Giăng không thể kết thúc sách Phúc Âm mà không bày tỏ cho người đọc phép lạ về sự sống lại. Dù đời sống chúng ta hôm nay chưa thể kinh nghiệm được quyền năng phục sinh của Đấng Christ, chúng ta cũng không nên nhìn Tô-ma và những môn đệ khác với tư tưởng đổ kỵ. Đó là lý do Giảng viết sách Phúc Âm này, hầu cho mọi người ở mọi thời đại biết rằng Chúa Giê-xu chính là Đức Chúa Trời và đức tin nơi Ngài sẽ đem đến cho chúng ta sự sống đời đời.

Không cần phải “thấy” Chúa Giê-xu mới có thể tin nơi Ngài. Vâng, đồng ý rằng các Cơ Đốc nhân đầu tiên thật có phước khi nhìn thấy Chúa và biết rằng Ngài sống, nhưng điều đó không cứu được họ. Họ được cứu bởi “tin”, chứ không phải “thấy”. Trọng tâm suốt Phúc Âm Giảng nói về đức tin. Có khoảng 100 chi tiết trong Phúc Âm Giảng nói về đức tin nơi Chúa Giê-xu.

Hôm nay, bạn và tôi không thể “thấy” Đấng Christ, cũng không thể xem Ngài làm những phép lạ như Giảng đã viết trong Phúc Âm này. Nhưng lịch sử vẫn còn đó, những gì ghi lại trong Kinh Thánh là điều chúng ta cần biết. “Đức tin đến bởi sự người ta nghe, mà người ta nghe, là khi lời của Đấng Christ được rao giảng” (Rô 10:17 1Co 5:9-13). Khi đọc Phúc Âm Giảng, bạn sẽ đối diện với Đấng Christ, nhìn xem cách Ngài sống, lời Ngài phán và việc Ngài làm. Mọi chứng cứ đều bày tỏ rằng Ngài thật sự là Đức Chúa Trời đã đến trong xác thịt, là Cứu Chúa của thế gian.

Những dấu lạ được Giảng liệt kê và mô tả trong Phúc Âm này là chứng cứ về Thần tính của Đấng Christ. Những phép lạ này rất ý nghĩa, nhưng tội nhân được cứu không phải bởi “tin nơi phép lạ”, nhưng bởi “tin nơi Chúa Giê-xu”. Nhiều người Do Thái ở Giê-ru-sa-lem tin Chúa Giê-xu vì những phép lạ Ngài làm, nhưng họ không tin Ngài. Ni-cô-đem cũng tin nơi các phép lạ (3:2) nhưng lúc đó thật sự ông chưa được sinh lại. Vô số người Do Thái theo Ngài vì phép lạ Ngài làm (Gi 6:2) nhưng cuối cùng họ đều rút lui (6:60). Cả các lãnh đạo tôn giáo là những người luôn tìm phương giết Chúa cũng tin rằng Ngài đã làm phép lạ, nhưng “kiểu niềm tin” này không cứu được họ (11:47).

Niềm tin nơi phép lạ của Chúa có thể dẫn đến niềm tin nơi lời Ngài, và niềm tin này sẽ khiến con người tin nhận Chúa Giê-xu là Đấng Christ. Chúa Giê-xu cũng bày tỏ rằng niềm tin nơi những việc Ngài làm (phép lạ) chỉ là bước đầu dẫn đến niềm tin nơi lời Đức Chúa Trời (5:36-40). Tội nhân phải “nghe” lời Chúa mới có thể được cứu (5:24).

Giảng không cần phải kể lại tất cả các phép lạ Chúa làm, vì ông biết rằng chẳng bao giờ có thể viết hết tất cả (21:25). Đời sống và chức vụ của Chúa Giê-xu luôn là lãnh vực rất phong phú cho bất cứ người viết sách nào, dù người ấy được hà hơi cũng không thể chép lại hết được. Tuy nhiên, cũng không cần thiết để chép lại đầy đủ mọi sự việc. Mọi sự kiện cơ bản đã được chép ra trong Phúc Âm để chúng ta đọc và suy gẫm. Chân lý được chép trong Phúc Âm này đủ để bất cứ tội nhân nào có thể tin và được cứu!

Chủ đề trong Phúc Âm Giảng là “Chúa Giê-xu là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời”. Giảng đưa ra ba chứng cứ về luận điểm này: việc làm của Chúa, con đường Ngài đi và lời Ngài phán. Trong Phúc Âm này, bạn sẽ thấy Chúa thực hiện phép lạ, nhìn xem đời sống trọn vẹn của Ngài giữa vòng kẻ thù nghịch và nghe Ngài phán những lời kỳ diệu mà không một người nào khác có thể nói được.

Chúa Giê-xu phải chẳng là một người “bị tâm thần” hay là “kẻ ngộ nhận” hay là “Đấng” Ngài đã phán? Kẻ thù gọi Ngài là người bị loạn trí, bị rơi vào sự ngộ nhận hão huyền. Nhưng tất cả những ai nhìn xem và lắng nghe lời Ngài đều kết luận rằng Ngài là con người đặc biệt, không giống với bất cứ ai họ từng biết. Làm sao một kẻ tâm thần hay ngộ nhận lại có thể làm được những việc Chúa làm? Khi những người nghe và tin nơi Ngài, đời sống họ đều được thay đổi! Điều đó không thể xảy ra khi bạn tin nơi một kẻ tâm thần hay nói dối!

Ngài xưng mình là Đức Chúa Trời đã đến trong xác thịt, Con Đức Chúa Trời, Đấng Christ của thế gian. Đó chính là sự thật về Ngài!

Giăng không hài lòng khi bày tỏ một chủ đề. Ông vốn là một nhà truyền đạo, muốn đạt một mục đích. Ông muốn người đọc tin nơi Chúa Giê-xu để được cứu! Ông không muốn viết ra một tiểu sử để đọc tiêu khiển hay một sách lịch sử để “khai sáng” kẻ khác. Ông muốn viết ra một sách Phúc Âm để thay đổi cuộc đời con người.

“Sự sống” là trong những chữ chìa khoá được đề cập trong Phúc Âm Giăng. Ông sử dụng từ này ít nhất là 36 lần. Chúa Giê-xu là Đấng ban cho tội nhân sự sống đời đời và sung mãn. Con đường duy nhất tội nhân phải chọn, đó là tin nơi Chúa Giê-xu.

Khi tội nhân cần sự sống, có nghĩa là họ đã “chết”. “Còn anh em đã chết vì làm lỗi và tội ác mình” (Eph 2:1). Sự cứu rỗi không phải là tình trạng hồi tỉnh lại (sau một cơn ngất) nhưng là sự sống lại từ cõi chết (Gi 5:24). Tội nhân hư mất cũng không phải là kẻ yếu đuối hay bệnh hoạn, nhưng là kẻ đã chết!

Sự sống này đến từ danh Ngài. Danh Ngài là gì? Qua Phúc Âm Giăng, Chúa từng phán “TA LÀ...” Ngài phán 7 lời “TA LÀ...” trong Phúc Âm Giăng để tỏ cho tội nhân hư mất biết mọi điều họ cần.

“Sự sống đời đời” không chỉ là “thời gian vô tận”, vì tội nhân hư mất cũng sẽ sống đời đời nơi hoả ngục! “Sự sống đời đời” là sự sống của Đức Chúa Trời, nói về bản chất của sự sống chứ không phải là số lượng thời gian. Đó là từng trải thuộc linh về “thiên đàng trên đất” hiện nay. Không phải đợi đến lúc chết, Cơ Đốc nhân mới có sự sống đời đời, nhưng đã có sự sống ấy trong Đấng Christ ngay hôm nay.

Từ tâm trạng sợ hãi, 10 môn đệ đã trở nên dạn dĩ. Tô-ma từ chỗ vô tín đã trở nên vững lòng. Giờ đây, Giăng cũng mời gọi bạn tin nhận Chúa Giê-xu Christ để được biến đổi từ cõi chết sang sự sống đời đời.

Nếu bạn đã có quyết định thay đổi đời sống từ lâu, hãy cảm tạ Đức Chúa Trời vì Ngài đã ban cho bạn món quà quý giá của sự sống đời đời.

Nếu bạn chưa từng có quyết định trên, hãy làm điều đó ngay bây giờ.

“Ai tin Con thì được sự sống đời đời, ai không chịu tin Con, thì chẳng thấy sự sống đâu, nhưng cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời vẫn ở trên người đó” (Gi 3:36).

24. ĐƯỢC BIẾN ĐỔI ĐỂ PHỤC VỤ (Gi 21:1-25)

Người đọc có thể biết rằng Giăng đã hoàn tất sách Phúc Âm của ông bằng chứng có đầy kịch tính của Tô-ma (20:28-31), cũng như thắc mắc vì sao Giăng lại viết thêm một đoạn nữa. Nguyên nhân chính là do sứ đồ Phi-e-rơ, một cộng sự thân thiết của ông trong chức vụ (Cong 3:1). Giăng không muốn kết thúc sách Phúc Âm mà không cho người đọc biết rằng Phi-e-rơ đã được phục hồi địa vị làm sứ đồ của Chúa. Nếu không có những thông tin trong đoạn này, có lẽ chúng ta không biết vì sao Phi-e-rơ lại “nổi bật” trong 12 đoạn đầu của sách Công vụ.

Giăng còn một mục đích khác. Ông muốn bác bỏ tin đồn ngớ ngẩn giữa vòng các môn đệ khi cho rằng Phi-e-rơ sẽ sống cho đến khi Chúa tái lâm (Gi 21:23). Vào thời điểm Giăng viết

sách này, Phi-e-rơ đã chết và tin đồn trên cũng biến mất theo ông. Giảng giải thích rằng lời Chúa phán đã bị hiểu sai một cách trầm trọng.

Tôi cho rằng Giảng cũng có một mục đích kế tiếp: ông muốn cho chúng ta biết cách tạo mối liên hệ với Đấng Christ phục sinh. Suốt 40 ngày giữa thời gian Chúa phục sinh và thăng thiên, Ngài ẩn mình và xuất hiện theo ý muốn, thăm viếng các môn đệ, chuẩn bị cho họ tinh thần để tiếp nhận Thánh Linh và thi hành chức vụ trong tương lai (Cong 1:1-9). Họ không biết khi nào Chúa xuất hiện, nên họ phải tỉnh thức (cũng như chúng ta phải tỉnh thức về sự tái lâm của Chúa hôm nay vậy). Đó là thời điểm rất ý nghĩa đối với các môn đệ vì họ sắp thay thế công việc Chúa trên thế gian và bắt đầu rao sứ điệp của Ngài cho kẻ khác.

Trong đoạn này, tôi thấy ba hình ảnh về người tin Chúa kèm theo từng trách nhiệm:

1. Chúng ta là những tay “đánh lưới người” - Hãy vâng phục Chúa (Gi 21:1-8)

Chúa đã dặn các môn đồ phải gặp Ngài tại Ga-li-lê, điều này giải thích lý do vì sao họ có mặt tại biển Ga-li-lê hoặc biển Ti-bê-ri-át (Mat 26:32 28:7-10 Mac 16:7). Nhưng Giảng không giải thích vì sao Phi-e-rơ quyết định đi đánh lưới. Đây cũng là vấn đề tranh luận của các học viên Kinh Thánh. Một số người cho rằng Phi-e-rơ hoàn toàn có quyền đi đánh cá, vì ông cần trang trải các khoản chi tiêu và cách tốt nhất để có tiền là phải đi đánh lưới. Tại sao lại ngồi không? Phải làm việc thôi!

Một số khác cho rằng Phi-e-rơ đã được kêu gọi từ trước (Lu 5:1-11), như vậy ông đã sai lầm khi trở lại đánh cá! Hơn nữa, khi đi đánh cá, ông dẫn theo 6 người khác. Nếu ông sai lầm vậy 6 người kia cũng sai lầm. Thật đáng buồn nếu một người tin Chúa lại dẫn kẻ khác đi sai đường.

Thật đáng chú ý vì có ít nhất 7 người trong số 12 môn đệ Chúa làm nghề đánh cá. Tại sao Chúa Giê-xu lại chọn nhiều người đánh cá để theo Ngài? Trước hết những người đánh cá rất dạn dĩ nên Chúa cần những con người dạn dĩ đi theo Ngài. Họ chỉ nhắm vào một mục đích và không dễ gì bị phân tâm. Những người đánh cá không dễ bỏ cuộc (dĩ nhiên tôi muốn nói về những người đánh cá chuyên nghiệp, chứ không phải những người đi câu vào dịp nhàn rỗi!) Họ đảm nhận nhiệm vụ và biết cách hỗ trợ nhau.

Chúng ta không thể chứng minh Phi-e-rơ và các bạn ông đúng hay sai, dù tôi cho rằng họ sai – nhưng chúng ta biết điều này mọi nỗ lực của họ đều vô vọng. Phải chăng họ đã quên lời Chúa phán rằng “vì ngoài ta, các ngươi chẳng làm chi được” (Gi 15:5)? Họ đã vất vả cả đêm nhưng chẳng lưới được gì. Chắc hẳn Phi-e-rơ đã nhớ lại những điều xảy ra trước đó hai năm, khi Chúa Giê-xu gọi ông làm môn đệ chính thức của Ngài (Lu 5:1-11). Vào dịp ấy, Phi-e-rơ cũng trải qua một đêm không bắt được cá, nhưng Chúa Giê-xu đã biến sự thất bại của ông trở nên một thành công.

Có lẽ tính bốc đồng và chủ quan trong Phi-e-rơ một lần nữa đã lộ ra. Ông là người thành thật, làm việc chăm chỉ nhưng không đem lại kết quả, thật giống với một số tín hữu hầu việc Chúa! Họ luôn tin rằng mình đang làm theo ý Đức Chúa Trời nhưng công sức họ trở nên vô ích. Họ hầu việc mà không có sự hướng dẫn của Chúa, nên không nhận được phước hạnh từ nơi Ngài.

Sau khi Chúa phục sinh có mấy lần các môn đệ không nhận ra Ngài (Gi 20:14 Lu 24:16). Vào rạng sáng, Ngài xuất hiện trên bờ biển nhưng họ không nhìn biết. Ngài hỏi họ và chờ câu trả lời phủ định: “Hỡi các con, không có chi ăn hết sao?” Họ đáp lại bằng một từ ngắn gọn, nhưng lộ vẻ bối rối: “không”

Đã đến lúc Chúa làm chủ tình thế như Ngài đã từng hành động khi gọi Phi-e-rơ đi theo Ngài. Ngài bảo cho họ biết nơi phải thả lưới, họ vâng lời và đã bắt được 153 con cá lớn! Sự khác nhau giữa thành công và thất bại chỉ là “khoảng cách” của bề rộng chiếc thuyền! Chúng ta không bao giờ có thể đạt được thành công nếu không để Chúa điều khiển mình. Vâng lời Ngài chúng ta sẽ rất gần với sự thành công hơn sự suy đoán của mình!

Giăng là người đầu tiên nhận biết vị khách lạ trên bờ biển chính là Chúa của họ. Ông là người dựa nơi ngực Chúa tại bàn ăn (Gi 13:23) và là người đứng bên thập tự giá lúc Chúa chịu chết (19:26). Bởi tình yêu ấy, Giăng đã có thể nhận biết Chúa và rao cho kẻ khác tin mừng này: “Ấy là Chúa!”

Với cá tính bốc đồng, Phi-e-rơ nhanh nhẹn mặc áo dài vào và nhảy xuống nước! Ông muốn đến với Chúa Giê-xu. Hình ảnh này thật tương phản với Lu 5:8 khi ông nài xin Chúa ra khỏi ông. Sáu người khác kéo thuyền vào bờ với một lưới cá đầy. So với sự kiện ở Lu 5:1-19 lưới đứt ra, nhưng lần này lưới vẫn không đứt.

Có lẽ qua hai phép lạ đánh cá trên, chúng ta có thể nhìn thấy một minh họa về cách Chúa giúp người thuộc về Ngài “lưới” những linh hồn hư mất. Mọi nỗ lực của chúng ta sẽ đều vô hiệu, không được sự chỉ dẫn và phước hạnh từ nơi Chúa. Hiện nay, chúng ta không biết mình đã lưới được bao nhiêu con cá nhưng điều chúng ta thường cảm nhận là dường như lưới bị rách. Nhưng vào kỳ sau rốt khi gặp Chúa, chúng ta sẽ khám phá rằng không có một con cá bị mất nhưng sẽ phát hiện có rất nhiều con cá ở đó.

Chúa Giê-xu đã kêu gọi các môn đệ khi xưa và chúng ta hôm nay để trở nên những “tay đánh lưới người”. Cách gọi này không do Chúa Giê-xu tạo ra, nhưng đã được sử dụng từ bao năm trước đó do các giáo sư Hy Lạp và La Mã. “Tay đánh lưới người” thời bấy giờ có nghĩa là người tìm kiếm, thuyết phục và “bắt” kẻ khác bằng chân lý. Người đánh cá lưới được cá sống nhưng khi có cá trong tay, cá đều chết. Người rao truyền Phúc Âm tìm bắt “cá chết” (chết trong tội lỗi) nhưng khi bắt được cá trong tay, cá liền được sống lại trong Đấng Christ!

Đến đây, chúng ta có thể hiểu vì sao có nhiều môn đệ Chúa làm nghề chài lưới. Người đánh cá biết cách làm việc có hiệu quả. Họ đi ra “chỗ nước sâu” bằng sự dạn dĩ và niềm tin quyết. Có đủ lòng kiên trì và nhẫn nại, họ sẽ không bỏ cuộc. Họ biết cách hỗ trợ nhau cũng như rất thành thạo trong cách sử dụng lưới và điều khiển thuyền chài. Đây là tấm gương cho mỗi chúng ta noi theo khi chúng ta muốn “lưới cá” cho Chúa Giê-xu!

Chúng ta thật sự là những “tay đánh lưới người” và có rất nhiều “cá” ở quanh ta. Nếu vâng theo sự hướng dẫn của Chúa, chúng ta sẽ lưới được cá!

2. Chúng ta là những người chần bầy - Hãy yêu mến Chúa (Gi 21:9-19)

Chúa Giê-xu nhóm các môn đệ trên bờ biển nơi Ngài đã chuẩn bị bữa ăn sáng cho họ. Quang cảnh này có lẽ khơi dậy trong Phi-e-rơ ký ức về những sự kiện đã qua, khuấy động

tâm khảm ông. Hẳn ông nhớ lại mẻ cá đầu tiên (Lu 5-1-11) cũng như việc Chúa nuôi 5.000 người bằng 5 cái bánh và 2 con cá (Gi 6:1-71). Trước đó không lâu, ông đã bày tỏ chứng cứ rõ ràng về đức tin mình nơi Chúa Giê-xu (6:66-71). “Than lửa” có lẽ đã khiến ông nhớ đến “đồng lửa” nơi ông đã chối Chúa (18:18). Chúng ta cũng cần phải nhớ đến quá khứ, hầu có cơ sở để xưng tội.

Có ba lời mời gọi nổi bật trong Phúc Âm Giảng, đó là “Hãy đến xem” (1:34) “Hãy đến cùng ta mà uống” (7:37) và “Hãy lại mà ăn” (21:12). Chúa thật nhân từ biết bao khi cho Phi-e-rơ ăn trước khi Ngài đáp ứng những nhu cầu thuộc linh của ông. Ngài để Phi-e-rơ có cơ hội lau mình, sưởi ấm, thoả mãn cơn đói và thông công vui vẻ với bạn hữu. Đây là gương có ích cho mỗi chúng ta trong lãnh vực chăm sóc con cái Đức Chúa Trời. Dĩ nhiên những điều thuộc linh quan trọng hơn những điều thuộc thể, nhưng việc chăm sóc thuộc thể chuẩn bị cho công tác thuộc linh. Chúa chúng ta không phải là Đấng chỉ thiên về “linh hồn” đến nỗi lơ là với thân thể!

Chúa và Phi-e-rơ đã gặp mặt trước đó nên chắc hẳn Chúa đã giải quyết về tội lỗi của Phi-e-rơ (Lu 24:34 ICo 15:5), nhưng vì Phi-e-rơ đã chối Chúa trước mặt mọi người nên cần phải có sự phục hồi trước mọi người. Tội lỗi phải được giải quyết theo phạm vi nó đã bày tỏ. Tội lỗi kín nhiệm phải được xưng ra nơi kín nhiệm, tội lỗi công khai phải được xưng ta nơi đông người. Vì Phi-e-rơ đã chối Chúa 3 lần, nên Chúa cũng hỏi ông 3 lần. Ngài khích lệ ông bằng cách 3 lần giao cho ông một nhiệm vụ hầu phục hồi địa vị ông để hầu việc Ngài.

Nội dung chính ở đây nói về tình yêu của Phi-e-rơ đối với Chúa Giê-xu và tình yêu ấy cũng cần phải là vấn đề đáng quan tâm cho chúng ta hôm nay. Chúa muốn nói gì khi Ngài phán “...hơn những kẻ này chẳng?” Có phải Ngài muốn hỏi “Người có yêu ta hơn yêu những kẻ này chẳng?” Không phải vậy, bởi vì điều này chưa hề xảy ra trong vòng các môn đệ. Họ đều yêu Chúa trên hết dù rằng không phải lúc nào họ cũng vâng lời Ngài hoàn toàn. Có lẽ Chúa Giê-xu muốn nói rằng: “Người có yêu ta hơn yêu những thuyền chài, lưới và cá không?” Cũng không phải như vậy, vì không có bằng chứng nào cho thấy Phi-e-rơ mong muốn trở lại với nghề đánh cá. Đánh cá không phải là việc mâu thuẫn với tình yêu của Đấng Christ.

Câu hỏi của Chúa có thể hiểu: “Người có yêu ta như người đã từng tuyên bố rằng hơn những môn đệ khác yêu ta?” Phi-e-rơ đã khoe khoang về tình yêu ông dành cho Chúa, thậm chí còn so sánh với tình yêu của kẻ khác đối cùng Chúa. “Tôi liêu sự sống tôi vì Chúa!” (Gi 13:37). “Dầu mọi người vấp phạm vì có Thầy, nhưng tôi chắc không bao giờ vấp phạm vậy” (Mat 26:33). Trong lời nói khoe khoang này còn hàm chứa một ngụ ý cho rằng Phi-e-rơ tin chắc ông yêu Chúa hơn các môn đệ khác đối với Ngài.

Trong cuộc đối thoại này, có hai từ “yêu” khác nhau được sử dụng. Trong câu hỏi của Chúa ở Gi 21:15-16 Ngài dùng từ “agape” theo tiếng Hy Lạp nghĩa là “tình yêu cao quý nhất tình yêu hy sinh, tình yêu thiên thượng. Phi-e-rơ lại luôn dùng từ “phileo” đó là tình yêu của bạn hữu dành cho nhau, tình yêu mến đối với một người khác. Trong câu (Gi 21:17, Chúa Giê-xu và Phi-e-rơ đều sử dụng từ “phileo”.

Tuy nhiên, chúng ta không nên đi sâu và tập trung vào vấn đề từ ngữ này vì hai từ trên thường được sử dụng thay thế nhau trong Phúc Âm Giảng. Trong Gi 3:16 tình yêu Đức Chúa Trời dành cho loài người là tình yêu “agape” nhưng Gi 16:27 lại là tình yêu “phileo”. Tình yêu

của Đức Chúa Trời dành cho Con Ngài trong Gi 3:35 là tình yêu “agape”, nhưng Gi 5:20 là tình yêu “phileo”. Cơ Đốc nhân có trách nhiệm yêu mến lẫn nhau. Trong Gi 13:34 đây là tình yêu “agape” nhưng 15:19 lại là tình yêu “phileo”. Dường như Giăng sử dụng hai từ này như những từ đồng nghĩa, mặc dù có sự phân biệt giữa chúng.

Trước khi xét đoán Phi-e-rơ, chúng ta cần xem xét hai vấn đề khác. Khi trả lời hai câu hỏi đầu, Phi-e-rơ khẳng định tình yêu “agape” của ông và đáp: “Lạy Chúa, phải”. Trường hợp Phi-e-rơ dùng từ “phileo” cũng không phủ nhận được tấm lòng của ông khi đồng tình với tình yêu “agape” mà Chúa sử dụng. Vấn đề thứ hai, Phi-e-rơ và Chúa Giê-xu dĩ nhiên đều nói chuyện bằng ngôn ngữ Aramaic mặc dù Đức Thánh Linh cho ghi chép lại bằng tiếng Hy Lạp.

Dù trải bao lỗi lầm và thất bại, Phi-e-rơ vẫn thật sự yêu mến Chúa và ông không hổ thẹn thừa nhận điều này. Những môn đệ khác lắng nghe Phi-e-rơ và hẳn rút ra bài học cho chính họ, vì họ cũng từng làm buồn lòng Chúa sau những lời khoe khoang về sự tận tụy của mình. Phi-e-rơ xưng nhận tội lỗi và được tha thứ. Giờ đây, ông được phục hồi để làm sứ đồ của Chúa và lãnh đạo Hội Thánh Chúa.

Hình ảnh trên đã chuyển đổi từ người đánh cá sang hình ảnh kẻ chăn chiên. Phi-e-rơ phải làm nhiệm vụ của người rao giảng Phúc Âm (lưới cá) và của một mục sư (người chăn bầy chiên). Thật đáng tiếc nếu chúng ta tách rời hai nhiệm vụ này vì hai trọng trách ấy luôn đi đôi với nhau. Mục sư phải rao giảng Phúc Âm (IITi 4:5) và chăm sóc những người mình dắt về Chúa để họ trưởng thành trong Ngài.

Chúa Giê-xu đưa ra ba lời khuyên cho Phi-e-rơ “Hãy chăn những chiên con ta”, “Hãy chăn chiên ta”, “Hãy chăn chiên ta” Cả chiên con và chiên đã trưởng thành đều cần được chăm sóc và hướng dẫn. Đó là nhiệm vụ của người chăn chiên thuộc linh. Làm người chăn bầy chiên của Đức Chúa Trời thật là trách nhiệm lớn lao biết bao (IPhi 5:2). Kẻ thù lúc nào cũng muốn huỷ diệt bầy chiên nên người chăn phải tỉnh thức và mạnh mẽ (Cong 20:28-35). Bầy chiên vốn khờ dại và không có khả năng tự bảo vệ, nên chúng cần được sự che chở hướng dẫn của người chăn bầy.

Đức Thánh Linh luôn chuẩn bị cho người hầu việc để làm người chăn bầy và giao Hội Thánh cho họ (Eph 4:11). Mỗi Cơ Đốc nhân cũng có trách nhiệm chăm sóc bầy chiên. Chúng ta đều có sự ban cho của Chúa nên phải sử dụng điều Ngài ban để chăm sóc và gây dựng bầy chiên. Chiên có khuynh hướng đi vẩn vơ nên chúng ta phải chăm sóc lẫn nhau và khích lệ nhau tăng trưởng.

Chúa Giê-xu Christ là Đấng chăn chiên hiền lành (Gi 10:11). Đấng chăn chiên lớn (He 13:20-21). Mục sư là người chăn bầy ở “cấp dưới” nên phải vâng lời Chúa khi nhận nhiệm vụ đối với bầy chiên được giao. Yêu mến Chúa Giê-xu Christ là điều quan trọng nhất mà mục sư cần thể hiện. Nếu một mục sư thật sự yêu mến Chúa Giê-xu, người ấy cũng sẽ yêu bầy chiên của Ngài và chăm sóc chiên chu đáo. (Tiếng Hy Lạp chỉ về “chiên” ở Gi 21:17 mang ý nghĩa như “chiên yêu dấu”. Chúa rất yêu bầy chiên Ngài nên Ngài cũng muốn những người hầu việc Ngài yêu thương chiên hết lòng (Exe 34:1-31 nói về lời quở trách của Đức Chúa Trời đối với những kẻ chăn bầy bất nghĩa, là những kẻ làm đầu Y-sơ-ra-ên). Mục sư yêu thương bầy chiên sẽ chăm sóc bầy một cách trung tín dù phải trả bất cứ giá nào.

3. Chúng ta là môn đệ Chúa - Hãy theo Ngài (Gi 21:20-25)

Chúa Giê-xu đã phán về cuộc đời và chức vụ của Phi-e-rơ. Giờ đây, Ngài nói về sự chết của Phi-e-rơ. Có lẽ đây là một cú sốc đối với Phi-e-rơ khi Chúa nói đến sự chết của ông bằng thái độ công khai ấy. Dĩ nhiên Phi-e-rơ rất vui mừng vì đã được phục hồi địa vị làm sứ đồ trong mối liên hệ với Chúa. Nhưng vì sao Chúa lại nêu ra việc tử đạo?

Lần đầu tiên khi Chúa phán về sự chết của Ngài, Phi-e-rơ đã can Ngài (Mat 16:21-22), thậm chí trong cơn nóng giận đã dùng gươm để bảo vệ Chúa nơi vườn Ghết-sê-ma-nê. Phi-e-rơ còn khoe khoang rằng ông sẽ sẵn sàng chết vì Chúa Giê-xu! Nhưng khi đối diện với áp lực, ông đã thất bại một cách thảm hại (có lẽ bạn và tôi đã làm điều tệ hại hơn!). Bất cứ ai dẫn thân hầu việc Chúa phải thật lòng đối diện với vấn đề về sự chết. Khi tôi viết những lời này, nhân dân Hoa-kỳ đang than khóc cho cái chết thảm thương của 7 phi hành gia vũ trụ trong vụ nổ của chiếc Challenger. Những người làm phi hành gia đều biết rằng họ có nguy cơ đối diện với cái chết.

Khi một người đã thông hiểu vấn đề về sự chết, người ấy sẽ sẵn sàng sống và hầu việc! Sự chết của Chúa là chủ đề tái hiện trong Phúc Âm Giảng: Ngài biết “giờ” Ngài sẽ đến, nên Ngài sẵn sàng vâng theo ý muốn Cha. Là môn đệ Chúa, chúng ta phải dâng mình làm “của lễ sống và thánh” như Ngài đã phó mình vì chúng ta (Ro 12:1-2) và hãy sẵn sàng để “bị đổ ra làm lễ quán” (II Ti 4:6-8) nếu đó là ý muốn Đức Chúa Trời.

Vào buổi sớm mai ấy, Phi-e-rơ đã mặc áo và vội vàng vào bờ để gặp Chúa (Gi 21:7). Sẽ có một ngày ông bị bắt và bị giết (Gi 1:13,14). Có lời kể lại rằng Phi-e-rơ thật đã bị đóng đinh trên thập tự giá, nhưng ông xin được đóng đinh ở tư thế đầu chúi xuống đất vì thấy mình không xứng đáng chết như Chúa.

Tuy vậy, sự chết của Phi-e-rơ không phải là một bi kịch vì điều đó làm sáng danh Đức Chúa Trời! Sự chết của La-xa-rơ cũng làm vinh hiển danh Đức Chúa Trời (11:4,40) và sự chết của Chúa Giê-xu cũng vậy (12:23). Phao-lô luôn quan tâm đến việc làm vinh hiển danh Đức Chúa Trời, dù khi sống hay lúc chết (Phi 1:20-21). Chúng ta cần có lòng khao khát như Phao-lô.

Lời Chúa phán “Hãy theo ta” có lẽ đã khiến lòng Phi-e-rơ đầy vui mừng và bình an mới. Nói cách nôm na Ngài muốn nói rằng “Hãy cứ tiếp tục theo ta.” Đó là lúc Phi-e-rơ bắt đầu đi theo Chúa như ông đã từng làm vậy trước khi chối Ngài. Có ít nhất hai lần Phi-e-rơ đã phạm một sai lầm khi không chăm xem Chúa Giê-xu. Sau lần đánh cá thứ nhất, ông không nhìn xem Chúa nhưng chỉ nghĩ đến cái tôi “Lạy Chúa, xin ra khỏi tôi, vì tôi là người có tội” (Lu 5:8). Khi bước đi với Chúa giữa biển động, Phi-e-rơ không nhìn xem Chúa mà chỉ chăm vào cơn gió mạnh cùng những lượn sóng lớn để rồi bị lún xuống nước (Mat 14:30). Thật tai hại biết bao khi con người chỉ nhìn vào hoàn cảnh bên ngoài thay vì nhìn xem Chúa!

Vì sao Phi-e-rơ rời mắt khỏi Chúa và nhìn lại? Ông đã nghe tiếng ai đó bước phía sau mình. Ấy là sứ đồ Giảng, người cũng đi theo Chúa Giê-xu. Phi-e-rơ đã làm một điều dại dột khi hỏi rằng: “còn người này, về sau sẽ ra thế nào?” Nói cách khác “Lạy Chúa, Ngài đã cho con biết điều sẽ xảy đến cho con, vậy điều gì sẽ xảy đến cho Giảng?”

Chúa quả trách Phi-e-rơ và nhắc ông nhớ rằng nhiệm vụ của ông là phải đi theo Ngài, không cần can thiệp vào đời sống những sứ đồ khác. Bạn hãy giữ mình để không mắc vào tình trạng rời mắt khỏi Chúa và bắt đầu chú ý đến những tín hữu khác “Nhìn xem Đức Chúa Giê-xu” chính là mục đích hành động của mỗi Cơ Đốc nhân (He 12:1-2). Chú ý quá mức đến bản thân, hoàn cảnh hoặc người khác sẽ khiến chúng ta khó vâng lời Chúa, dễ dàng xa rời ý

muốn Ngài. Bạn hãy hướng đôi mắt đức tin nơi Ngài và chỉ một mình Ngài mà thôi. Điều này không có nghĩa như chúng ta “lạnh lùng” với kẻ khác, vì trách nhiệm chúng ta là phải chăm sóc lẫn nhau (Phi 2:1-5). Chúng ta đừng để tính tò mò về người khác khiến mình xa rời Chúa. Đức Chúa Trời có chương trình cho mỗi chúng ta, Ngài cũng có chương trình cho bạn hữu và những người đồng công với ta nữa. Ngài có cách hành động trong đời sống họ, còn chúng ta chỉ nên bước đi theo sự hướng dẫn của Ngài (Ro 14:1-13).

Tôi nhớ trước đây có lần tôi bị rơi vào tình trạng khủng hoảng, bối rối khi thấy những người hầu việc (Chúa) khác đều được ơn phước dư dật của Chúa, còn tôi như kẻ gặt một vụ mùa thất thu! Tôi xưng ra trước Chúa lòng đổ kỵ ấy và cầu xin Ngài ban cho tôi những phước hạnh giống họ. Nhưng Chúa dịu dàng trách tôi: “Điều đó có quan hệ gì với con? Hãy theo ta”. Đó là sứ điệp cần thiết cho tôi, và kể từ đó tôi luôn lưu tâm đến lời khuyên của Ngài.

Chúa Giê-xu không phán rằng Giăng sẽ sống cho tới lúc Ngài tái lâm, nhưng đó chỉ là suy nghĩ sai lầm của các môn đệ. Có nhiều nan đề phát sinh không từ phía tội nhân hư mất, nhưng từ phía những môn đệ không thông suốt vấn đề. Việc cắt nghĩa sai lời Đức Chúa Trời sẽ gây ra sự hiểu lầm về con cái Đức Chúa Trời và chương trình Ngài dành cho họ.

Lời Chúa phán về Giăng có vẻ hơi khó hiểu. Ngài không nói rằng Giăng sẽ sống cho đến lúc Ngài tái lâm, cũng không khẳng định ông sẽ chết trước thời điểm ấy. Thật ra, Giăng là người sống lâu nhất trong vòng các sứ đồ. Ông đã chứng kiến sự tái lâm của Chúa khi xem những khải tượng được chép ở sách Khải huyền.

Ở cuối sách Phúc Âm Giăng xác quyết một lần nữa lời chứng của ông (“lời chứng” này là chủ đề trọng tâm của Phúc Âm Giăng). Giăng làm chứng về những sự kiện này và ghi lại cho chúng ta biết qua sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh. Ông cũng có thể viết nhiều hơn nữa, nhưng ông chỉ ghi lại những điều Đức Thánh Linh chỉ bảo.

Phúc Âm Giăng kết thúc ở chi tiết Phi-e-rơ và Giăng đi theo Chúa Giê-xu để được Ngài hướng dẫn trong sách Công vụ. Thật kỳ diệu thay khi họ nhận quyền năng của Đức Thánh Linh và làm chứng về Chúa Giê-xu! Nếu họ không tin nhận Ngài để được biến đổi và hầu việc Ngài, có lẽ họ vẫn là những người dân chài kiếm sống trên biển Ga-li-lê và như vậy thế giới chẳng bao giờ biết đến họ!

Chúa Giê-xu vẫn đang biến đổi biết bao cuộc đời hôm nay. Bất cứ nơi đâu có người sẵn sàng đầu phục ý muốn Ngài, lắng nghe lời Ngài và noi theo dấu chân Ngài, Ngài sẽ biến đổi người ấy cũng như thực hiện những điều kỳ diệu qua đời sống người ấy.

Giăng và Phi-e-rơ đã không còn hiện diện trên đời từ bao thế kỷ qua. Nhưng bạn và tôi vẫn đang sống hôm nay để thay thế nhiệm vụ của Chúa Giê-xu và các môn đệ khi xưa. Đây quả là một trách nhiệm, cũng là một đặc ân cho chúng ta!

Chúng ta chỉ có thể sống kết quả khi bằng lòng để Chúa biến đổi mình. HÃY ĐỔI MỚI!

